

Ronald Rolheiser

# **Khát Khao Nền Thánh**

## **Đi tìm một Linh đạo Kitô**



***Khát Khao Nền Thánh: Đi tìm một Linh đạo Kitô***

Dịch từ: The Holy Longing: The Search for a Christian Spirituality

Tác giả: Ronald Rolheiser

Nhà xuất bản: Double Day

Người dịch: Nguyễn Kim Long

*Kính tặng cha Henri Nouwen, 1932-1996, thế hệ triết gia Kierkegaard của chúng tôi. Qua chia sẻ các đấu tranh của cha, cha đã cố vấn cho tất cả chúng tôi, giúp đỡ chúng tôi cầu nguyện dù chúng tôi không biết cách cầu nguyện, bình tâm khi cảm thấy còn dao động, bình an dù trong cơn bão tố, cảm thấy an tâm dù vẫn còn lo âu, được bao phủ bởi một làn mây sáng dù trời còn đen tối và biết yêu dù còn nghi ngờ.*

## MỤC LỤC

---

<b>Lời nói đầu</b> .....	4
<b>Phần 1 Hoàn Cảnh</b> .....	8
1. Đời sống thiêng liêng là gì? .....	9
2. Cuộc chiến đấu hiện nay với linh đạo Kitô giáo .....	23
<b>Phần 2 Nguyên tắc thiết yếu của Linh đạo Kitô giáo</b> .....	42
3. Những yếu tính không nhân nhượng .....	43
<b>Phần 3 Nhập Thể Là Nền Tảng Cho Linh Đạo Kitô Giáo</b> .....	65
4. Đức Kitô Là Nền Tảng Cho Linh Đạo Kitô Giáo .....	66
5. Kết quả của Nhập Thể trong đời sống thiêng liêng .....	74
<b>Phần 4 Một vài Linh đạo chính yếu trong đời sống thiêng liêng</b> .....	95
6. Linh đạo về tính Hội Thánh .....	97
7. Linh đạo và Mầu nhiệm Phục Sinh .....	123
8. Linh đạo của Công lý và Kiến tạo hòa bình .....	145
9. Linh Đạo Tính Dục .....	167
10. Trụ vững chính mình trong Đời sống Thiêng liêng .....	185
<b>Chú thích</b> .....	209

## LỜI NÓI ĐẦU

---

Nếu bạn đang đấu tranh để có một đời sống thiêng liêng thì đây là quyển sách dành cho bạn.

Teilhard de Chardin, người vừa là nhà khoa học vừa là nhà thần bí, đã từng đặt ra chất vấn, tại sao có quá nhiều người chân tín, tốt lành nhưng họ lại không tin vào Thiên Chúa. Câu trả lời của ông đầy thông cảm chứ không phê phán. Ông cảm nhận, chắc họ đã nghe được Thiên Chúa theo một cách đúng đắn. Đối với những người đang đấu tranh về đức tin vì bất cứ lý do nào, các tác phẩm tôn giáo của ông nỗ lực làm cho niềm tin vào Chúa trở nên dễ đón nhận hơn.

Quyển sách này, theo cách khiêm tốn nhất của nó, cố gắng làm điều gì đó tương tự, cụ thể, là quyển sách hướng dẫn đường hướng cho những người đã không thấy được linh đạo Kitô theo cách dễ đón nhận.

Ngày nay, nhiều người tốt lành, chân tín đang vật lộn với đức tin và giáo hội của mình. Có rất nhiều điều đã góp phần tạo nên tình thế này: chủ nghĩa đa nguyên của một thời đại dư thừa mọi thứ ngoại trừ sự minh bạch; chủ nghĩa cá nhân của một nền văn hóa làm cho đời sống gia đình và cộng đồng thành khó khăn ở mọi tầm mức; cảm tính phản giáo hội trong giới bình dân cũng như trí thức, đối kháng chưa từng có giữa những người nhìn tôn giáo trong giới hạn của lời cầu nguyện riêng và lòng mộ đạo với những người nhìn vào với thái độ chất vấn cho công lý; và một tâm trạng nản lòng gần như hợp lý trong chính bản thân các giáo hội Kitô. Đây không phải là một thời đại dễ dàng để làm một Kitô hữu, đặc biệt nếu bạn muốn truyền lại đức tin cho con cái mình.

Hy vọng rằng giữa đám mây mờ mịt của tất cả những vấn đề trên, quyển sách này sẽ mang lại cho đức tin một chút gì rõ ràng hơn, dễ đón nhận hơn, và làm cho đức tin trở nên hữu ích với chúng ta hơn nhiều. Nó cũng hy vọng phần nào lòng thương xót và sự an ủi của Thiên Chúa sẽ thấm vào lòng và chạm đến tâm hồn bạn trong thời đại phức tạp này, khi bạn đấu tranh với đức tin và giáo hội.

Một lời nữa để nói về ngôn từ và phong cách của quyển sách này: Tôi đã cố gắng dùng ngôn từ đơn giản nhất có thể. Thứ nhất là do ngài bút thiêng liêng có ảnh hưởng nhiều nhất thời đại chúng ta, cha Henri Nouwen, cha đã từng viết đi viết lại các quyển sách của cha để chúng được đơn giản hơn. Và theo tôi, đó là cách làm lý tưởng. Chúa Giêsu đã nói theo ngôn ngữ bình dân để mọi người trong bàn ăn cùng hiểu, chứ không phải ở trong các lớp học chuyên sâu mới hiểu. Thứ hai, tôi thuộc về

dòng Anh Em Hiến Sĩ Đức Mẹ Vô Nhiễm với tôn chỉ phục vụ người nghèo. Người nghèo muôn mặt và muôn kiểu khác nhau. Phục vụ người nghèo cũng có nghĩa là cố gắng làm cho Lời Chúa và sự an ủi của Thiên Chúa trở nên hiện thực trong ngôn ngữ mà mọi người có thể hiểu được chứ không phải ngôn ngữ dành cho những người có điều kiện học chuyên sâu. Vì thế, cũng như tôi hiểu và ý thức được tầm quan trọng rõ ràng của ngôn ngữ chuyên môn mà các thần học gia chuyên sâu và chuyên ngành sử dụng, thì với tôn chỉ của nhà dòng, tôi cũng dùng đến ngôn ngữ đơn giản hằng ngày của người nghèo. Hy vọng rằng quyển sách này sẽ được hiểu đúng trong gia đình, giữa phòng khách, nơi làm việc, trong các đối thoại giữa những người bình thường, cũng như cách những người đồng bàn với Chúa Giêsu trao đổi về tôn giáo qua chén rượu, ly bia, và đồ ăn.

Cuối cùng tôi xin cảm ơn: Dòng Anh Em Hiến Sĩ Đức Mẹ Vô Nhiễm đã cho tôi thời gian không vướng bận vào các trách vụ khác để tôi viết quyển sách này. Đặc biệt tôi muốn cảm ơn Zygmunt Musielski OMI và cộng đoàn (giáo sĩ và giáo dân) sống hoặc làm việc tại Indian Trail ở Toronto đã cho tôi một không gian lý tưởng để viết quyển sách này - một gia đình, một mái nhà, một bàn thờ, một chiếc bàn thật tốt, một lò sưởi, hai cánh cửa hứng nắng, và những điều dễ chịu đặc biệt khác, cộng thêm tình bằng hữu đầy tin tưởng. Tôi cảm ơn gia đình của tôi, một gia đình anh chị em, các cháu trai cháu gái, những người vui mừng vì các đức hạnh nho nhỏ của tôi, mỉm cười nhẹ nhàng trước những sai lỗi của tôi, và tạo thoải mái cho tôi trong thời gian tôi phải xa cách họ vì trách vụ.

Tôi xin gửi đến Eric Major, người đã làm việc ở Hodder and Stoughton, London và bây giờ ở Doubleday, New York lời cảm ơn vô cùng vì đã gợi ý tôi viết quyển sách này và xin gửi đến Annabel Robson, người biên tập tài giỏi của tôi lời cảm ơn nồng hậu vì tất cả những việc cô tiếp tục làm cho tôi.

***Ron Rolheiser***

***Toronto, Canada***

***Ngày 1 tháng 6 năm 1998***

## PHẦN I

---

### Hoàn Cảnh

*Nói như người khôn ngoan, còn không thì giữ thinh lặng,  
Vì người đời sẽ chế giễu ngay.  
Tôi ca tụng những gì thật sự sống động,  
những ước nguyện được bùng cháy cho đến chết.*

*Trong dòng nước êm đềm của đêm tối tình yêu,  
nơi bạn đã được sinh ra, nơi bạn đang và sẽ sinh sôi  
một cảm giác kỳ lạ tràn ngập trên bạn  
khi bạn thấy cây nến đang cháy trong cô tịch.*

*Giờ đây, bạn không còn bị kẹt  
trong nỗi ám ảnh bóng tối,  
và một khát khao thương yêu cao hơn  
sẽ cuốn bạn lên cao hơn nữa.*

*Khoảng cách không làm bạn chùn bước,  
giờ đây, khi bước tới trong điều kỳ lạ, khi bay lên cao,  
và cuối cùng, say sưa với ánh sáng,  
bạn là cánh bướm và bạn ra đi.*

*Và cho đến lúc nào bạn chưa nếm được kinh nghiệm này:  
chết để được lớn lên,  
bạn chỉ là vị khách phiền muộn  
trên mặt đất đen tối này.*

Johann Wolfgang Von Goethe, "The Holy Longing" <sup>1</sup>



## 1.

### **Đời sống thiêng liêng là gì?**

*“Chúng ta được bắt vào cuộc đời bằng một sức mạnh điên cuồng đến từ các vị thần, điều này làm chúng ta tin rằng chúng ta có thể có một tình yêu cao cả, duy trì được mãi mãi dòng giống riêng mình và suy tính những điều thần thánh thiêng liêng.”<sup>2</sup>*

### **Khát khao, căn bệnh cơ bản của chúng ta**

Đi trên trần thế này mà tìm được bình an là chuyện không phải dễ. Trong lòng chúng ta, có vẻ như có một cái gì đó xung khắc với nhịp điệu của sự việc, lúc nào cũng lo lắng, bất mãn, hụt hẫng và đau đớn. Ước muốn quá nhiều nên khó mà đơn thuần nghỉ ngơi. Ước muốn luôn luôn mạnh hơn cảm giác hài lòng.

Nói một cách đơn giản hơn, trong lòng chúng ta có một căn bệnh cơ bản, một ngọn lửa không cách nào dập tắt, làm chúng ta không bao giờ có được bình an trọn vẹn trong cuộc sống. Khát khao này ở trọng tâm đời sống, trong xương tủy, trong cõi sâu thẳm tâm hồn. Chúng ta không phải là những con người an lạc chỉ thỉnh thoảng mới bất loạn, bồn chồn, những con người bình thản chỉ đôi lúc mới bị ám ảnh bởi lòng khát khao. Ngược lại thì đúng hơn. Chúng ta là những con người bị thôi thúc, luôn luôn bị ám ảnh, bị bệnh bất an từ bẩm sinh, như thi sĩ Thoreau từng nói, chúng ta sống trong nỗi tuyệt vọng sâu kín, chỉ thỉnh thoảng mới cảm nghiệm được bình an. Lòng khát khao luôn khuấy động như ống hút khuấy nước.

Trọng tâm các nền văn học, thơ ca, nghệ thuật, triết học, tâm lý học, tôn giáo lớn, đều chú trọng đến việc nhận diện và phân tích lòng khát khao này. Vì vậy, nhật ký của Anne Frank, của thánh Têrêxa Hải Đồng Giêsu, của Etty Hillesum ám ảnh chúng ta. Ước muốn tác động ngầm trong chúng ta, khuấy động tâm hồn. Chúng ta thích những câu chuyện nói về ước muốn – chuyện tình, tình dục, phiêu lưu, ám ảnh nhớ nhà, tham vọng vô bờ bến, mất mát đau thương. Rất nhiều các nhà tư tưởng thế tục đương đại đã nhóm lên ngọn lửa này, sức mạnh ám ảnh này và đó là trọng tâm suy tư của họ.

Ví dụ, Sigmund Freud nói về ngọn lửa không trọng điểm cháy ở trọng tâm đời sống chúng ta, thúc đẩy chúng ta đi tìm lạc thú mãi hoài không chùn chân mỗi gỏi, không cách nào thoả mãn được. Đối với Freud, ai ai cũng bị nạp quá nhiều năng

lượng hơn mức cần thiết cho cuộc sống này. Carl Jung thì nói đến những năng lực sâu thẳm, không thể thay đổi, mang tính cách truyền thừa, năng lực này cấu trúc tâm hồn chúng ta, bắt buộc chúng ta chú ý đến nó một cách tuyệt đối. Jung cảnh báo, năng lượng không thân thiện với chúng ta. Khi nào chúng ta quá bất an, xáo trộn đến mức không ngủ được, chúng ta sẽ hiểu được phần nào điều ông nói. Doris Lessing nói về một loại điện thế nào đó trong cơ thể, một ngàn von năng lượng dành cho tình yêu, tình dục, hận thù, nghệ thuật, chính trị. Còn James Hillman thì nói về ngọn lửa màu xanh trong con người chúng ta, về việc bị ám ảnh bởi ma quỷ từ bên ngoài, không phải do bản chất hay do giáo dục, nhưng do ma quỷ, những linh hồn không siêu thoát và đầy đòi hỏi ở bên ngoài, đó mới thực sự là các yếu tố quyết định đối với hành xử của chúng ta. Cả đàn ông lẫn đàn bà đều hay nói đến một loại năng lượng hoang dã nào đó mà chúng ta cần tiếp cận để hiểu đầy đủ hơn. Phái nữ thì nói về tầm quan trọng làm sao đồng hành với chó sói, phái nam thì nói về cuộc hành trình của những người đàn ông hoang dã và lửa sôi sùng sục trong dạ. Các guru của phong trào Thời Đại Mới thì vạch ra quỹ đạo chuyển động của các hành tinh và bảo chúng ta thuận theo những hành tinh phù hợp với mình, nếu không chúng ta sẽ không được bình an.

Dù diễn đạt thế nào đi nữa, rốt cuộc, ai cũng nói về một chuyện - ngọn lửa không thể nào dập tắt, nỗi bất an, niềm khao khát, giày vò, đói khát, cô quạnh, nỗi nhớ cồn cào, một sức hoang dã không chế ngự được, căn bệnh bẩm sinh ở trọng tâm kiếp nhân sinh, sức mạnh tối hậu điều khiển mọi chuyện. Đó là căn bệnh, nỗi bất an phổ quát. Khát khao có mặt ở mọi nơi, không hề có ngoại lệ.

Tuy nhiên khát khao biểu hiện ra thành nhiều tâm trạng và bộ mặt khác nhau. Đôi khi nó chạm mặt chúng ta dưới hình thức nỗi đau - sự bất mãn, hụt hẫng, đau đớn. Lúc khác, sự chi phối của nó không gây cảm giác đau đớn tí nào, mà là nguồn năng lượng sâu xa, như một cái gì đẹp đẽ, một sức mạnh không cưỡng lại được, quan trọng hơn bất cứ cái gì bên trong chúng ta, kéo chúng ta đến với tình yêu, cái đẹp, sáng tạo, và một tương lai vượt khỏi hiện tại hữu hạn của chúng ta. Khát khao có thể biểu hiện như một nỗi đau nhức nhối hay một niềm hy vọng ngọt ngào.

Đời sống thiêng liêng, về tối hậu, là về những gì chúng ta làm để đối xử với lòng khát khao này. Những gì chúng ta làm để đối xử với lòng khát khao, cả những nỗi đau đớn và niềm hy vọng mà chúng mang lại, là đời sống thiêng liêng của chúng ta. Vì vậy, khi triết gia Platon nói rằng chúng ta đang bị đốt cháy vì linh hồn chúng ta đến từ bên trên và cái bên trên này, thông qua khát khao và hy vọng, tạo ra ngọn lửa trong lòng chúng ta, nó cố gắng hướng chúng ta quay lại với nó, ông đã vạch những nét lớn cho một cuộc sống thiêng liêng. Thánh Âu-Tinh cũng nói vậy: “Lạy Chúa! Chúa đã tạo dựng con cho Chúa, lòng con chỉ hết khắc khoải lo âu khi nào con được nghỉ an trong Chúa.”<sup>3</sup> Những gì chúng ta làm đối với nỗi lo âu khắc khoải của

mình, đó là hướng đi tinh thần của chúng ta. Tuy nhiên, tất cả những điều này cần phải được giải thích thêm.

### **Thế nào là đời sống thiêng liêng?**

Hiện nay, ít từ ngữ nào bị hiểu lầm nhiều trong ngôn ngữ tiếng Anh như từ spirituality (linh đạo, đời sống thiêng liêng, tu đức học, trường phái tu đức). Trước hết, đây là một từ tương đối mới trong tiếng Anh, ít nhất là về mặt ngữ nghĩa hiện nay. Từ này trong tiếng Pháp thì không như vậy, vì trong tiếng Pháp, từ spirituality có một lịch sử lâu dài và phong phú hơn. Tuy nhiên, trong tiếng Anh, chỉ trong vòng ba mươi năm qua, từ này đã trở thành một từ phổ biến. Vì vậy, ví dụ có ai đến thư viện tiếng Anh xem các đề mục sách, họ sẽ thấy, trừ vài trường hợp ngoại lệ, từ spirituality chỉ xuất hiện ở những sách mới xuất bản trong vòng ba thập kỷ trở lại đây. Đó cũng là những năm khái niệm linh đạo, đời sống thiêng liêng trở nên phổ biến, cả về mặt đạo và đời. Bây giờ ở các tiệm sách đạo và đời, đều có đầy sách nói về linh hướng, linh đạo, đời sống tinh thần, đời sống thiêng liêng.

Cách đây một thế hệ, ngoại trừ vài trường hợp ngoại lệ rất nổi bật, chuyện này chưa xảy ra. Hồi đó, thế giới thế tục gần như không quan tâm đến lãnh vực này. Điều này cũng đúng đối với hầu hết các Giáo hội. Những gì chúng ta bây giờ gọi là spirituality thì hồi đó cũng đã tồn tại, nhưng có một diện mạo rất khác. Trong các nhà thờ Công giáo, nó tồn tại chủ yếu trong các nhóm cầu nguyện có sức thu hút nhất định, các tư tưởng thần học của giáo phái Hiện Xuống (Pentecost), hoạt động xã hội của giáo phái Tin Lành, và đời sống tận hiến trong Giáo hội Công giáo La Mã. Trong các nhà sách thế tục, rất ít sách nói về hướng đi thiêng liêng, linh đạo, đời sống thiêng liêng ngoài một phần trong Thánh Kinh, và một số sách viết về đời suy nghĩ tích cực. Vì đây được xem như một lãnh vực khác biệt hẳn so với thần học kinh viện khắt khe, nên ở các nhà sách đạo cũng có rất ít sách này, còn ở các nhà sách Công giáo La Mã, thì có sách về tận hiến và một số sách được xếp vào loại thần học khổ tu.<sup>4</sup>

Bây giờ đâu cũng có các sách nói về linh hướng, hướng đi thiêng liêng, linh đạo, đời sống thiêng liêng. Tuy nhiên, dù có sự nở rộ trong lãnh vực này ở phương Tây, đặc biệt trong lãnh vực sách đời, vẫn còn một vài hiểu lầm lớn về khái niệm này, rằng đời sống thiêng liêng là cái gì đó kỳ lạ, huyền bí, không phải cái gì đó từ cuộc sống cơm gạo đời thường. Vì vậy, với nhiều người, phạm trù thiêng liêng, linh hướng gọi lên hình ảnh của cái gì đó huyền bí, mầu nhiệm, thánh thiêng, mộ đạo, đạo đức, thế giới khác, Thời Đại Mới, một cái gì đó phi thường và tùy người chọn

lựa. Rất hiếm khi đời sống thiêng liêng được hiểu như một điều gì đó cốt yếu và không thể đánh đổi được ở cốt lõi đời sống chúng ta.

Đây là một hiểu lầm trầm trọng. Đời sống thiêng liêng không phải là một cái gì phi thường, một lựa chọn của những người có khuynh hướng đặc biệt. Không ai trong chúng ta có chọn lựa nào khác. Ai cũng phải có đời sống tinh thần, và thật sự ai cũng có, hoặc một đời sống cho đi, hoặc một đời sống hủy hoại. Không ai có được cái xa xỉ chọn lựa ở đây, bởi vì tất cả chúng ta đều bị bắt vào đời một sức lực điên cuồng nào đó đến từ các vị thần và chúng ta phải làm cái gì đó với nó. Chúng ta không tỉnh dậy thanh bình, tĩnh lặng nhìn thế giới này, được hưởng xa xỉ lựa chọn làm cái này, không làm cái kia. Chúng ta tỉnh dậy trong tiếng khóc, hừng hực đốt cháy vì ước muốn, vì điên cuồng. Những gì chúng ta làm với cơn điên cuồng này, đó chính là đời sống tinh thần của chúng ta.

Do đó, đời sống tinh thần không phải là chuyện ung dung chọn hay nghĩ kỹ để làm vài sinh hoạt thiêng liêng nào đó như đi nhà thờ, cầu nguyện, suy niệm, đọc sách thiêng liêng, hay khởi sự một cuộc đi tìm thiêng liêng rõ ràng nào đó. Đời sống tinh thần còn căn bản hơn thế rất nhiều. Rất lâu trước khi chúng ta làm bất cứ cái gì có tính tôn giáo rõ ràng, chúng ta phải làm một cái gì đó với ngọn lửa đang hừng hực cháy trong lòng chúng ta. Những gì chúng ta làm với ngọn lửa này, chuyển hóa nó như thế nào, đó là hướng đi thiêng liêng, là đời sống tinh thần của chúng ta. Vì thế, tất cả chúng ta đều có một đời sống tinh thần, một lối sống thiêng liêng dù muốn dù không, dù có đạo hay không. Đời sống thiêng liêng đúng hơn là chuyện mỗi tối mình có thể ngủ được hay không, hơn là chuyện mình có đi nhà thờ hay không. Đó là chuyện đang tụ lại hay đang tán ra, ở trong cộng đồng hay cô quạnh, hài hòa với Đất Mẹ hay xa rời Đất Mẹ. Bất kể chúng ta có để bản thân mình ý thức để theo bất kỳ một tôn giáo nào, chúng ta đều hành động theo những cách khiến chúng ta lành mạnh hay bệnh tật, yêu thương hay cay đắng. Những gì định hình hành động của chúng ta là đời sống tinh thần, là hướng đi thiêng liêng của chúng ta.

Và những gì định hình hành động chúng ta cơ bản là những gì hình thành ham muốn của chúng ta. Ham muốn làm chúng ta hành động, và qua hành động, nó sẽ làm chúng ta tụ nhiều hơn hoặc tán nhiều hơn, từ trong cá tính, tâm trí, thân thể, và nó củng cố hoặc phá hoại mối quan hệ của chúng ta với Thiên Chúa, với tha nhân, và với vũ trụ. Các thói quen và kỷ luật<sup>5</sup> chúng ta dùng để gọt giũa ham muốn tạo nên nền tảng cho đời sống tinh thần, bất kể thói quen và kỷ luật này có một chiều kích tôn giáo rõ ràng hay không, thậm chí bất kể chúng có được biểu hiện ra một cách có ý thức hay không.

Đời sống tinh thần liên quan đến những gì chúng ta làm đối với lòng ham muốn. Nó có gốc rễ ở lửa yêu (eros) trong lòng chúng ta, và là tất thảy những gì về

cách chúng ta rèn giũa và ghép kỹ luật đối với lửa yêu này. Thánh Gioan Thánh Giá, nhà đại thần bí Tây Ban Nha, bắt đầu thiên khảo luận nổi tiếng của ngài về hành trình của linh hồn với những lời sau: “Một đêm tối kia, bị đốt cháy bằng những khát khao cấp bách của tình yêu.”<sup>6</sup> Đối với ngài, đó là khao khát cấp bách, lửa yêu mãnh liệt, đó là điểm khởi đầu của đời sống tinh thần, và trong quan điểm của ngài, đời sống tinh thần, hướng đi thiêng liêng cơ bản được định nghĩa là cách chúng ta đối xử với lửa yêu này.

Như vậy, để đưa ra một ví dụ nổi bật về thế nào là hướng đi thiêng liêng, cách người đó xử lý với lửa yêu, chúng ta so sánh cuộc sống của ba phụ nữ nổi tiếng: Mẹ Têrêxa, ca sĩ Janis Joplin, và công nương Diana.

Bắt đầu với Mẹ Têrêxa. Tôi nghĩ rằng ít có ai trong chúng ta xem Mẹ Têrêxa là một phụ nữ đầy tình ái. Chúng ta nghĩ về Mẹ như một phụ nữ có đời sống thiêng liêng. Vậy mà Mẹ là một phụ nữ tràn đầy tình ái, dù không nhất thiết hiểu từ đó theo nghĩa hẹp mang sắc thái lý luận của Freud. Mẹ là phụ nữ tràn đầy tình ái vì mẹ là nguồn phát năng lượng mãnh liệt. Nhìn mẹ tưởng mẹ yếu đuối, hiền lành, nhưng thử hỏi bất kỳ ai từng chặn bước đường đi của mẹ thì xem họ sẽ thấy đúng hay sai. Mẹ là xe ủi đất, một phụ nữ thôi thúc bởi tình ái tràn đầy. Tuy nhiên, Mẹ là một phụ nữ rất kỷ luật, một lòng một dạ tận tụy với Thiên Chúa và người nghèo. Ai cũng cho Mẹ là thánh. Tại sao vậy?

Một vị thánh là người có thể, nói một cách chính xác là, chuyển hóa lửa yêu mãnh liệt một cách sáng tạo, theo cách dâng hiến cuộc đời mình cho tha nhân. Triết gia Soren Kierkegaard đã có lần định nghĩa thánh là người có khả năng chỉ *quyết chí một chuyện*. Không ai phủ nhận, Mẹ Têrêxa chỉ quyết chí duy nhất một chuyện - Thiên Chúa và người nghèo. Mẹ có năng lượng rất mạnh, một năng lực được ghép vào kỷ luật. Tình yêu cháy bỏng của Mẹ dồn hết cho Thiên Chúa và người nghèo. Tận hiến trọn vẹn cho Chúa và người nghèo - là dấu ấn của mẹ, là hướng đi thiêng liêng, linh đạo, đời sống tinh thần của Mẹ. Điều đó làm nên con người của Mẹ.

Bây giờ chúng ta xem đến trường hợp cô ca sĩ Janis Joplin, ngôi sao nhạc rock chết ở tuổi hai mươi bảy vì uống thuốc quá liều, ít người cho rằng cô là người có hướng đi thiêng liêng. Vậy mà cô có. Có người nghĩ cô là hình ảnh đối ngược với Mẹ Têrêxa, tràn đầy tình ái, không có đời sống tinh thần. Tuy nhiên, Janis Joplin không quá khác Mẹ Têrêxa, ít nhất là về cá tính và khi cô không trang điểm. Cô cũng là một phụ nữ đặc biệt, người có lửa yêu rực cháy, một người yêu tuyệt vời, người với nguồn năng lực hiếm có. Nhưng ngược với Mẹ Têrêxa, cô không quyết chí làm một chuyện duy nhất. Cô ước mong và quyết chí làm nhiều chuyện. Năng lượng dồi dào của cô tràn tứ phía, cuối cùng thành quá độ, mệt mỏi quá sức, cô chết yếu. Nhưng những hoạt động đó - một hiến dâng hết thảy cho sáng tạo, biểu diễn, rượu mạnh,

tình dục, cộng với việc bỏ bê không nghỉ ngơi bình thường - đó là lối sống tinh thần của cô. Đó là dấu ấn của cô. Đó là cách cô hướng lửa yêu của cô. Trường hợp của cô, cũng là trường hợp của các nghệ sĩ có tài năng, kết cục, ít nhất ở trần gian này, không phải là một sự kết tụ lành mạnh mà là tiêu tán. Đến một lúc, đơn giản cô đã đánh mất những thứ mà thông thường gắn kết một con người bằng da bằng thịt lại với nhau, cô bị vỡ tung dưới quá nhiều áp lực.

Nhìn vào đời sống của Joplin, và cuộc sống riêng của mỗi người chúng ta, có một suy ngẫm thú vị về định nghĩa thánh của Kierkegaard, thánh là *người chỉ quyết chí một chuyện*. Hầu hết chúng ta đều khá giống Mẹ Têrêxa ở điểm chúng ta đều quyết chí với Thiên Chúa và với người nghèo. Chúng ta quyết chí vì Thiên Chúa và người nghèo. Vấn đề là ở chỗ là chúng ta còn quyết chí các thứ khác nữa. Vậy là, chúng ta vừa muốn là thánh, vừa muốn trải nghiệm mọi cảm giác của người tội lỗi; vừa muốn ngây thơ trinh khiết, vừa muốn ném tất cả hương vị cuộc sống; vừa muốn phục vụ người nghèo và sống giản dị, vừa muốn có tất cả tiện nghi của người giàu, vừa muốn có chiều sâu nội tâm trong cô tịch, vừa không muốn từ bỏ chuyện gì; vừa muốn cầu nguyện, vừa muốn xem truyền hình, đọc sách báo, nói chuyện với bạn bè, ra ngoài chơi. Vì thế, chẳng ngạc nhiên khi cuộc sống bình thường trở thành một cuộc găng gổ trường kỳ và chúng ta thường mệt mỏi, bị kéo căng quá độ một cách bệnh hoạn.

Có câu châm ngôn triết học thời Trung cổ: Mỗi lựa chọn là một từ bỏ. Đúng vậy. Mỗi lựa chọn là một ngàn từ bỏ. Chọn một chuyện là quay lưng với nhiều chuyện khác. Kết hôn với một người là không kết hôn với tất cả các người khác, có con là bỏ nhiều chuyện khác, cầu nguyện là bỏ xem truyền hình, bỏ đi chơi với bạn bè. Điều này khiến việc lựa chọn thành khó khăn. Chẳng ngạc nhiên gì khi chúng ta phải găng gổ rất nhiều để giữ vững các cam kết. Không phải chúng ta không muốn những điều đó, nhưng chỉ vì chúng ta biết rằng, nếu chọn chúng thì buộc phải bỏ quá nhiều những thứ khác. Không phải dễ dàng mà thành thánh, có kỷ luật như Mẹ Têrêxa, chỉ ước mong và quyết chí một chuyện. Nguy hiểm là ở chỗ rất cục, chúng ta giống tình cảnh Janis Joplin, có tâm tốt, đầy năng lượng, bị thôi thúc để thụ hưởng mọi thứ trên đời, nhưng có nguy cơ sụm và chết vì thiếu nghỉ ngơi.

Janis Joplin có lẽ là một ví dụ hơi quá. Đa số chúng ta không chết ở tuổi 27 vì thiếu nghỉ ngơi. Tôi cho rằng, hầu hết chúng ta có phần nào giống công nương Diana - một nửa của Mẹ Têrêsa, một nửa của Janis Joplin.

Công nương Diana đáng được suy ngẫm ở đây, không phải chỉ vì cái chết của cô làm cho cả thế giới đột nhiên ngưng lại, mà cho tới nay rất ít người nào được như vậy, mà vì điều thú vị là khi quan sát cô, không giống trường hợp Mẹ Têrêxa hay Janis Joplin, người ta thấy ngay cô có hai yếu tố lửa yêu và lối sống thiêng liêng.

Công nương Diana được xem như người có cả hai: đầy tình ái và có đời sống tinh thần. Đó là điều hiếm có, xét theo cách hiểu phổ biến về đời sống thiêng liêng. Thường thường chúng ta thấy người này có khía cạnh này, người khác có khía cạnh kia, nhưng ít thấy ai có cả hai khía cạnh đó. Hơn nữa, cô xứng đáng danh hiệu này vì cô thật sự cho thấy khá rõ cả hai chiều kích này.

Yếu tố tràn đầy tình ái nơi cô là rõ ràng, dù không phải lúc nào cũng theo cách thoát đầu khi nghĩ đến danh từ này. Nhìn bề ngoài thì rất dễ: Cô là phụ nữ được chụp hình nhiều nhất thế giới, được ngưỡng mộ vì ngoại hình, sắm áo quần hàng triệu đô-la và rõ ràng không phải là một nữ tu độc thân. Cô yêu đương, nghỉ hè với các tay chơi trên du thuyền sang trọng ở Địa Trung Hải, ăn uống ở những tiệm ăn đắt nhất ở Luân-đôn, Paris và Nữu Ước, có lối sống khó mà giống lối sống các thánh ngày xưa. Nhưng đó là bề ngoài, không nhất thiết phải là người có lửa yêu mãnh liệt mới làm như vậy. Rất nhiều người làm những chuyện này nhưng họ tầm thường. Quan trọng chính là năng lượng của cô. Ở đây cô là một Mẹ Têrêxa và Janis Joplin, rõ ràng cô có ngọn lửa lớn, có sự điên cuồng mà người Hy Lạp nói tới. Một phần điều này không nắm bắt được, nhưng một phần là cái có thể thấy được trong mỗi cử động, mỗi quyết định, mỗi đường nét trên khuôn mặt cô. Không phải ngẫu nhiên, cũng không đơn thuần vì sắc đẹp hay các việc thiện của cô, mà cô có sức thu hút mạnh mẽ như vậy. Năng lượng của cô còn hơn cả sắc đẹp hay các việc thiện của cô, đó mới làm cho cô ngoại hạng.

Phần đời sống tinh thần của cô cũng rõ ràng, rất lâu trước khi cô là bạn của Mẹ Têrêxa và nghiêm túc làm việc thiện, đời sống thiêng liêng của cô cũng khá rõ ràng. Chính người anh trai của cô đã nói về khía cạnh này khi ca ngợi cô, các việc thiện của cô, đúng vậy, nhưng quan trọng hơn, đó là cái gì khác ở nội tâm cô, là chiều sâu, là khát vọng đạo đức không bao giờ cho phép cô bằng lòng mình là người chu du khắp thế giới, một người có thói quen nép mình, khao khát làm vui lòng người khác, một người sống theo kỷ luật, dù thường là bị bắt buộc, một người mà, nhưng như Kierkegaard nói, ước mong và quyết chí về Chúa và người nghèo, dù không hoàn toàn, dù cô vẫn khát khao những chuyện khác nữa.

Linh hướng là về cách chúng ta hướng đường đi cho lửa yêu. Trong những gắng gỏi của công nương Diana để hướng lửa yêu, chúng ta thấy đôi điều mà đa số chúng ta đều có, một phức tạp khủng khiếp, một đấu tranh đau đớn để lựa chọn và cam kết, một kết hợp đầy tính người giữa tội lỗi và đức hạnh. Đời sống thiêng liêng là những gì chúng ta làm trong tinh thần đó. Vì vậy, với công nương Diana, lối sống thiêng liêng của cô vừa là cam kết cho người nghèo vừa là các kỳ nghỉ hè ở Địa Trung Hải... cùng với tất cả đau khổ và vấn đề ở giữa hai điều đó. Như chúng ta thấy, linh đạo của cô là con đường pha trộn. Cô không đi trọn con đường của Mẹ Têrêxa, cũng không đi trọn con đường của Janis Joplin. Cô chọn một vài chuyện để kết tụ

cho tâm hồn và thể xác nhưng cô cũng chọn những chuyện làm tan rã tâm hồn và thể xác. Và đó là lối sống tinh thần. Đó là về tụ và tán, về việc chọn lựa mà công nương Diana phải làm và sống với những gì mà quyết định đó đưa đến.

Như thế chúng ta có thể định nghĩa đời sống thiêng liêng theo cách này: Đời sống thiêng liêng là những gì chúng ta ứng xử với ngọn lửa trong lòng chúng ta, về cách thức chúng ta hướng đường đi cho nó. Và cách chúng ta hướng nó, các kỷ luật và thói quen chúng ta chọn để sống theo, hoặc sẽ đưa đến kết tụ nhiều hơn, hoặc phân tán hơn trong cơ thể, tâm trí, linh hồn, đưa đến kết tụ nhiều hơn hay phân tán nhiều hơn trong tương quan của chúng ta với Thiên Chúa, với tha nhân, với vũ trụ. Chúng ta thấy điều này thể hiện qua cách sống của Mẹ Têrêxa, một cách khác nơi Janis Joplin, và một cách khác nữa nơi công nương Diana.

Từ tất cả những chuyện này, chúng ta có thể thấy đời sống thiêng liêng là những gì chúng ta làm với tinh thần, với linh hồn chúng ta. Từ tất cả những chuyện này, chúng ta cũng thấy một tinh thần lành mạnh, một linh hồn lành mạnh phải làm công việc kép: thứ nhất, phải cho chúng ta năng lượng và ngọn lửa, để chúng ta không mất sức sống, và tất cả ý nghĩa của cái đẹp và niềm vui sống. Như thế, ngược lại với người có đời sống thiêng liêng không phải là người không tin Chúa và sống như người ngoại đạo. Đối nghịch của đời sống thiêng liêng là lối sống không có năng lượng, mất tất cả niềm say mê cuộc sống, nằm ườn trên ghế, xem đá banh, xem phim hài trên tivi, nốc bia như tiêm dịch truyền! Chức năng khác của đời sống thiêng liêng – việc thứ hai - và một chức năng rất cốt yếu - gắn bản thân mình lại với nhau, là tụ lại, là không tán ra và chết. Theo khía cạnh này, ngược lại với người có đời sống thiêng liêng là người đánh mất bản sắc, đánh mất mình, nghĩa là, người mà vào một thời điểm nào đó không còn biết họ là ai. Một linh hồn lành mạnh giúp chúng ta vừa có năng lượng vừa gắn kết với nhau.

Tuy nhiên, để hiểu điều này sâu sắc hơn, chúng ta cần phải nhìn kỹ linh hồn hơn, vừa ở khía cạnh ngọn lửa, vừa ở khía cạnh chất keo gắn kết bản thân ta lại.

## **Hai chức năng của linh hồn**

Linh hồn là gì?<sup>7</sup> Thật thú vị khi ghi lại cảm nhận đến ngay lập tức trong đầu khi nghe hai chữ tâm hồn. Đối với nhiều người, tôi ngờ rằng, nếu từ này có gọi lên chút gì đó, thì đó là một hình ảnh, một hình ảnh rất mơ hồ, mờ ảo, của một tấm giấy mỏng thiêng liêng nào đó màu trắng, gần như không nhìn thấy, được trôi nổi đâu đó sâu trong chúng ta, bị nhuộm bẩn khi chúng ta phạm tội, và sẽ rời thân xác chúng ta khi ta chết, và bay đi để chịu sự phán xét của Chúa. Dù hình ảnh này không phù hợp



đến mức nào, thì nó không phải là không có giá trị. Rốt cuộc chúng ta đang cố gắng hình dung về một điều không thể hình dung được, và chúng ta cần hình thành một hình ảnh nhất định về nó.

Tuy vậy, điều sai lầm trong quan niệm này là nó tách bạch linh hồn quá mức khỏi cái cốt lõi của bản thân con người chúng ta, khỏi bản sắc ý thức của chúng ta. Linh hồn chúng ta không phải là cái mà chúng ta có, mà đúng hơn, đó chính là chúng ta. Đó chính là mạch sống, xung năng trong chúng ta, chính nó làm chúng ta còn sống. Chính vì vậy, khi chúng ta nói ai ở phút lâm chung là nói lúc hồn lìa khỏi xác. Điều này hoàn toàn chính xác. Linh hồn là nguyên tắc sống trong một cơ thể con người, vì quả thật, đó là xung động sống trong bất cứ sinh thể nào. Như vậy linh hồn có hai chức năng:

Trước hết, nó là nguyên tắc năng lượng. Sự sống là năng lượng. Chỉ có duy nhất một thể xác không hề có bất kỳ năng lượng hoặc căng thẳng nào bên trong, đó là xác chết. Linh hồn là cái đem lại sự sống. Bên trong nó là ngọn lửa, là lửa yêu, là năng lượng điều khiển chúng ta. Vì thế, lúc nào chúng ta còn sống thì lúc đó linh hồn còn ở trong thể xác chúng ta, và chúng ta chết ngay giây phút linh hồn rời khỏi thể xác.

Điều thú vị là đôi khi chúng ta dùng từ linh hồn và nghĩ rằng chúng ta đang nói một cách ẩn dụ, nhưng thật ra chúng ta đang sử dụng từ đó một cách chính xác đến lạ lùng. Chẳng hạn khi chúng ta nói “nhạc có hồn” (soul music). Cái gì làm cho âm nhạc có hồn? Sẽ hiểu rõ điều này nếu nhìn vào cái ngược lại. Cứ tưởng tượng loại nhạc bạn nghe mãi ở phi trường, siêu thị, trong thang máy. Nó đơn giản chỉ là loại nhạc máy móc lắp cho đầy, không có tâm hồn. Nó chẳng tác động gì đến bạn. Nó không làm cho tế bào của bạn rung cảm. Một số loại nhạc khác làm cho bạn rung cảm, vì thế chúng ta gọi nó là nhạc có hồn. Nó đầy năng lượng, đầy lửa yêu, và tất cả những gì lửa yêu mang đến - ước muốn, khắc khoải bồn chồn, hoài niệm, thèm muốn, khao khát và hy vọng. Lửa yêu là linh hồn và linh hồn cho năng lượng.

Nhưng linh hồn không chỉ đơn thuần cho năng lượng. Nó cũng là chất kết dính gắn bản thân ta lại, là nguyên tắc kết tụ và tính cá biệt của chúng ta. Linh hồn không chỉ làm chúng ta sống, nó còn làm chúng ta là một thể hợp nhất. Điều này dễ thấy ở cấp độ thực thể. Về mặt sinh học, thể xác chúng ta chỉ là tổng hợp của các hóa chất. Tuy nhiên, chừng nào chúng ta còn sống, còn có một linh hồn bên trong, thì tất cả hóa chất này cùng kết hợp với nhau, tạo ra một sinh thể hợp nhất, một thể xác, trong đó tất cả các chất hóa học đơn lẻ và tất cả tiến trình mà các hóa chất này tạo ra kết hợp với nhau để tạo ra một cơ thể sống hợp nhất, một thể hợp nhất vốn dĩ cao hơn một phép phối hợp đơn thuần tất cả các bộ phận của nó. Chúng ta gọi đây là một cơ thể, và mỗi cơ thể phụ thuộc vào một linh hồn mới tồn tại được. Vì vậy,

khi thấy một người nào đó chết, chúng ta thấy chính xác là từ giây phút họ chết trở đi, chúng ta không còn một cơ thể nữa. Đúng ra, chúng ta thậm chí còn không gọi đó là cơ thể nữa, mà gọi là xác chết. Ngay giây phút chết, tất cả các hóa chất bắt đầu đi theo con đường riêng của chúng. Cái chết và sự mục rữa chính là đây. Các hóa chất trước đây cùng kết hợp để tạo ra một thể hợp nhất, và thật sự chúng là một thể hợp nhất, thì từ nay mỗi thứ đi mỗi đường. Một thời gian sau khi chết, chúng vẫn còn giữ hình dạng của một cơ thể, nhưng chỉ vì chúng còn dính với nhau. Nhưng điều đó cũng sớm thay đổi. Một khi linh hồn đã lìa khỏi xác, cơ thể không còn là cơ thể nữa. Các hóa chất, mỗi thứ đi mỗi nẻo, không làm nên sự sống nữa.

Cái gì đúng về mặt sinh hóa thì cũng đúng về mặt tâm lý. Ở đây cũng vậy, linh hồn là nguyên tắc hợp nhất. Trong tâm trí chúng ta, linh hồn cũng là cái gắn kết bản thân ta lại. Do đó, khi chúng ta dùng cụm từ “đánh mất linh hồn,” không hẳn chúng ta nói đến án phạt đời đời. Theo cách nói lóng ngày nay, đánh mất linh hồn nghĩa là rã ra. Đánh mất linh hồn một người là làm cho nó tan rã. Vì thế khi tôi cảm thấy thế giới nội tâm của tôi sụp đổ hoàn toàn, khi tôi không còn biết tôi là ai, khi tôi phóng ra theo mọi hướng nhưng cùng lúc lại không biết mình đang đi đâu, đó là lúc tôi đánh mất linh hồn. Điều đó, cũng như câu hỏi về sự sống đời đời, là khi Chúa Giêsu hỏi: “Được cả thế gian thì ích gì khi đánh mất linh hồn của chính mình”?

Vì vậy, một linh hồn lành mạnh phải làm hai chuyện cho chúng ta. Trước tiên, nó phải châm chút lửa trong mạch máu, giữ cho chúng ta đầy tràn sinh lực, sống động, say mê, tràn đầy hy vọng, cảm nhận cuộc sống rất cuộc thật ý nghĩa, tuyệt đẹp và đáng sống. Bất cứ lúc nào ngọn lửa này suy sụp trong lòng chúng ta, thì hẳn linh hồn chúng ta đang không ổn. Khi nổi hoài nghi, tuyệt vọng, cay đắng hay trầm cảm làm tê liệt năng lượng chúng ta thì một phần linh hồn chúng ta đang bị tổn thương. Thứ hai, một linh hồn lành mạnh phải gắn kết bản thân ta lại. Nó phải liên tục cho chúng ta cảm nhận chúng ta là ai, chúng ta đến từ đâu, chúng ta đi về đâu, và ý nghĩa của tất cả những chuyện này. Khi chúng ta đứng trước gương, hoang mang nhìn chính mình và tự hỏi liệu có có ý nghĩa gì hay không trong cuộc sống chúng ta, là lúc chính nửa kia của tâm hồn chúng ta, nguyên tắc tự của chúng ta đang yếu đi.

Nói cách khác, linh hồn có một nguyên tắc hỗn loạn và một nguyên tắc trật tự, sự lành mạnh của linh hồn tùy thuộc vào việc dành cho mỗi phần này một mức thích đáng. Quá nhiều trật tự thì bạn có thể chết ngộp; quá nhiều hỗn loạn thì bạn chết vì tán loạn. Vì thế, mỗi linh hồn lành mạnh phải có hai đền thờ: các đền thờ của Chúa hỗn loạn và đền thờ của Chúa trật tự. Vị Chúa này giữ cho chúng ta tràn đầy năng lượng, vị Chúa kia giữ bản thân chúng ta gắn kết lại. Hai chức năng này của linh hồn luôn luôn ở trong tình trạng căng thẳng có tính sáng tạo. Điều này giải thích vì sao đôi khi chúng ta trải qua những đấu tranh nội tâm mãnh liệt. Năng lượng và sự kết tụ, đam mê và khiết tịnh, lửa và nước, luôn luôn cựa lại với nhau, và

mỗi thứ đều có chuyện chính đáng để lo cho sức khỏe chúng ta. Chẳng ngạc nhiên khi thấy sống không phải là điều đơn giản.

Điều này có ý nghĩa thực tiễn vô cùng to lớn đối với cuộc sống của chúng ta. Cái gì lành mạnh và không lành mạnh cho linh hồn chúng ta? Vì vậy, chẳng hạn, có lành mạnh khi xem những cảnh bạo lực, tình dục trên phim hay vô tuyến không? Kinh nghiệm cụ thể này hay kinh nghiệm kia lành mạnh hay không lành mạnh cho tôi bây giờ? Trong bối cảnh này, chúng ta thấy vấn đề cái gì làm cho linh hồn lành mạnh hay không lành mạnh rất phức tạp, vì có ngày chúng ta cần kết tụ, cần định nhiều hơn cần năng lượng, có ngày thì ngược lại. Chỉ cần lấy một ví dụ đơn giản: Nếu tôi cảm thấy tán loạn, không biết tôi là ai và đâu là ý nghĩa của đời tôi, thì tôi nên đọc sách của Jane Austen hơn là của Robert Wailer, xem phim *Lý trí và Tình cảm* (Sense and Sensibility) hơn là xem *Những cây cầu ở quận Madison* (The Bridges of Madison County), dành thì giờ để thỉnh lặng hơn là đến chốn phồn hoa. Ngược lại, nếu tôi cảm thấy lòng tôi như chết, không thể tìm được một sức sống nào, tìm thấy bất kỳ nhiệt tình nào cho cuộc sống, thì tôi cần phải xem lại công thức sống. Có những thứ mang lửa lại cho chúng ta, có những thứ khác giúp chúng ta kiên nhẫn chịu đựng căng thẳng. Cả hai đều có vị trí riêng của nó trong đời sống linh hướng.

Vì lý do đó mà các yếu tố nước và lửa luôn luôn là biểu tượng trọng tâm trong các tôn giáo. Lửa tượng trưng cho năng lượng, tình yêu, đam mê. Nước tượng trưng cho sự dịu lại, kiềm chế, một khuôn bảo bọc an toàn. Theo thần thoại, đời sống thiêng liêng thường được ví như một tương tác, đan xen giữa các yếu tố này, lửa và nước. Cũng không lấy làm ngạc nhiên. Trong huyền thoại, linh hồn luôn luôn ở trong lò luyện kim, được lửa hun nóng và định dạng, sau đó được nước làm nguội lại.

Cùng trong chiều hướng đó, thật ngoạn mục khi nghiên cứu, các câu chuyện cổ tích khác nhau trong các nền văn hóa khác nhau về nguồn gốc linh hồn, và tất cả những gì liên hệ đến việc linh hồn đi vào thể xác chúng ta.

Trong văn hóa Nhật Bản, có một quan niệm rằng trẻ sơ sinh bước vào cộng đồng loài người từ một nơi rất xa. Linh hồn của nó còn lạ lẫm với thế giới này, nên điều tuyệt đối quan trọng là thoát tiên, đưa bé phải luôn được chăm chút sát sao, và bà mẹ hay người săn sóc ban đầu không bao giờ được để em bé một mình. Tạo vật lạ này phải làm sao luôn cảm nhận là mình được chào đón. Có một cái gì đó, một ngọn lửa, bên trong em bé, vốn dĩ đến từ một nơi khác. Trong số các câu chuyện cổ tích của Na Uy, có một truyền thuyết rất đẹp là, trước khi đặt linh hồn vào cơ thể, Thiên Chúa hôn linh hồn đó và, trong suốt cuộc sống trên trái đất, linh hồn vẫn giữ ký ức không rõ ràng, nhưng rất mạnh, sâu thẳm, về nụ hôn đó, và liên hệ tất cả mọi

điều đến nụ hôn đó. Còn truyền thuyết Do Thái thì cho rằng trước khi Thiên Chúa đặt linh hồn vào cơ thể, linh hồn đó được yêu cầu quên đi cuộc sống siêu nhiên trước đây của nó. Vì vậy, ngay khi linh hồn nhập vào cơ thể, thì một trong những thiên thần của Chúa ấn miệng em bé lại, một cử chỉ nói lên rằng, trong suốt cuộc sống trần thế của em, em phải giữ thinh lặng về nguồn gốc thiêng liêng của mình. Vết lõm nhỏ ngay dưới mũi chính là dấu ấn ngón tay trở của thiên thần, niêm phong đôi môi của bạn - đó là lý do tại sao, khi bạn cố gắng nhớ một điều gì, khi bạn suy nghĩ, ngón tay trở của bạn tự nhiên đưa lên và để vào vết lõm đó.<sup>8</sup>

Đúng là các huyền thoại đẹp đã vinh danh linh hồn. Chúng cũng gọi cho biết, như chúng ta nãy giờ đã nói, có một ngọn lửa từ rất xa đến trong linh hồn chúng ta và những gì linh hồn làm trong cuộc sống này đều được ngọn lửa này hướng dẫn rất nhiều.

Một điều cuối cùng, và là điều quan trọng, là linh hồn hiện diện trong tất cả mọi sự của thiên nhiên. Người thời cổ đại và trung cổ tin rằng, không phải chỉ có con người mới có linh hồn và đời sống thiêng liêng. Theo quan điểm của họ, mọi sinh vật sống, cây cối, côn trùng, súc vật đều có linh hồn và đời sống thiêng liêng. Họ đúng. Hơn nữa, ngày nay, với sự hiểu biết của chúng ta về vật lý, chúng ta biết ngay cả các hạt nhỏ nhất của vũ trụ, với điện tích dương và điện tích âm, đều có một cái gì đó giống như khao khát, và vì thế chúng cũng có một loại linh hồn riêng. Quan trọng là nhận ra điều này, không phải vì lý do lãng mạn hay thần thoại, mà vì tất cả chúng ta đều là một mảnh nhỏ của thiên nhiên. Để hiểu chính mình, và hiểu linh hướng có ý nghĩa như thế nào đối với chúng ta, chúng ta cần đặt chính mình trong bối cảnh lớn nhất có thể - toàn thể vũ trụ.

Pierre Teilhard de Chardin\*, vừa là khoa học gia, vừa là thần học gia, từng định nghĩa con người là một quá trình tiến hoá để trở nên tự tri. Đó là một tri kiến sâu sắc, bởi vì chúng ta, những con người, không tách ra khỏi thiên nhiên, mà đơn giản là một phần của thiên nhiên biết suy nghĩ, cảm nhận, hành động có ý thức về bản thân. Thiên nhiên là một tổng thể, một chuỗi tiếp nối; một số có thể tự tri, một số đơn thuần ý thức, một số chỉ có ý thức rất tối, ý thức mơ hồ. Nhưng tất cả, kể cả chúng ta, những con người, đều được hướng dẫn bởi linh hồn, tinh thần, ước muốn, lửa yêu, khát khao. Thiên nhiên cũng bị đốt cháy bởi một cơn điên cuồng đến từ các vị thần. Sự khác biệt ở đây là, trước khi có mức độ tự ý thức và tự do của con người, sức mạnh điều khiển thiên nhiên là một lực tối, dường như mù, đôi khi tàn nhẫn, không khoan nhượng. Không có gì thực sự tĩnh lặng, ở cả mức độ cơ bản nhất của thiên nhiên.

Ôxy kết hợp với hydro và sự kết hợp này đến lượt nó lại bị kéo ra ngoài để kết hợp với các nguyên tố khác, và cứ thế mà tiếp tục. Tất cả mọi thứ trong thiên nhiên,

cũng như tất cả mọi người, đều mang bất an, căn bệnh nền tảng và bị thôi thúc ra bên ngoài. Dưới đây là một minh họa:

Một người bạn của tôi kể câu chuyện, sau khi mua căn nhà, anh quyết định chặt cây tre già ở lối xe ra vào. Anh đốn cây, lấy rìu chặt rễ, và sau khi diệt đi ở mức tối đa có thể, anh đổ một loại thuốc độc diệt cây cỏ vào phần còn lại. Cuối cùng, anh lấp hố bằng một lớp đá sỏi dày cả mét, đầm chặt lại rồi tráng xi măng lên.

Hai năm sau xi măng nứt, cây tre dần dần nhú lên mặt đất. Nguyên tắc sống của nó, cái lực sinh sôi vô hình, đã không hề bị búa rìu, chất độc, xi măng ngăn cản.

Trong tất cả mọi sự vật, chúng ta đều thấy cái linh hồn dường như mù, không thể tin nổi này. Trong mọi sự vật, từ các nguyên tử cho đến con người, có một sức mạnh vô hình gắn kết mọi sự với nhau và phát triển. Không có gì có thể ngăn chặn được nó. Nếu bạn đặt một miếng thép cứng chung quanh cây dừa hầu đang lớn, khi cây lớn, nó sẽ phá tung miếng thép.

Tất cả đều hướng ra ngoài, đất đá, cỏ cây, côn trùng, súc vật đều tràn đầy tình ái, bị thúc đẩy không ngừng, cũng như con người. Ở đây, trong một mức độ nào đó, có một sự giống nhau lạ kỳ giữa hình ảnh cây tre cố gắng đội bê tông nứt lên từ nơi mù mịt, việc cho em bé ăn, việc các thiếu niên bị kích thích tố chi phối không ngừng, trạng thái bất an rõ rệt trong một quán bar của những kẻ độc thân, Mẹ Têrêxa quỳ gối cầu nguyện đầy ý thức với Chúa. Khát khao đang thôi thúc trong mỗi trường hợp, đôi khi trong mù mịt, đôi khi có ý thức. Thánh Phaolô chắc sẽ nói, trong mỗi trường hợp, Chúa Thánh Thần đang cố gắng cầu nguyện thông qua một điều gì đó hay một ai đó. Luật của trọng lực và sức hút của ám ảnh xúc cảm cũng không quá khác nhau.

Teilhard de Chardin đã từng nói Thiên Chúa nói với mỗi yếu tố bằng ngôn ngữ mà yếu tố đó có thể hiểu được. Như vậy, Thiên Chúa hút khí hydrô qua tính hấp dẫn của ôxy đối với hydrô. Cũng một cách như vậy, Thiên Chúa lôi cuốn mọi thứ, kể cả từng người một trong chúng ta. Rốt cùng, có một sức mạnh, một tinh thần hoạt động trong toàn vũ trụ. Các hóa chất trong bàn tay chúng ta, các hoá chất trong bộ não chúng ta được tôi trong cùng một lò luyện với các vì sao. Chính cái tinh thần khiến khí ôxy gắn với khí hydrô cũng làm em bé khóc khi đói bụng, làm các thiếu niên bị kích thích tố chi phối và tụ tập bên ngoài, mời gọi Mẹ Têrêxa đến nhà thờ cầu nguyện. Có một sự bất mãn, một từ khác để chỉ linh hồn và tinh thần, trong mọi sự vật, và những gì mà những sự vật này, hay những con người này, ứng xử với tình trạng bất đồng đó chính là đời sống thiêng liêng của họ.

Chúng ta là một phần của vũ trụ, cái phần đã trở nên tự trị, nơi đó mọi thứ đều khát khao một điều gì vượt cao hơn chính nó. Trong con người chúng ta có linh

hồn, có tinh thần, và những gì chúng ta làm với linh hồn chính là đời sống thiêng liêng của chúng ta.<sup>9</sup> Ở một mức độ rất cơ bản, trước khi cần đề cập đến tất cả những gì là tôn giáo rõ ràng, thì sự thật là nếu chúng ta làm gì để duy trì cho bản thân có năng lượng và kết tụ, để ngọn lửa còn cháy và bản thân ta gắn kết, thì chúng ta có một đời sống thiêng liêng lành mạnh. Ngược lại, nếu khát khao của chúng ta đẩy chúng ta vào những hành động làm chai cứng tâm hồn hay làm chúng ta tán và chết, thì chúng ta có một đời sống thiêng liêng không lành mạnh. Đời sống thiêng liêng là những gì chúng ta làm với nỗi khát khao bất tận này trong lòng chúng ta, cái điên cuồng đến từ các vị thần.

Ai cũng phải có một đời sống thiêng liêng. Dù sự thật này đã rõ ràng, nhưng trong nền văn hóa phương Tây ngày nay nó không được hiểu một cách rõ ràng cho lắm, hay đã được chấp nhận nhiều cho lắm. Với tất cả mọi lý do, chúng ta đang gắng gỏi khó khăn với lối sống thiêng liêng, và dù có là Kitô hữu hay không, tất cả chúng ta đều có khuynh hướng vất vả chật vật với khía cạnh tôn giáo của đời sống thiêng liêng. Giờ đây chúng ta quay sang chính điều đó - những nỗ lực chật vật để hiểu điều đó cả về mặt lý thuyết lẫn hiện sinh.

\* Pierre Teilhard de Chardin là khoa học gia, triết gia, thần học gia, nhà thơ. Ông sống từ 1882-1955. Ông là linh mục dòng Tên, nhà cổ sinh vật học nổi tiếng thế giới. Ông nghiên cứu ngành cổ sinh vật học ở Trung Quốc nhiều năm, viết một số sách trong cả hai lĩnh vực khoa học và tôn giáo. Trong khoa học, tác phẩm nổi tiếng nhất của ông là *The Phenomenon of Man* (New York: Harper and Row, 1955). Trong thần học, tác phẩm lớn của ông là: *The Devine Milieu* (New York: Harper and Row, 1960). Ít người ở thế kỷ chúng ta tạo được sự kết hợp độc đáo và phong phú như vậy về khoa học, thần bí và đức tin Kitô giáo như ông.

## **Cuộc chiến đấu hiện nay với linh đạo Kitô giáo**

*Điên rồ là gì*

*nhưng sự cao cả của tâm hồn*

*thì mâu thuẫn với hoàn cảnh.*

*Ngày đang bùng cháy*

*và tôi biết được sự tinh tuyền của niềm thất vọng đơn thuần.*

Theodore Roethke, “Vào Thời Đen Tối”<sup>1</sup>

### **Bất bình với hoàn cảnh**

Trong cuốn tiểu thuyết tự truyện *Những mối tình đầu của tôi*, My First Loves, nhà tiểu thuyết người Tiệp, Ivan Klima, đấu tranh với một số vấn nạn gai góc. Anh là một chàng trai trẻ, đầy đam mê dục vọng, ở giữa đám thanh niên nam nữ cùng tuổi vốn ít lưỡng lự hơn anh. Klima kín đáo, độc thân và bất định. Chắc chắn không phải vì bất cứ lý do tôn giáo nào của anh. Anh tự hỏi: Có phải vì mình tôn trọng người khác hơn và có tinh thần trách nhiệm hơn không? Có phải vì mình có một tầm luân lý đạo đức độc thân cao - gần như có tính cách tôn giáo -, nên mình do dự khi làm những chuyện không đúng? Hay, mình bị mắc kẹt, rụt rè, thiếu dũng cảm? Có phải mình đức hạnh hay khô khan? Anh không chắc:

Giả như tôi để cả đời chỉ để chờ đợi, chờ khoảnh khắc cuối cùng tôi thấy gương mặt sáng như sao đó? Ánh mắt đó sẽ nhìn tôi và nói: “Bạn ơi, bạn đã không thể nào chấp nhận cuộc sống, tốt hơn bạn nên đến với tôi bạn ạ!” Hay trái lại, ánh mắt đó có thể nói: “Bạn đã làm rất tốt vì bạn đã nâng nỗi cô đơn của bạn lên một tầm mức cao, bởi vì bạn đã có thể chịu đựng mà không cần an ủi, bạn đã làm trong hy vọng!” Anh mắt đó thật sự nói gì? Vào lúc đó tôi không thể nói.<sup>2</sup>

Cuối cùng, vấn đề của anh là vấn đề thiêng liêng. Đó cũng là một vấn đề khó khăn. Quả không dễ để biết được những nguyên tắc đúng đắn mà qua đó chuyển tải một cách sáng tạo các năng lực mạnh mẽ và sâu sắc nhất của chúng ta, để mang lại kết quả là hạnh phúc và niềm vui sống. Dù có làm gì đi nữa, thì một số vấn đề vẫn

luôn canh cánh trong lòng chúng ta: Tôi quá cứng rắn hay quá dễ với chính tôi? Tôi bất hạnh vì tôi để vượt mất sự sống hay tôi bất hạnh vì tôi ích kỷ? Tôi quá rụt rè và lo lắng hay tôi nên có kỷ luật hơn? Trưởng thành đích thật là gì và cái ego-đòi hỏi của tôi là cái gì? Ở đâu tôi có thể tìm thấy ranh giới rạch ròi giữa kỷ luật và vui sống? Tại sao tôi luôn cảm thấy tội lỗi? Tôi làm gì khi tôi phản bội niềm tin?

Đây là những câu hỏi triền miên, nói cho cùng, đó là những câu hỏi về cuộc sống thiêng liêng mà mỗi thế hệ phải trả lời cho chính mình. Tuy nhiên, chúng nảy sinh hoàn toàn khác biệt từ thế hệ này đến thế hệ khác.

Trong quá khứ, các vấn đề này thường nảy sinh trong một bối cảnh tôn giáo rõ ràng. Vì thế, những vấn đề về ý nghĩa và luân lý nói chung được giải đáp trong một khung sườn bao gồm Thiên Chúa, tôn giáo và Giáo Hội. Các xã hội ngày trước phóng khoáng về tôn giáo hơn xã hội chúng ta. Đơn giản họ ít gặp rắc rối trong việc tin vào Chúa và trong việc nối kết khát khao cơ bản của con người với việc tìm kiếm Thiên Chúa và với việc vâng phục mà Thiên Chúa đòi hỏi. Một cách nào đó, điều này mang lại cho họ một lợi thế về tôn giáo hơn chúng ta, nhưng họ có những vấn đề tôn giáo nghiêm trọng của riêng họ. Họ tin vào Thiên Chúa dễ dàng, nhưng họ phải đấu tranh với mê tín, tình trạng nô lệ, phân biệt giới tính, các quan niệm thiếu lành mạnh về định mệnh và tiền định, sợ thái quá về hình phạt đời đời, và tuân thủ pháp luật cách tuyệt đối. Có những thời điểm họ thiêu sống phù thủy, khơi dậy các cuộc chiến tranh tôn giáo, sát hại người vô tội khi nghĩ mình tiến hành cuộc thập tự chinh vì Đức Kitô, cấm các nhà khoa học nhìn qua viễn vọng kính, và vào thời xa xưa còn sát tế con người, đặc biệt là trẻ em trên bàn thờ. Mỗi thế hệ đều chiến đấu cho cuộc sống thiêng liêng. Không có thời kỳ nào là thời kỳ vàng son.

Về mặt thiêng liêng, thời đại của chúng ta cũng không vàng son gì. Dù đã đạt được một nền tảng tôn giáo và luân lý nào đó khi so sánh với một số lầm lạc quá khứ, thì chúng ta không nên gay gắt phê phán quá khứ. Nhận thức muộn là một hiểu biết chính xác. Không ai vượt trên thời đại mình. Ngoài ra, chúng ta cũng không thoát được những điều mà các thế hệ trước đương đầu như chúng ta mong chính mình được tin như thế. Mê tín, tình trạng nô lệ, phân biệt giới tính, thuyết định mệnh, tuân thủ luật cách tuyệt đối, những cuộc chiến tôn giáo và ý thức hệ, và việc sát tế trẻ con vẫn ở giữa chúng ta. Bộ mặt của chúng chỉ tinh tế hơn mà thôi.<sup>3</sup>

Ngoài ra, chúng ta có những cuộc chiến đấu với linh đạo của riêng mình. Những con quỷ dữ thiêng liêng của thời đại chúng ta là gì? Điều gì đặc nét cho cuộc chiến đấu tôn giáo, luân lý và thiêng liêng của chúng ta? Chúng ta chiến đấu để chuyển tải một cách sáng tạo các năng lực yêu đương và thiêng liêng của chúng ta nhiều nhất ở đâu?



Trong khi quý dữ luôn luôn hoạt động như một binh đoàn, thời này có ba chuyện đặc biệt tô màu cho cuộc chiến đấu để có một đời sống thiêng liêng lành mạnh.

Quý dữ hành hạ chúng ta điều gì? Những cuộc chiến đấu thiêng liêng vốn chỉ liên quan đến thời đại chúng ta như sau: Ngây ngô về bản chất của năng lực thiêng liêng, lu bu làm đủ việc, giải trí và nghỉ ngơi một cách bệnh hoạn, mất thăng bằng trầm trọng dẫn đến một chuỗi cắt đứt.

### **Ngây ngô về bản chất của năng lực thiêng liêng**

Mọi năng lực đều mang tính thống trị tối thượng, đặc biệt là năng lực khiêu dâm và sáng tạo. Năng lực không tình cảm, nó chế ngự tất cả chúng ta, nó có thể đánh gục chúng ta như trò chơi đấu bò. Karl Jung có lần nói rõ điều này, nhưng các nền văn hóa tiền-hiện-đại đã sống trọn vẹn cuộc sống của họ trong việc đối diện với thực tế này. Họ ứng xử với năng lực trong một tinh thần tôn kính thần thánh. Họ có lý do của họ.<sup>4</sup>

Lý do đầu tiên trong các lý do này là lý do tôn giáo. Kinh Thánh nói với chúng ta rằng “Thiên Chúa là Đấng hay ghen!” Nhiều điều hàm chứa trong câu nói đó hơn là suy nghĩ nông cạn của chúng ta. Năng lực không những chỉ khó tiếp cận, mà một khi nó đi lọt vào trong thì lại càng khó mà dung chứa nó. Nhiều người yêu một cách ám ảnh, nhiều nghệ sĩ ám ảnh, những người cuồng tín tôn giáo mất thăng bằng chứng minh điều đó. Rất khó để có một ngọn lửa yêu đương, sáng tạo, mộ đạo, nhưng một khi ngọn lửa đó bùng cháy, giữ được nó cũng không phải là chuyện dễ.

Những nền văn hóa trước đây, dù chúng có những sai lầm, nhưng họ hiểu bản chất tối thượng của năng lực, đặc biệt là năng lực thiêng liêng, năng lực khiêu dâm. Nói chung, họ sợ năng lực, đặc biệt năng lực tình dục và tôn giáo. Nỗi sợ đó được thể hiện nơi các lớp đệm khác nhau họ dựng nên để bảo vệ mình trước sức lực tàn bạo của nó. Họ thấy năng lực cần một sự ngấm suy nào đó, như dòng điện cao thế cần máy biến thế để giảm điện áp. Vì thế, họ có nhiều điều cấm kỵ, lo sợ, nhút nhát, nghi thức, và cấm đoán, đặc biệt là những điều thuộc về tôn giáo và tình dục. Nói chung, người ta cũng khuyên bảo và thường cấm đặt một vài câu hỏi nào đó. Việc tự do suy tư quá trớn bị xem là nguy hiểm, một số sách bị liệt vào danh mục và công bố là bị kết án, và Galilê bị cấm nhìn qua viễn vọng kính. Người ta quan ngại chính khát khao suy tư và đặt vấn đề của con người.

Chúng ta có thể phê phán gay gắt toàn bộ các điều này nhưng không phải tất cả đều thiếu lành mạnh. Những người tiền-hiện-đại hiểu, dù có hiểu sai lạc đến đâu, không chỉ về điều Kinh Thánh có ý khi nói chúng ta có một Thiên Chúa hay ghen, nhưng còn hiểu ý nghĩa của câu: “Không ai có thể nhìn thấy Thiên Chúa mà có thể sống!” Đối với họ điều này có nghĩa rằng năng lực, đặc biệt là năng lực sáng tạo vốn chứa đựng năng lực tình dục, phải có một sự suy ngẫm nào đó, một loại thanh lọc nào đó và một vài cấm kỵ bao quanh nào đó nếu không nó sẽ hủy hoại chúng ta. Chính tự nó, nó quá thô thiển, quá đòi hỏi, quá mạnh mẽ. Chúng ta cần sự giúp đỡ không chỉ trong việc tiếp cận nó, nhưng còn trong việc dung chứa nó nữa. Biết được điều này, họ đã cố gắng làm hai điều bằng năng lực, đặc biệt năng lực thiêng liêng và năng lực tình dục.

Trước tiên, họ sẽ luôn cố gắng hiểu rằng năng lực đến từ Chúa và cuối cùng quay lại về Ngài. Vì vậy họ bao bọc cho năng lực tôn giáo, tình dục và nỗi khát khao những biểu tượng rất cao quý. Chúng ta dùng những biểu tượng sinh học và tâm lý ở đâu, thì ở đó họ dùng những biểu tượng thần học; ví dụ, dùng chữ “đói” trong câu “đói bánh hằng sống”, hoặc khi chúng ta nhìn vào sự thèm muốn và nói là bị ám ảnh hoặc đeo bám thì họ nói “những khát khao vĩnh cửu.” Sự thèm khát luôn được hiểu như sự chống lại một chân trời vô biên. Trong loại khung sườn này, với những hàng rào biểu tượng rất cao, chúng ta có thể hiểu tại sao Thánh Âu-tinh tóm kết toàn bộ cuộc đời mình trong một hàng: “Lạy Chúa, Ngài dựng nên chúng con cho Ngài, tâm hồn chúng con vẫn còn khắc khoải cho tới khi nào nó được nghỉ yên trong Chúa.”

Thứ đến, để cố gắng dung chứa năng lực thiêng liêng và tình ái, họ đã bao bọc cho sự thèm khát nhiều điều cấm kỵ, cấm đoán, và luật lệ nghiêm khắc. Ở mức độ căn bản nhất, rất lâu trước khi bất cứ điều cấm kỵ và cấm đoán nào được đặt tên và hệ thống hóa, thì ý tưởng ở đây đơn giản là, phàm là người, thì bạn phải quỳ gối trước mặt Thiên Chúa, có nghĩa là, cúi sâu và đặt ý muốn của mình dưới đức thánh thiện và ý muốn của Thiên Chúa. Qua việc quỳ gối, vừa về mặt thể lý và tri thức, họ cảm nhận một năng lực được tôn trọng cách đặc biệt. Dĩ nhiên, sự việc không ở yên ở mức độ chưa định danh này. Mỗi thứ nguyên tắc, luật lệ, điều cấm kỵ, và ngăn cấm cuối cùng đều được đề ra và áp đặt. Trong tâm trí của những người hình thành và áp đặt những cấm đoán đó, họ mang ý tưởng rằng rốt cuộc, nhờ suy ngẫm về năng lực thánh thiêng, con người sẽ được bảo vệ.

Thế giới tiền-hiện-đại hiểu rằng con đường thiêng liêng là cách chúng ta thông kênh luồng tình cảm (eros) của chúng ta, và theo họ, con đường cần thiết để thông kênh đúng đắn là con đường hướng khát khao đó về Thiên Chúa, con đường của sự quỳ gối. Con đường đó cũng thường trở nên con đường của lo sợ, con đường của kiểm soát xuyên qua các điều cấm kỵ, cấm đoán và luật lệ bên ngoài.

Điều này có một kết quả hỗn hợp nhưng không phải toàn bộ đều xấu. Một mặt, họ sống với nhiều nỗi sợ, dị đoan, hạn chế và nhút nhát hơn chúng ta. Mặt khác, họ vừa có sự ổn định xã hội vừa có một bản chất tâm lý mà hầu hết chúng ta đều ghen tỵ. Nói cách giản đơn hơn, khi nhìn vào cách họ xử lý với năng lực tình cảm và thiêng liêng, chúng ta xem họ là những người tuân thủ luật pháp tuyệt đối và câu nệ, nhưng gia đình và cộng đoàn của họ gắn bó khăng khít hơn gia đình cộng đoàn chúng ta, họ ít lo lắng, họ bình yên ngủ hơn chúng ta, vì tất cả những biểu tượng rất cao, những hạn chế dù hoạt động khác thường thế nào, vẫn dạy họ rằng họ là những hữu thể bất tử, được tạo dựng theo hình ảnh Thiên Chúa, Đấng mà mỗi hành động, dù riêng tư, vẫn quan trọng. Họ không cần phải đặt cho mình một ý nghĩa riêng. Vì thế, có lẽ có một trớ trêu thật, họ ít bị thất vọng và căng phồng như chúng ta.

Ngày nay, dù tình vi đến đâu, chúng ta vẫn ngây ngô về bản chất của năng lực. Không giống như Jung, chúng ta thân thiện với nó, như một điều gì đó không cần phải sợ, chúng ta có thể tự mình kiểm soát hoàn toàn, không cần sự giúp đỡ của Thiên Chúa hay của luật lệ bên ngoài và những điều cấm kỵ. Thật ra, chúng ta có khuynh hướng xem thường bất cứ lực bên ngoài, tôn giáo hay trần tục, mà bất cứ cách kiểm duyệt hay hạn chế nào lại có thể kiểm duyệt và hạn chế tự do tuyệt đối không để cho năng lực chảy tuôn qua chúng ta. Người ta không quen từng phục và quỳ gối. Chúng ta muốn tự mình quản lý năng lực.

Một phần điều này là một bước tốt và cần thiết trong sự trưởng thành nhân bản, phần khác nó lại đi ngược lại. Sự khước từ bất cứ kiểm duyệt bên ngoài nào đối với các hành động của chúng ta có thể là dấu hiệu của sự trưởng thành và cũng có thể là dấu hiệu to lớn của sự ấu trĩ, đưa trẻ đứng trên bục cao, đòi hỏi thế giới xoay quanh mình. Trong cả hai trường hợp, chúng ta đều trả giá cho việc muốn tự mình hoàn toàn quản lý đời mình, nhất là trả giá cho sự thiếu khả năng tìm ra ranh giới rạch ròi giữa chùng và căng. Điều này có nghĩa là khi hoàn toàn tự mình vượt ra khỏi các cấm kỵ cổ điển của xã hội và giáo hội, chúng ta lúc nào cũng bị dao động giữa việc xa nguồn năng lực sâu xa, bị chùng xuống, và không dung chứa một cách đúng đắn sự căng phồng. Rất hiếm khi chúng ta tìm được thăng bằng, luôn hoặc quá thấp hoặc quá cao, cảm thấy chết trong lòng hoặc không thể hành động hoặc không thể ngủ yên vì quá sinh động hoặc quá bồn chồn.

Dù hầu hết là thế, trong cuộc chiến này, chính sự suy thoái tinh thần và cảm giác chết trong lòng mới là vấn đề lớn. Nói chung ngày nay, trong thế giới Tây Phương, hầu hết người lớn chúng ta đều sống trong một loại suy thoái tinh thần kinh niên nào đó. Phải hiểu điều này thế nào?

Suy thoái tinh thần ở đây không có nghĩa là bệnh suy thoái tinh thần về mặt thể lý nhưng nó mang một tích cách rộng lớn hơn. Suy thoái tinh thần là gì? Trong trường hợp này, đôi lúc phải hiểu sự việc qua những điều trái ngược với nó thì có thể hữu ích hơn. Cách tự nhiên, chúng ta có khuynh hướng nghĩ về điều trái ngược với suy thoái tinh thần là vui vẻ, lạc quan, tiệc tùng, vui chơi. Nhưng không nhất thiết và cũng không phải thường thường là như vậy.

Một tính khí lạc quan, lạc quan một cách bạo dạn và lối suy nghĩ tích cực thường là triệu chứng của một suy thoái tinh thần ẩn giấu, loại bệnh tâm thần phân liệt của một anh hề, trái ngược với nó là sự vui vẻ đích thực trong cuộc sống. Chúng ta thường thấy một loại lạc quan hơi hợt có tính bệnh hoạn, niềm vui gượng ép, năng lực giả tạo của loại phù phép suy nghĩ tích cực.

Ngược lại với suy thoái tinh thần là vui sống, hồn nhiên kinh ngạc trước sự tốt lành và nét đẹp của cuộc sống. Điều này không phải là điều không bao giờ tìm ra được trong đời sống. Như các nhà minh triết và thánh đức từng nói, đó là sản phẩm phụ của một thứ gì khác. Là một cái gì đó xảy đến với chúng ta và là điều, chúng ta không bao giờ tự mình khơi cho nó xảy ra được. Như C.S. Lewis đề xuất trong tựa đề cuốn tự truyện *Ngạc nhiên bởi Niềm vui, Surprised by Joy*, niềm vui sống chớp lấy chúng ta cách bất ngờ ở nơi mà chúng ta không nghĩ mình hạnh phúc. Lời kinh nổi tiếng của Thánh Phanxicô Assisi nhấn mạnh rằng chính trong việc cho đi mà chúng ta nhận lãnh, cũng đề xuất một điều như thế.

Đây là ý nghĩa của thế nào là không suy thoái tinh thần. Hãy tưởng tượng vào một ngày nào đó trong tuần, khi bạn ra xe, hoặc đang đứng chờ xe buýt, đang nấu ăn, ngồi làm việc hay làm một cái gì đó hoàn toàn bình thường. Đột nhiên, không có lý do nào rõ rệt, bạn cảm thấy được sống là một điều tốt, vui và đẹp. Bạn cảm nhận cuộc đời, tâm hồn, trí óc, thân xác, tính dục, người thân quen, những gì bạn liên hệ, bỗng bạn cảm thấy tràn ngập lời tung hô: “Lạy Chúa, cuộc sống tuyệt vời biết bao!” Đó là vui sống, là ý nghĩa thế nào là không suy thoái tinh thần.

Nhưng chúng ta có thường cảm thấy như vậy không? Đa số người lớn hiếm khi có kinh nghiệm này. Năm này qua tháng nọ, suốt cuộc sống, chúng ta có thể là người tình dễ thương, tinh tế, quảng đại, tích cực, xây dựng, sôi nổi, người vợ/chồng, cha/mẹ tốt, nhân viên đáng tin cậy, người bạn biết cho đi, siêng năng đi lễ đọc kinh cầu nguyện, nhưng chưa một lần trong những năm tháng này, chúng ta nếm được một ngụm hồn nhiên vui sống. Nó xảy ra trong mọi lúc. Niềm vui sống rất hiếm nơi người lớn, nhưng ở trẻ con thì không. Nếu muốn xem niềm vui sống như thế nào, bạn cứ đến sân trường giờ ra chơi, bất cứ trường mẫu giáo, tiểu học nào. Chúng chỉ đơn thuần chạy vòng vòng la hét. Và đó là vui sống. Và đó là sự đáp trả trước sự tốt lành và vẻ đẹp của cuộc sống, không phải là những cuộn băng của một

ai đó bán ra để trưng bày lối suy nghĩ tích cực, kiểu thế nào là không-suy-thoái. Khi bạn thấy một đứa trẻ ngồi trên chiếc ghế cao, vừa ăn vừa la hét vừa quăng mứt vung vãi khắp phòng, bạn ở trong nhóm vui sống và ngoài trẻ con ra, bạn đang ở trong một nhóm nào đó cực kỳ hiếm. Trong văn hóa Tây phương, tiếng la hét vui đùa của trẻ con thường làm chúng ta bực mình vì cũng như suy thoái tinh thần, nó quấy rầy chúng ta. Đó là lý do tại sao chúng ta đã bịa ra một thuật ngữ, tính hiếu động thái quá, để lương tâm khỏi áy náy khi chúng ta bình thản dập tắt niềm vui sống hồn nhiên nơi nhiều đứa con của chúng ta.

Chúng ta chiến đấu với sự suy thoái tinh thần, với việc tiếp cận cách thích hợp các năng lực của chúng ta, nhưng như đã nói, chúng ta còn có vấn đề ngược lại nữa. Chúng ta nghiêng về việc căng phồng, bản thân quá ngập tràn, trở nên bị chiếm hữu bởi năng lực, vì thế không chắc chúng ta là những ứng viên có thể bắt gặp được niềm vui sống. Đôi lúc chúng ta không bị suy thoái tinh thần, nhưng, buồn thay, những lúc này bản thân tự tôn quá của chúng ta lại là mối đe dọa cho gia đình, bạn bè, cộng đồng, và chính mình. Chúng ta có vấn đề cả hai mặt, tiếp cận và dung chứa năng lực.

Trong nền văn hóa của chúng ta, hiếm có ai tìm ra sự cân bằng giữa sự khẳng định chính mình với quên mình, giữa tính ích kỷ và vị tha, giữa sự tự phát triển và dẫn thân, giữa tính sáng tạo và hy sinh, giữa tính quá nghiêm khắc và quá dễ dãi với chính mình, giữa việc trở nên quá cao hay quá thấp, giữa sự lệ thuộc dai dẳng và tính độc lập thiếu lành mạnh, giữa việc quỳ gối vâng phục ấu trĩ và thái độ hủy hoại dứt khoát của Lucifer: “Tôi sẽ không phục vụ.”

Sự thăng bằng mà tất cả chúng ta đang tìm kiếm nằm ở tương quan thích ứng với năng lực, đặc biệt là năng lực sáng tạo, tình ái và thiêng liêng - và những năng lực này là một và giống nhau. Linh đạo nói về những con đường, những nguyên tắc thích hợp qua đó chúng ta có thể tiếp cận và dung chứa năng lực đó. Trong cuộc đấu tranh để trưởng thành và vượt ra khỏi những gì bị cho là tiếp cận ấu trĩ và tuân thủ pháp luật cách tuyệt đối trong quá khứ, thời đại chúng ta ngây ngô bắt đầu tin rằng chúng ta đã thực sự hiểu năng lực này, có thể kiểm soát nó và chúng ta chỉ cần rất ít hoặc chẳng cần sự giúp đỡ bên ngoài để đương đầu với nó.

Theo tôi, sự ngây ngô này là một trong những khối đổ nát thiêng liêng lớn của thời đại chúng ta. Đối với việc hiểu năng lực thiêng liêng và tương quan giữa nó với mình, chúng ta không thể nào giống như trẻ vị thành niên có cơ thể bùng bùng năng lực kích thích tố và cảm thấy mình có tầm cao với tạo dựng để đương đầu với căng thẳng này mà không cần luật lệ hoặc hướng dẫn của người lớn tuổi. Như chúng ta biết, ngây ngô theo kiểu đó thì vừa kiêu căng vừa nguy hiểm. Những ngọn lửa bùng cháy trong chúng ta đầy quyền lực hơn chúng ta ngây ngô tưởng. Khi coi

thường chúng, nghĩ những ngọn lửa này là những ngọn lửa quen thuộc trong nhà, mình có thể chế ngự chúng, thì rốt cuộc hoặc chúng ta bị chùng hoặc chúng ta bị căng. Tôi xin đưa ra một ví dụ cho thấy sự ngây ngô về sức mạnh của năng lực tình dục có thể làm cho chúng ta bị chùng.

Cách đây vài năm, đài truyền hình CBC phát một vở kịch kể chuyện ba cặp vợ chồng tuổi trung niên từ Ontario đi cắm trại hè với nhau. Kỳ nghỉ được dự trù như một cuộc phiêu lưu của những người tuổi trung niên, một cuộc hội ngộ của các người bạn cũ đã nuôi con hai mươi lăm năm, đã trả xong nợ nhà, đã làm xong bốn phận công dân, giáo hội. Bây giờ sau bao nhiêu năm ràng buộc với bốn phận, con cái ít nhiều đã trưởng thành, cuối cùng họ có thì giờ cho nhau, du hành xuyên xứ sở và nối lại tình bạn ngày xưa.

Họ thuê loại xe có phòng ngủ di động, mang theo thức ăn và đồ uống, giao nhà cho con cái tạm thời trông coi, họ thu xếp đi nghỉ một tháng mà trước đây họ chưa từng đi nghỉ.

Kỳ nghỉ khởi sự tốt đẹp. Hai ngày đêm đầu tiên, tinh thần lên cao, đầy tiếng cười đùa, và các cuộc trò chuyện ở bàn ăn nghe có vẻ như là: “Như thế không tuyệt sao! Họp mặt lại với nhau như thế này không tuyệt sao! Có tự do, tiền, và thì giờ chỉ để cùng thưởng thức và ngắm vùng quê theo kiểu này không tuyệt sao!” Ngay cả thời tiết cũng tuyệt.

Nhưng điều này thay đổi vào đêm thứ ba. Dừng chân trên một bãi đất cắm trại gần khu nghỉ mát, khi ngồi quanh lửa trại giữa đêm khuya, họ thấy bãi đất đầy giới trẻ. Một băng cuồng nhiệt tụ tập, nhạc rock âm ỉ, rượu và thuốc đủ loại, các cặp làm tình khá công khai giữa các bụi cây. Mới đầu họ ngồi bên nhau quanh đống lửa của mình, ba cặp vợ chồng nói những điều mà các cặp vợ chồng trung niên nào cũng có thể nói trong hoàn cảnh tương tự: “Thế giới này là gì? Ai nuôi dạy bọn trẻ này?”

Cái mà họ không nhận ra là những chuyện sống sượng sơ khai này cũng là những chuyện đã có trong lòng họ. Từ đó trở đi, căn bản là cho đến cuối chuyến đi chơi một tháng của họ, ai cũng bị chùng xuống. Sự thích thú thực sự của chuyến đi, cảm giác tự do vui sống qua đi, sự vui đùa hài hước của những ngày đầu những bước cho sự tỉnh lặng và cảm giác về cuộc hôn nhân của họ, về cơ thể, về chuyện tình dục, con cái, đời sống nói chung vốn thường làm cho họ cãi nhau và không vui.

Điều gì đã xảy ra ở đây? Họ đã có một kinh nghiệm ban đầu về những gì mà Jung có ý khi nói, năng lực thì không thân thiện. Trong trường hợp này đó là một kinh nghiệm về tác động tiêu cực của việc khiêu dâm. Vấn đề với khiêu dâm không phải là cái gì sai khi nhìn cảnh làm tình. Tình dục không bản thủ hay tội lỗi. Vấn đề khiêu dâm nằm ở chỗ nó quá khiêu khích các năng lực tình dục nguyên trạng của

chúng ta, không cho chúng ta chọn lựa nào ngoài việc thể hiện các năng lực đó (như một thần nam hay thần nữ trong thần thoại có thể làm, không kiềm chế hay giới hạn) hoặc rơi vào trạng thái chùng xuống, chính xác là, khởi động những động cơ làm mát bên trong chúng ta, chặn đứng các năng lực này, rồi ì ề trong sự hụt hẫng rồi bồng bong khi chúng nguội dần.

Nền văn hóa của chúng ta quá ngây ngô về uy quyền của năng lực. Chúng ta không thấy gì sai khi để cho mình tiếp cận nó trong toàn bộ trần trụi của nó. Chúng ta đi một chiều, năng lực tình dục thì tốt, không có gì sai khi Aphrodite và Eros làm tình dưới cây. Điều gây nên vấn đề, đây không phải là một sự kiện đáng để xem. Nó quá thô sơ. Tình yêu phải làm đằng sau cánh cửa đóng kín. Mỗi xã hội đều có những điều cấm kỵ về tính dục, về việc sở hữu nó và phô bày nó. Sự khôn ngoan trong việc phô bày, trước hết và nhất là, không phải là vấn đề luân lý và tội lỗi. Mà là việc bảo vệ linh hồn khỏi thứ bất hạnh mà ba cặp vợ chồng Ontario của chúng ta trải nghiệm sau khi họ tận mắt thấy Aphrodite và Eros dưới lùm cây.<sup>5</sup>

Sự thật về điều này liên quan không những chỉ sự khiêu dâm và tính dục nhưng còn liên quan đến bất cứ điều gì quá trần trụi đến độ kích thích quá mức các năng lực của chúng ta. Năng lực thì tối thượng, không phải theo kiểu tàn bạo của nhà độc tài dữ tợn, nhưng với sức mạnh quá mức của một tác nhân thần thiêng. Năng lực bên trong chúng ta đơn giản là quá cần cỗi khi chúng ta cố gắng đương đầu với nó mà không có kính trọng thích hợp, bảo vệ, những điều cấm kỵ, và sự suy tư, thì chúng ta sẽ sớm thấy mình bị tước bỏ hết mọi niềm vui và phấn khởi. Khởi kênh tình yêu cách đúng đắn thì trước hết và nhất là, không phải là tội lỗi và luân lý, mà là liệu chúng ta, như những cặp vợ chồng Ontario, có ngồi ăn buổi tối trong niềm vui sống hay bị chùng xuống.

Ngược lại, sự ngây ngô về năng lực thiêng liêng và dục tính làm chúng ta bị căng phồng như thế nào?

Một ví dụ rõ ràng ở đây là ví dụ về sự thờ phượng tôn giáo. Vấn đề của việc thờ phượng tôn giáo không phải là việc không chân thành hay năng lực mà nó tiếp cận và dung chứa là không thật. Ngược lại thì đúng hơn. Vấn đề là, theo định nghĩa, thờ phượng là cố gắng tiếp cận với thần thiêng, thần thiêng thật sự, khi tiếp cận mà không suy ngẫm và tôn kính thích hợp thì cũng như người cầm con dao vào ổ cắm điện 220-vôn, hiệu quả là có thật nhưng bạn bị nướng cho đến chết. Chính xác đó là những gì xảy ra cho việc thờ phượng tôn giáo, như có thể thấy trong những gì đã xảy ra cho David Koresh và môn đồ của ông ở Waco và các thành viên tà phái Đền Thờ Mặt Trời ở Thụy Sĩ và Canada. Không phải ngẫu nhiên khi các người trong các tà phái này thường bị chết và lại chết do lửa. Năng lực thiêng liêng là lửa, lửa nóng

nhất trong tất cả các thứ lửa, và những người quá ngây ngô đùa với thứ lửa đó bị thiêu cháy.

David Koresh, người đứng đầu Davidian Cult ở Waco, Texas, dự trữ súng máy, ngủ với tất cả phụ nữ trong nhóm vì cho mình có quyền thần thiêng, và hứa hẹn, chỉ có ông, một mình ông mới vén mở các bí mật sâu kín nhất của Chúa và của cuộc sống, ông là nguyên bản của sự căng phồng, của người bị chiếm hữu cách nguy hiểm bởi năng lực và bởi những gì tạo nên cái bản ngã của ông. Việc ông bay lên trong quả bóng lửa thì không có gì ngạc nhiên về mặt Thánh Kinh.

Thánh Kinh dạy chúng ta rằng không ai có thể thấy Chúa mà còn sống. Khi Mô-sê xin thấy Chúa, thì Chúa bảo ông đứng trong khe đá và Chúa sẽ che mặt ông khi Ngài đi qua và ông sẽ nhìn thấy lưng Ngài-nhưng không bao giờ nhìn thấy mặt Ngài!<sup>6</sup> Đó là ngôn ngữ siêu hình, cảnh báo chúng ta rằng năng lực thần thiêng (và mọi năng lực tối hậu là thần thiêng) phải được tiếp cận cách cẩn thận, với đôi chân trần.<sup>7</sup> Để nó thông ban sự sống cho chúng ta, thì phải có một sự quỳ gối trước đó, một hiểu biết rõ ràng rằng nó tách khỏi chúng ta, và phải cẩn thận, tôn kính khi tiếp cận nó. Luân lý cổ và những điều cấm kỵ tôn giáo cổ, cũng như các nghi thức phụng vụ cổ điển, dù mắc phải lỗi gì, vẫn cố gắng dạy chúng ta điều này. Như Annie Dillard bảo “Tôi thường hay nghĩ về các bộ kinh phụng vụ mà một vài chữ được tìn hữu dâng lên Thiên Chúa một cách thành công mà không làm họ bị giết chết”.<sup>8</sup> David Koresh có lẽ sẽ còn sống nếu ông hiểu được điều này.

Đời sống thiêng liêng, là biết thích ứng đương đầu với ngọn lửa đó, các năng lực mạnh mẽ đó chảy xuyên qua chúng ta. Chúng ta đấu tranh vì chúng ta ngây ngô và đánh giá thấp vừa nguồn gốc vừa sức mạnh của ngọn lửa này. Chúng ta nghĩ rằng năng lực là của mình, nhưng không phải thế. Chúng ta nghĩ mình có thể, hoàn toàn tự mình kiểm soát nó, nhưng chúng ta không thể. Có một sự điên rồ trong chúng ta xuất phát từ thần thiêng, nếu chúng ta không tôn trọng nó và không mang nó về với nguồn thần thiêng của nó thì chúng ta sẽ mãi mãi hoặc quá bồn chồn hoặc quá suy thoái để mãi mãi không hưởng trọn vẹn niềm vui sống. Hoặc chúng ta là phiên bản nhỏ nhỏ nào đó của David Koresh, đoán chắc rằng mình là Chúa.

### **Bận rộn thái quá, Giải trí, Hiếu động**

Jan Waigrave có lần phê bình rằng thời buổi này đã thực sự có một thông đồng để chống lại đời sống nội tâm.<sup>9</sup> Điều ông muốn nói không phải là có một thông đồng cố ý nào đó để chống lại các giá trị riêng, các giáo hội, các linh đạo đích thực như chủ nghĩa bảo thủ cuồng tín thích tin như vậy. Điều ông muốn nói là ngày nay,



một số bối cảnh lịch sử đã cùng mù quáng đi với nhau, tình cờ cùng nhau thông đồng tạo một bầu khí mà trong đó không những nghĩ về Chúa hay cầu nguyện là một chuyện khó, mà còn khó có một chiều kích nội tâm sâu xa nào đó. Không khí mà chúng ta hít thở hôm nay nói chung không dẫn đến sự hướng nội và có một chiều sâu.

Tại sao? Các yếu tố nào tình cờ gây ra như vậy? Trong một cuốn sách gần đây, *Chiếc đèn lồng bị vỡ, The Shattered Lantern*,<sup>10</sup> tôi đã cố gắng đặt tên và phân tích những yếu tố này. Vì thế ở đây, tôi sẽ chỉ gọi tên chúng.

Trong số nhiều thứ chống lại chiều kích nội tâm ngày nay, có thể nêu ra ba thứ đặc biệt xấu xa: *chứng tự mê, chứng thực dụng, và chứng bồn chồn không kiểm chế*.<sup>11</sup>

Định nghĩa đơn giản của chứng tự mê là quan tâm bản thân quá độ; chứng thực dụng là tập trung quá độ vào công việc, vào thành tựu, và các bận tâm thực tiễn của cuộc sống; và chứng bồn chồn là tham lam quá độ về kinh nghiệm, một thừa mứa, không phải về thức ăn nhưng trong nghĩa muốn hưởng thụ tối đa cuộc sống. Chứng tự mê là nguyên do của bệnh đau tim, chứng thực dụng là bệnh đau đầu, và chứng bồn chồn là mất ngủ. Rốt cuộc khi thường xuyên vướng vào ba chứng này, chúng ta thường bị đau tim, đau đầu, ham tích kinh nghiệm nên hiếm khi chúng ta có thì giờ và nơi chốn để tiếp xúc với dòng chuyển thâm sâu bên trong và chung quanh chúng ta.

Đề tài phân tích phong phú này thì không có giới hạn: Thomas Merton có lần nói rằng vấn đề thiêng liêng lớn nhất của thời đại chúng ta là tính hiệu nghiệm, công việc, thực dụng; nếu chúng ta tiếp tục để cho máy móc chạy thì chúng ta ít có thì giờ và năng lực để làm gì khác.<sup>12</sup> Neil Postman đề xuất rằng, như một văn hóa, chúng ta tự vui đùa thỏa thích cho đến chết, nghĩa là, tự mình xao lãng trong hời hợt nhạt nhẽo ngu đần.<sup>13</sup> Henri Nouwen đã viết một cách hùng hồn về sự tham lam để có kinh nghiệm, về chứng bồn chồn, thái độ thù nghịch, và chứng ảo tưởng gây ra, ngăn cản sự cô tịch, lòng hiếu khách và cầu nguyện trong đời sống chúng ta.<sup>14</sup> Họ nói đúng. Điều mà mỗi tác giả này và vô số các tác giả khác nói là chúng ta, vì đủ thứ lý do, xấu hay tốt, đang đánh mất mình trong lãng quên thiêng liêng. Nó không có nghĩa là chúng ta có một cái gì đó chống lại Chúa, chiều sâu và thiêng liêng, chúng ta muốn những điều này, nó chỉ do thói quen chúng ta quá bận rộn nên không chiếu một trong các chuyện này lên màn hình của chúng ta. Chúng ta bận rộn hơn là xấu, xao lãng hơn là vô hồn, quan tâm đến rạp chiếu phim, sân vận động thể thao, trung tâm thương mại và thế giới kỳ lạ mà chúng tạo ra hơn là đi nhà thờ. Bận rộn thái quá, giải trí, hiếu động là những cản trở chính trong đời sống thiêng liêng của chúng ta hôm nay.

## Vấn Đề Nguy Kịch với sự Thăng Bằng, Dẫn Đến Một Loạt Cuộc Ly Dị

Như chúng ta thấy, có một đời sống thiêng liêng tốt là vấn đề khơi kênh cho đúng tình dục của chúng ta. Trong số những điều mà thế hệ chúng ta chiến đấu ở đây là vấn đề thăng bằng. Có lẽ đây là nơi mà con tàu lịch sử đưa chúng ta cập bến hoặc đây là căn bệnh không chữa lành được, căn bệnh phân tích quá mức mọi thứ; dù vì lý do gì, sự cân bằng lành mạnh, trong bất cứ điều gì, vẫn không là điểm mạnh của thời đại chúng ta. Lúc nào cũng vậy, chúng ta chẻ mọi việc ra và đọ các yếu tố với nhau. Điều này đặc biệt đúng về mặt thiêng liêng.

Một trong những vấn đề nguy kịch của thời đại chúng ta là chúng ta đã tạo ra một loạt các cuộc ly dị bên trong linh đạo, buộc chính mình và người khác phải có những lựa chọn không lành mạnh. Chúng ta luôn tạo ra những lưỡng phân trái phép, những cuộc ly dị không tốt rồi buộc phải chọn giữa hai điều, trong khi thực sự cả hai đều cần thiết để chúng ta khơi kênh một cách lành mạnh cho các năng lực thiêng liêng của mình.

Những cuộc ly dị không tốt này là gì? Như những con quỷ trong Thánh Kinh, chúng là một đạo binh, nhưng có *năm* binh đoàn đặc biệt có tác dụng hủy hoại linh đạo ngày nay và cần được gọi tên và quan sát ngắn gọn:

### ***a. Cuộc ly dị giữa tôn giáo và dục tính***

Trong số tất cả các chọn lựa sai lầm mà chúng ta đối mặt hôm nay, không chọn lựa nào có hại về mặt thiêng liêng, dù chúng ta ở trong hay ngoài Giáo Hội, hơn là lựa chọn mà chúng ta thường thực hiện, dù vô thức, giữa tôn giáo và dục tình. Sự lưỡng phân sai lầm này là gì? Chúng ta có thể giải thích nó cách rõ ràng nhất bằng cách dùng ví dụ.

Cách đây vài năm, tôi tư vấn cho một nữ tu trẻ đang gặp khó khăn khi đi tìm ý nghĩa cho đời sống tu trì. Cuộc chiến đấu của chị không dễ dàng chút nào. Một mặt, chị có một đức tin chân thành. Chị tin vào Chúa và hơn nữa, chị tin Chúa đã gọi chị đi tu, dù các lời khấn khó nghèo, khiết tịnh, vâng lời không trụ vững với tính khí tự nhiên của chị. Mặt khác, tâm hồn chị bị bồn chồn, chị có những dao động dục tình trước cuộc sống làm cho việc sống trong tu viện thành khó khăn.

Cuối cùng chị quyết định. Chị không cố gắng để trở thành nữ tu và đây là cách chị lý luận quyết định đó. Lời nói của chị, mà tôi trích ở đây, là lời nói của nền văn

hóa chúng ta, được nói lên cách vô thức hay ý thức bởi hàng triệu thiện nam tín nữ khi họ cố gắng chọn lựa đời sống thiêng liêng cho mình: “Tôi đã quyết định, tôi tràn đầy sức sống nên không thể là tu sĩ thực thụ. Tôi quá yêu cuộc sống, và quá ham muốn tình dục, quá nghiêng về thể lý, quá cường tráng, quá bám sâu trần tục và những gì nó trao tặng nên tôi không bao giờ có thể theo con đường thiêng liêng đích thực được. Tôi không thể phục vụ Chúa và Giáo Hội, tôi có quá nhiều năng lực tình dục và sáng tạo!”<sup>15</sup>

Những gì chị lý luận ở đây là cuộc ly dị trong nền văn hóa phương Tây giữa tôn giáo và tình dục. Như tất cả những cuộc ly dị khác, nó gây đau khổ, và như trong mọi ly dị, tài sản bị phân chia: Tôn giáo đi đến chỗ giữ lại Thiên Chúa và trần tục đi đến chỗ giữ lại tình dục. Trần tục nhận đam mê và Thiên Chúa nhận khiết tịnh. Chúng ta, con cái của cuộc ly dị đó, như mọi đứa trẻ trong gia đình tan vỡ, thấy mình bị xâu xé giữa hai bên, ước muốn một cách vô thức cha mẹ sống chung lại với nhau.

Nhưng bây giờ, chúng ta sống trong một tình huống tan vỡ. Tôn giáo, đặc biệt trong các giáo hội, được xem là chống ái tình, chống dục tình, chống sáng tạo, chống hưởng thụ, và chống-thế-gian-này. Thiên Chúa, Đấng chở che Giáo Hội, bị xem là khắc kỷ, độc thân, nhạt nhẽo, lạnh lùng, thuộc thế giới khác, và bị tình dục và tính sáng tạo của con người đe dọa. Thế giới trần tục được xem là nhà vô địch tình ái, dục tình, sáng tạo và hưởng thụ, xem như chống Thiên Chúa và Giáo Hội. Và chúng ta bị xâu xé; làm sao chúng ta có thể chọn giữa hai?

### ***b. Cuộc ly dị giữa linh đạo và Giáo hội học***

Một điều lạ đang xảy ra trong thế giới Tây phương ngày nay. Khi con số người đi nhà thờ giảm nhiều thì số người quan tâm đến đời sống thiêng liêng lại tăng. Chúng ta đang chứng kiến sự suy giảm thâm trọng trong Giáo Hội ngay trọng tâm của sự tái sinh đời sống thiêng liêng. Cái gì đang xảy ra?

Một cuộc ly dị đang xảy ra giữa đời sống thiêng liêng và giáo hội học, giữa những người hiểu mình đang đi tìm kiếm thiêng liêng và những người ở trong Giáo Hội. Một lần nữa, cách giản đơn nhất để giải thích điều này là đưa ra một ví dụ.

Cách đây vài năm, Sam Keen, một tác giả người Mỹ xuất bản quyển sách có tựa đề *Tụng Ca dâng lên một Thiên Chúa ẩn danh, Hymns to an Unknown God*. Keen không xa lạ gì với một nền tôn giáo có tổ chức vì ông có bằng cử nhân và tiến sĩ thần học. Điều mà ông viết trong cuốn sách này là đưa ra một sự phân biệt giữa đời sống

thiên liêng (cuộc tìm kiếm thiên liêng) và tôn giáo (đời sống Giáo Hội) để khen cái trước, chê cái sau. Ông tự cho mình là “người theo thuyết bất khả tri đáng tin cậy”, “một Linh Mục Phục Hồi” và mang trên cổ một dấu hỏi thay vì thập giá. Ông tự cho mình là người đi tìm một đời sống thiên liêng. Nhưng con đường thiên liêng theo quan điểm của ông không phải là con đường của một tôn giáo có tổ chức. Mọi tôn giáo đều bắt đầu bằng câu trả lời, ông khẳng định, cuộc tìm kiếm thiên liêng bắt đầu bằng điều ngược lại. Nó bắt đầu bằng các câu hỏi. Đối với Sam Keen, không giống như tôn giáo, trong đời sống thiên liêng, bạn không chỉ đầu hàng. Bạn không chỉ vâng phục.<sup>16</sup>

Ngoài ra, theo quan điểm này, trong cuộc tìm kiếm thiên liêng ở đời sống này, bạn không bao giờ thực sự đến. Theo ông, một khi giữ đạo thì người đó không thể còn cho mình đang đi tìm một đời sống thiên liêng. Đời sống thiên liêng đã bị chuyển thành tôn giáo.

Khi nói điều này, Keen nói thay cho thời đại của chúng ta, lý luận một điều mà hàng triệu thiện nam tín nữ thật sự cảm nhận và tin. Người điển hình hôm nay là người muốn đức tin nhưng không muốn giáo hội, muốn đặt câu hỏi nhưng không muốn nghe câu trả lời, tôn giáo chứ không giáo hội, chân lý chứ không phải vâng phục. Càng điển hình hơn là mẫu người xem mình như một “Kitô hữu phục hồi”, người mà cuộc đi tìm Chúa hiện nay đã làm họ cay đắng với nhà thờ mà ngày xưa họ từng là thành viên.

Nhưng sự phân ly này không phải chỉ một chiều. Buồn thay chiều kia cũng đúng. Chúng ta có đủ tín hữu muốn nhà thờ nhưng không muốn đức tin, muốn câu trả lời nhưng không muốn câu hỏi, muốn giáo hội nhưng không muốn tôn giáo, muốn vâng phục nhưng không muốn sự thật. “Người theo chủ nghĩa thế tục phục hồi” thì giống hệt người bà con xa của mình, “Kitô hữu phục hồi”. Tác động của cuộc ly dị này rõ ràng cắt cả hai con đường.

### ***c. Cuộc ly dị giữa luân lý cá nhân và công bằng xã hội***

Ernst Kaseman, học giả Thánh Kinh danh tiếng, có lần phê bình rằng vấn đề trong thế giới và trong Giáo Hội là ở chỗ người đạo đức thì không phóng khoáng, người phóng khoáng thì không đạo đức. Ông đúng về điều đó, và nêu rõ một cuộc ly dị bi thảm xảy ra bên trong linh đạo và bên trong nền văn hóa Tây phương nói chung – rất hiếm khi tìm được một người vừa có luân lý cá nhân vừa có luân lý xã hội.

Cũng rất hiếm thấy nơi một người, một ý thức, một nhóm, hay một Giáo Hội, có một đam mê cho công bằng xã hội và luân lý cá nhân, vừa hành động vừa chiêm nghiệm, vừa có tài lãnh đạo (chính trị), vừa có tâm hồn nghệ nhân (thần nghiệm). Điều này có nghĩa người lãnh đạo nhóm chống đối thì không lãnh đạo nhóm cầu nguyện, người quan tâm đến giá trị gia đình thì không quan tâm đến hoàn cảnh nghèo đói ở thành phố, người kích động xã hội, chính trị nói chung thiếu chiều sâu nội tâm, vị tha, bình thản của nhà thần nghiệm. Điều ngược lại cũng đúng.

Linh đạo, như chúng ta sẽ thấy, thì như nhau về cả hai mặt - tự do và lòng đạo, hành động và chiêm nghiệm, luân lý cá nhân và công bằng xã hội, quan tâm đến phong trào nữ quyền và Hòa Bình Xanh và Mười điều răn. Buồn thay cho ngày nay, và đây là một trong những khối sục đở ngăn chặn việc sống một đời sống thiêng liêng lành mạnh, chúng luôn luôn tách biệt nhau.

#### ***d. Cuộc ly dị giữa đứa bé có thiên khiếu và người lớn trao ban***

Tối hậu, đời sống thiêng liêng là nói về sự vượt lên chính mình, lòng vị tha và quảng đại. Tôn giáo luôn biến điều này thành trọng tâm của nó. Trưởng thành về mặt tôn giáo là trở thành người cho đi đời sống của mình một cách bất vụ lợi như Đức Giêsu bảo “Không có tình yêu nào lớn hơn tình yêu của người hy sinh tính mạng mình cho bằng hữu.”<sup>17</sup>

Dù nó hiển nhiên đúng, nhưng đôi khi cách thức rao giảng lại có vấn đề. Điều tưởng là lòng quảng đại thì lại bị cho là ích kỷ và tính toán, điều tưởng như món quà thì lại phải có điều kiện. Không dễ dàng định nghĩa được lòng quảng đại đích thực. Tất cả chúng ta đều quen thuộc với tình cảnh một người hy sinh vì bạn nhưng cuối cùng lại chuốc cay đắng và cảm thấy mình bị lợi dụng. Người ta có thể vác thập giá giùm người khác nhưng sau đó lại gởi biên lai cho họ.

Trên con đường tìm kiếm để vượt lên chính mình, thường thường chúng ta không thể vạch ra được khác biệt giữa người tự-cho-mình và kẻ bị cho là nạn nhân. Khi nào là vị tha và khi nào chỉ là tấm thảm chùi chân? Khi nào quảng đại là đức hạnh và khi nào nó là dấu hiệu của yếu đuối hay nhút nhát?

Cách đây gần hai mươi năm, Alice Miller, tâm lý gia người Thụy Sĩ viết một khảo luận ngắn đã tạo nên một ảnh hưởng lớn, “*Thảm kịch của một đứa bé có thiên khiếu* - The Drama of the Gifted Child.”<sup>18</sup> Theo bà, đứa bé có thiên khiếu không phải là đứa bé có chỉ số thông minh cao, đứa bé Einstein. Đúng hơn, nó là một người, mà từ trong bụng mẹ, nó đã rất nhạy cảm, người đón nhận, hướng nội, sống theo mong

đời của người khác. Đứa bé có thiên khiếu là đứa bé làm vui lòng người khác, người không muốn làm người khác thất vọng.

Nhưng như bà Miller tiếp tục cho thấy, những người hy sinh cho người khác vì sợ làm người khác thất vọng thì rất cuộc, đến nửa đời, họ cảm thấy cay đắng, cảm thấy mình là nạn nhân, tức tối vì luôn phải hy sinh nhu cầu cá nhân mình cho mong muốn của người khác. Đứa bé có thiên khiếu cuối cùng thành người lớn cay đắng. Lòng quảng đại có thể dễ dàng đưa đến tức giận cũng như niềm vui.

Đời sống thiêng liêng là hy sinh đời sống mình cho bằng hữu. Bi thảm thay ngày nay, có một cuộc ly dị giữa những người rao giảng điều này, nhưng họ lại không nhạy cảm trước thảm kịch của đứa bé có thiên khiếu, và những người quá nhạy cảm với nỗi đau của nạn nhân, họ không thể thấy điều cao quý nhất mà con người có thể làm là chết cho một điều gì vượt quá lên mình. Về mặt thiêng liêng, đứa trẻ có thiên khiếu có nghĩa là nó sẽ trở thành người lớn có thiên khiếu, người mà như Đức Giêsu có thể nói “Mạng sống của tôi không ai lấy được, nhưng chính tôi tự hy sinh mạng sống mình.”<sup>18</sup> Tiếc thay, trong môi trường văn hóa và tôn giáo hôm nay, quá ít người có thể giữ được tính chất của cả hai mẫu này, đứa bé có thiên khiếu và người lớn có thiên khiếu. Nói chung xã hội quá nhấn mạnh đến người trước và giáo hội quá đề cao người sau.

### ***e. Cuộc ly dị bởi nền văn hóa đương thời với chế độ gia trưởng và di sản Kitô***

Cụm từ khá gây tò mò này có nghĩa là gì? Đối với tôi nó như một dụ ngôn. Có một câu chuyện thần thoại có tên là Dịu Ngọt Cuộc Đời - *The Sweetness of Life*.<sup>20</sup> Nó là một câu chuyện dài, phức tạp nhưng có một phần soi dọi vào câu hỏi của chúng ta:

Ngày xưa ngày xưa có một người thợ săn, một người thợ săn kinh nghiệm, biết mọi sự phải biết về rừng. Ông biết loại quả nào độc, loại nào ăn được, loại cây nào tốt, loại nào xấu. Ông biết loài chim nào săn được và chúng nấp ở đâu. Ông biết tất cả điều này vì ông được thân phụ dạy, thân phụ ông được ông nội dạy, ông nội được ông cố dạy... vân vân và vân vân qua nhiều thế hệ. Người thợ săn kinh nghiệm xuất thân từ một dòng dõi những người đi săn cao cả và khôn ngoan.

Ngày kia, vợ của ông có thai và, theo trực giác, ông biết ông sẽ có đứa con trai đầu lòng. Vì thế, mỗi đêm, khi vợ ngủ, nhờ một ma thuật ông tự tạo, ông đẩy linh hồn đứa con trai ra khỏi lòng mẹ, dẫn nó vào rừng để dạy tất cả bí mật của rừng:

loại trái cây nào độc, loài cỏ nào ăn được, nơi chim chóc sống, và săn chúng thế nào. Rồi trước khi sáng, nhờ vào ma thuật của mình, ông đặt con ông vào lòng mẹ lại. Còn bà mẹ, bà ngủ và không biết đêm đêm con bà rời bà để đi học săn với cha.

Cuối cùng, ngày con bà chào đời cũng đến. Các phụ nữ trong làng tập hợp lại để hát các bài hát ca ngợi đứa con đầu lòng và đứa trẻ được sinh ra. Đứa trẻ mới lớn làm sao! Và sớm phát triển làm sao! Nó chỉ bú mẹ một ngày. Hôm sau nó không chịu bú sữa và đòi ăn thịt. Ngày thứ ba nó bắt đầu đi. Ngày thứ tư nó chạy và các ngày sau đó nó đã đủ trưởng thành để đi theo cha vào rừng săn.

Cha con lên đường và ngay lập tức họ băng qua khu đất phá hoang vào rừng, họ thấy ong mật. Biết các bí mật của rừng, họ theo ong mật, biết nó sẽ dẫn họ đến chỗ lấy mật. Khi đến cây mà nơi đó các con ong đã xây một kho trữ mật lớn, người cha trèo lên cây và dặn con: “Cha sẽ đưa tảng ong xuống cho con. Con đặt chúng vào ống điếu, nhưng đừng ăn tí mật nào. Cũng đừng liếm tay con vì mật rất đắng, nó chưa ăn được!”

Nhưng người con, biết tất cả những gì cha đã dạy mình, và cũng biết thật ra mật rất ngọt nên thay vì đặt vào ống điếu như cha bảo, thì cậu đã ăn sạch đến giọt cuối cùng, ăn xong, cậu liếm tay sạch. Khi người cha trèo xuống và thấy điều đã xảy ra, ông rất giận. Ông tức tối nhìn con chằm chằm và nghi ngờ người con trai đang đứng thách thức trước mặt ông.

Trong nhiều điều, đây là hình ảnh của mối tương quan nội bộ giữa truyền thống Do Thái - Kitô giáo và nền văn hóa của thế giới phương Tây ngày nay.

Nền văn hóa là người con trai. Nó đứng trước tổ tiên, truyền thống Do Thái-Kitô giáo, hơi lằm đờng lạc lối một chút. Dùng chính những bí mật mà nó học được từ cha, nó thừa với ông: “Cha trao cho con cay đắng trong khi lẽ ra cha nên trao cho con ngọt ngào. Cha dối con! Cha đầy cả những cấm đoán sai lạc, những cấm kỵ nghiêm khắc, những nỗi sợ không cần thiết. Đáng lý cha phải cho vị ngọt cuộc đời, nhưng những mệnh lệnh và cấm kỵ của cha mang lại sự chết và tội lỗi thay vì sự sống và ngọt ngào.”

Truyền thống Do Thái-Kitô giáo là người cha, tổ phụ, phẩm trật, đứng ở gốc cây có mật ong, cảm thấy bị người con mà chính mình ra sức dạy các bí mật đánh lừa, quả thực, như René Girard nói, không phải vì chúng ta phát minh khoa học mà chúng ta không còn phóng hỏa các phù thủy nhưng đúng hơn nhờ Do Thái-Kitô giáo, chúng ta ngưng phóng hỏa phù thủy nên chúng ta phát minh được khoa học.<sup>21</sup>

Và vì thế chúng ta bị dính vào một cuộc ly dị khác. Một mặt, chúng ta có truyền thống Do thái-Kitô vốn dạy chúng ta các bí mật của rừng và bây giờ truyền thống này cảm thấy mình bị lừa, các giới răn căn bản của mình bị chọc thủng và cảm

thấy mình bị chính con ruột xét xử gay gắt. Mặt khác, là nền văn hóa của chúng ta, như chàng thiếu niên đầy thách thức, nổi lên kết án truyền thống, tổ tiên về cách ứng xử không mang sự sống mà dẫn đến cái chết. Như bất cứ đứa trẻ nào bị lâm vào cảnh ly dị đau thương, chúng ta đứng giữa hai bên, cảm nhận sự không tương hợp của họ, không biết nên theo bên nào.

## Hướng đến linh đạo Kitô

Không ai nghi ngờ sự chân thành của thế hệ chúng ta. Đối với linh đạo, chúng ta không chiến đấu với lòng chân thành nhưng với sự hướng dẫn. Tâm hồn chúng ta ngay thẳng, nhưng tâm trí và đôi chân chúng ta không biết đi hướng nào. Nhiều con đường mời gọi, nhiều giọng nói kêu mời, và chúng ta đã biết có nhiều lối dẫn chúng ta đi xa con đường hẹp mà Đức Giêsu có lần gọi là con đường dẫn đến sự sống vĩnh cửu.

Mỗi thế hệ có đêm tối linh hồn, có cảm dỗ nghiêng về tuyệt vọng riêng, cũng như có những cố gắng riêng để tìm bình an tâm hồn và làm hòa với Chúa. Đêm tối linh đạo của chúng ta bị định dạng do sự ngây ngô của chúng ta về bản chất năng lực thiêng liêng; bởi sự hợp lực của chúng tự mê, chúng thực dụng, chúng bồn chồn để chống lại chiều sâu và cầu nguyện; và bởi sự bất lực không cùng ở với nhau trước áp lực căng thẳng của một loạt các chuyện lưỡng phân.

Làm thế nào chúng ta tiến lên phía trước, cùng một lúc thực tế và xem xét tất cả các áp lực đặc biệt chỉ có duy nhất ở thời đại chúng ta? Chúng ta cần nhãn quan và nguyên tắc nào để khơi kênh ngọn lửa đục tình và thiêng liêng bên trong chúng ta hầu kết quả cuối cùng của nó là sáng tạo vào ban ngày và nghỉ ngơi vào ban đêm và có một giao hòa vững bền với Thiên Chúa, với nhau và với chính mình?

Dù không đầy đủ, các chương tiếp theo sẽ cố gắng trả lời các câu hỏi đó. Chúng sẽ không cố gắng đưa ra những câu trả lời từ nhãn quan nhân bản và tôn giáo rộng nhất có thể, dù đó là lý tưởng. Bởi vì một cuốn sách không thể chứa đầy nhãn quan bao quát bất cứ điều gì, đôi lúc khiêm tốn lại là tốt. Chắc chắn nỗ lực ở đây sẽ là như thế. Nó sẽ tự giới hạn ở một nhãn quan nào đó thay vì bao quát. Khi làm thế, nó muốn nó là cuốn sách đầu tiên thừa nhận rằng có những tinh thông vô giá, những tinh thông tôn giáo cần được rút ra từ tư tưởng thế tục của con người và thậm chí rõ ràng hơn, từ các tôn giáo thế tục khác. Thiên Chúa vẫn ngõ lời bằng nhiều cách khác nhau và không một người nào hay tôn giáo nào có một độc quyền về chân lý.



Nhưng với điều tôi đã nói, tôi không đưa ra thêm lời biện hộ nào cho việc chọn lựa thuê dệt các nhãn quan này để có thể đưa vào khuôn khổ của một khung sườn Kitô giáo đặc thù. Tôi viết, không phải như một nhà phân tích trung lập, nhưng như một Kitô-hữu trong cộng đoàn Công giáo, thờ phượng, có đức tin. Những gì sau đó, trước tất cả, tôi muốn giúp những ai đi tìm chính mình trong cùng cộng đoàn đó. Tuy nhiên, tôi hy vọng rằng các nhãn quan này cũng có thể giúp những ai, vì bất cứ lý do nào, ở bên ngoài cộng đoàn này, ngạc nhiên tự hỏi cộng đoàn này có thể mang lại điều gì.

Và như thế, dựa trên lời của Thánh Âu-tinh, tôi bắt đầu bằng những lời này: “Hãy để người đọc của tôi đi với tôi khi cô chia sẻ trọn vẹn các xác quyết của tôi; hãy để cô tìm kiếm với tôi khi cô chia sẻ các nghi ngờ của tôi; hãy để anh trở lại với tôi khi anh nhận ra mình sai lầm; hãy để anh gọi tôi quay lại đường chính khi anh thấy tôi lạc lối. Bằng cách này chúng ta hãy cùng đi trên con đường của đức ái, hướng về anh/chị, những điều này được viết lên.”<sup>22</sup>

## PHẦN II

---

### Nguyên tắc thiết yếu của Linh đạo Kitô giáo

*Cầu nguyện, ăn chay và bố thí*

Chúa Giêsu

*Tôn giáo cánh hữu nghĩ rằng để sống tâm linh, bạn phải quá khích và chính thống... và tôn giáo cánh tả cũng đồng ý như vậy!*

Jim Wallis

*Đã đến lúc cả cánh tả và cánh hữu đồng thuận rằng họ đã cạn kiệt khả năng hình tượng sáng tạo, và rằng phạm trù tự do hay bảo thủ đã không còn hữu hiệu, và điều cần thiết là chính chủ nghĩa cấp tiến sẽ dẫn đến những gì vượt trên cả cánh tả và cánh hữu. Chủ nghĩa cấp tiến đó có thể tìm thấy trong tin mừng, một chủ nghĩa không tự do cũng không bảo thủ nhưng thấu cảm.*

Jim Wallis

*Chúng ta phải được thiêu đốt lần nữa, vì hy vọng của chúng ta không phải là một hy vọng dễ dàng. Chúng ta sống trong một nền văn hóa của tuyệt vọng mà Lễ Hiện xuống không được mang đến để ban ơn. Bởi vậy chúng ta phải tự mang lấy gánh nặng của thời đại và từ chối không để Thần Khí là một cái gì riêng tư nhưng là một tinh thần đáng kể.*

Marry Jo Leddy

Chúng ta có những thói xấu mà chỉ có Thiên Chúa mới chữa lành được!

*Los Angeles Gang Member to a Church Group*

3.

### **Những yếu tính không nhân nhượng**

*Dẫn con đi, hỡi Ánh sáng nhân lành, trong bóng đêm vây phủ, xin Ngài dẫn con đi!*

*Đêm đã tối và con lạc bước xa nhà - xin Ngài dẫn con đi!*

*Xin đưa bước chân con; con không xin được nhìn thấy*

*Cảnh ở nơi thật xa – xin đưa chân con đi một bước là đủ cho con rồi.*

John Henry Newman, “Cột lửa”

### **Tình thế của vấn đề – Một đa nguyên tràn ngập**

Chúng ta sống trong một thế giới phong phú nhất trong mọi sự, ngoại trừ sự rõ ràng trong lĩnh vực tâm linh. Không dễ dàng để biết cái gì thiết yếu chúng ta nên sống trong đời sống đức tin. Cụ thể, chúng ta nên làm gì? Ai là người chúng ta phải lắng nghe? Mặc dù chúng ta có thể chấp nhận một tín ngưỡng, được rửa tội vào giáo đoàn, và đã quen thuộc với Kinh Thánh, chúng ta vẫn triền miên lệ thuộc những tiếng gọi lôi kéo chúng ta theo các hướng khác. Hàng ngày chúng ta phải đối mặt với một chuỗi câu hỏi phức tạp: Điều này có quan trọng hay không? Đây có phải là một cái gì đúng đắn đích thực hay chỉ là thoáng qua nhất thời? Liệu điều này sẽ tồn tại hay qua đi? Tôi có phải cuốn vào đó, hay tôi có thể chọn lựa chối bỏ nó? Liệu giáo hội và giáo lý này đúng hay sai? Liệu đây là điều căn bản hay chỉ đơn thuần là ngẫu nhiên?

Điều gì là thiết yếu và không nhân nhượng trong linh đạo Kitô giáo? Rường cột nào chúng ta phải dựa vào để xây dựng nên đời sống tâm linh của mình?

Trước khi định danh và thẩm xét những rường cột này, sẽ hữu ích khi chúng ta nhìn vào lịch sử linh đạo hiện tại của chúng ta và nơi nào lịch sử này mang chúng ta đến. Chúng ta đến từ đâu? Hành trang lịch sử tâm linh nào mà chúng ta mang đến trong tình thế hiện tại.

#### **1. Lịch sử của chúng ta – Chúng ta đến từ đâu?**

Ở đây, lịch sử chúng ta không đóng khung trong một khối. Là Kitô hữu, chúng ta thấy mình ở trong một linh đạo phong phú đa dạng với nhiều nền tảng khác nhau, nhưng không phải là không mơ hồ. Chúng ta đã không luôn nhất trí về những gì là thiết yếu trong đời sống thiêng liêng và chúng ta sống đời sống đức tin của mình cách hơi khác biệt. Công giáo La Mã, Tin lành, và xã hội thế tục mỗi bên đều có lịch sử riêng biệt trong lãnh vực tâm linh và mỗi người đi đến tình trạng hôm nay với hành trang duy nhất riêng của mình.

### *a. Công giáo La Mã*

Cho đến ba mươi năm gần đây, thần học căn bản và linh đạo của Giáo Hội Công giáo La Mã được định hình bởi một số nét rất rõ và dễ nhận thấy. Được xem là người giữ đạo Công giáo nếu bạn đi nhà thờ đều đặn, cầu nguyện riêng, cố gắng giữ các điều răn, không công khai chống lại giáo huấn giáo hội về hôn nhân và tính dục, góp phần vào việc nâng đỡ Giáo hội, và không sống lối sống gây dèm pha công khai.<sup>1</sup> Tuy nhiên điều này chỉ là mức tối thiểu. Giữ một số việc như vậy làm cho bạn thành người Công giáo nhưng không nhất thiết khẳng định bạn là người lành mạnh.

Điều giúp xác định bạn là lành mạnh một phần dựa vào cách giữ đạo cụ thể, đặc biệt nơi những người sùng đạo và khổ hạnh. Vì vậy, bạn không chỉ là người Công giáo vì bạn đã đến nhà thờ và tôn trọng giáo luật về tính dục và hôn nhân; bạn cũng chỉ là người Công giáo vì bạn có giữ một số điều khác: Bạn là người Công giáo vì không ăn thịt ngày thứ Sáu, giữ chay trong Mùa Chay, bố thí cho người nghèo, lần hạt Mân Côi, hỗ trợ cho các hội truyền giáo làm việc ở nước ngoài, tham dự các việc giữ đạo sùng tín khác. Để là người Công giáo có nghĩa là đi châu, đi Đàng Thánh Giá, lần chuỗi Mân Côi, sùng kính Thánh Giuse, Thánh Tâm, đi nhà thờ thứ Sáu, thứ Bảy đầu tháng; đọc Hạnh các thánh và các sách thiêng liêng khác, cầu nguyện cho các đấng linh hồn, có chân trong một số á bí tích, thích tượng thánh, nước thánh, và làm phép các vật dụng trong đời sống của bạn, đi hành hương các nơi như Lộ Đức, Fatima.

Đồng thời, cho đến thế kỷ vừa rồi, kể từ thông điệp xã hội của Giáo hoàng Lêô XIII năm 1870, sự cần thiết phải thực thi công bằng xã hội đã tăng tiến như là một phần quan trọng trong linh đạo Công giáo. Định rõ bạn là người Công giáo hay không là dựa vào việc bạn có làm hay không làm điều đó. Tuy nhiên, ngoại trừ một vài ngoại lệ, mệnh lệnh này không bao giờ đặt nó chính yếu là trọng tâm của linh đạo Kitô giáo như các yếu tố sùng mộ và bí tích vừa nêu ra.

Khác với một số điều thiết yếu của giáo hội (thuộc về giáo hội), các việc thực hành tâm linh này (linh đạo) được xem là công việc nuôi dưỡng và huấn luyện đức tin chứ không phải là điều cốt yếu của đức tin. Tất nhiên, đôi khi, quan điểm này mất đi và, đối với một số người, các thực hành này đã trở nên điều cốt yếu cho đức tin của họ, nhưng đó không bao giờ là giáo huấn chính thức của Giáo Hội Công giáo La Mã và dĩ nhiên nó không bao giờ là trọng tâm của việc giữ đạo.

Đồng thời, các giữ đạo này thường có một cung bậc cụ thể, ấy là, với một số ngoại lệ nổi bật, cách giữ đạo này mang dáng dấp lối sống tu sĩ, khó nghèo, mộ mến và tĩnh mịch. Nam nữ tu sĩ, tất cả những mẫu người khổ hạnh, độc thân, mộ đạo, hướng nội, thích tĩnh lặng đều tương hợp với linh đạo Công giáo. Nghịch lý là những người thích uống rượu, hút thuốc và tiệc tùng cũng làm như vậy.<sup>2</sup>

Phải công nhận rằng điều này có phần khái quát, nhưng cho đến khá gần đây, trong một vài thế kỷ trở lại, đặc nét linh đạo Công giáo La Mã vẫn thể hiện qua lối giữ đạo và cung bậc này.

### ***b. Tin Lành***

Còn Tin Lành làm những gì trong suốt thời gian này? Về phần mình, đạo Tin lành đồng ý với sự nhấn mạnh của Công giáo La Mã đối với việc tham dự vào các sinh hoạt của nhà thờ, tầm quan trọng của lời cầu nguyện riêng và đạo đức cá nhân. Họ cũng xác định một Kitô hữu sống đạo chủ yếu bởi những đặc tính này.

Tuy nhiên, ngoài sự đồng thuận về các việc giữ đạo thiết yếu này, Tin Lành khác biệt với Công giáo La Mã một cách đáng kể trong linh đạo thực hành của họ. Cách nào người Tin Lành nỗ lực nuôi dưỡng và huấn luyện đức tin của họ ngoài việc đi nhà thờ ngày Chúa nhật?

Tin Lành đã có một cách thực hiện khác biệt trong lãnh vực linh đạo. Họ ngờ vực – vừa lành mạnh vừa cuồng hoảng – lòng sùng kính và bí tích trong Công giáo La Mã. Thay vào đó họ nhấn mạnh vào Kinh Thánh – đọc và tích cực nỗ lực hướng đời mình sống theo đó. Tin Lành cũng nhấn mạnh đến việc làm bác ái riêng và trong một số nhà thờ, họ có một kiểu thức rõ ràng đòi hỏi thành viên tham dự vào việc đấu tranh cho công lý. Ở một số nhóm Tin Lành, để trở thành Kitô hữu và nuôi dưỡng đức tin như một Kitô hữu, có nghĩa là hành động chống lại bất công dưới mọi dạng thức. Vì thế, linh đạo Tin Lành chính là nguồn lực dẫn dắt bên trong của nhiều phong trào công lý, từ giải phóng nô lệ đến việc thiết lập hệ thống y tế quần chúng.

Và cũng như Công giáo La Mã, linh đạo Tin Lành cũng có một số cung bậc nhất định. Đó là dựa vào Kinh Thánh, không sống đời tu nhật, và (đặc biệt trong một số giáo đoàn) nhấn mạnh đến sự cần thiết cho một trải nghiệm riêng tư với Chúa. Những người yêu chuộng việc đọc Kinh Thánh, những người muốn một tinh thần Kitô thuần khiết và khắc kỷ (không có sự sùng mộ, ngoan đạo và các lễ nghi bí tích) những người muốn có cảm xúc, một trải nghiệm riêng tư của sự tái sinh trong Chúa Giêsu, những người muốn cải cách xã hội là những người giữ đạo Tin Lành tốt đẹp. Nghịch lý, những người chủ trương cấm rượu, thuốc lá, bài bạc, tiệc tùng quá độ cũng làm như vậy.

Một lần nữa, phải thừa nhận rằng điều này quá đơn giản nhưng vẫn cần thiết, như hầu hết các nét vẽ khái quát, nó sẽ mang lại một tầm hiểu biết để đối lại với cách hiểu cũ. Trong trường hợp này, nó giúp rọi sáng nơi xuất phát cách đây vài thế kỷ trong linh đạo của Tin Lành.

### ***c. Xã hội thế tục***

Nói cách khác, xã hội thế tục có thể ngoại suy qua thái độ nó không có một hình dáng nhất định, họ nhìn linh đạo Kitô giáo với cái nhìn của thời đại Ánh sáng. Do đó, đối với phần chính, họ xem linh đạo Kitô giáo (tinh thần hữu thần giáo nói chung) với cái nhìn ngờ vực. Đối với họ, ở khía cạnh tốt nhất, linh đạo là một nghệ thuật hữu ích và ở khía cạnh xấu nhất, nó chỉ là một mê tín gây hại.

Mặc dù thái độ đó hiện nay có thay đổi, về cơ bản nó vẫn thống trị triết học thế tục và định dạng tất cả các quyết nghị chính trị và tư pháp của chúng ta. Theo quan điểm này, linh đạo, xét ở tầm xa nhất có thể, đặt trọng tâm vào niềm tin hiện thực nơi Thiên Chúa, vì vậy, nơi chốn hiện hữu của nó là nhà thờ và nhà riêng của người dân, chắc chắn là nó không có chỗ trong lãnh vực công cộng, có chăng là trong nhãn quan tài liệu nghiên cứu sử học. Do đó, nó không nên có chỗ đứng trong chính trị, kinh tế, hay trong chương trình học chuyên sâu của đại học. Hữu thần tâm linh nói chung và tinh thần Kitô giáo nói riêng, đối với tư duy thế tục là một điều gì quá đối riêng tư và huyền bí, có thể được chấp nhận được ở ngoài rìa xã hội, nhưng chẳng có gì quan trọng để đem vào trọng tâm. Đó là quan điểm của thời đại Ánh sáng và vẫn còn cho đến bây giờ, căn bản, còn lưu một vài nhận thức lệch lạc, quan điểm của xã hội thế tục.

Tuy nhiên, đầu óc con người là đầu óc gắn liền với tôn giáo không xóa mờ được, nó giữ tính cách tôn giáo trong mọi sự, dù nền triết học thế tục có nói gì đi nữa. Như vậy, ở thế giới phương Tây, mặc dù thời đại Ánh sáng đã vứt bỏ tôn giáo,

các biến chuyển sôi sục trong tôn giáo vẫn tiếp tục và tiếp tục, để trở nên một lòng mộ đạo nhiệt thành, dù ở dưới một dạng khác.<sup>3</sup> Ai cũng thờ phượng ở những nơi tôn nghiêm.

Vì vậy, ví dụ, tất cả các thể loại hệ tư tưởng, từ chủ nghĩa Mác đến nữ quyền thế tục, đều muốn thay thế chuẩn mực lý thuyết của lịch sử cứu độ trong Do Thái giáo - Kitô giáo, họ đề xuất câu chuyện mới này như câu chuyện cứu độ; nghệ thuật thế tục thì biến đổi tính sáng tạo thành một tôn giáo mà trong đó Chúa cũng mong sao cho hình tượng khắc khe của của mình trong Do Thái giáo, Kitô giáo, và Hồi giáo được nhẹ như vậy; luân lý thế tục đòi hỏi một học thuyết chính quy (nói năng đúng quy định) mà tôn giáo kinh điển chỉ mong sao được như vậy; những người quá khích trong chủ nghĩa thế tục vẫn không ngừng đi tìm lý do để bức tử tôn giáo; thuyết suy nghĩ tích cực và các nhà mô phạm điển hình đề nghị một loại tôn giáo mang hy vọng mới; những người tôn thờ thân thể tráng kiện chủ trương đọa đày thân xác như kiểu tu khổ hạnh, thay thế các linh đạo xưa chú trọng đến tâm hồn bằng linh đạo chú trọng thể xác; chủ nghĩa bá vật, thờ phượng thiên nhiên tạo các hình thức tôn giáo mới; các huyền thoại và chuyện thần tiên thay thế chuyện Kinh Thánh; những nơi chốn tâm linh mới (từ Graceland tưởng niệm Elvis Presley đến mộ của Công nương Diana) liên tiếp ra đời, và các hình thức thế tục tôn vinh sách vở, các nhân vật thì làm những việc như các tôn giáo làm khi phong thánh. Tôn giáo không bao giờ ở bên lề. Ai cũng có đời sống tâm linh, kể cả những đứa trẻ ngày nay đã lớn của thời đại Ánh sáng.

Ngày nay, thế giới thế tục cũng đi vào đấu trường tâm linh với rất nhiều hành trang tôn giáo.

## 2. Tình trạng hiện nay

Tất cả những điều nói trên bỏ chúng ta lại ở đâu? Rất nhiều dữ kiện như vậy vừa phong phú vừa gây hoang mang. Ngày nay bước vào một hiệu sách tâm linh, độc giả bị tràn ngập bởi vô số loại và chọn lựa. Cũng vậy, quá nhiều tiếng nói luân lý và tôn giáo dồn dập xâm chiếm chúng ta mỗi ngày. Những tiếng nói này mời gọi chúng ta hướng đến tất cả hình thức giữ đạo, dù mới hay cũ... *Tham dự khóa học Kinh Thánh. – Dự buổi cầu nguyện. – Cam kết làm việc cho một nhóm vì công bằng xã hội. – Gia nhập hội bảo vệ nữ quyền. – Gia nhập hội các ông - đăng ký gia nhập nhóm Hứa Giữ Lời (Promise Keepers). – Theo nhóm cầu nguyện này. – Thử kiểu suy niệm khác. – Đối diện với đam mê quá độ qua chương trình 12 bước. - Phát triển cao nhất*

*tiềm năng của bạn thông qua các bước này. -Tìm hiểu những gì tôn giáo Đông phương mang lại cho bạn. - Làm một phân tích tiềm năng nội lực tâm lý. - Dự khóa thăng tiến hôn nhân. -Tái hồi khí đan điền. - Đồng thuận với con sói trong bạn. - Dự khóa linh thao I-Nhã -Tham gia nhóm Tái sinh lại. -Dâng hiến cuộc sống cho Chúa Giêsu. - Nói kết nhiều hơn với thiên nhiên. Ngày nay, chúng ta nghe rất nhiều tiếng gọi tâm linh.*

Ví dụ nếu bạn chỉ xếp loại các trường phái suy tư chính và các phong trào chủ chốt trong đời sống thiêng liêng ở phương Tây ngày nay, bạn sẽ có một danh sách trải rộng đều, mỗi một trong số đó, về căn bản là một linh đạo. Trong mỗi cái, bạn thấy một ý niệm nào đó về Thiên Chúa, đôi khi tiềm ẩn hơn là hiển hiện, và trong mỗi cái, bạn có một lối đi nhất định thể hiện rõ tinh thần của trường phái. Cũng trong mỗi trường hợp, tập trung mạnh vào một điều sẽ định dạng cách hiểu những điều khác. Và vì vậy nếu bạn bước vào hiệu sách chuyên về tâm linh ngày nay, bạn sẽ tìm thấy các thể loại sách vô cùng phong phú, mỗi loại mời bạn định dạng tinh thần môn đệ của mình theo tính nhạy cảm riêng. Nên bạn sẽ tìm thấy những cuốn sách, các linh đạo tâm linh đặt trọng tâm trên đó.

*Vật lý tạo dựng, thiên nhiên (tạo dựng-trọng tâm các nhà thần học, một phần của Thời đại mới, một phần của Khoa học chủ nghĩa); Uy quyền Đức Giêsu và lời Chúa (các nhóm Đặc Sủng, các nhóm Thánh Linh, các nhóm Phúc âm, nhóm Hứa Giữ Lời Promise Keepers); phụ nữ và dân tộc bị áp bức (nữ quyền, thần học giải phóng, các nhóm công bằng xã hội); đàn ông và cuộc đấu tranh của họ (tâm linh nam tính); bất công trên thế giới và trật tự mới của Thiên Chúa (nhóm công bằng xã hội); suy niệm và cầu nguyện riêng (các nhóm cầu nguyện và suy niệm); các thói nghiện của chúng ta và phương cách giải thoát (chương trình mười hai bước, loại sách về hệ thống, gia đình bất ổn); linh hồn và các thiên thần và ác thần của nó (các đồ đệ của Jung, của James Hillman, một phần của phong trào Thời đại mới); huyền thoại, tưởng tượng tích cực, khôi phục các quy trình lễ nghi nhân chủng học (nữ quyền, tâm linh nam tính, phong trào Thời đại mới, phái Hillman); đi theo sự hoàn hảo và liên kết sáng tạo với tính ưu việt nội tại cao nhất của chúng ta (bậc thầy của tư duy tích cực, một phần của chủ nghĩa Khoa học, Shirley MacLaine). Đồng thời, bạn sẽ tìm thấy một loạt sách về tôn giáo Đông phương, đau khổ là con đường tái tạo tâm linh mới, phúc lành là con đường trưởng thành và tái sinh tinh thần, và nhiều kiểu thức nhân cách, trải nghiệm nhân cách và các nguyên mẫu.*

Đây chỉ là những thành phần nổi bật của cả khối, và với sự phong phú và rất nhiều dữ kiện hoang mang này, mỗi người chúng ta phải phân loại những gì là thiết yếu cho chính mình.



### 3. Sắp xếp – tìm kiếm Chân giá trị và Cân bằng

Trong số tất cả các tiếng gọi này, cái nào là đúng? Trong số tất cả các viễn tượng và học thuyết này, cái nào có chân giá trị tinh thần thực sự và cái nào chỉ là chuyện vớ vẩn nhất thời chóng qua? Cái gì hữu ích, cái gì tai hại? Cụ thể hơn, đối với người Kitô hữu chúng ta, cái gì nên là một phần cho tinh thần môn đệ Kitô và cái gì nhân danh Chúa Kitô chúng ta phải phớt lờ hoặc bác bỏ?

Theo cách cổ điển, trong tinh thần Kitô,<sup>4</sup> chúng ta phải phân biệt, điều này rất hữu ích, khi chúng ta đi tìm một thứ trật và thăng bằng trong tất cả các điều này. Thần học Kitô giáo đã luôn luôn dạy rằng có một thứ trật của sự thật, rằng không phải tất cả các sự thật đều có tầm mức quan trọng giống nhau, và rằng chúng ta phải phân biệt được giữa sự thật nào là thiết yếu và sự thật nào là thứ yếu.

Sự thật thiết yếu là những gì cần thiết cho mọi người, mọi người phải tuân theo và không khoan nhượng cho bất cứ ai. Những điều này không thể bị bác bỏ hoặc đóng khung dựa theo nền tảng khí chất, thị hiếu, tình thế, hay thiếu hụt thời gian thực hiện. Trong trường hợp sự thật thiết yếu, chẳng hạn như mười điều răn, nó không phải là vấn đề lựa chọn cá nhân (“Tôi cảm thấy thích làm hay không thích làm”). Chúng không nhân nhượng và là mệnh lệnh chung.

Mặt khác, so với sự thật chân chính, sự thật thứ yếu là sự thật mà tầm quan trọng của nó chỉ phụ vào sự thật thiết yếu. Với nhiều lý do, sự thật thứ yếu có thể bị loại bỏ hoặc đóng khung. Vì vậy, lấy ví dụ chuyện Đức Mẹ Đồng Trinh Diễm Phúc Maria hiện ra ở một đền thánh nào đó là có thật. Tuy nhiên, dù nó thật, thì sự thật đó không cách nào có cùng tầm quan trọng như sự thật trọng tâm là Thiên Chúa nhập thể trong Đức Kitô. Sự thật về chuyện Đức Mẹ hiện ra thì thần học cổ điển gọi là sự thật phụ. Sự thật mà nếu truyền giảng thì không buộc mọi người phải tuân theo, nhưng là một điều bạn có thể chọn (tùy theo tính khí, thị hiếu, xuất thân, văn hóa, hay thời gian) để tin hay không. Không giống như sự thật về việc nhập thể hay mười điều răn, ở đây có một sự khoan nhượng, không phải về việc nó có thật hay không, mà về liệu nó có là điều chúng ta nên dự phần vào hay không.

Trên cơ sở phân biệt đó, giữa giá trị lâu dài và nhất thời, chúng ta có thể tự hỏi: Trong tất cả các dữ kiện phong phú hiện nay về linh đạo, cái gì là thiết yếu? Các sự thật nào cao cả hơn? Cái gì là mệnh lệnh phổ quát đối với tinh thần môn đệ Kitô? Cái gì là không khoan nhượng trong đời sống tâm linh?

## **Yếu tính của Linh đạo Kitô - Bốn trụ cột không nhân nhượng của đời sống thiêng liêng**

### **1. Dẫn giải**

Bốn trụ cột thiết yếu này hỗ trợ cho bất cứ một nền linh đạo Kitô lành mạnh nào. Đây là thách thức tinh thần phải được thực hiện phổ quát và được Đức Kitô mặc khải như yếu tố không nhân nhượng về tinh thần môn đệ Kitô. Những trụ cột này là gì?

Có lần trong khi đi rao giảng, Đức Giêsu đặc biệt nêu rõ ba điểm quan trọng trong tinh thần môn đệ: cầu nguyện, chay tịnh và bố thí.<sup>5</sup> Với Ngài, đây là các trụ cột của đời sống tinh thần. Tuy nhiên, chúng ta phải hiểu những mệnh lệnh này theo cách của Chúa Giêsu muốn nói. Với Ngài, cầu nguyện không chỉ có nghĩa là cầu nguyện riêng tư, mà phải giữ các điều răn và cầu nguyện chung với người khác, ăn chay có nghĩa là một tinh thần khổ hạnh bao gồm trong đó là một tinh thần vui sống, và bố thí có nghĩa là, trong số các điều khác, công bằng cũng tốt lành ngang với lòng bác ái.

Nhìn vào đó, chúng ta thấy rằng Chúa Giêsu đã chỉ thị bốn điều như một thói quen cần thiết cho đời sống tinh thần lành mạnh: a) Cầu nguyện riêng và đạo đức riêng; b) công bằng xã hội; c) tâm hồn và tinh thần dịu ngọt và d) cộng đồng như một yếu tố cơ bản chủ yếu của việc thờ phượng chân chính.

Đối với Chúa Giêsu, bốn thành tố này bao gồm tính thiết yếu, tính không nhân nhượng của tinh thần môn đệ Kitô. Đây không phải là những yếu tố chúng ta có thể chọn hoặc không chọn để kết hợp vào đời sống thiêng liêng của chúng ta. Chúng nội hàm thực chất và cũng mang lại sự cân bằng của đời sống thiêng liêng. Chỉ khi tất cả bốn thành tố này hiện diện trong cuộc sống của chúng ta, chúng ta mới lành mạnh trong vai trò Kitô hữu cũng như vai trò con người. Điều gì bao hàm chính xác những điều này?

Trước khi xem xét vài chi tiết trong từng điều, một vài lệch lạc nên được cho vào thứ trật. Freud đã nói nếu bạn muốn hiểu điều gì đó, hãy nhìn nó thật gần khi nó tan vỡ. Với ý nghĩ đó, chúng ta xem xét các câu chuyện mà trong đó trọn vẹn linh đạo như Đức Kitô đã chỉ thị, bị tan vỡ. Một linh đạo tan vỡ sẽ như thế nào?

Từng câu chuyện đưa chúng ta gặp một Kitô hữu, dù họ rất chân thành, nhưng theo một cách nào đó, họ sống một chiều và thiếu thăng bằng vì họ đóng

khung vào một cái này hay cái kia trong các trụ cột không nhân nhượng của linh đạo Kitô.

## **2. Một số câu chuyện về sự thiếu cân bằng**

### ***a. Cầu nguyện riêng tư và đạo đức riêng tư -nhưng thiếu đức công chính***

Vài năm trước đây, tôi nghe một chương trình phát thanh quốc gia, chương trình chuyện trò điện thoại, và chủ đề đó đã dấy lên một cuộc tranh luận gay gắt:

Liệu các giáo hội có nên dự phần vào chính trị? Khách mời là một Giám mục Công giáo, người có danh tiếng tầm quốc gia vì ngài có quan điểm mạnh mẽ về công bằng xã hội. Theo quan điểm của ngài, các giáo hội nên thúc đẩy rõ ràng các chính phủ, các tập đoàn kinh doanh, và mọi người dân hướng đến việc thiết lập một trật tự kinh tế, chính trị và xã hội công bằng hơn.

Có một phụ nữ tức giận gọi điện và chất vấn giám mục: “Thưa Ngài, những gì tôi không hiểu được là tại sao các giáo hội, và những người như chính ngài, luôn muốn thuyết giảng về kinh tế, nghèo đói, y tế công cộng, quyền con người và những chuyện tương tự như thế, những chuyện không thực sự dính dáng đến tôn giáo. Một vài người cấp tiến và những đại diện của công bằng xã hội làm cho người dân phát ngán về những vấn đề này và rồi họ cố gắng đùn đẩy cho tất cả người khác. Tại sao giáo hội không ở yên chỗ của mình, trong lòng giáo hội và dạy chúng tôi về đức tin, cầu nguyện, mười điều răn và những điều chân thực của tôn giáo? Tại sao ngài không để chính trị và kinh tế cho các chính trị gia và các nhà kinh tế?... những người chắc chắn biết nhiều về chúng!”

Câu trả lời của vị giám mục như sau: “Tôi sẽ trả lời câu hỏi của chị, nếu chị trả lời cho tôi trước. Chị sẽ làm gì nếu chị là giám mục và có một phụ nữ thành khẩn gọi điện và nói với chị: “Linh mục của chúng tôi từ chối không rao giảng về đức tin, cầu nguyện riêng và đạo đức riêng. Ông nói những thứ đó chỉ dành cho một nhóm nhỏ các nữ tu chiêm niệm, các vị đi tu quan tâm đến chuyện đó, đang cố tiếm nhiệm phần còn lại của giáo hội. Ông nói rằng lời cầu nguyện và mười điều răn (trừ những điều liên quan đến công lý) là không quan trọng. Ông nói Thiên Chúa không coi trọng những nỗ lực chiến đấu đức tin nho nhỏ của cá nhân chúng ta, cầu nguyện và giới răn, đặc biệt là những điều dính dáng đến đạo đức cá nhân. Thiên Chúa lo lắng

đến việc cứu độ thế giới, với bình diện lớn hơn, và không quan tâm gì đến bận tâm nhỏ bé riêng tư của chúng ta.” Chị sẽ làm gì trong tình huống đó?”

Cô trả lời không do dự: “Tôi sẽ đình chỉ công việc của vị linh mục đó ngay!”

Vị giám mục trả lời: “Vậy tôi nên làm gì khi người dân cho tôi biết, ‘linh mục của chúng tôi từ chối giảng các lời phúc âm dạy về công bằng xã hội. Ông nói đó chỉ là một điều gì đó mà một nhóm nhỏ các nhà thần học giải phóng với bận tâm cánh tả của họ, đang cố gắng đưa vào đầu óc của những người còn ở lại trong giáo hội. Ông nói những gì Chúa Giêsu nói về công lý cho người nghèo là không quan trọng, miễn là bạn cầu nguyện và giữ các điều răn.’ Vậy tôi phải làm gì tiếp? Tôi hỏi điều này bởi vì lời phúc âm dạy phải góp phần tạo nên công lý cho người nghèo là rõ ràng và không nhân nhượng, cũng như phúc âm kêu gọi cầu nguyện và giữ cuộc sống riêng tư của chúng ta theo giới luật. Cả hai, cầu nguyện và công lý, là điều không bàn cãi.”

Đây là một trao đổi thú vị bởi vì nó làm nổi bật sự mất cân bằng đức tin có thể xảy ra nơi cuộc sống của một người chân thành và có đức tin, nếu như cô ấy đóng khung điều gì đó thiết yếu trong đời sống tinh thần. Đây là trường hợp của một người dù đi nhà thờ thường xuyên, có cầu nguyện, và cuộc sống riêng tư về cơ bản là tốt nhưng lại không cân bằng tinh thần. Một yếu tố cấu thành chủ yếu của tinh thần môn đệ Kitô đã thiếu nơi cô. Đức tin của cô là đức tin một chiều. Tuy nhiên, như chúng ta sẽ thấy, không phải chỉ có một mình cô như vậy.

### ***b. Công bằng xã hội – nhưng thiếu cầu nguyện và đạo đức riêng***

Là một linh mục trẻ khi còn ở học viện San Francisco, tôi đã phụ trách tiền học phí bằng cách làm việc như một linh mục tuyên úy tại nhà tập thể trong một khu vực nghèo của thành phố. Qua công việc ở đó, tôi đã gặp và kết bạn với David, một người trẻ làm việc xã hội trong vùng. Anh là một người Công giáo La Mã, dù thỉnh thoảng mới đi nhà thờ, về cơ bản anh không cầu nguyện riêng và thậm chí không còn giữ giáo huấn luân lý của giáo hội liên quan đến tình dục và hôn nhân. Anh thoải mái nói ra điều này, với anh các ràng buộc đó là những bận tâm của thời trung cổ. Tuy nhiên, anh tận tụy hết sức với giáo huấn xã hội của giáo hội, say mê vì công lý, và là một người khá quăng đại, tiết kiệm các chi phí của mình để giúp người nghèo.

Một ngày nọ, anh hỏi tôi: “Cha có thực sự nghĩ rằng Thiên Chúa có để tâm chút gì khi cha cầu nguyện sáng tối, hay khi cha có thái độ hằn học với kẻ làm tổn

thương cha, hay khi có thủ dâm hay không, hay khi cha ngủ với một người mà cha không kết hôn? Cha có thực sự tin rằng Chúa quan tâm đến những điều nhỏ bé vụn vặt này không? Là Kitô hữu chúng ta luôn luôn bận tâm đến những việc riêng tư nhỏ bé mà xao lãng đi một hình tượng lớn, một thực tế rằng một nửa thế giới đi ngủ với bụng đói mỗi đêm và chẳng ai bận tâm gì. Công bình, chứ không phải đời sống cầu nguyện vụn vặt của chúng ta, mới là điều quan trọng, xét theo cả tôn giáo và luân lý. Tại sao chúng ta cứ mãi bận tâm vì những thứ không đáng kể?”

Về mặt tôn giáo, chàng trai trẻ David này là người đối nghịch với người phụ nữ đã gọi điện đến chương trình phát thanh và chất vấn vị giám mục. Tuy nhiên, ở cấp độ khác, anh không khác gì cô ấy. Anh cũng giống cô ấy, có linh đạo một chiều, đã chọn đóng khung một phần không nhân nhượng của tinh thần môn đệ Kitô. Sai lầm của anh là đã trả lời sai lầm câu hỏi sai của riêng mình: Liệu Thiên Chúa có quan tâm đến việc cầu nguyện riêng, những oán hờn và đạo đức riêng của chúng ta? Có rất nhiều là đàng khác. Thiên Chúa quan tâm bởi vì chúng ta quan tâm và những điều này tạo sự khác biệt lớn với Thiên Chúa bởi vì chúng, thực sự, tạo nên sự khác biệt lớn cho chúng ta.

Tuy nhiên, nếu anh và người phụ nữ mà chúng ta nghe ở câu chuyện trước gắn kết sự khác biệt của họ, họ vẫn không thể có một linh đạo tinh thần trọn vẹn - như chúng ta sẽ thấy câu chuyện tiếp theo.

### ***c. Cầu nguyện và đạo đức riêng và công bằng xã hội - nhưng thiếu dịu ngọt của tâm hồn và tinh thần***

Mùa hè năm 1985, tôi tham dự một hội nghị ở Bỉ về giáo hội do bà Christiane Brusselmans tổ chức. Buổi hội nghị này được tổ chức ở một nhà cấm phòng ngoại ô Brugge.

Hội nghị quy tụ những người từ các châu lục và mỗi nhóm thảo luận đều có một người đại diện một châu. Vai trò của tôi là ghi lại các thảo luận của một trong các nhóm này. Ngày đầu tiên, tất cả mọi người trong nhóm kể về câu chuyện của mình, chia sẻ với nhóm kinh nghiệm của mỗi người về giáo hội.

Trong nhóm do tôi làm thư ký, có một nữ tu trẻ từ châu Á rất giống với hình ảnh mẹ Têrêxa. Chị mặc áo dòng cổ truyền, có một đời sống cầu nguyện thâm sâu, viếng Thánh Thể mỗi ngày, và không ai có thể nghi gì về đời sống riêng của chị. Thực sự chị không có cuộc sống riêng tư khép kín, đời sống của chị là cuốn sách mở, với những người trong cộng đồng của chị gần như 24 giờ trong ngày. Do đó, nói đến

việc cầu nguyện và đạo đức cá nhân của chị, thì đời sống của chị là đời sống rất mực tốt lành.

Nhưng, không như người phụ nữ đã chất vấn giám mục trên đài phát thanh, chị không lạ lẫm gì với giáo huấn xã hội của giáo hội. Chị còn là mẫu gương về điều này nữa. Trong câu chuyện chia sẻ của chị, có một điểm chị mô tả chị và cả cộng đoàn của chị đã kiên quyết kết hiệp với người nghèo một cách triệt để hơn. Do đó, họ đã từ bỏ nhiều tiện nghi được hưởng trước đây về thực phẩm, quần áo, nhà cửa, nước dùng, và các tiện nghi khác. Bây giờ chị sống trong một tu viện trong đó các nữ tu ngủ trên nệm rơm, chỉ có hai bộ quần áo mỗi người (một bộ cho ngày Chúa nhật và một bộ để làm việc), ăn chay trường, tránh tất cả những gì là sang trọng, và, như một thừa tác vụ, làm việc trọn thời gian với người nghèo. Tác vụ riêng của chị là giúp đỡ các tù nhân chính trị. Do đó, còn hơn chàng trai trẻ trong câu chuyện trước, chị đã có một quyết định chọn lựa đối với người nghèo, là phục vụ cho công lý.

Nhưng đó không phải là tất cả những gì chị chia sẻ với nhóm chúng tôi. Câu chuyện của chị sẽ mang lại một sự méo mó lạ lùng.

Hội nghị của chúng tôi được tổ chức tại một nơi ẩn dật, tiện nghi vừa đủ thoải mái, nhưng không sang trọng. Do đó không ai phàn nàn chúng tôi sống mức quá cao, dù chúng tôi đang thảo luận về nạn nghèo đói ở những nơi khác trên thế giới. Thêm nữa, ban tổ chức bắt chúng tôi làm việc thật gay go. Chúng tôi có cuộc họp buổi sáng, buổi chiều, buổi tối, và sau bốn ngày, ai cũng mệt mỏi. Vào ngày thứ năm, khi ăn trưa, bà Christiane đứng lên nói chúng tôi đã làm việc quá cật lực và đáng được nghỉ ngơi. Bà tuyên bố buổi chiều mọi người được tự do. Công việc duy nhất của chúng tôi cho phần ngày còn lại là đi xe buýt máy lạnh vào thành phố xinh đẹp Brugge, mua sắm, đi dạo, uống nước, và lúc bảy giờ tối, gặp nhau tại một nhà hàng hấp dẫn để có một bữa ăn tối kéo dài và ngon miệng. Một sự thoải mái chung lan ra... nhưng hôm sau, không phải ai cũng hứng thú như nhau về khoảng thời gian vui vẻ này.

Chúng tôi đã để một phần của ngày hôm sau để xem lại sự tổn hại này. Một số người trong nhóm hội nghị phàn nàn, thật sai lầm khi chúng ta thảo luận về người nghèo thì lại tiêu dùng thì giờ và tiền bạc cách phù phiếm. Tuy nhiên chị nữ tu trẻ lại yên lặng lạ thường.

Hội nghị đã kết thúc với phép lành Thánh Thể, ngay trước lời cầu nguyện cuối và chúc lành để bế mạc hội nghị, ban tổ chức mời ai cảm nhận thấy mình nhận được ân sủng sâu đậm thì lên chia sẻ với nhóm. Nhiều người tiến lên, đặc biệt những người ở các nước có nền kinh tế giàu có, họ chia sẻ cảm nghiệm thật là ân sủng cho họ gặp, diện đối diện, chia sẻ với những anh chị em từ các nơi khác trên thế giới.

Gần đến cuối cùng, chị nữ tu trẻ từ châu Á cũng lên chia sẻ. Cô chia sẻ đôi điều về tác động này:

“Tôi cũng đã có một trải nghiệm ân sủng trong vài ngày qua và tôi đã được hoán cải theo cách mà tôi không bao giờ mơ được là tôi cần hoán cải như vậy. Cuộc hoán cải của tôi bắt đầu khi tuyên bố buổi chiều tự do. Từ giây phút nghe điều đó, có một cái gì trong tôi tê cứng lại, và tôi giận dữ. Tôi cứ nghĩ, ‘Thật là xúc phạm cho người nghèo! Đây là một lãng phí thì giờ và tiền bạc. Chúng ta đang ở đây với tiền bạc và thì giờ của người nghèo, và chúng ta làm gì với nó? Chúng ta đi bộ quanh các sân thượng của tiệm ăn, uống rượu, và ăn một bữa ăn ngon lành ở khách sạn Holiday Inn!’ Tôi đã giận dữ và tôi chỉ đi theo vì tôi muốn ở lại với nhóm và không muốn áp đặt ý riêng của tôi. Nhưng cả buổi chiều tôi thật khổ sở. Chúng tôi đi dọc con lộ, nhìn các cửa hàng với tất cả hàng hóa sang trọng trong đó, và rồi uống nước ở quán cà-phê sân thượng. Tôi rất buồn khổ đến nỗi tôi không từ chối thức uống tôi đã gọi. Lần đầu tiên tôi uống rượu gin. Vâng, tất cả mọi thứ lên đến tột đỉnh khi chúng tôi đến khách sạn Holiday Inn ăn tối. Tôi bước vào nhà hàng, nhìn thấy tất cả dao nĩa bạc, khăn ăn vải lanh, tôi cảm thấy kinh tởm và không thể đi qua đó. Vì vậy, tôi đi ra ngoài ngồi trên xe buýt và chờ đợi trong khi mọi người khác ăn.

“Nhưng tôi đã ngồi ở đó rất lâu. Nhiều ý nghĩ chạy qua đầu tôi, và rồi đến một lúc, tôi tự đặt cho mình câu hỏi:

‘Liệu Chúa Giêsu có ở đó ăn uống và vui với mọi người hay không?’ Và tôi đã nhận ra cách khủng khiếp rằng, Ngài sẽ ở đó! Thánh Gioan Tẩy Giả – với thắt lưng bằng dây da và ăn châu chấu! – sẽ đi với tôi trên xe buýt, nhân danh người nghèo sẽ tẩy chay tất cả niềm vui này. Tôi nhận ra rằng, trong tâm trí tôi, Chúa Giêsu và Gioan Tẩy Giả đã hòa lẫn nhau, và tôi cũng nhận ra rằng có điều gì đó sai lầm trong tôi. Có điều gì đó lạnh lùng trong con người tôi. Tôi giống như người anh cả của đứa em hoang đàng, làm tất cả những điều phải, nhưng không có niềm vui trong quả tim tôi.”

Một câu chuyện khám phá nhất. Đây là một phụ nữ trẻ dường như sống ngoài lối sống trọn vẹn của Chúa Giêsu. Chị đang cầu nguyện, chay tịnh, bố thí, kết hợp với việc cầu nguyện riêng và một cuộc sống riêng tốt đẹp với một mối quan tâm lành mạnh cho công bằng xã hội. Vậy thì thiếu gì trong cuộc sống của chị? Thiếu sót tâm linh của chị nằm ở đâu?

Chính chị cho chúng ta câu trả lời: “Tôi như người anh của đứa em hoang đàng.” Chay tịnh, như Chúa Giêsu dạy, cũng bao gồm giữ chay các chua cay tâm hồn. Dịu ngọt tâm hồn là điều không nhân nhượng trong đời sống thiêng liêng cũng như toàn bộ đời sống riêng của mỗi người và nó cũng bao gồm luôn cả công bình. Tại sao? Bởi vì nếu không như vậy, cũng như người anh của đứa con hoang đàng, chúng

ta có thể rơi vào cám dỗ mà T.S. Eliot mô tả rất hay: “Cám dỗ cuối cùng mà cũng là sự bội phản lớn nhất chính là làm điều tốt vì những nguyên do sai lầm.”<sup>6</sup>

Theo cách nhìn của Chúa Giêsu, chúng ta không những cần sự thật đúng đắn, mà còn cần năng lực đúng.

Nhưng ngay cả vậy, người ta vẫn có thể thiếu một yếu tố thiết yếu cho sự lành mạnh trọn vẹn. Ngoài cầu nguyện và đạo đức cá nhân, ngoài công bằng xã hội, ngoài dịu ngọt tâm hồn, còn điều gì đòi hỏi nữa? Một câu chuyện cuối cùng...

#### ***d. Cầu nguyện riêng, đạo đức riêng, công bằng xã hội, dịu ngọt tâm hồn – nhưng thiếu gắn kết với một cộng đồng cụ thể***

Tôi có một người bạn, từ mọi góc độ, là một Kitô hữu gương mẫu, ngoại trừ một điều. Cô là người có đức tin, trung tín trong hôn nhân, một người mẹ tốt, vô cùng trung thực, cô đọc sách thiêng liêng, cầu nguyện riêng mỗi ngày, thậm chí còn hướng dẫn các cuộc tĩnh tâm và cầu nguyện cho người khác. Không có một mâu thuẫn lớn nào trong đời sống của cô về việc cầu nguyện riêng hoặc chính trực cá nhân. Cô cũng quan tâm sâu sắc tới công lý, tận tâm với nhiều việc nghĩa khác nhau, và gắn kết với vài nhóm để cố gắng giúp đỡ người nghèo; trong thực tế, một số người trong gia đình và bạn bè xem cô như một người vì công bằng xã hội tận căn. Hơn nữa, cô là người rất nồng hậu và duyên dáng. Cô thích tham dự các cuộc vui lễ với người khác, có óc hài hước, biết uống rượu, dường như rất ít cay đắng và tức giận với cuộc sống, không đưa người khác vào các chủ đề khó khăn, ngại rằng họ có thể, vô ý hay không biết sẽ buột miệng nói điều gì đó không đúng về chính trị, hay các thảm cảnh tâm tối của lịch sử hành tinh chúng ta. Sự hiện diện của cô là một sự vui vẻ chứ không chỉ trích và ở gần cô, bạn được thư giãn chứ không bồn chồn, lo lắng nửa vời.

Nhưng cô không đi nhà thờ. Theo quan điểm của cô, cô không đánh giá cao sự gắn kết cá nhân với một cộng đoàn giáo hội cụ thể. Cô không có cái nhìn hoàn toàn tiêu cực với nhà thờ, thỉnh thoảng cô cũng có đi nhà thờ. Vấn đề lớn ở đây là sự thờ ơ. Đối với cô, chuyện giữ đạo không quan trọng, nhưng là một chuyện có thể du di, một trong những chuyện tùy tiện, không cần thiết trong đời sống thiêng liêng.

Như vậy, dù có đức tin, dù quan tâm đến người nghèo, dù có dịu ngọt tâm hồn, cô vẫn thiếu cân bằng trọn vẹn. Tại sao? Điều gì thiếu hụt trong một đời sống quá chân thành, biết cầu nguyện và tử tế như vậy?



Thực tế, chân đạp đất, và nỗi đau cần thiết bạn chỉ có được khi gắn kết thực sự với gia đình giáo xứ cụ thể. Như chúng ta biết, trong giáo xứ, chúng ta không chọn ai sẽ đứng bên cạnh khi cùng nhau dâng thánh lễ và trong các dịp thờ phượng khác. Gia đình giáo xứ là một cỗ bài mà chúng ta được chia cách ngẫu nhiên và chính xác trong phạm vi của nó gồm những con người thuộc mọi kiểu tính khí, tư tưởng, đức hạnh, và lầm lỗi. Ngoài ra, sự liên kết trong giáo hội, khi được hiểu đúng, không để cho chúng ta ra đi bất cứ lúc nào chúng ta thấy có gì đó chúng ta không thích. Đó là một kết ước, như một cuộc hôn nhân, liên kết chúng ta trong thịnh vượng cũng như trong khó khăn.

Theo đó, nếu chúng ta tự cam kết với một cộng đoàn giáo hội và giữ cam kết đó, chúng ta sẽ, ở một số điểm, có trải nghiệm mà Chúa Giêsu đã nói trước với thánh Phê-rô, điều sẽ xảy đến cho mỗi tông đồ:

“Thật, Thầy bảo thật cho anh biết: lúc còn trẻ, anh tự mình thắt lưng lấy, và đi đâu tùy ý. Nhưng khi đã về già, anh sẽ phải giang tay ra cho người khác thắt lưng và dẫn anh đến nơi anh chẳng muốn.”<sup>7</sup> Và Chúa Giêsu đã đúng. Cái mà cộng đoàn giáo hội lấy khỏi chúng ta là cái tự do giả tạo của chúng ta, cái làm chúng ta không vương bận, tự do bay như những con chim, tưởng rằng chúng ta đã trưởng thành, yêu thương, tận tụy, và không đóng khung vào những chuyện phải thấy. Gia nhập vào cộng đoàn sẽ sớm làm tan ảo tưởng đó, làm cho chúng ta không có lối thoát, khi chúng ta luôn cảm thấy mình bé nhỏ và non nớt, thiếu nhạy cảm với nỗi đau của người khác, nhìn đời bằng đôi mắt chân thật và hồn nhiên.

Chúng ta có thể là những người rất tốt, cầu nguyện thường xuyên, tận tâm với công bằng xã hội, mà vẫn không trọn vẹn trách nhiệm. Chúng ta vẫn có thể sống với nhiều hoang tưởng và giữ cho mình một đời sống an toàn. Tuy nhiên, điều này khó khăn hơn, nếu chúng ta bắt đầu gia nhập một giáo đoàn, bất cứ giáo đoàn nào, đặc biệt là những giáo đoàn đủ lớn. Để liên kết cách thực sự trong một cộng đoàn giáo hội là phải bỏ hết các luật trừ của chúng ta.

### **3. Tiến tới Trọn vẹn và Cân bằng – Vài chi tiết quan hệ đến Bốn rường cột của Linh đạo Kitô.**

Chúng ta sẽ gặp vấn đề khi chúng ta không định danh đúng sự việc. Nhiệm vụ phần còn lại của chương này sẽ là việc định danh. Nó sẽ không cố gắng đặt ra một nền thần học tích cực của cầu nguyện, công bằng xã hội, chữa lành tâm hồn, và giáo hội. Điều đó sẽ đến sau. Ở đây chúng tôi chỉ muốn định danh cho bốn trụ cột thiết

yếu, không nhân nhượng và nhấn mạnh đến một số vấn đề, hậu quả khi chúng ta coi thường thực tế đó.

### ***a. Cầu nguyện và đạo đức cá nhân***

Cầu nguyện và đạo đức cá nhân thấm nhập vào mọi chuyện, dù trong cả những việc nhỏ bé riêng tư nhất của chúng ta, là điều mà Chúa Giêsu đã nói đến không nhân nhượng trong đời sống thiêng liêng. Ngài đòi hỏi chúng ta phải “cầu nguyện trong tinh lặng,”<sup>8</sup> để có một liên hệ mật thiết với Ngài và qua Ngài với Thiên Chúa. Hơn nữa, trong tâm trí Chúa Giêsu, để xem chúng ta có thực sự có kết hiệp mật thiết với Chúa hay không, không phải là vấn đề cảm nhận có hay không có kết hiệp, nhưng là có giữ điều răn: “Nếu ai yêu mến Thầy, người đó sẽ giữ điều răn của Thầy.”<sup>9</sup> Trong các sách Phúc âm, trung tín giữ các điều răn là tiêu chí đích thực uy thế nhất để cầu nguyện mà không có ảo tưởng. Một trong những cái neo của đời sống thiêng liêng là cầu nguyện và đạo đức cá nhân.

Trong quá khứ, điều này sẽ không cần được nhấn mạnh trong một cuốn sách như thế này. Khi nhìn vào các sách vở ngày xưa của Kitô giáo, lời dạy này luôn là trọng tâm và đôi khi được xem là yếu tố quan trọng duy nhất trong linh đạo. Nhiều người Công giáo La Mã truyền thống và hầu hết mọi người trong các giáo hội Tin Lành Phúc Âm vẫn tin tưởng điều này. Đối với họ, một mối quan hệ cá nhân với Chúa Giêsu Kitô và giữ mười điều răn vẫn là trọng tâm của đời sống thiêng liêng.

Với nhiều loại nguyên do, nhiều Kitô hữu trong nền văn hóa của chúng ta, và cách riêng các Kitô hữu tự do không chia sẻ quan điểm này. Với giáo lý Kitô giáo tự do và với nền văn hóa thế tục, người ta sợ rằng kết hiệp mật thiết với Chúa Giêsu là một điều nguy hiểm, nó sẽ tách chúng ta ra khỏi tôn giáo chân thật. Vì vậy, nói về một kết hiệp mật thiết với Chúa Giêsu ngày nay là có nguy cơ bị xem là chính thống cực đoan. Mộ đạo cũng bị nhiều người xem là một đức hạnh thủ cựu.

Khi các Kitô hữu tự do và văn hóa thế tục phê phán khía cạnh mật thiết của linh đạo thì sự phê phán này không phải là không chính đáng (hoặc các lý do lịch sử), nhưng tự nó là một điều nguy hiểm về tâm linh. Bất kể là điều gì cần phải được nhấn mạnh trong tôn giáo, vấn đề đòi hỏi về cầu nguyện và đạo đức cá nhân không bao giờ bị loại bỏ hay tầm thường hóa. Đó là sự thật, là một trong những phê phán gay gắt nhất về tình trạng của những Kitô hữu thủ cựu, rằng chúng ta có thể giữ các điều răn mà không sống yêu thương, nhưng nó cũng là sự thật, và Chúa Giêsu dạy rất rõ điều này, rằng chúng ta không thể giả vờ yêu thương nếu chúng ta không giữ các điều răn.

Có một mối nguy thực sự trong đời sống thiêng liêng quá ư riêng tư. Đời sống thiêng liêng không phải chỉ có “Chúa Giêsu và tôi.” Tuy nhiên, cũng có một mối nguy ngang tầm khi sống không đủ mức “Chúa Giêsu và tôi” trong đời sống thiêng liêng của chúng ta. Mối nguy nằm ở việc không có tính hướng nội riêng (thân mật với Chúa) và sự trung thành đạo đức cá nhân để hỗ trợ cho lời rao giảng đức tin của chúng ta sẽ làm cho chúng ta cuối cùng biến linh đạo Kitô thành một triết lý, một ý thức hệ, một bộ luật luân lý, nhưng rốt cùng bỏ qua những gì là linh đạo Kitô, chính là một kết hiệp với con người thực. Nếu chúng ta từ chối không thực hiện nghiêm túc trụ cột đầu tiên này của đời sống thiêng liêng, chúng sẽ tiếp tục dần bước, có lẽ với cả lòng say mê, nhưng chúng ta sẽ không thể khởi hứng và truyền đạt lại đức tin cho con cái chúng ta. Hơn nữa, chúng ta còn cảm thấy mình trống rỗng, tức giận, cảm giác bị lừa, và đấu tranh với cảm dỗ trở nên chua cay hơn hay ruồng rẫy hơn.

Thánh Phaolô đã cảnh giác, chúng ta phải canh chừng, sợ khi đi giảng cho người khác, chúng ta lại mất linh hồn. Cầu nguyện riêng và đạo đức riêng không bao giờ để bị đóng khung, nếu không, như cha Henri Nouwen đã nhấn mạnh, tôi có thể thấy “Ngay khi tôi tự hào về đời sống thiêng liêng nội tại, tôi cảm thấy đức tin trống rỗng. Ngay khi người ta cảm ơn tôi đã đưa họ lại gần Chúa, tôi cảm thấy Chúa bỏ tôi. Nó giống như căn nhà cuối cùng tôi tìm thấy, lại không có móng.”<sup>10</sup>

Trong rất nhiều các tác phẩm cổ điển của văn học Kitô giáo, các tác giả, đôi khi hiển thánh chính họ, cho rằng chúng ta sẽ có những tiến bộ trong đời sống thiêng liêng, nếu mỗi ngày, chúng ta chỉ cần dành nhiều thì giờ để cầu nguyện riêng tư, chỉ cần cẩn trọng trong tất cả mọi khía cạnh đạo đức của đời sống riêng của chúng ta. Về cốt lõi, đó là điều không nhân nhượng trong đời sống thiêng liêng.

### ***b. Công bằng xã hội***

Sẽ có nhiều Kitô hữu ngạc nhiên khi biết ra lời kêu gọi tham dự vào việc kiến tạo công lý cho người nghèo là thiết yếu và không nhân nhượng trong đời sống thiêng liêng cũng như lời dạy của Chúa Giêsu kêu gọi chúng ta cầu nguyện và giữ cuộc sống riêng tư đúng đắn. Chúa Giêsu giảng điều này rất mạnh, kiên định nhất quán trong các Phúc âm và không có chỗ cho sự lập lờ. Trong các bản văn Kitô giáo, cứ một trong mười dòng là đề cập trực tiếp đến người nghèo cụ thể về mặt thể lý và tiếng Thiên Chúa kêu gọi chúng ta đáp trả. Trong phúc âm thánh Luca, cứ mỗi sáu dòng, trong các thư thánh Gio-an, dưới hình thức này hay hình thức khác, cứ mỗi năm dòng đều có nhắc đến.

Hơn nữa, tiếng gọi thực thi công lý là một phần nguyên tính của sự kết hiệp với Chúa thể hiện mạnh mẽ trong các bản văn Do Thái giáo. Bắt đầu từ khoảng 800 năm trước Công nguyên, các ngôn sứ Do Thái đã đặt một trọng tâm chân lý trong lời rao giảng của họ. Họ dạy rằng giá trị đức tin của dân chúng tùy vào đặc nét công lý trong vùng – và nó được đánh giá bởi cách chúng ta đối xử với những thấp bé nhất trong xã hội, cụ thể là quả phụ, cô nhi, và khách lạ. Như vậy, theo các ngôn sứ Do Thái, tương quan của chúng ta với Chúa không chỉ phụ thuộc vào lời cầu nguyện và lòng thành mà còn dựa vào tương quan của chúng ta với người nghèo.

Chúa Giêsu không bao giờ bàn cãi chuyện này. Ngài đi xa hơn. Ngài đồng hóa sự có mặt của mình với người nghèo và cho chúng ta biết, ngày tận cùng, chúng ta sẽ được xét xử theo cách chúng ta đối xử với người nghèo. Nói thẳng ra, chúng ta sẽ lên thiên đàng hay xuống địa ngục dựa trên việc chúng ta có cho họ thức ăn, nước uống, áo quần, chỗ ở và công lý hay không.<sup>11</sup> Cách chúng ta đối xử với người nghèo là cách chúng ta đối xử với Thiên Chúa. Vì lý do này, Chúa Giêsu đòi hỏi chúng ta phải ưu tiên cho người nghèo: “Khi con mời ai ăn, con đừng mời bạn bè, gia đình, những người thân cận hay hàng xóm giàu có, những người này có thể mời lại và trả lại cho con những việc con làm. Không, khi con làm một bữa tiệc, con hãy mời người nghèo, người tàn tật, què quặt, đui mù; sau đó con sẽ được phúc lành.”<sup>12</sup> Dành ưu tiên cho người nghèo là yếu tố thiết yếu của đời sống thiêng liêng.

Đây không phải là một giáo huấn mới, mặc dù hiểu biết của chúng ta về nó đang được đào sâu thêm. Cách này cách khác, tất cả các giáo hội Kitô luôn luôn dạy điều này, và họ cũng luôn sống nó theo cách thể hiện tốt nhất của mình. Mặc dù có nhiều thiếu sót ngăn trở trong lịch sử Kitô giáo, nhưng cũng có một lịch sử tự hào trong tương quan với người nghèo. Từ việc thành lập ban đầu của bệnh viện, trại mồ côi, trung tâm cung cấp lương thực, trường học cho người nghèo (có rất lâu trước khi xã hội thế tục thay thế vai trò này), cho đến vai trò của các giáo đoàn trong việc xóa bỏ chế độ nô lệ, rao giảng phúc âm trong xã hội của các giáo đoàn Tin Lành, thần học giải phóng và các thông điệp xã hội của giáo hội Công giáo luôn luôn hướng đến ưu tiên cho người nghèo như là một phần nguyên tính của việc sống đức tin.

Tiếng gọi gắn kết với việc giúp đỡ người nghèo để tìm kiếm công lý là một rường cột không nhân nhượng của linh đạo Kitô. Phần lớn nền văn hóa ngày nay, cách riêng trong nền văn hóa Kitô thủ cựu, đang đấu tranh với vấn đề này, họ phản đối, cho rằng đây thực sự là vấn đề chính trị và không có cái gì tương quan với trọng tâm của tôn giáo. Nhưng, như Chúa Giêsu đã nói rõ, không thể thực sự kết hiệp với Chúa nếu bỏ quên người nghèo và bất công đầy dẫy. Khi chúng ta chỉ làm cho đời sống thiêng liêng có tính cách riêng tư, gạt bỏ người nghèo, gạt bỏ công

bình đã được thiết lập, thì đời sống thiêng liêng sẽ xuống cấp thành một loại trị liệu riêng tư, một hình thức nghệ thuật, hay tệ hơn nữa, một phòng không lành mạnh.

Không thể kết hiệp với Chúa mà không cảm thấy bút rút, đau đớn khi, thẳng thắn và thành thật, nhìn vào những người thấp kém nhất trong xã hội đang sống như thế nào và lối sống riêng của chúng ta góp phần tạo nên chuyện này. Đây không phải là những điều mà những nhà thần học giải phóng, những người bên vực nữ quyền, và những người bảo vệ công bằng xã hội đang cố gắng nhồi nhét vào đầu chúng ta. Đây không phải là một vấn đề nghị sự tự do. Nó là cái gì ở trọng tâm của Tin Mừng mà chính Chúa Giêsu đã đặt ra tiêu chuẩn tối hậu cho phán quyết cuối cùng dành cho chúng ta.

### ***c. Dịu ngọt của tâm hồn và tinh thần***

Nên thánh phải được thực hiện với lòng biết ơn. Nên thánh là được nuôi dưỡng bởi lòng biết ơn, không hơn không kém.

Như chúng ta đã thấy, Soren Kierkegaard định nghĩa thánh là người chỉ ước làm một chuyện. Tuy nhiên, điều thiếu sót trong định nghĩa của ông, là vấn đề động lực, cụ thể là năng lực đằng sau quyết chí đó. Chúng ta có thể quyết chí và làm được điều tốt nhưng cho một lý do sai. Vì vậy, ví dụ, tôi có thể làm một hành vi vị tha cho người khác, nhưng vì tôi muốn được xem là người độ lượng; tôi có thể chết vì đại nghĩa nhưng đơn giản tôi làm do các tổn thương riêng của tôi hay do công cuồng trẻ con; tôi có thể là chiến binh chiến đấu cho chân lý nhưng chủ yếu vì tôi bị thúc đẩy do các xung đột. Tôi có thể làm tất cả những điều tốt đẹp vì giận dữ, tội lỗi, công cuồng, hay hứng thú cá nhân. Hơn nữa, như người anh của đứa con hoang đàng, tôi có thể tuyệt đối trung tín năm này qua năm khác, nhưng lòng đầy cay đắng.

Nên thánh là vừa có tâm hồn dịu ngọt, vừa tin tưởng và làm những điều đúng đắn, vừa có năng lực riêng và vừa có chân lý. Gustavo Gutiérrez, cha đẻ của thần học giải phóng, cho rằng, để có một đời sống thiêng liêng lành mạnh, chúng ta phải nuôi dưỡng linh hồn theo ba cách: qua việc cầu nguyện, cả riêng và chung; qua việc thực hành công lý, và qua những việc làm trong cuộc sống (tình bạn tốt, uống rượu, sáng tạo, và giải trí lành mạnh) sẽ giúp giữ tâm hồn dịu ngọt và có lòng biết ơn.<sup>13</sup> Đối với Gutiérrez, nhiệm vụ người Kitô hữu là biến đổi thế giới bằng tình yêu và công lý, nhưng ông nói rõ ràng là chúng ta sẽ không thành công nếu hành động của chúng ta phát xuất từ giận dữ hay tội lỗi. Chỉ có một kiểu người có thể biến đổi thế giới về mặt tinh thần, đó là người có một tâm hồn biết ơn.<sup>14</sup>

Chúa Giêsu rất rõ về điều này: Trong dụ ngôn Người con hoang đàng, Ngài dạy chúng ta có thể bỏ nhà ra đi qua sự bất trung và yếu đuối (người em) hoặc qua lòng cay đắng và giận dữ (người anh), trong khi những gì thật sự Chúa đòi hỏi là chúng ta phải có lòng nhân hậu của người cha (một lòng nhân hậu chỉ có thể có được từ một tâm hồn có lòng biết ơn khôn cùng).<sup>15</sup> Trong các sách Tin Mừng, tiếng gọi để có một tâm hồn dịu ngọt và biết ơn là không nhân nhượng, nó đòi hỏi phải giữ các điều răn và thực thi công bằng xã hội.

Đòi hỏi giữ tâm hồn nồng hậu là một phần bản chất của chay tịnh. Khổ hạnh vừa là huấn luyện cảm xúc, vừa là huấn luyện thể xác. Một cơ thể tốt, không chất béo và độc tố, nhưng đầy giận dữ và buồn bã liệu có gì tốt? Trung tín trong việc giữ điều răn và thực thi công lý mà rốt cùng thì lòng lại đầy cay đắng như người anh của đứa em hoang đàng, liệu có tốt không?

Cả trong trường phái tự do và bảo thủ, chúng ta dễ dàng loại bỏ chạc thứ ba này của đời sống thiêng liêng, hợp lý hóa rằng động cơ của chúng tôi rất cấp bách, chúng tôi rất bị tổn thương, và thế giới của chúng tôi quá tồi tệ, và trong tình cảnh như thế thì sự giận dữ và cay nghiệt của chúng tôi là chính đáng. Nhưng chúng ta sai và, như nhà thơ Mỹ William Stafford đã cảnh báo, “đi theo lầm Thượng Đế, chúng ta có thể lạc đường.”<sup>16</sup> Một Thượng đế không đúng là một Thượng đế của cả cánh tả, cánh hữu, một Thượng đế bó buộc, cay nghiệt, khắc khoải, tiếc việc, rối loạn và bất hạnh như chính chúng ta. Nhưng đó không phải là Thiên Chúa chúng ta đi tìm, Đấng mà Julian thành Norwich đoán chắc với chúng ta rằng Ngài ngự trên thiên đàng, mỉm cười, thông dong, có tấm lòng nhân hậu kỳ diệu<sup>17</sup> và Ngài đồng ý với Albert Camus rằng, sự rửa hận đúng trên kẻ thù chúng ta, dù với cánh tả hay cánh hữu, rửa hận con quỷ ám ảnh chúng ta, thì phải là một hạnh phúc điên cuồng.<sup>18</sup>

#### ***d. Cộng đoàn như một yếu tố căn bản của việc thờ phượng chân chính***

Một trong những nhà trí thức tôn giáo lớn của thế kỷ chúng ta, Bernard Lonergan đã từng cố gắng đặt ra tiêu chí để đánh giá những gì tạo nên một sự hoán cải tôn giáo thực sự. Ông cho rằng một hoán cải tôn giáo thực có sáu chiều kích: Đó là thuộc về tâm linh, có tính hữu thần, thuộc về Đức Kitô, thuộc về giáo hội, mang tính luân lý và trí hiểu.<sup>19</sup> Không phải tất cả các chiều kích này hiển hiện ngay lập tức và một người đôi khi có thể tập trung vào một điều trong một khoảng và lãng quên những điều khác, nhưng cuối cùng vẫn là để gặp Thiên Chúa và khám phá ra hình ảnh mà chúng ta tìm thấy ở đó, chúng ta sẽ phải tương quan với mỗi một trong các

chiều kích, bao gồm cả tính giáo hội, yếu tố của sự gắn kết cụ thể trong một cộng đồng thờ phượng đích thật.

Cách Chúa Giêsu nói lên điều này không quá trí thức, nhưng rõ ràng. Ngài dạy chúng ta rõ ràng rằng Thiên Chúa mời gọi chúng ta, không chỉ như một cá thể mà như một cộng đồng và cách chúng ta tương quan với nhau về mặt tôn giáo cũng quan trọng như cách chúng ta tương quan với Chúa. Hay chính xác hơn, cách chúng ta liên kết với nhau là một phần cách chúng ta liên kết với Chúa. Đối với Chúa Giêsu, hai điều răn lớn kính Chúa, yêu người không bao giờ tách rời nhau.

Hơn nữa, đối với Chúa Giêsu, yêu thương người lân cận không phải là một điều trừu tượng. Về cơ bản nó có nghĩa là trong việc thờ phượng Thiên Chúa trên trời, chúng ta phải gắn kết cụ thể chính mình với việc tôn kính cộng đồng ở thế gian này. Do đó, Ngài nói với chúng ta rằng bất cứ ai cho rằng mình yêu mến Thiên Chúa, Đấng mình không nhìn thấy mà lại không liên kết với người lân cận mình có thể nhìn thấy thì người đó là kẻ nói dối, bởi một người chỉ có thể thực sự yêu mến Thiên Chúa, Đấng là tình yêu nếu người đó liên kết với một cộng đồng thực sự (rốt cùng đó là “cộng đồng giáo hội”) trên mặt đất.<sup>20</sup>

Đối với một Kitô hữu, việc dự phần vào một cộng đồng đức tin cụ thể (đi nhà thờ) là một điều không nhân nhượng trong đời sống thiêng liêng.

Đây là một điều khó nghe đối với thời đại chúng ta. Như chúng ta đã thấy ở chương trước, thời đại chúng ta có khuynh hướng tách linh đạo ra khỏi giáo hội. Chúng ta muốn Thiên Chúa, nhưng chúng ta không muốn giáo hội. Tuy nhiên làm điều này là chúng ta đang đóng khung một trong những đòi hỏi tiên quyết cố hữu trong việc đi tìm Thiên Chúa.

Một thế kỷ trước, nhà thần học Tin Lành xuất chúng, Friedrich Schleiermacher, đã cố gắng bày tỏ điểm này trong một cuốn sách với tựa đề kỳ lạ nhưng khai phá: *Các bài nói chuyện về Tôn giáo cho Những người sống trong nền văn hóa khinh miệt nó* (*Speeches on Religion for Those Among the Cultured Who Despise It.*) Schleiermacher chỉ ra rằng, tách biệt khỏi lịch sử tôn giáo, cụ thể là, khỏi các giáo hội với các lầm lỗi của nó, người nào đi tìm Thiên Chúa, dù chân thành, người đó sống một cuộc sống không trực diện. Nếu không có giáo hội, chúng ta có những hoang tưởng riêng tư hơn là đức tin thực sự. Giống như Lonergan, ông cho bày rằng sự hoán cải thực sự đòi hỏi đương sự rốt cùng phải gắn kết vừa chuyện xấu vừa ân sủng của một đời sống giáo hội thực sự.

Rốt cùng, linh đạo mang tính cộng đồng, dù trong các tín ngưỡng như Phật giáo, Ấn giáo, Hồi giáo, Lão giáo, họ không có tính giáo hội với biểu tượng thiết yếu như Kitô giáo và Do Thái giáo. Tại sao? Bởi vì việc tìm kiếm Thiên Chúa không phải

là việc tìm kiếm riêng cho những gì là cao nhất cho chính họ hay thậm chí cái gì là căn bản tận cùng cho chính họ. Linh đạo là cuộc đi tìm chung hình ảnh Thiên Chúa, và một người đi tìm cách chung chỉ có thể tìm thấy được trong cộng đoàn cụ thể.

### **Để đi trên mặt đất như các vị thần**

Linh đạo một phần là vấn đề của cân bằng. Chú trọng đến các rường cột thiết yếu có thể mang lại cho chúng ta sự cân bằng đó. Tuy nhiên, cân bằng không phải là mục tiêu tối hậu của linh đạo. Chúng ta muốn thăng bằng đi trên mặt đất... nhưng chúng ta cũng muốn đi như các nam thần nữ thần. Chúng ta muốn cùng tiếp tục tạo dựng với Đấng Tạo Hóa; cùng tiếp tục cứu độ với Đấng Cứu Thế. Chúng ta muốn giúp Thiên Chúa đưa trái đất này đến hoàn hảo, đến viên mãn của tất cả những hy vọng gọi lên trong chúng ta. Một phần mấu chốt trong đời sống thiêng liêng là sống trọn ơn gọi này.

Làm thế nào để chúng ta, những Kitô hữu, đi trên mặt đất như các vị thần? Như người đồng tạo dựng? Như người, theo hình ảnh và giống với Thiên Chúa, cố gắng giúp Thiên Chúa bảo vệ quả đất này và mọi sự trên quả đất? Làm sao chúng ta hoàn thành ơn gọi Chúa trao ban này?

Bằng cách góp phần vào sự tiếp diễn nhập thể của Thiên Chúa.



**Nhập Thể Là Nền Tảng Cho Linh Đạo Kitô Giáo**  
**Lời Cầu Nguyện Giáng Sinh Của Sharon**

*Cô bé năm tuổi,  
em tin chắc vào các sự kiện,  
kính cẩn đọc chậm rãi từng chữ  
của những điều em tin  
đã được mạc khải  
Em nói*

*họ rất nghèo  
họ chỉ có bánh mì xăng-uych với bơ đậu phụng và mứt để ăn  
họ ra khỏi nhà và đi rất xa mà không bị lạc. Người đàn bà ngồi trên con lừa, người  
đàn ông đi bộ, em bé thì ở trong bụng mẹ.  
Họ phải ở trong chuồng với bò và lừa (hee-hee)  
Nhưng Ba Người Giàu Có thấy họ vì có một ngôi sao đã làm sáng mái nhà  
Các Mục Đồng đến, bạn có thể cung nựng con cừu nhưng đừng cho chúng ăn.  
Khi ấy em bé được sinh ra.  
Và bạn có biết em bé đó là ai không?  
Đôi mắt cô bé sáng lên như đồng xu bạc óng ánh.  
Em bé đó là Thiên Chúa.*

*Và cô bé nhảy dựng lên  
chạy vòng quanh, rơi ùm vào ghế tràng kỷ rồi vùi đầu dưới gối, đó là câu trả lời thích  
hợp duy nhất cho Tin Mừng Nhập Thể.*

John Shea<sup>1</sup>

4.

## **Đức Kitô Là Nền Tảng Cho Linh Đạo Kitô Giáo**

*Bây giờ Đức Kitô không có thân thể nhưng bạn có,  
không có tay nhưng bạn có,  
không có chân nhưng bạn có.*

*Qua đôi mắt của bạn mà lòng trắc ẩn của Đức Kitô đến với thế gian.*

*Qua đôi chân của bạn mà Ngài ra đi làm phúc khắp nơi.*

*Nhờ đôi tay của bạn mà bây giờ Ngài chúc lành cho chúng ta.<sup>2</sup>*

### **Trọng Tâm của Đức Kitô**

Chúng ta phân mốc thời gian theo ngày sinh của Đức Giêsu. Tất cả các niên đại đều kèm theo tiếp tố B.C. hay A.D., để cho biết sự kiện đó diễn trước hay sau khi Đức Giêsu sinh ra. Cả thế giới làm điều này. Có những lý do thuần túy ngoài tôn giáo giải thích vì sao lại viết như vậy. Tuy nhiên, sự kiện cả thế giới ghi nhận mốc thời gian liên hệ đến ngày sinh của Đức Giêsu cho thấy có cái gì đó về sự kiện quan trọng này.

Đối với chúng ta, là Kitô hữu, hiển nhiên thời gian phải được định mốc theo ngày sinh của Đức Giêsu. Với chúng ta, Ngài là trọng tâm của mọi sự: ý nghĩa của chúng ta, hy vọng của chúng ta, sự hiểu biết về bản thân chúng ta, đời sống Giáo hội, các nhà thần học và các linh đạo của chúng ta. Ngài còn là người hướng dẫn cho cương vị môn đồ của chúng ta.

Như chúng ta thấy, linh đạo như nguồn năng lực sáng tạo bùng bùng trào trong con người chúng ta. Vì thế một linh đạo tốt đòi hỏi một loại môn đồ nào đó. Môn đồ là người chịu một sự rèn luyện. Đức Giêsu đặt ra một cách rèn luyện có tính cách sáng tạo để định hướng năng lực chúng ta. Nhưng Ngài đã làm hơn điều này nữa và chính Ngài còn hơn cả điều này nữa.

Đức Giêsu Kitô là ai? Nếu hôm nay Đức Giêsu còn sống và hỏi từng người chúng ta câu Ngài đã hỏi Phêrô, “Con nói Thầy là ai?”, tôi chắc chắn Ngài sẽ có rất nhiều câu trả lời khác nhau. Thực sự đối với chúng ta Đức Giêsu là ai? Một con

người có thật trong lịch sử, một Thần-nhân (dù thế, nó có nghĩa gì đi nữa!), một giáo sư vĩ đại giảng dạy luân lý, một nền triết học, một Giáo hội, một tín điều, một nhân vật mộ đạo, một người mê tín, một siêu huyền thoại Santa, một vị thần hộ mạng? Đối với chúng ta, Đức Giêsu thật sự là ai?

Là Kitô hữu, hầu hết chúng ta có một điều chung này về Đức Giêsu. Chúng ta kính phục Ngài. Như triết gia Soren Kierkegaard từng chỉ ra, tuy nhiên, điều này không đủ. Điều Đức Giêsu muốn nơi chúng ta không phải là lòng kính phục, nhưng là noi theo. Kính phục những nhân vật can đảm và đạo đức lớn lao thì dễ hơn làm theo những gì họ làm. Chỉ khâm phục thôi thì yếu quá. Noi gương mới là quan trọng hơn, thậm chí, nếu chúng ta còn vượt xa hơn những gì Đức Giêsu đã làm. Ngài còn hơn là một mẫu gương để noi theo. Điều mà Đức Giêsu muốn không phải là lòng kính phục, cũng không phải là đơn thuần bắt chước (cách nào đi nữa thì chẳng ai noi theo Đức Giêsu hoàn toàn được!). Điều mà Đức Giêsu muốn, là qua sự hiện diện của Ngài, chúng ta đi vào cộng đoàn của sự sống và cùng cử hành với Ngài. Như John Shea nói, Đức Giêsu không phải là bộ luật để chúng ta tuân theo hay mẫu gương để bắt chước, nhưng là sự hiện diện để chúng ta hiểu thấu và hành động theo.<sup>3</sup> Chính xác điều đó nghĩa là gì? Nhiệm vụ của chương này và chương kế tiếp sẽ cố gắng trả lời câu hỏi này.

Trọng tâm bất cứ linh đạo Kitô nào đều phải đi qua Đức Giêsu. Trong linh đạo Kitô giáo, trước khi chúng ta nói về bất cứ điều gì (Giáo hội, tín điều, giới răn, ngay cả những lời khuyên bảo về bác ái và công bình), chúng ta phải nói về Đức Giêsu, nhân vị và năng lực củng cố mọi điều khác; cuối cùng, mọi điều khác chỉ là một nhánh. Đức Giêsu là cây nho, huyết mạch, xung năng, và trái tim.

Nhưng làm sao hiểu Đức Giêsu? Trong ba mươi năm qua, đã có năm trăm cuốn sách thần học nghiêm túc viết về Đức Giêsu. Mục đích ở đây không phải là cố gắng tóm tắt những cuốn này, nhưng đặt Đức Giêsu và cương vị môn đồ mà Ngài đòi hỏi chúng ta vào trong bối cảnh mầu nhiệm trọng tâm của Kitô giáo, nhập thể, mầu nhiệm Ngôi Lời trở nên người phàm.

Đức Giêsu, và cương vị môn đồ Ngài đòi hỏi nơi chúng ta, có thể được hiểu rõ ràng nhất qua một câu duy nhất: *Ngôi Lời đã trở nên người phàm và ở giữa chúng ta.*<sup>4</sup>

## Ý Niệm Nhập Thể -

### “Ngôi Lời Trở Nên Người Phàm.”

Mầu nhiệm trọng tâm của tất cả mầu nhiệm Kitô giáo, củng cố mọi điều khác, là mầu nhiệm nhập thể. Đáng tiếc, đó cũng là mầu nhiệm vốn bị hiểu sai nhiều nhất, hay đúng hơn, nói trong một câu, được hiểu không đầy đủ. Nó không đến mức chúng ta hiểu sai ý nghĩa nhập thể, nó còn đến mức chúng ta chỉ hiểu một mọt nhỏ nhất của một tảng băng lớn. Chúng ta không hiểu ý nghĩa của nó vì chúng ta không thấy cái mênh mông của nó.

Nói chung, chúng ta nghĩ nhập thể theo cách này: Lúc khởi đầu, Thiên Chúa sáng tạo vũ trụ và mọi thứ trong đó, kết thúc bằng việc tạo dựng con người. Nhưng con người sớm phạm tội (tội nguyên tổ) và không còn khả năng cứu chính mình. Tuy nhiên, Thiên Chúa, trong lòng thiện hảo và nhân từ của Ngài, đã quyết định cứu con người, bất chấp tội lỗi của nó. Vì vậy, Thiên Chúa đã chuẩn bị một dân tộc bằng việc kêu gọi các tổ phụ và các tiên tri. Qua họ, Thiên Chúa dần dần chuẩn bị sẵn một dân tộc (theo Kinh Thánh Do Thái). Cuối cùng, khi đến thời đã định, Thiên Chúa sai chính con của Ngài, Đức Giêsu, Đấng sinh ra ở Pa-lét-tin cách đây gần hai ngàn năm. Đức Giêsu là Thiên Chúa, nhưng cũng là một con người trọn vẹn. Ngài có hai bản tính: nhân tính và thiên tính. Đức Giêsu sống ở thế gian này ba mươi ba năm. Ngài mặc khải bản tính Thiên Chúa, dạy những chân lý cao cả, chữa lành cho dân, làm những dấu lạ, nhưng cuối cùng bị tố gian, bị bắt, chịu khổ hình, rồi chịu chết. Ba ngày sau Ngài sống lại và, bốn mươi ngày sau đó, đã hiện ra nhiều lần với các môn đệ của Ngài. Vào cuối thời gian này, lúc đó các môn đệ đã thích ứng với thực tại mới là sự sống lại, Ngài đưa họ lên sườn đồi ngoài thành Giê-ru-sa-lem, chúc lành cho họ, rồi hồn xác lên trời.

Theo ý niệm này, Thiên Chúa ở thế gian, hoàn toàn thể lý, ba mươi ba năm, và rồi trở về trời, ban Chúa Thánh Thần cho chúng ta, một sự hiện diện thực sự nhưng ít thể lý hơn của Thiên Chúa. Thân xác thể lý của Đức Giêsu, Ngôi Lời trở nên người phàm, đã ở với chúng ta ba mươi ba năm và bây giờ đang ở trên trời.

Đâu là vấn đề trong chuyện này? Nó đúng - trong biểu tượng riêng của nó, qua ngôn ngữ tốt đẹp - và về nhiều thứ: tội của chúng ta, lòng nhân từ của Thiên Chúa, Thiên Chúa đến thế gian một cách thể lý. Nơi nó có vấn đề là nó gây ấn tượng việc nhập thể là một trải nghiệm ba mươi ba năm, một cú xâm nhập duy nhất của Thiên Chúa vào lịch sử nhân loại. Theo lối giải thích này, Thiên Chúa đến thế gian một cách thể lý và rồi, sau ba mươi ba năm, trở về nhà. Dùng thì quá khứ cho việc nhập thể, đó là cách hiểu nguy hiểm, không đầy đủ. Nhập thể vẫn đang tiếp diễn và

việc này cũng đích thực và có tính cách thể lý triệt để như khi Đức Giêsu Na-da-ret, trong xác phàm, đi trên con đường bụi bặm của xứ Pa-lét-tin. Sao điều này có thể như thế được?

## **Chìa Khóa Giải Thích -**

### **“Hiển thân xác cho Thiên Chúa”**

Mầu nhiệm nhập thể, nói cách đơn giản, là mầu nhiệm Thiên Chúa mặc lấy xác phàm và tương quan với con người một cách hữu hình và xác thực. Tuy nhiên đặc tính triệt để của điều này cần vài lời giải thích nào đó, đặc biệt khi nó gắn liền với ba điều: tại sao Thiên Chúa hành động theo cách này; sự non dại chướng mắt của loại hành động này; và đặc tính đang tiếp diễn của nó chứ không phải một hành vi duy nhất.

#### ***a. Lý do Nhập Thể***

Tại sao Thiên Chúa muốn mặc lấy xác phàm? Tại sao một quyền năng tuyệt đối muốn tự giới hạn mình trong phạm vi lịch sử và thân xác con người? Tại sao nhập thể?

Có một câu chuyện kỳ diệu về một cô bé bốn tuổi, một đêm kia thức dậy sợ hãi, tin rằng trong bóng tối chung quanh có tất cả các loại ma quỷ và quái vật. Cảm thấy cô độc, cô bé chạy tới giường của cha mẹ. Mẹ cô trấn an, cầm tay con, dẫn con về phòng, bà mẹ bật đèn lên và trấn an con: “Con đừng sợ, con không ở đây một mình đâu. Chúa ở trong phòng với con.” Cô bé trả lời: “Con biết Chúa ở đây, nhưng con cần ai đó trong phòng này mà có thân xác kia!”

Một cách thiết yếu, câu chuyện đó cho chúng ta hiểu lý do vì sao có nhập thể, và cũng là một định nghĩa tuyệt vời về nhập thể. Thiên Chúa mặc lấy xác phàm vì, cũng như cô bé, tất cả chúng ta cần người có thân xác ở bên cạnh chúng ta. Một Thiên Chúa ở khắp mọi nơi thì cũng dễ dàng không ở nơi nào hết. Chúng ta tin vào những gì chúng ta có thể sờ, nghe, nhìn, ngửi, nếm. Chúng ta không phải là thiên thần không có thân xác, chúng ta là thụ tạo có nhục dục theo đúng nghĩa của từ nhục dục tính. Chúng ta có năm giác quan và chúng ta hiện hữu trong thế gian qua các giác quan này. Chúng ta hiểu được qua chúng, giao tiếp nhờ chúng, mở lòng ra

với nhau, đến được với thế giới bên ngoài cũng qua chúng. Và Thiên Chúa đã tạo nên bản tính chúng ta, tôn trọng cách nó hoạt động. Vì thế, Thiên Chúa tương quan với chúng ta qua giác quan chúng ta. Đức Giêsu khi đi trên các con đường xứ Pa-lét-tin, ai cũng có thể nhìn, nghe và tiếp xúc. Trong nhập thể, Thiên Chúa trở nên thể lý vì chúng ta là những thụ tạo có giác quan, và ở điểm này, chúng ta cần Thiên Chúa với xác phàm.

Nikos Kazantzakis từng giải thích điều này bằng một dụ ngôn:

“Một người đàn ông đến với Đức Giêsu và phàn nàn về sự ẩn mình của Thiên Chúa. ‘Thưa Thầy,’ ông nói, ‘Tôi là người già cả. Suốt đời, tôi luôn luôn giữ các điều răn. Trong những năm ở tuổi trưởng thành, tôi lên đền thờ Giê-ru-sa-lem và dâng hy lễ theo luật định. Suốt đời, không khi nào tôi lên giường ngủ mà chưa đọc kinh. Nhưng... tôi nhìn các vì sao, đôi khi tôi nhìn các ngọn núi và chờ đợi, chờ đợi Thiên Chúa đến để tôi có thể nhìn thấy Ngài. Tôi đã đợi năm này qua năm khác, nhưng vô ích. Tại sao? Tại sao? Tôi thật đau khổ biết bao, Thưa Thầy! Tại sao Thiên Chúa không tỏ mình?’”

Chúa Giêsu mỉm cười rồi từ tốn trả lời: “Ngày xưa có một ngai cẩm thạch ở cổng phía đông của một thành phố lớn. Trên ngai có ba ngàn ông vua ngự trị. Tất cả đều kêu cầu Thiên Chúa xuất hiện để họ được thấy, nhưng tất cả đều chết với các mong muốn chưa được thực hiện.”

“Rồi, khi các ông vua đó chết đi, một người nghèo đói, đi chân không đến ngồi trên ngai đó. ‘Lạy Thiên Chúa’ ông ta thì thầm, ‘đôi mắt của loài người không thể nhìn thẳng vào mặt trời được, vì nó sẽ bị mù. Làm sao, rồi, lạy Đấng Toàn Năng, làm sao chúng con có thể nhìn thẳng vào Ngài được? Xin thương xót, lạy Chúa, xin làm dịu bớt sức mạnh của Ngài, xin giảm ánh rạng ngời của Ngài để con, vốn nghèo nàn khốn khổ, có thể nhìn thấy Ngài!’”

“Rồi - hãy lắng nghe, hỡi ông già - Thiên Chúa trở thành mẩu bánh mì, ly nước lạnh, áo ấm, túp lều, và trước túp lều, một người phụ nữ đang cho con bú.

“‘Cám ơn Ngài, lạy Chúa,’ người nghèo nàn thì thầm. ‘Ngài tự hạ mình vì con. Ngài trở nên bánh mì, nước uống, áo ấm, người vợ và con cái để con có thể nhìn thấy Ngài. Và con đã thấy Ngài. Con quỳ xuống và thờ lạy dung nhan muôn mặt của Ngài.’”<sup>5</sup>

Thiên Chúa mặc lấy xác phàm để mọi nhà trở thành nhà thờ, mọi con trẻ trở thành con trẻ Giêsu, và mọi thức ăn nước uống trở nên bí tích. Nhiều bộ mặt của Thiên Chúa bây giờ hiện diện khắp nơi, trong thân xác, hòa dịu và chan hòa, để con mắt nhân loại có thể nhìn thấy Ngài. Thiên Chúa, trong bộ mặt đa diện của Ngài, trở nên dễ tiếp cận và hữu hình như vôi nước gần nhất. Đó là lý do nhập thể.

## **b. Đặc tính vật lý, non yếu của Nhập Thể**

Nhập thể gây sốc trong sự non yếu về đặc tính thể lý. Từ tiếng Anh “nhập thể” bắt nguồn từ tiếng La-tinh *carnus*, nghĩa là thân xác, thể xác vật lý. Nhưng cả tiếng La-tinh và tiếng Anh, đây là một từ rất thiết thực. Nó không có gì mang nghĩa tinh thần. Nó nhấn mạnh, như những thoái ngữ tiếng Anh (*carnality, carnal, carnivorous*), thể xác nguyên trạng, sờ mó được. Nhập thể có nghĩa là *in-carnus*; nghĩa đen là trong thân xác vật lý.

Chúng ta ít gặp khó khăn khi hiểu về Chúa Giêsu theo cách này, mặc dù, ngay cả ở đó, chúng ta thường do dự khi nghĩ thể xác Chúa cũng có chết, nhục dục, bị bệnh tật, có khứu giác, và các tiến trình tầm thường khác của thể xác. Vấn đề đúng hơn là, như chúng ta sớm chỉ ra, rằng chúng ta không quy gán thực tại vật lý tương tự cho toàn bộ Thân Thể của Đức Kitô, cụ thể là, cho Thánh Thể và thân thể các tín hữu.<sup>6</sup>

## **c. Đặc tính đang tiếp diễn**

Cuối cùng, và có tầm quan trọng quyết định, là vấn đề bản chất đang tiếp diễn của nhập thể. Nhập thể không phải là một cuộc thử nghiệm ba mươi ba năm bởi Thiên Chúa trong lịch sử, một cú một, một cú xâm nhập vật lý vào trong đời sống chúng ta. Nhập thể bắt đầu với Chúa Giêsu và nó không bao giờ kết thúc. Việc Chúa Giêsu thăng thiên đã không chấm dứt, về cơ bản cũng không thay đổi, việc nhập thể. Thân xác thể lý của Thiên Chúa vẫn còn ở giữa chúng ta. Thiên Chúa vẫn hiện diện, về thể lý và thực sự ngày hôm nay như Thiên Chúa trong Đức Giêsu lịch sử. Thiên Chúa vẫn có thân xác, thân xác con người, và sống cách thể lý trên trái đất này cũng như Đức Giêsu đã sống. Theo một cách nói nào đó, thật đúng khi nói rằng, lúc thăng thiên, thân xác thể lý của Đức Giêsu đã rời thế gian này, nhưng nhiệm thể Đức Kitô đã không rời. Sự hiện thân của Thiên Chúa giữa chúng ta vẫn tiếp tục như trước. Ở đây điều đó muốn nói gì?

Chìa khóa then chốt đầu tiên để phân biệt: “Đức Kitô,” như bạn biết, không phải là tên họ của Đức Giêsu. Chúng ta không nói “Đức Giêsu Kitô” tương tự như chúng ta nói “Susan Parker” hay “Jack Smith.” Đức Giêsu không có một họ nào như chúng ta. Có thể liên hệ đến Ngài qua tư cách là con của thánh Giuse (Giêsu Gar

Joseph), nhưng chúng ta không nói rằng từ ngữ Đức Kitô là một tước hiệu, có nghĩa là sự hiện diện cứu thế, đấng thiên sai của Thiên Chúa trên thế gian này. Kinh Thánh sử dụng thành ngữ “Thân Thể Đức Kitô” để nói đến ba điều: *Đức Giêsu*, con người lịch sử Đấng đã sống thế gian này ba mươi ba năm; *Thánh Thể*, vốn cũng là sự hiện diện thể lý của Thiên Chúa giữa chúng ta; và *thân thể các tín hữu*, vốn cũng là sự hiện diện đích thực. Nói từ ngữ “Đức Kitô” là ám chỉ, đồng thời một lúc, Đức Giêsu, Thánh Thể, và cộng đoàn tín hữu.

Chúng ta là Thân Thể của Đức Kitô. Không phải là quá đáng, cũng không phải là ẩn dụ.<sup>7</sup> Nói rằng thân thể các tín hữu là Thân Thể Đức Kitô không phải là nói điều gì đó mà Kinh Thánh không nói. Kinh Thánh, và đặc biệt là Phaolô, không bao giờ nói thân thể các tín hữu thay thế thân thể Đức Kitô, cũng không đại diện thân thể Đức Kitô, thậm chí cũng không phải là *nhiệm thể* của Đức Kitô. Kinh Thánh chỉ nói: “Chúng ta là Thân Thể của Đức Kitô.”<sup>8</sup>

Cụ thể các học giả không đồng ý với nhau về cách thánh Phaolô muốn nói điều này theo nghĩa đen.<sup>9</sup> Khi ngài nói chúng ta là Thân Thể của Đức Kitô, có phải ngài muốn nói điều này một cách chung chung hay cụ thể? Có phải chúng ta là Thân Thể của Đức Kitô theo cách một nhóm được cổ vũ bởi một tinh thần chung (lấy ví dụ các tu sĩ dòng Tên) là một thân thể? Hay, có phải chúng ta là một thân thể như một cơ thể vật lý là một thân thể? Với một ít dè dặt (và dĩ nhiên, có vài ngoại trừ) các học giả Kinh Thánh đồng ý rằng nó mang nghĩa sau. Thân thể các tín hữu, như Thánh Thể, là Thân Thể của Đức Kitô một cách hữu cơ. Đó không phải là một tập thể, nhưng là một thân thể; không chỉ là một thực tại màu nhiệm, nhưng là một thực tại thể lý; và không phải là điều gì đó vốn đại diện Đức Kitô, nhưng điều gì đó vốn là Ngài.<sup>10</sup>

Điều này có những liên hệ mênh mông. Nó muốn nói rằng nhập thể không chấm dứt sau ba mươi ba năm, khi Đức Giêsu thăng thiên. Thiên Chúa đang ở đây, trong thể xác, cũng cụ thể và thể lý như Thiên Chúa đã ở trong Đức Giêsu. Ngôi Lời đã không chỉ trở nên xác phàm và ở giữa chúng ta - Ngôi Lời đã trở nên xác phàm và tiếp tục ở giữa chúng ta. Trong thân thể các tín hữu và trong Thánh Thể, Thiên Chúa vẫn có thể xác và qua thể lý, vẫn còn nghe, nhìn, ngửi, sờ và nếm.

Nhưng đây không chỉ là một chân lý của thần học, một tín điều phải tin. Đó là cốt lõi của linh đạo Kitô giáo. Nếu đúng chúng ta là Thân Thể của Đức Kitô, thì sự hiện diện của Thiên Chúa trong thế giới hôm nay phụ thuộc rất nhiều vào chúng ta. Chúng ta phải tiếp tục làm cho Thiên Chúa hiện diện trong thế giới này theo cách như Chúa Giêsu đã hiện diện. Chúng ta phải trở nên, như Têrêsa Avila diễn tả rất đơn giản, đôi tay, bàn chân, môi miệng, và trái tim của Thiên Chúa trong thế giới này. Học giả Kinh Thánh Jerome Murphy-O'Connor tóm tắt tầm quan trọng về điều



này ít đơn giản hơn Têrêsa, nhưng rất chính xác: “Cộng đoàn làm trung gian cho Đức Kitô và thế giới. Lời Ngài nói chỉ được thế giới đương thời nghe qua tiếng nói của cộng đoàn. Sức mạnh vốn tuôn trào từ Ngài chỉ có thể có tác dụng qua tác dụng của cộng đoàn. Như Thiên Chúa từng hành động qua Đức Kitô, bây giờ Ngài cũng hành động qua những ai giống hình ảnh Con Thiên Chúa và hành vi của họ noi theo Ngài. Những gì Đức Kitô đã thực hiện trong và cho thế giới trong thời của Ngài qua sự hiện diện thể lý của Ngài, bây giờ cộng đoàn thực hiện trong và cho thế giới của họ... Để tiếp tục thực hiện nhiệm vụ cứu độ của mình, Đức Kitô Phục Sinh phải hiện diện thực sự trong bối cảnh cuộc sống đích thực qua sự noi gương Ngài.”<sup>11</sup>

### **Sự Khác Biệt Giữa Kitô Hữu và Người Hữu Thần**

Có sự khác biệt nào giữa người tin vào Đức Kitô và người chỉ tin vào Thiên Chúa? Đức Kitô thêm gì cho Thiên Chúa? Là Kitô hữu thì thêm gì cho hữu thần?

Sự khác biệt thì rất lớn, không chỉ về thần học, nhưng đặc biệt về linh đạo, về cách đòi hỏi chúng ta sống đời sống đức tin của mình.

Người hữu thần tin vào Thiên Chúa. Kitô hữu tin vào Đức Kitô, nhưng còn tin vào một Thiên Chúa Đấng nhập thể. Sự khác biệt là gì? Đặt vấn đề vào trong ngôn ngữ Đường Phố, người ta có thể nói: Người hữu thần tin vào một Thiên Chúa trên trời trong khi đó Kitô hữu tin vào một Thiên Chúa trên trời Đấng cũng là hiện diện thể lý trên thế gian này giữa nhân loại. Thiên Chúa của người hữu thần thì siêu việt và, nếu không hoàn toàn như thế, thì sự hiện diện của Thiên Chúa trong vật chất chỉ như một loại nguyên lý nào đó không rõ ràng của sự sống. Thiên Chúa của Kitô hữu cũng siêu việt, cũng là nguyên lý của sự sống, nhưng có thể lý ở thế gian. Thiên Chúa của Kitô hữu có thể được nghe, thấy, nghe, cảm nhận, ngửi, sờ qua các giác quan. Thiên Chúa của Kitô hữu có một loại thể xác.

Thiên Chúa của Kitô hữu là *in-carnus*, có thể xác cụ thể trên thế gian này. Điều này dường như khá trừu tượng đối với chúng ta, nhưng các hàm ý của nó tác động đến mọi khía cạnh liên hệ đến Thiên Chúa và đến từng người chúng ta – cách chúng ta cầu nguyện, cách chúng ta tìm kiếm sự chữa lành và hòa giải, tìm sự hướng dẫn thể nào, và chúng ta hiểu cộng đoàn, kinh nghiệm tôn giáo, và sứ vụ như thế nào. Tuy nhiên, điều này cần được giải thích. Vì thế, chúng ta hãy hướng nhìn vào điều đó có ý nghĩa cụ thể nào, về mặt tu đức, để tin vào việc nhập thể.

5.

## **Kết quả của Nhập Thể trong đời sống thiêng liêng**

*Giảng lời Chúa bất cứ bạn đi đâu, dùng bất cứ lời nào, nếu thấy cần.*

Francis Assisi

### **Để hiểu thế nào là cầu nguyện**

Trong phúc âm thánh Mat-thêu, Đức Giêsu dạy chúng ta cầu nguyện sao cho có hiệu quả: “Anh em cứ xin thì sẽ được, cứ tìm thì sẽ thấy, cứ gõ thì sẽ mở. Vì thế, hễ ai xin thì nhận được, ai tìm thì sẽ thấy, ai gõ thì sẽ mở.”<sup>1</sup> Sự thật, có bao giờ bạn ngạc nhiên vì sao chuyện này không bao giờ đúng không? Rất nhiều lần chúng ta xin mà không được, tìm mà không thấy, gõ mà không mở. Lời hứa của Chúa Giêsu hầu như trái ngược. Tại sao khi nào Chúa cũng không nhận lời chúng ta cầu xin?

Chúng ta có hàng tá câu trả lời. Có lẽ chúng ta không đủ lòng tin. Có lẽ chúng ta xin những chuyện không đúng, những chuyện không tốt cho chúng ta. Hay là Thiên Chúa đã ban những gì chúng ta xin theo một cách khác. Thiên Chúa là cha mẹ yêu thương biết cái gì tốt cho con cái – cha mẹ nào lại cho con chơi dao? Có ngày chúng ta sẽ hiểu được sự thông thái khôn vờ của Thiên Chúa khi Người không nhận lời chúng ta. C.S. Lewis đã từng nói chúng ta sẽ đòi đòi tạ ơn Chúa vì Ngài đã không nhận lời chúng ta xin!

Ông nói đúng. Có khôn ngoan và sự thật trong mọi lý do, nhưng không có lý do nào là lý do thật, theo phúc âm thánh Mát-thêu, tại sao lời cầu nguyện thường không được nhận lời. Trong bốn Phúc Âm, thì phúc âm thánh Mát-thêu liên kết lời cầu nguyện với hành động cụ thể trong cộng đoàn ki-tô giáo. Ông là nhà thần học ki-tô giáo, chứ không đơn thuần là người hữu thần. Vì thế, đối với ông, lời cầu nguyện có sức mạnh liên kết với hành động cụ thể trong phạm vi cộng đoàn đức tin và đức ái – và ngược lại. Là Kitô hữu, chúng ta cầu nguyện với Thiên Chúa “nhờ Chúa Kitô”, và trong cố gắng đáp trả lời cầu xin đó, Chúa nhập thể, có nghĩa là, sức mạnh Thiên Chúa phần nào tùy thuộc vào hành động của con người.<sup>2</sup> Điều đó nghĩa là gì?

Là Kitô hữu, câu cuối cùng của tất cả lời cầu nguyện đều có công thức: “Chúng con cầu xin nhờ Đức Kitô, Chúa chúng con”. Công thức này không phải là thói quen, là dấu chỉ bề ngoài để nói cho Chúa biết là lời cầu nguyện đã hết, nó còn hơn thế. Khi chúng ta cầu nguyện “nhờ Đức Giêsu” là chúng ta đang cầu nguyện nhờ nhiệm thể Chúa Kitô, bao gồm: Chúa Giêsu, Thánh Thể, và thân thể của Kitô hữu (chúng ta) ở trên trần thế này. Chúng ta cầu nguyện nhờ tất cả những điều này. Vì thế, không những Chúa trên trời nhận lời cầu nguyện và ban ơn. Chúng ta cũng làm nhiệm vụ đó vì chúng ta là nhiệm thể Chúa Kitô, có trách nhiệm đáp trả lời cầu nguyện này. Cầu nguyện trong tư cách Kitô hữu, buộc chúng ta tham dự cụ thể để cố gắng đáp trả lại lời cầu nguyện. Ví dụ trường hợp sau đây.<sup>3</sup>

Một nữ tu già đến gặp cha linh hướng. Bà chia sẻ về việc một nữ tu trẻ muốn bỏ dòng. Bà rất mến cô này, thích nhiệt huyết và tính năng hoạt của cô đem đến cho cộng đoàn. Tuy vậy, năm vừa qua, bà thấy cô có vẻ buồn buồn, không biết nỗi buồn đó như thế nào, cô ra khỏi dòng dù cộng đoàn rất muốn cô ở lại. Vì thế, bà cầu nguyện cho cô, cầu cho cô ở lại, cầu cho cô nhận ra ai cũng quý mến cô, cầu cho cô tin vào sức mạnh của Thiên Chúa để vượt lên các hoài nghi của cô. Nhưng bà chưa bao giờ đến nói chuyện với cô lần nào. Bà chưa bao giờ nói là cộng đoàn yêu mến cô biết ngần nào. Bây giờ bà buồn vì cô đã rời dòng.

Vấn đề thật rõ ràng. Nữ tu lớn tuổi kia đã cầu nguyện như người hữu thần, chứ không như một Kitô hữu. Bà chưa bao giờ để thịt da vào lời cầu nguyện. Bà chưa bao giờ cố gắng góp phần cụ thể của mình vào những chuyện bà xin Chúa. Bà để Thiên Chúa làm mọi sự. Nhưng làm sao Chúa nói cho nữ tu trẻ kia biết mọi người yêu mến cô trong khi chẳng ai nói với cô điều đó. Khi chúng ta cầu nguyện “nhờ Đức Giêsu”, là chúng ta dự phần vào lời cầu nguyện hơn là xin Chúa trên trời cầu bầu. Cộng đoàn cũng vậy và chính chúng ta cũng vậy, không phải chỉ cầu nguyện mà phải cố gắng đem lại cái gì cho những lời mình xin.

Hắn..., nếu mẹ tôi đau và tôi cầu cho bà lành bệnh mà không đem bà đi bác sĩ, thì tôi cầu nguyện như người hữu thần chứ không phải là Kitô hữu. Tôi đã không nhập thân vào lời cầu nguyện. Thật khó để Chúa nhậm lời những lời cầu nguyện như thế. Nếu tôi biết bạn tôi buồn chán, tôi cầu nguyện cho cô mà không hỏi han cô, thì tôi cầu nguyện như người hữu thần, chứ không phải là Kitô hữu. Chúa sẽ an ủi cô ấy như thế nào đây? Gửi một điện thư từ trên trời xuống hay sao? Không, chính giọng nói và tình thương của tôi phải được nói lên, vì tôi là nhiệm thể của Chúa Kitô, hay đúng hơn, tôi đang cầu nguyện nhờ Mình Chúa Kitô, và tôi hiện diện ở đây, sẵn sàng nói chuyện với cô. Nếu hôm nay tôi cầu nguyện cho bạn tôi, nhưng tôi không gửi cho anh mấy chữ là tôi đang nghĩ về anh, thì làm sao lời cầu nguyện của tôi đến với bạn tôi được? Nếu tôi cầu nguyện cho thế giới hòa bình, mà tâm hồn tôi không

tha thứ cho người đã làm tôi buồn thì, làm sao Chúa mang lại hòa bình cho thế giới này được? Lời cầu nguyện cần nhập thân.

Một cảnh phim trong phim *Trúng Rắn* của Ingmar Bergman đã chứng minh hùng hồn chuyện này. Diễn biến bộ phim thế này: Sau khi lễ xong, một linh mục đang ở trong phòng thánh thì có một phụ nữ bước vào. Gia cảnh nghèo túng, góa bụa ở tuổi trung niên, đau khổ khủng khiếp về tính thận trọng của tôn giáo, bà khóc nức nở và cho rằng không ai thương bà: “Thưa cha, con quá đơn độc, không ai thương con! Chúa thì ở quá xa! Con không nghĩ Chúa còn thương con. Con hết cách rồi! Đòi con quá đen tối!” Lúc đầu, vị linh mục bực bội hơn là thông cảm, nhưng rồi cha quay lại nói với bà:

“Con quỳ xuống, cha ban phép lành cho con. Chúa ở quá xa. Người không thể chạm đến con bây giờ, cha biết, cha sẽ đặt tay trên con và chạm đến con - để con biết rằng con không cô độc, không phải con không được ai thương, con không ở trong tối tăm. Chúa đang ở đây và Người yêu mến con. Khi cha chạm đến con thì Thiên Chúa cũng sẽ chạm đến con.”<sup>4</sup> Kitô hữu là người cầu nguyện như thế, là người nhập thân vào lời cầu nguyện.

## **Để hiểu thế nào là Bí tích Hòa Giải và Chữa Lành**

Khi Chúa Giêsu còn ở trần thế, ai được chữa lành và hòa giải với Chúa đều chỉ chạm đến Ngài, hoặc được Ngài chạm đến. Cái chạm thể lý ấy có mặt ở mọi nơi trong sứ vụ của Chúa Giêsu. Dân chúng luôn luôn cố gắng chạm đến Ngài và Ngài chữa lành bằng cách chạm đến họ.

Một ví dụ điển hình đủ để chứng minh điều này, trong Phúc âm thánh Mác-cô, chúng ta đọc câu chuyện sau đây<sup>5</sup>: Có một bà kia bị băng huyết đã mười hai năm, bao phen khổ sở vì chạy thầy thuốc đã nhiều, đến tán gia bại sản, mà vẫn tiền mất tật mang, lại còn thêm nặng là khác. Được nghe đồn về Đức Giêsu, bà lách qua đám đông, tiến đến phía sau Người, và sờ vào áo của Người. Vì bà tự nhủ: “Tôi mà sờ được vào áo Người thôi, là sẽ được cứu.” Tức khắc, máu cầm lại, và bà cảm thấy trong mình đã được khỏi bệnh. Ngay lúc đó, Đức Giêsu thấy có một năng lực tự nơi mình phát ra, Người liền quay lại giữa đám đông mà hỏi: “Ai đã sờ vào áo tôi?” Các môn đệ thưa: “Thầy coi, đám đông chen lấn Thầy như thế mà Thầy còn hỏi: Ai đã sờ vào tôi?” Đức Giêsu nhìn quanh để tìm người phụ nữ đã làm điều đó. Bà sợ run lên, vì biết cái gì đã xảy đến cho mình. Bà đến phủ phục trước mặt Người, và nói hết sự

thật với Người. Người nói với bà: “Này con, lòng tin của con đã cứu chữa con. Con hãy về bình an và khỏi hẳn bệnh.”

Để ý câu chuyện này, bà kia được chữa lành nhờ chạm đến Chúa Giêsu, ngay cả trước khi bà xin Chúa. Như thế, có hai khoảnh khắc chữa lành: đầu tiên hết, cái chạm trong thầm lặng, sau đó là cái chạm cụ thể giữa bà và Chúa Giêsu. Tại sao có sự khác biệt giữa hai khoảnh khắc chữa lành? Cuộc đối thoại thêm được gì cốt yếu cho cái khoảnh khắc chạm ấy? Có thể giải thích một cách liêu lĩnh là, khi bà chạm đến áo Chúa Giêsu, *chính yếu* bà đã được chữa lành, và khi bà cụ thể nói chuyện với Chúa Giêsu và nói cho Chúa biết sự thật thì bà được chữa lành *trọn vẹn*.

Bản văn này là một bài mẫu. Nó cho thấy một mô hình. Trong đó, chúng ta thấy mô hình nhập thể, thế nào là cách làm để chữa lành và hòa giải ở thế giới này. Đơn giản nó nói với chúng ta cứ làm giống như người đàn bà kia, chúng ta sẽ được chữa lành và được nên trọn nhờ chạm vào nhiệm thể Chúa Kitô; là chi thể của nhiệm thể Chúa Kitô, chúng ta được mời gọi để chữa lành và làm nên trọn bằng cách chạm đến người khác. Tôi xin mạo muội chứng minh điều này qua các ví dụ sau:

## 1. Ôn hòa giải và ơn tha tội

Nền tảng của Bí Tích hòa giải là gì? Chúng ta được tha tội thế nào?

Người Công giáo và Tin Lành đã tranh luận một thời gian dài về chuyện này: Người Công giáo nhấn mạnh đến việc cần phải xưng với linh mục số lần và tội nào; còn người Tin Lành cho rằng chỉ cần chân thành sám hối với Chúa là đủ. Ai đúng? Các tranh luận ấy vượt quá giới hạn quyển sách này, ở đây chỉ cần chú ý là cả hai đều nhấn mạnh đến một chuyện rất quan trọng, và cả hai, ở một mức độ nền tảng, nhấn mạnh đến chân lý nhập thể tận căn, chính xác là, bí tích tha tội cốt yếu là chạm đến áo Chúa Giêsu, nhờ nhiệm thể Chúa Kitô. Chúng ta được tha tội như phụ nữ kia được cầm máu nhờ chạm đến nhiệm thể Chúa Kitô, nghĩa là nhờ Thánh Thể và cộng đoàn.

Chạm đến cộng đoàn có thể được chữa lành như thế nào? Bạn tưởng tượng một bối cảnh: Bạn đang ngồi chơi với gia đình buổi tối. Bạn thấy khó chịu, mệt mỏi và bị coi thường. Có một cái gì làm bạn mất kiên nhẫn, rồi bỗng bạn mất bình tĩnh. Bạn hét lên với mọi người, nói họ ích kỷ và ngu ngốc, bạn ném tách cà phê, bạn đứng phắt dậy, đóng sầm cửa lại bỏ đi. Rồi thì bạn ngồi một mình trong phòng riêng. Dần dần bạn tỉnh táo lại, bạn hối lỗi, bạn hết tội nghiệp mình, nhưng tự ái

thương tổn, và thái độ hung bạo vừa mới xảy ra ngăn không cho bạn đi xin lỗi. Cuối cùng, bạn đi ngủ, để lại mọi chuyện chưa hòa giải. Sáng hôm sau, bạn hối hận hơn, bạn lúng túng nhưng vẫn còn tự ái, bạn vào bàn ăn. Mọi người đang ăn sáng. Bạn lấy tách cà phê (nó vẫn còn nguyên, được rửa sạch sẽ và móc vào chỗ cũ), rót một ít cà phê, bạn không nói gì, bạn ngồi vào bàn, mỗi hành động của bạn đều nói lên lòng hối lỗi và tự ái bị tổn thương. Gia đình bạn không ngu, bạn cũng không ngu. Ai cũng biết như thế. Điều thiết yếu đã được nói lên mà chẳng dùng lời lẽ nào. Bạn đang chạm đến áo Chúa Giêsu, bạn đang làm một hành vi cơ bản để hòa giải, lời nói điệu bộ của bạn nói lên một cái gì quan trọng hơn là lời: “Tôi muốn ở lại với gia đình”. Ngay lúc ấy, bạn được cầm máu (dù trong khoảnh khắc). Nếu lúc đó, bạn chết bất đắc kỳ tử, thì bạn chết trong hòa giải với gia đình.

Nhưng đây còn hơn hẳn phép loại suy về thế nào là hòa giải trong nhập thể. Đây là thực tế. Theo thiển ý, những gì mô tả trên đây là hình thức thô thiển, lộ trần nhất của bí tích Hòa Giải. Chúng ta được tha tội khi sống trong cộng đoàn, khi đồng bàn ăn uống với nhau. Tắt một lời, chúng ta không bao giờ vào hỏa ngục chừng nào chúng ta chạm đến cộng đoàn với tấm lòng chân thành sám hối. Nói rõ ràng, nếu tôi phạm tội trọng tối thứ bảy, dù tình trạng thể lý ngày chúa nhật thế nào đi nữa, thì khi vào nhà thờ với lòng thành thật ăn năn, tôi đã được tha tội rồi. Tôi đang chạm đến áo Chúa Giêsu.

Thánh Âu-tinh, vốn hiểu biết của ngài về Nhiệm thể Chúa Kitô ít ai bì kịp, trong các bài giảng chúa nhật Phục Sinh cho tân tòng, đã nêu lên khi người Kitô hữu cùng đứng với nhau chung quanh bàn thờ đọc kinh Lạy Cha, trong tư cách cộng đoàn, thì tất cả tội chúng ta sẽ được tha.<sup>6</sup>

Ngài nói đúng. Đó là sức mạnh của nhập thể. Đó là năng lực và trách nhiệm, mà Thiên Chúa cho chúng ta qua Chúa Giêsu. Chúng ta có thể tha tội cho nhau; không phải nhờ chúng ta, nhưng là nhờ sức mạnh Chúa Kitô trong chúng ta. Như chính Chúa Giêsu đã nói với chúng ta: “Quả thực, Thầy nói với anh em, bất cứ ai tin vào Thầy, sẽ làm được những việc Thầy đã làm, và sẽ còn nhiều hơn thế nữa.”<sup>7</sup>

## **2. Cầm buộc và cởi mở...**

Chúng ta phải làm gì khi người thân yêu không còn chia sẻ cùng niềm tin, các giá trị sâu xa, và luân lý với chúng ta?

Lấy ví dụ chung, ở cương vị cha mẹ, các con bạn không còn đức tin. Chúng không đi nhà thờ, không cầu nguyện, không theo luật giáo hội (đặc biệt là các vấn

đề liên quan đến giới tính và hôn nhân), lại xem việc sống đạo của bạn là ngây ngô hoặc đạo đức giả. Bạn đã tranh luận, đã đấu tranh với chúng, cố gắng dùng mọi cách thuyết phục nhưng chẳng đi đến đâu. Cuối cùng, bạn phải sống cảnh đáng buồn của lối sống hiện nay: bạn giữ đạo, con cái không giữ đạo. Một trong những mối giây liên hệ sâu đậm của gia đình bị cắt. Lại thêm bạn lo cho con cái sống không có Chúa, hay ít nhất là thế. Bạn có thể làm gì?

Đương nhiên bạn tiếp tục cầu nguyện và sống theo xác quyết của mình, trong hy vọng thuyết phục chúng qua lối sống hơn là qua lời nói. Nhưng bạn có thể làm nhiều hơn nữa. Bạn tiếp tục yêu thương và tha thứ cho chúng, và đến một lúc nào đó, chúng nhận ra tình yêu và lòng tha thứ của bạn, chúng sẽ nhận tình yêu và lòng tha thứ của Chúa. Bạn là nhiệm thể Chúa Kitô, con cái đang chạm đến bạn. Trong màu nhiệm nhập thể khó tin này, chính bạn đang làm những gì mà Chúa Giêsu đòi hỏi khi Ngài nói: “Dưới đất, anh cầm buộc điều gì, trên trời cũng sẽ cầm buộc như vậy; dưới đất, anh tháo cởi điều gì, trên trời cũng sẽ tháo cởi như vậy.”<sup>8</sup> Và: “Anh em tha tội cho ai, thì người ấy được tha; anh em cầm giữ ai, thì người ấy bị cầm giữ.”<sup>9</sup>

Nếu bạn là chi thể của nhiệm thể Chúa Kitô, thì khi bạn tha thứ cho ai, người đó sẽ được tha, nên bạn giữ ai trong tình thương, thì người đó cũng được nhiệm thể Chúa Kitô giữ lại trong tình thương. Hỏa ngục chỉ có thể xảy ra khi một người tự đặt mình ra khỏi yêu thương và tha thứ, tình yêu thương và tha thứ của con người, khi họ đã tước đi khả năng được yêu thương và được tha thứ của mình, theo đó họ đã chủ động chối bỏ các giáo huấn luân lý và tôn giáo, và việc sống tình yêu thương con người chân thật. Để làm rõ hơn vấn đề này:

Nếu con cái, anh chị em hay người thân yêu của bạn sống xa đức tin và đạo đức, thì cho đến lúc nào bạn vẫn còn yêu thương họ, giữ họ trong mối hiệp thông và ơn tha thứ, thì họ đang chạm đến áo Chúa Giêsu, được nhiệm thể Chúa Kitô gìn giữ và được Chúa thứ tha, không cần biết họ có giữ mối liên bên ngoài với nhà thờ hay theo lề luật đạo đức Kitô giáo hay không.

Bạn chạm đến ai là chính Chúa Giêsu chạm đến người ấy. Cũng thế, khi bạn yêu mến ai, cho dầu người ấy khước từ tình yêu và sự tha thứ của bạn, thì người ấy vẫn được cứu. Điều ấy vẫn đúng ở cõi chết. Nếu người thân của bạn chết trong tình trạng xa cách với giáo huấn Giáo Hội hữu hình, ít nhất là bề ngoài, thì tình yêu và lòng tha thứ của bạn sẽ tiếp tục hiệp thông họ trong nhiệm thể Chúa Kitô và tiếp tục tha thứ cho người ấy, sau khi họ chết.

G.K. Chesterton, một trong các nhà biện hộ lớn cho Kitô giáo của mọi thời, đã viết một ngụ ngôn ngắn thế này: “Một người kia gần như không quan tâm gì đến đời sống thiêng liêng chết và bị xuống hỏa ngục. Các bạn thân của anh ở trần gian nhớ

anh rất nhiều. Một bạn đồng nghiệp xuống cống địa ngục xem có cách nào đem anh lên không. Dù bạn đó cầu xin thế nào thì song sắt địa ngục vẫn không mở. Cha xứ của anh cũng đến biện hộ cho anh: “Anh không phải là tín hữu hoàn toàn xấu, xin cho anh ấy thì giờ để hoàn thiện. Xin để anh ấy đi.” Ai van xin, cánh cổng địa ngục vẫn đóng chặt. Cuối cùng, mẹ anh đến. Bà không cầu xin cho anh được cứu. Nhẹ nhàng và với âm giọng lạ thường, bà nói với Sa-tan: “Hãy cho tôi vào.” Ngay lập tức, bản lề khẽ lay động và cánh cửa địa ngục mở ra. Vậy đó, tình yêu xuyên thấu địa ngục và cứu người chết.”<sup>10</sup>

Trong nhập thể, Thiên Chúa mặc lấy xác phàm trong con người Giêsu, trong Thánh Thể và trong tất cả những ai có lòng tin. Lòng nhân từ, sức mạnh, và lòng thương xót đã đến trần gian trong Chúa Giêsu, thì ít ra trong khả thể, sẽ ở lại trong chúng ta, là nhiệm thể Chúa Kitô. Những gì Chúa Giêsu đã làm, thì chúng ta cũng có thể làm; thực vậy, chúng ta được mời gọi để làm những điều như thế.

### **3. Xức Dầu cho nhau lúc lâm chung...**

Trong cuốn phim *Xác Chết Bước Đi*, có một cảnh đau lòng: Sơ Helen Prejean, một nữ tu Công giáo, người giúp cho một tù nhân sắp chết, anh đang bị trói trên ghế và bị tiêm thuốc gây chết người, xờ nói với anh khi anh chờ cái chết, anh hãy nhìn khuôn mặt tôi: “Điều cuối cùng anh làm trước khi chết là nhìn khuôn mặt của người rất yêu anh.” Anh đã làm và đã chết trong yêu thương thay vì chết trong cay đắng.

Trong chương mười hai, phúc âm Thánh Gioan, thuật lại sự kiện bà Maria, đã làm điều tương tự như thế cho Chúa Giêsu. Tại Bết-ta-ni, những ngày trước khi chịu chết, cô đã lấy dầu thơm hảo hạng để xức chân Chúa Giêsu, Ngài nói: “Cô ấy xức dầu cho ngày mai táng của Thầy.”

Câu nói đó có nhiều ý nghĩa khác nhau, một trong những ý nghĩa đó Chúa Giêsu muốn nói: “Vì lý do đó, để thanh thản chết, đừng ở trong cay đắng. Biết rằng mình được yêu, lòng hận thù sẽ tiêu tan và sẽ ra đi thanh thản hơn.” Đó là ý nghĩa của xức dầu.

Trong Giáo Hội Công giáo, chúng ta có bí tích xức dầu bệnh nhân. Xức dầu có nghĩa là hoàn tất những gì Kinh Thánh chép: “Ai trong anh em đau khổ ư? Người ấy hãy cầu nguyện. Ai vui vẻ chẳng? Người ấy hãy hát thánh ca. Ai trong anh em đau yếu ư? Người ấy hãy mời các kỳ mục của Hội Thánh đến; họ sẽ cầu nguyện cho người ấy, sau khi xức dầu nhân danh Chúa. Lời cầu nguyện do lòng tin sẽ cứu người bệnh; người ấy được Chúa nâng dậy, và nếu người ấy đã phạm tội, thì sẽ được Chúa



thứ tha. Vậy, tha thứ cho nhau, cầu nguyện cho người khác sẽ cứu chữa bạn; Vì lời cầu nguyện chân thành của người thiện tâm phát sinh hiệu quả mạnh mẽ.”<sup>11</sup>

Kỳ mục trong Hội Thánh là người có đủ ân sủng và chín chắn để nói với người khác, như nữ tu Helen Prejean.

“Trong cay đắng và tức giận, trong đau đớn, bạn nhìn vào mặt tôi, bạn sẽ gặp khuôn mặt của người yêu thương bạn. Bạn cầm tay tôi và bạn cự lại được với nỗi cay đắng. Bạn tha thứ, bạn ra đi trong bình an.” Vì thế, ai trong chúng ta thăm người đau yếu hay người sắp chết, xúc dầu cho họ, dù chúng ta không đủ lời hay nói năng ắp úng, vì khi xúc dầu cho người đó, chúng ta làm như linh mục làm trong bí tích Xức Dầu cho bệnh nhân. Bạn cầm tay người bệnh, nói lời yêu thương an ủi với người hấp hối, theo cách mà người phụ nữ ở làng Bê-ta-ni đã làm với Chúa Giêsu và theo cách nữ tu Helen Prejean đã làm cho Partrick Sonnier. Đó là xúc dầu người hấp hối. Nhập thể cho chúng ta sức mạnh không thể lường được.

#### **4. Một ít kết luận trả lời cho một vài phản biện hiển nhiên**

##### ***a. Nếu điều này đúng, thì quá tốt để thành sự thật!***

Cách đây vài năm, tôi có viết nhiều bài ngắn về nhập thể, đưa ra những gì thiết yếu được phác họa trên đây. Liền có một lô thư và phản hồi chống đối.

Nhiều người phản đối vấn đề cơ bản này: “Làm sao cha nói chúng ta có thể tha tội và làm mọi chuyện mà chỉ có Chúa Kitô mới làm được?” Những phản biện này rất đúng, ngoại trừ quan điểm nhập thể đặt ra ở đây chưa bao giờ cho rằng chúng ta tha tội, cầm buộc và mở ra, chúng ta chữa lành cho nhau, hay chúng ta xúc dầu cho nhau. Sức mạnh vẫn là Thiên Chúa, không phải là chúng ta, nhưng Thiên Chúa đã chọn cách nhập thể tuyệt diệu để thông ban sức mạnh của Người cho chúng ta, để thể xác chúng ta làm cho sức mạnh của Người thành hiện thực.

Tuy nhiên, các than phiền ở nhiều dạng khác nhau có tính hiếu kỳ hơn. Một số lớn người viết phản biện về vấn đề này trên nhiều tạp chí khác nhau: “Điều này không thật, vì nếu thật, thì quá đẹp!” Trả lời cho câu này chỉ có thể là: Mô tả về nhập thể mới tuyệt vời làm sao. Quá đẹp để có thể thành sự thật! Chính xác vì không thể tin được, không thể tưởng tượng được, quá đẹp như khi chúng ta vui hát bài hát Giáng Sinh: “Joy to the World, Lord comes!” Trong ngày Chúa Giêsu xuống thế, một

cái gì nền tảng đã thay đổi. Theo nghĩa đen, Thiên Chúa cho chúng ta sức mạnh để giữ gìn nhau khỏi hỏa ngục.

### ***b. Vậy bí tích Hòa Giải đặt ở đâu?***

Nếu chỉ đơn giản chạm đến cộng đoàn và Thánh Thể là được tha tội, thì có cần thay đổi việc xưng tội với linh mục như hội thánh Công giáo vẫn hay làm không? Dĩ nhiên, đây là mối quan tâm của người Công giáo, chứ không phải quan tâm của các tín hữu Kitô khác, tuy thế, đây vẫn là vấn đề quan trọng. Xưng tội công khai, người với người, điều đó là gì?

Vấn đề này cần thảo luận đầy đủ hơn là phạm vi đưa ra ở đây. Tuy nhiên, ít nhất, trả lời cho vấn đề này cũng tùy theo hoàn cảnh. Trong bất cứ cách nào, ơn tha tội nhờ chạm đến nhiệm thể Chúa Kitô cũng không giảm đi tầm quan trọng của việc xưng tội với linh mục. Hiểu một cách đúng đắn, làm như thế là trái ngược. Khi hiểu mình là nhiệm thể Chúa Kitô và chạm đến nhiệm thể Người, thì theo suy nghĩ cá nhân chủ nghĩa, người ta sẽ không bao giờ muốn đi xưng tội với người khác, đặc biệt với vị đại diện chính thức của Giáo Hội, khi không còn bị cám dỗ, thì trên thực tế, chúng ta bắt đầu cảm nhận một thôi thúc mạnh mẽ để xưng tội (vượt ngoài mọi giáo luật). Nhưng vấn đề xưng tội với linh mục không phải là vấn đề cơ bản Chúa tha hay không tha tội.

Ở mức độ cơ bản nhất, chúng ta không nhất thiết xưng tội công khai với một linh mục để được tha tội – Đó là sự thật hiển nhiên được các giáo phụ dạy theo kinh thánh, trong cái gọi là thần học Kitô giáo, trong truyền thống tín lý (kể cả trong Công Đồng Trentô và thần học hay giáo lý được rút ra từ Công Đồng), trong truyền thống Giáo Hội, và đặc biệt trong thực hành đức tin ấy.<sup>12</sup> Điều thiết yếu của bí tích Hòa Giải là lòng thành thật ăn năn thống hối như khi chúng ta đến với Thánh Thể và chạm đến cộng đoàn Kitô hữu. Nhưng điều này không nói lên việc xưng tội là không cần thiết và không quan trọng.

Trong câu chuyện người phụ nữ chạm đến gấu áo Chúa, có hai khoảnh khắc chữa lành: cái chạm đến và cuộc đối thoại. Xưng tội với linh mục và tha tội nhờ chạm đến cộng đoàn nói lên cùng một cách như thế, như người phụ nữ chạm đến áo Chúa trước khi nói chuyện với Chúa. Cuộc đối thoại giữa người với người, hoàn tất mọi điều quan trọng nhất và đó là một phần cơ chế hướng đến hòa giải, bình an và trưởng thành. Xưng tội công khai là bí tích Hòa Giải, là thế nào lời xin lỗi công khai mang lại ơn chữa lành. Hành động thì mạnh hơn là lời nói và hòa giải cốt yếu là qua hành động. Nhưng ở một mức độ nào đó, lời nói lại rất quan trọng. Người trưởng

thành biết xin lỗi rõ ràng, và chúng ta trở nên trưởng thành nhờ biết xin lỗi. Ngoài ra, ai đã từng bị lợi dụng sẽ nói cho bạn biết, có một cái gì chưa được trọn vẹn cho đến khi nó được xưng tội công khai, sự nhận biết việc làm sai trái chưa tận căn. Cũng vậy, ai đã từng chữa trị cơn nghiện mới hiểu chương trình mười hai bước, họ sẽ nói cho bạn hay họ sẽ không bao giờ lành hẳn và có bình an, cho đến khi nào họ chân thành đối diện với tội lỗi và nói cho người khác biết tác hại của ma túy.

Khi ai tin mình được hòa giải cách thiết yếu nhờ chạm đến cộng đoàn đức tin, thì họ không giảm nhu cầu xưng tội riêng. Khi đến trình độ trưởng thành, sẽ làm cho họ thấy, như người phụ nữ kia chạm gấu áo của Chúa, bây giờ là lúc quan trọng của một nhận định sâu xa, lúc đó mới có chỗ cho mặt đối mặt.

### **Để Hiểu Về Hướng Dẫn**

Đâu là sự khác biệt trong cách tìm kiếm sự hướng dẫn từ Thiên Chúa, có tùy thuộc vào chuyện chúng ta là Kitô-hữu hay không?

Dưới khía cạnh này, cuộc trở lại đạo của thánh Phaolô là một mạc khải lớn, cũng như nhập thể nói chung. Cuộc trở lại của thánh nhân được mô tả trong Công Vụ Tông Đồ.<sup>13</sup>

Thánh Phaolô (lúc đó có tên là Saolô) là người chân thành, mộ đạo, một tín hữu Do-thái. Vì thế, trên lãnh vực đức tin, ngài rất hăng say đến nỗi bắt bớ các Kitô hữu, vì cho rằng họ phản bội đức tin chân chính. Nhưng trên đường đến Đamát để bắt giữ tín hữu Kitô, ngài ngã xuống vì một luồng ánh sáng từ trời, và ngài nghe tiếng nói: “Saolô, Saolô, sao ngươi bắt bớ Ta?” Điều lạ là Saolô chưa bao giờ thấy Chúa Giêsu, nhưng lại bị kết tội là bắt bớ Đức Kitô. Thánh Phaolô hỏi: “Ngài là ai?” Có tiếng đáp: “Ta là Giêsu mà ngươi đang bắt bớ.” Hãy chú ý đến con người Giêsu lịch sử và nhiệm thể mà các tín hữu được nhận diện như một căn tính duy nhất.

Lập tức, quả tim của thánh Phaolô được chạm đến và rồi ngài hiến dâng cuộc sống mình cho Chúa Kitô... nhưng ngay lúc ấy ngài nhận ra bài học đầu tiên liên quan đến tất cả những chuyện này. Thay vì được hướng dẫn trực tiếp từ trời là đi đâu và làm gì, ngài được hướng dẫn là giao trọn con người của ngài, được nắm tay dẫn đến Đamát, nơi cộng đoàn Kitô hữu sẽ nói cho ngài biết phải làm gì. Là Kitô hữu, ngài nhận được sự hướng dẫn không những từ Thiên Chúa mà còn từ cộng đoàn.

Là Kitô hữu, chúng ta tìm thấy sự hướng dẫn “nhờ Đức Kitô”. Tuy nhiên, vì Đức Kitô vừa là con người lịch sử, bây giờ hưởng phúc trên trời, vừa là nhiệm thể của các tín hữu trong lịch sử, cụ thể ngay ở đây trên quả đất này, nên khi chúng ta tìm kiếm sự hướng dẫn trong nghĩa cần nhận định và quyết định, chúng ta không những hướng đến Chúa trên trời mà còn hướng đến nhiệm thể Chúa Kitô dưới đất, đó là gia đình, bạn bè, giáo hội, và cộng đoàn của chúng ta.

Đơn cử một ví dụ: Tôi làm linh hướng nhiều năm cho các chủng sinh. Tôi thường gặp trường hợp một thanh niên băn khoăn đến hỏi tôi anh nên ở lại chịu chức hay rời chủng viện. Bao giờ cũng thế, khi cố gắng nhận định, họ chỉ muốn dựa vào cảm nhận cơ bản trên việc cầu nguyện hay nguyện ngắm riêng tư. Hiếm khi họ muốn đưa ra một cán cân thăng bằng giữa đời sống chủng viện và người khác, những người họ có dịp gặp trong thời gian thực tập mục vụ ở các nơi. Nói thẳng, họ chỉ muốn phân định như người hữu thần- “Thiên Chúa trên trời muốn tôi làm gì?” – nhưng không làm những gì như thánh Phaolô được hỏi để làm, giao trọn con người mình, giao tay mình cho người khác và để cho người khác hướng dẫn mình.

Thánh Gioan Thánh Giá đã từng nói ngôn ngữ của Thiên Chúa là trải nghiệm của Chúa viết qua cuộc sống chúng ta.<sup>14</sup> Đó là lời bình rất hay về nhập thể. Thiên Chúa không nói với chúng ta qua bóng ma, và những chuyện quan trọng nhất cũng không nói với chúng ta qua thị kiến.

Thiên Chúa nhập thể mặc lấy xác phàm dưới đất này nói với chúng ta qua cơm gạo hằng ngày, qua những chuyện vốn có tính lịch sử rõ ràng như gia đình, hàng xóm, giáo hội, và qua người bạn ở bờ đàu đón tinh thần nhắc chúng ta rằng chúng ta không phải là Chúa. Khi chúng ta tìm kiếm sự hướng dẫn của Chúa thì phải bổ túc những tiếng nói này vào với những tiếng nói từ trên trời.

## **ĐỂ HIỂU VỀ CỘNG ĐOÀN**

Sự kiện Thiên Chúa mặc lấy xác phàm có những hệ quả gay go về đời sống thiêng liêng, đời sống thiêng liêng cộng đoàn, đặc biệt là đời sống thiêng liêng Kitô giáo, không bao giờ làm một mình được. Cộng đoàn là một phần bản thể cốt lõi của đời sống Kitô giáo nên cũng là cốt lõi của đời sống thiêng liêng. Thiên Chúa mời gọi chúng ta trở thành môn đệ của Ngài, không đơn độc nhưng là một cộng đoàn. Thêm một lần nữa, bản văn Thánh Kinh đủ để chỉ dẫn chuyện này.

Trong bốn phúc âm, phúc âm nào cũng có một mô hình: lời rao giảng của Chúa Giêsu thu hút một số lớn đám đông. Dân chung ùa nhau đến nghe, thần tượng

Người, muốn tôn Người lên làm vua. Tuy nhiên lại xảy ra một chuyện khác, rò rỉ một cách hiểu lời Chúa khác, Ngài không còn được dân chúng mến chuộng, đến độ họ muốn giết Ngài. Phúc âm thánh Gio-an đã khai mở ở đây lý do vì sao, dân chúng không còn ảo tưởng và giận Chúa Giêsu. Đây là điểm làm gãy đổ, phúc âm thánh Gio-an nói gì?<sup>15</sup>

Trong phúc âm thánh Gio-an, Chúa Giêsu được nhiều người biết đến qua phép lạ cái bánh và con cá. Lúc này, Chúa Giêsu phải trốn đám đông vì họ muốn tôn Ngài lên làm vua. Tuy nhiên, sau đó khi Ngài giải thích sâu xa thế nào là bánh hằng sống, thì chính điều đó làm cho Ngài bị rắc rối. Ngài nói với đám đông: “Thật, tôi bảo thật các ông: Nếu các ông không ăn thịt và uống máu Con Người, các ông không có sự sống nơi mình.”<sup>16</sup> Và phản ứng của họ thật kinh khiếp. Sau đó, họ rời Người và nói: “Lời này chướng tai quá! Ai mà nghe nổi?”<sup>17</sup>

Điều gì đã làm Chúa Giêsu nói một cách mạnh mẽ và sắc bén với những người muốn tôn Chúa lên làm vua, rồi muốn giết Ngài đi? Làm sao chỉ dựa trên một bài giảng của một người không mời mà đến lại thu hút quần chúng nhiều như vậy?

Câu Chúa Giêsu nói “nếu các ông không ăn thịt và uống máu Con Người, các ông không có sự sống nơi mình.” Câu này có nghĩa là gì?

Các tranh luận gay gắt về những dòng này, và một số nhà phân tích cho rằng điều làm cho người nghe lúng túng là việc ăn thịt người. Ai cũng giận khi bị đề nghị ăn thịt người. Những người khác đọc bản văn về Thánh Thể cũng lúng túng vì Chúa Giêsu nhập thể về mặt thể lý, máu và thịt, hiện diện trong Thánh Thể và rước Mình Thánh là giống như ăn thịt Chúa Giêsu.

Rốt cùng, cả hai chú giải đều thiếu một điểm. Nó đúng chỉ ở khía cạnh nhiệm thể Chúa Kitô hơi có vấn đề tranh luận ở đây. Tuy nhiên, những gì được nói đến không phải là chuyện ăn thịt người hay rước bánh lễ mà là cái gì muốn ngụ ý nói đến. Cái gì làm tách lúa mì khỏi vỏ trấu không phải là có khả năng hay không có khả năng đến nhà thờ rước lễ, vấn đề ở đây đòi hỏi hơn thế rất nhiều. Đó là gì?

Chìa khóa để hiểu đòi hỏi của Chúa Giêsu ở đây là chữ mà Chúa Giêsu chọn để dùng. Chúa dùng chữ *sarx* để nói đến nhiệm thể Ngài. Một cách chọn từ ngữ đáng ngạc nhiên. Nguyên ngữ Hy Lạp của Tân Ước dùng hai từ để chỉ thân xác, cho con người toàn diện, đó là: *sarx* và *soma*. *Soma* nói đến con người trong chừng mực là con người tốt hay bình thường. Chẳng hạn, nếu câu thơ nổi tiếng của Robert Burns “một thân xác gặp một thân xác/đến nhờ lúa mạch...” được các tác giả Tân Ước Hy Lạp hát lên, thì họ sẽ hát với giọng điệu thế này:

“Một soma gặp một soma/đến nhờ lúa mạch...” Còn *sarx*, trái lại, luôn nói về con người theo nghĩa xấu, tiêu cực. Nó quy chiếu về một người theo nghĩa xấu.

Chẳng hạn, tôi là *sarx* khi tôi bị đau ốm, thân thể hôi hám, tội lỗi, chết chóc, nhưng tôi là một *soma* khi tôi khỏe mạnh, hấp dẫn, làm điều lành, và được cất lên khỏi sự chết.

Trong bối cảnh này, sự kiện nhiệm thể Chúa Kitô không chỉ mang ý nghĩa là con người lịch sử của Chúa Giêsu và sự hiện diện của Ngài trong bí tích Thánh Thể, mà còn là thân xác lịch sử, cụ thể của các tín hữu trên trần thế này - một cách rõ ràng hơn, chúng ta thấy Chúa Giêsu muốn nói điều gì ở đây và tại sao nó lại mạnh và gây chia rẽ như thế. Vì khi dùng từ *sarx*, Chúa Giêsu nói đến nhiệm thể Ngài, vốn là một thân xác không tỳ vết tội như, vinh hiển trên trời, là tấm bánh trắng tinh tuyền của Giáo Hội. Chúng ta được mời gọi để “ăn” là ăn phần khác trong nhiệm thể Ngài, đó là cộng đoàn, là thân thể còn thiếu sót của các tín hữu đang sống trên trần gian này.

Cốt lõi, Chúa Giêsu muốn nói: “Nếu các con không liên kết với cộng đoàn đang còn bất toàn, còn ghen ghét, còn bất tri ở dưới đất này, thì làm sao các con có thể liên kết với Thiên Chúa toàn năng, toàn ái, vị tha, và toàn tri trên trời được. Nếu các con từ chối liên kết với gia đình hữu hình, thì làm sao các con liên kết với Thiên Chúa vô hình được. Sự thật hiển nhiên này có thể nhanh chóng làm cho mọi người tàn rụi. Khi ấy, người ta thấy “lời này nghe chướng tai” và lời ấy tới ngày nay vẫn còn nghe chướng tai.

Cụ thể hơn, chúng ta tưởng tượng ví dụ sau: Bạn đang tham dự vào một cộng đoàn giáo xứ. Buổi đầu gặp gỡ mọi người trong cộng đoàn, bạn thấy cộng đoàn tốt và bạn thích. Bạn có ấn tượng mạnh, bạn tham gia vào hội đồng giáo xứ và cả ca đoàn nữa. Tuy nhiên, dần dần khi bạn hiểu biết mọi người sâu đậm hơn, bạn bị vỡ mộng. Bạn thấy cha sở cũng có tật xấu, còn hội đồng giáo xứ sao mà bần tiện và nhỏ nhen quá, còn cộng đoàn giáo xứ chỉ nghĩ đến cộng đoàn mình mà không nghĩ đến cộng đoàn khác. Mọi chuyện đi đến đỉnh cao vào buổi chiều họp hội đồng giáo xứ, khi đó mọi người kết tội bạn là tự cao tự đại. Giờ thì bạn hiểu vấn đề, bạn bước ra khỏi buổi họp và tự nhủ: “Không thể chịu được! Tôi không cần phải đối đầu với mấy chuyện này. Tôi ra khỏi đây!”.

Bạn chỉ rời *sarx*... cụ thể vì đây là thể xác Chúa Kitô ở trần gian này. Khi nói: “Tôi không cần phải đối đầu với chuyện này!” là đi ngược với lời dạy của Chúa Kitô, vì chính Chúa Kitô đã nói điều này: “Nếu anh em không ăn thịt và uống máu Thầy, anh em không thể có sự sống nơi mình.” Chúa Giêsu nói rõ ràng như vậy, ít nhất trong phúc âm thánh Gioan. Chúng ta không thể phớt lờ gia đình bất toàn ở trần thế này để cố gắng có tương giao với Thiên Chúa toàn năng trên trời được. Cộng đoàn thực tế là một yếu tố bất di dịch trên bước đường tìm kiếm đời sống thiêng liêng, vì

chúng ta là Kitô hữu, chứ không phải là người hữu thần. Thiên Chúa không chỉ ngự ở trên trời, Ngài đang ở dưới thế này.

Rất khó đạt các hệ quả ở đây. Trong các hệ quả này, một ý niệm lầm lẫn phổ biến khá quan trọng (lạc giáo nguy hiểm) khơi lên, có ảnh hưởng tiêu cực khá phổ biến xuyên suốt cho đến ngày hôm nay.

Hiểu biết lầm lạc này có nhiều cách diễn đạt, nhưng có thể tóm lại trong cụm từ đơn giản sau: *“Tôi là Kitô hữu tốt, tôi chân thành, tôi phục vụ Thiên Chúa, nhưng tôi không cần đến Giáo Hội - Ở nhà tôi cũng cầu nguyện sốt sắng vậy.”*

Đúng, nếu bạn là người hữu thần, nhưng nếu bạn là Kitô hữu (hay theo bất cứ đạo nào) thì không bao giờ đúng cả. Một phần cốt lõi Kitô giáo là phải liên kết với một cộng đồng cụ thể, với tất cả các thiếu sót vốn có nơi bản chất con người và các căng thẳng từ cộng đồng mang lại cho chúng ta. Đối với Kitô hữu, đời sống thiêng liêng có thể không bao giờ là một cuộc đi tìm mang tính cá nhân, tìm Chúa mà lại ở ngoài cộng đồng, ngoài Giáo Hội. Thiên Chúa nhập thể nói cho chúng ta biết rằng ai nói mình yêu mến Thiên Chúa vô hình ở trên trời mà không muốn đối đầu với những người thân cận ở trần thế này là người nói dối, vì không ai có thể yêu mến Thiên Chúa Đấng mà họ không nhìn thấy nếu không yêu mến người thân cận mà họ có thể thấy được.<sup>18</sup>

Vì thế, đời sống thiêng liêng của người Kitô là luôn luôn tương quan sâu đậm với người chung quanh mình cũng như với Chúa.

## **ĐỂ HIỂU VỀ TRẢI NGHIỆM TÔN GIÁO**

Có một khác biệt nền tảng giữa người hữu thần và Kitô hữu trong việc đi tìm kiếm Chúa và hiểu về trải nghiệm tôn giáo. Tôi xin chứng minh qua ví dụ sau:

Vài năm trước, tôi tham dự một cuộc thảo luận về cầu nguyện. Bà hướng dẫn buổi hội thảo này là một chuyên gia dựa vào phương pháp cầu nguyện Đông phương, bà giải thích các phương pháp nguyện ngắm khác nhau, và chia sẻ với chúng tôi về đời sống cầu nguyện riêng của bà khi dùng phương pháp này. Bà nói, sau khi ngồi tĩnh lặng cầu nguyện khoảng hai giờ mỗi ngày, bà có những trải nghiệm gặp Chúa thật xúc động. Trong giờ trả lời thắc mắc, tôi hỏi bà trải nghiệm về Chúa bà có được trong lúc cầu nguyện riêng và trải nghiệm về Chúa bà có được trong cuộc sống hằng ngày, như lúc nói chuyện, trong công việc, trong bàn ăn với gia đình có khác nhau không?

Bà trả lời “Không thể so sánh được. “Sống chung, ăn uống với người trong nhà chỉ là những trải nghiệm mang tính con người (hay ít ra là thế), không phải là trải nghiệm thiêng liêng. Đó chỉ là con người thôi. Còn trong chiêm niệm, tôi mới có trải nghiệm *tôn giáo* thực sự”.

Một Kitô hữu, phải vừa ngoại giáo và nhập thể, mới đáp ứng được câu trả lời của bà. Dù không nói đến tầm quan trọng của việc cầu nguyện và nguyện ngắm riêng (vốn hầu hết chúng tôi thường thực hành nhiều hơn), thì đối với người Kitô hữu, có một thách đố ở đây, trên quan điểm hữu thần hơn là nhập thể. Người ta tìm gặp Thiên Chúa Đấng đã mang lấy thân xác con người nhập thể, đầu tiên và chủ yếu, không phải là nhờ chiêm niệm, hay trong tu viện, dù người ta có thể tìm thấy Thiên Chúa ở đó, nhưng là nhờ chính trong gia đình. Như Nikos Kazantzakis nói: “Ở đâu bạn tìm được vợ, chồng, thì ở đó bạn tìm thấy Thiên Chúa; ở đâu có trẻ con, những sản sóc nho nhỏ, nấu nướng, tranh cãi và tha thứ, thì ở đó có Thiên Chúa.”<sup>19</sup> Thiên Chúa nhập thể ở trong nhà nhiều hơn là trong tu viện.

“Thiên Chúa là tình yêu, ai ở lại trong tình yêu là ở trong Thiên Chúa.”<sup>20</sup> Khi Thánh Kinh khẳng định điều này, thì tình yêu nói ở đây, không phải là tình yêu lãng mạn, nhưng là tình yêu trong đời sống gia đình. Thiên Chúa không là “tình yêu sét đánh”, nhưng là tình yêu chia sẻ trong gia đình. Thiên Chúa nhập thể sống trong gia đình, trong Ba Ngôi, trong cộng đoàn chia sẻ đời sống. Vì thế, nói Thiên Chúa là tình yêu thì cũng nói Thiên Chúa là cộng đoàn, là gia đình, là cuộc sống được chia sẻ. Bất cứ ai chia sẻ cuộc sống mình với gia đình, với cộng đoàn cảm nghiệm Thiên Chúa, thì sự sống Thiên Chúa ở lại trong người ấy.

Nếu điều này đúng, và quả thế, thì có nhiều thay đổi trên cách chúng ta đi tìm trải nghiệm Thiên Chúa. Nếu Thiên Chúa ở trong đời sống hằng ngày, thì trước tiên hết, chúng ta cũng phải tìm kiếm Thiên Chúa qua đời sống hằng ngày. Dù chúng ta biết qua lý thuyết là như vậy nhưng thường thường, chúng ta lúc nào cũng đi tìm Chúa qua những điều dị thường.

Ví dụ: Vì sao chúng ta đi hành hương đến các thánh địa mà không đi chân đất, ngồi yên một chỗ để cảm nghiệm đất thiêng nơi mình ngồi? Tại sao đi Lộ Đức, Fa-ti-ma để nhìn Đức Mẹ khóc, mà không để ý đến giọt nước mắt nơi người đang ngồi ăn với mình? Vì sao chúng ta bị người như cha thánh Padre Pio cuốn hút, cha mang thương tích của Chúa nơi chân tay mình, nhưng lại bịt mắt không chịu thấy những người khốn khổ đáng thương đang mang vết thương của Chúa Kitô trên mặt, chúng ta ráng tránh họ? Những cuộc hành hương viếng thăm Mẹ Maria, hay cha thánh Padre Pio không có gì sai trái, nhưng không nhờ những chuyện này mà Chúa nói với chúng ta những chuyện quan trọng nhất. Một trong các bạn của tôi chia sẻ: Anh thường chơi gôn với một một người bạn Kitô hữu có tính tình thân thiện, nhiệt tình



và mộ đạo, anh ấy xin Chúa cho anh thấy một thị kiến. Ngày nọ, người bạn tôi mới nói với anh ta: “Có phải anh muốn thấy thị kiến không? Ngày mai, khi thức dậy, anh cứ nhìn mặt trời mọc. Đó là thị kiến Chúa làm!”

Đó là quan điểm của Kitô hữu về trải nghiệm đời sống thiêng liêng. Thiên Chúa là tình yêu và gia đình, Chúa sinh ra trong máng lừa, là một Thiên Chúa phải được tìm thấy, trước nhất, trong gia đình, họ hàng, nơi bàn ăn, khi mặt trời mọc, khi vui chơi, khi tranh luận với nhau. Để hòa với dòng đời bình thường, cho và nhận, cũng như những bất thường đau khổ mà đôi khi chúng ta gặp trên đường đời, đó là mang lấy cuộc sống của Thiên Chúa qua dòng đời của chúng ta.

Đời sống thiêng liêng không phải chỉ chiêm ngắm Chúa, hay cố gắng bắt chước Chúa, đời sống thiêng liêng là qua Chúa, tham dự vào dòng cuộc sống của Chúa, qua các tương giao cho và nhận trong cuộc sống đời thường. Thiên Chúa Đấng mặc xác phàm để trải nghiệm bằng những cảm giác bình thường, vẫn mang xác thịt, và trên hết được trải nghiệm qua những cảm giác bình thường.

### **ĐỂ HIỂU VỀ SỨ VỤ**

Cách đây vài năm, một nhà báo Kitô hữu đăng lời than phiền của một phụ nữ, với giọng điệu cay đắng, bà giải thích tại sao bà không còn tin vào Chúa nữa. Trong lời than phiền của bà không bao giờ bà đề cập đến tín điều, luân lý hay huấn quyền. Với bà, niềm tin vào Thiên Chúa và Chúa Kitô tùy thuộc vào chuyện khác, gương mặt của người Kitô hữu. Lời than phiền của bà như sau:

Đừng đến nói với tôi về Chúa, hay gửi mấy tờ giấy nói về tôn giáo tới nhà tôi, đừng hỏi liệu tôi có được cứu hay không. Hỏa ngục cũng không khắc nghiệt hơn đời sống của tôi bây giờ. Tôi thề với bạn là ngọn lửa địa ngục dường như quyến rũ hơn là cuộc sống lạnh thấu xương của tôi bây giờ. Và cũng đừng nói với tôi về Giáo Hội. Giáo Hội biết gì về nỗi tuyệt vọng của tôi – đóng chặt cửa sắt không nhìn đến những cuộc đời như cuộc đời của tôi? Đã có lần, tôi tìm kiếm sự thống hối và cộng đoàn trong các bức tường của quý vị, nhưng tôi thấy Chúa phản ánh qua gương mặt của quý vị, quý vị quay mặt với những cuộc đời như cuộc đời của tôi. Quý vị có bao giờ tha thứ cho tôi. Tình yêu chữa lành mà tôi tìm kiếm bị bịt chặt, nó chỉ dành riêng cho quý vị thôi. Vì thế, quý vị đi xa tôi đi và đừng nói về Chúa với tôi. Tôi đã thấy Chúa thể hiện qua quý vị và đó là một cuộc đời không có từ tâm. Chừng nào Chúa của quý vị không cho tôi chạm đến hơi ấm tình người, thì tôi vẫn là một kẻ không tin.<sup>21</sup>

Điều cuối cùng Chúa Giêsu muốn chúng ta thực hiện trước khi về trời là chúng ta đi rao giảng sự hiện diện của Ngài cho mọi dân mọi nước.<sup>22</sup> Tuy nhiên, nó phải được hiểu chính xác trong bối cảnh nhập thể, chứ không phải trong bối cảnh hữu thần. Lời than phiền của bà rất rõ ràng, thách đố ở đây không phải là nêu lên các nét về tôn giáo, thiết lập mạng lưới trực tuyến truyền thông để mọi người đều biết Chúa Giêsu, hay cố gắng rửa tội cho thật nhiều người gia nhập Kitô giáo. Nhiệm vụ chúng ta là tỏa chiếu lòng thương xót và tình yêu của Thiên Chúa, thể hiện Chúa Giêsu qua nét mặt và việc làm của chúng ta.

Khi Thiên Chúa kêu gọi các vị ngôn sứ lớn của Israel, Ngài khơi mào bằng một nghi thức thú vị. Thiên Chúa yêu cầu họ ăn một cuốn sách luật, ăn sách thánh của họ.<sup>23</sup> Một biểu tượng thật mạnh! ý tưởng là họ nên tiêu hóa chữ và biến nó thành xương thịt của họ để dân chúng có thể thấy chữ của Chúa trong một cơ thể sống chứ không qua chữ viết trên tấm da thuộc. Nhiệm vụ mang Chúa đến cho người khác không phải là giao cho họ cuốn Kinh Thánh hay các tác phẩm văn chương tôn giáo, nhưng mầu nhiệm Thiên Chúa biến thể, con đường chúng ta phải làm với lương thực chúng ta ăn. Theo thể lý, chúng ta phải tiêu hóa thức ăn và biến chuyển nó trong cơ thể để nó trở thành thân xác chúng ta. Nếu chúng ta cũng làm như vậy với Lời Chúa, thì người khác không cần đọc Kinh Thánh cũng thấy Chúa, họ chỉ cần nhìn vào khuôn mặt và đời sống chúng ta để biết Chúa.

Dù Jean-Paul Sartre nhìn vấn đề này trên khía cạnh hữu thần, ông cũng thêm vào một nhận thức có giá trị ở đây. Ông giải thích rằng con người tạo dáng cho khuôn mặt của mình. Đối với Sartre, chúng ta sinh ra không có mặt, ít ra là không có khuôn mặt biểu tả. Khi đứa bé mới sinh, có ba đặc nét trên khuôn mặt non nớt của nó: Trước tiên, khuôn mặt đứa bé biểu lộ rất ít tính cá nhân. Dù biểu lộ của các bà mẹ hoàn toàn khác nhau thì biểu lộ các em bé rất giống nhau! Thứ đến, nét mặt của em bé nói lên chút ít tính cách của nó. Khi nhìn vào khuôn mặt của một em bé, chúng ta có ít nhiều nhận xét đại loại như tính cách vốn có của em và nó sẽ phát triển về sau như thế nào. Sau cùng, trên khuôn mặt của em bé, nét đẹp hầu như hoàn toàn mang tính di truyền. Một đứa bé trông xấu hay đẹp hoàn toàn tùy thuộc vào khả năng di truyền.

Theo Sartre, điều này đúng đối với em bé mới sinh, nhưng theo năm tháng, nó sẽ thay đổi và hiện rõ nét ở tuổi bốn mươi, khi các nét chính trên khuôn mặt đã vạch rõ. Ở độ tuổi này, chúng ta đều khác nhau (dù có sinh đôi), khuôn mặt nói rõ chúng ta là ai, và nét đẹp thể lý bắt đầu hòa quyện với nét đẹp chung để giờ đây chúng ta được nhận xét tốt hay xấu dựa trên bản chất của chúng ta hơn là dựa trên

khả năng thiên phú thể lý. Từ tuổi bốn mươi về sau, khuôn mặt của chúng ta biểu lộ tính cách cá nhân, và vẻ đẹp vượt quá khả năng di truyền.

Tóm lại, cái quan trọng trong mọi sự vẫn là cái định hình khuôn mặt chúng ta. Cho tới tuổi bốn mươi, tính chất di truyền nổi trội, do đó giải thích vì sao ở tuổi bốn mươi, chúng ta còn vị kỷ mà vẫn thấy xinh. Sau đó, chúng ta là con người thật của mình. Nếu tôi lo lắng, bần tiện, ích kỷ, đả đàng cay, hẹp hòi và chỉ quy về tôi, khuôn mặt của tôi sẽ nói lên điều đó. Trái lại, nếu tôi nồng hậu, tử tế, vui tươi, vị tha, thì khuôn mặt của tôi nói lên điều đó. Một suy nghĩ kinh hoàng; không thể nào có khuôn mặt lạnh lùng sau tuổi bốn mươi.

Là người có lòng tin, sứ mệnh chúng ta là tạo khuôn mặt chúng ta theo con đường tốt. Lời bắt đầu bằng xương thịt và cần tiếp tục mặc xương thịt để ở đó Chúa chuyển biến không phải qua bánh trong Thánh Thể mà quan trọng hơn, qua khuôn mặt con người.

Chúa Giêsu dạy chúng ta Nước Thiên Chúa hoạt động như men. Chúng ta được mời gọi để những lời Chúa dạy chuyển hóa con người chúng ta, từ bên trong như men dậy trong bột, như tia nắng hè chuyển hóa cây xanh. Sự tiêu hóa Lời Chúa phải làm chúng ta khác về mặt thể lý. Vì thế, nhiệm vụ đầu tiên của chúng ta trong việc rao giảng Lời Chúa là chúng ta phải là người biết thình lạng. Chúng ta phải biến thể Lời Chúa qua khuôn mặt, để khuôn mặt mang nét từ tâm và thương xót có tính cách thần thánh. Họa hiếm lắm chúng ta mới dùng đến lời.

### **Để hiểu thế nào là giữ mối tương quan với người thân sau khi họ chết**

Cuối cùng, cũng có sự khác biệt lớn giữa người hữu thần và Kitô hữu trong cách hiểu mối tương quan với người thân sau khi họ chết.

Cả người hữu thần và Kitô hữu đều tin có sự sống lại đời sau, và cả hai cùng tin có mối tương quan sâu đậm nào đó giữa người sống, là chúng ta, với người thân yêu đã chết. Tuy nhiên, nếu ai chấp nhận nhập thể, thì có sự khác biệt trong đời sống thiêng liêng do chỗ đứng của nhập thể.

Đối với người hữu thần, cách hiểu hay nhất về vấn đề này là tương quan này có tính cách huyền bí, giữa linh hồn với linh hồn, qua một tượng tượng nào đó (có khi là thật sự) về sự hiện diện của người thân trong lòng chúng ta. Trong khi Kitô hữu không cho là thế, họ đi xa hơn. Họ lưu lại trong mối tương quan, tình yêu, hiệp

thông, và cuộc sống cộng đoàn với những người thân yêu đã chết như thế nào? Làm sao chúng ta tìm được người thân sau khi cái chết làm họ cách xa chúng ta?

Nhờ lời của họ làm thành xương thịt. Qua cách diễn đạt cụ thể trong cuộc sống chúng ta với các đức tính và phẩm chất vốn đã nhập thể một cách đẹp nhất. Nó hoạt động như thế nào?

Chúa Giêsu phục sinh giải thích cho chúng ta hiểu những điều này. Vào sáng ngày chúa nhật Phục sinh, Maria Magđala đi ra mộ Chúa Giêsu, hy vọng được xúc dầu thơm cho xác Ngài. Tuy nhiên, bà đối mặt với ngôi mộ trống và thiên sứ nói với bà: *“Tại sao bà tìm người sống giữa những kẻ chết?”*<sup>24</sup>

Lời nói gây tò mò? Không chắc? Thực tế, thiên sứ đang nói nghĩa địa thực sự không phải là nơi chúng ta tìm người bên kia thế giới mà bây giờ họ đang sống một cách mới mẻ. Chúng ta không tìm người chết nơi ngôi mộ, dù viếng thăm mộ là chuyện tốt. Các thiên thần vô hình đang ngồi đó, trên mộ người thân của chúng ta, và nhắc chúng ta đi về với cuộc sống để tìm thấy họ nơi cuộc sống. Như Maria Magđala không thấy Chúa Giêsu ở mộ Ngài, thì chúng ta cũng không thấy người thân ở đó. Vậy chúng ta tìm họ ở đâu? Chúng ta sẽ gặp người thân mà bây giờ chúng ta không chạm đến được ở những nơi mà ngày xưa tâm hồn họ được nuôi dưỡng. Người thân chúng ta vẫn sống nơi mà họ đã sống và chỉ có nơi đó chúng ta mới tìm gặp họ được. Điều này có nghĩa gì?

Nói đơn giản, chúng ta tìm gặp người thân đã chết bằng cách bước vào cuộc sống, trong yêu thương và đức tin, theo cách thể đặc biệt nhất của họ ngày xưa. Chúng ta tương quan với họ và liên kết với họ, trong cuộc sống chúng ta, chúng ta vẽ nên sự phong phú vô biên trong đời sống và lòng thương xót của Thiên Chúa theo con đường họ đã làm, khi chúng ta đưa chính cuộc sống của mình vào cuộc sống họ đã sống.

Tôi xin đưa ra một ví dụ: Cha mẹ tôi đã qua đời hơn hai mươi năm. Thỉnh thoảng tôi ra thăm mộ. Đó là một kinh nghiệm hay. Tôi thấy một vài thứ mọc trên mộ, một vài thứ bám rễ sâu làm tôi chú ý. Nhưng đây không phải là mối tương quan thực của tôi với cha mẹ. Không. Tôi gặp cha mẹ trong cuộc sống. Tôi gặp cha mẹ trong đời sống của tôi, tôi sống những gì đặc nét nhất nơi cha mẹ tôi, thương yêu, đức tin và đạo đức. Ví dụ, mẹ tôi rất vị tha, nhân nhượng với lỗi lầm, luôn luôn cho đi mọi thứ. Khi tôi sống vị tha và biết cho đi như mẹ tôi, thì tôi tìm thấy mẹ. Mẹ trở nên rất gần, vẫn đang sống. Lúc đó tôi không cảm nghiệm mẹ tôi đã khuất. Cũng vậy với cha tôi. Đức tính lớn nhất của cha tôi là chân thành đạo đức, đức tin không lay chuyển, dứt khoát không thỏa hiệp, dù thỏa hiệp nhỏ nhất. Đúng thế, khi tôi xứng đáng là con của cha tôi trong những trường hợp này, khi tôi có thể đối mặt với

những cám dỗ dù nhỏ hay lớn trong cuộc sống, thì cha vẫn hiện diện, vẫn đang sống, liên kết với tôi trong đời sống cộng đoàn.

Không tốt hơn, nhưng vẫn đúng trong tình trạng ngược lại: Khi tôi vị kỷ, khi tôi không dành trọn thời giờ cho hy lễ, thì mẹ tôi đang vắng mặt, đã chết đối với tôi. Với cha tôi cũng thế: Khi tôi thỏa hiệp với những vấn đề luân lý dù nhỏ nhất, thì cha tôi không còn sống với tôi nữa. Cha như nước thủy triều đã xuống. Đúng thế, những lúc như thế mà tôi đi viếng mộ thì cũng chẳng ích gì, khi ấy, đời sống của tôi đúng là đời sống giữa những người chết. Nếu những lúc như thế tôi cầu nguyện với cha mẹ tôi, thì lời đáp trả duy nhất tôi nhận được từ thiên thần phục sinh, người nói với tôi, một cách dịu dàng, những gì đã nói với Maria Magđala: Tại sao con tìm người sống giữa những kẻ chết?

Ai thiện tâm đều tạo cuộc sống vô biên và thương xót của Chúa theo cách đó. Khi người đó chết, chúng ta phải tìm họ giữa những người sống. Vì thế, nếu muốn có sự hiện diện của người thân yêu, chúng ta phải tìm gặp họ trong những gì nổi bật nhất ở họ, qua tình yêu, đức tin và đức hạnh. Nếu mẹ bạn có ơn hiểu khách, bạn sẽ gặp mẹ khi bạn mến khách; nếu người bạn của bạn yêu mến công bằng, bạn sẽ gặp họ khi bạn để thì giờ lo cho công bằng; nếu dì của bạn có niềm vui cho cuộc sống, cho bữa ăn gia đình, cho tiếng cười trong nhà, thì bạn sẽ gặp dì khi bạn là niềm vui cho cuộc sống, ăn uống với gia đình, cười vang nhà.

Đó là cách người Kitô hữu tìm kiếm người thân sau khi họ đã qua đời. Người hữu thần thì viếng mộ (và Kitô hữu cũng viếng mộ vì người Kitô hữu cũng hữu thần) nhưng, được nhập thể, tất cả chúng ta tạo thành lời đã trở nên xác thịt, với tư cách là người Kitô hữu, chúng ta tìm kiếm người thân đã khuất không những ngoài nghĩa địa, mà còn ở giữa người sống – tại bàn ăn, nơi làm việc, nơi tòa án, dù sang hèn, chúng ta vẫn làm việc hằng ngày.

### **Quả tim đời sống thiêng liêng của người Kitô hữu**

Trong lời tựa quyển sách viết về Chúa Giêsu, John Shea đã bình luận như sau: “Khi âm tiết của chữ cuối cùng về Chúa Giêsu được cất lên, thì một người nhỏ bé, đầu hói, người cho đến nay vẫn thỉnh lặng sẽ nói: “Xin chờ một chút, tôi...” Sau hai ngàn năm, dân chúng vẫn đồng hành với Chúa Giêsu. Họ mang đến cái tôi huyênh hoang và nỗi đau khổ của năm cũ, niềm hy vọng ngổn ngang và nỗi lo âu suy nhược, niềm vui vô có và quả tim do dự - cầu xin Giêsu ban cho họ biết những gì họ phải làm. Dần dần chúng ta mới ý thức cái móc câu trong lời hứa của Chúa Giêsu, “Thầy sẽ ở cùng các con mọi ngày, cho đến tận thế?” Nó không chỉ có nghĩa là Chúa sẽ

ở lại mà còn có nghĩa là chúng ta không tài nào gạt Chúa ra ngoài được. Ngài vẫn tiếp tục lăn tảng đá ra khỏi nấm mộ nơi chúng ta đã an táng Ngài.”<sup>25</sup>

Khi chúng ta cố gắng hướng luồng đi của lửa yêu, để tìm kỷ luật cho đời sống thiêng liêng, để chúng ta có sự sống, thì chúng ta phải để cái tôi, các vết sẹo, niềm hy vọng và nỗi sợ hãi, niềm vui và sự suy yếu đến với Chúa Giêsu để thấy Chúa làm gì với chúng. Nhưng đời sống thiêng liêng Kitô giáo còn hơn thế nữa. Ngọn lửa nhiệt năng của Chúa vốn nung nấu tâm hồn chúng ta sẽ đi đến hoàn thiện, sáng tạo và tĩnh tại, khi chúng ta hình thành đời sống chúng ta, thể xác chúng ta theo cách mà Chúa Giêsu hình thành, khi chúng ta giúp Chúa mang nhập thể đến với chúng ta. Như chúng ta đã nói, đời sống thiêng liêng không phải là luật lệ để vâng theo, nhưng là sự hiện diện để được lắng lấy, chịu thử thách và trở thành xương thịt.

## PHẦN 4

---

### **Một vài Linh đạo chính yếu trong đời sống thiêng liêng**

*Điều chúng ta chọn để chiến đấu thật nhỏ bé!*

*Điều chúng ta chiến đấu thật quá lớn lao*

*Giá chúng ta chịu khuất phục cơn vũ bão như vạn vật*

*Chúng ta cũng sẽ nên mạnh mẽ, và chẳng cần tên tuổi.*

*Khi chúng ta vượt thắng qua những chuyện nhỏ,*

*và chính vinh quang làm chúng ta bé nhỏ.*

*Điều kì vĩ và vĩnh cửu không muốn chúng ta được quyền nắm giữ nó..*

*Đây là cách con người lớn lên: bằng việc chịu khuất phục, dứt khoát*

*bằng những tồn tại lớn lên không ngừng.*

Rainer Maria Rilke

*Câu chuyện thân mật nhất mọi người nói là nói về Chúa.*

Etty Hillesum

*Đức Kitô là một thực thể siêu việt, lời sấm chớp và hành động kiên quyết đã lật nhào bàn ghế, xua đuổi quỷ dữ, băng qua như cơn gió thần bí từ đỉnh núi cô tịch đến một dạng ngu dân kinh khiếp.*

G. K. Chesterton

*Hạnh phúc không phải là điều làm cho chúng ta tri ân. Chính lòng tri ân làm cho chúng ta hạnh phúc.*

David Steindl Rast

*Thiên Chúa đương nhiên tự hữu, nhưng điều được xem là Thiên Chúa thì không đương nhiên tự hữu đối với chúng ta.*

—Thomas Aquinas

*Mất mát cũng là một trách nhiệm.*

—Christina Crawford



## 6.

### **Linh đạo về tính Hội Thánh**

*Trong nước rửa tội chúng ta được nhắc nhở rằng chúng ta không sinh ra trong hư không, và không dần bước hoàn toàn cô đơn (dù cô đơn thường là một phần của gánh nặng đời sống). Được tái sinh, được làm cho sống, gồm cả việc được sinh vào một cộng đoàn. Vì thế có nhiều ràng buộc gắn liền với cuộc lễ hành này. Nên cuộc hành trình tâm linh đơn độc tìm Chúa kéo con người, giáo hội, quốc gia, nhân loại theo nó.<sup>1</sup>*

### **Tôi muốn Nước Trời nhưng không muốn Giáo Hội**

Thế kỷ trước, một cuộc tranh luận nảy lửa đã nổ ra trong thần học Kitô giáo liên quan đến sự cần thiết hoặc không cần thiết của một thể chế giáo hội. Một số nhà thần học đã đặt ra một chất vấn học búa: “Chúa Giêsu rao giảng một vương quốc, vậy tại sao chúng ta lại có một giáo hội?”

Dù số phận của họ trong lịch sử ra sao, thì những người thời nay có rất nhiều đồng cảm với các nhà thần học này. Chắc chắn trong thế giới phương Tây, ngày càng có nhiều người đặt chất vấn về giá trị của Giáo hội và họ đi tìm Chúa, dưới đường hướng của đức hạnh luân lý, và biểu tỏ bản thân mình theo cách thức tôn giáo nhưng ở ngoài bức tường của nhà thờ Kitô giáo. Phê phán của họ về giáo hội vừa có tính lý thuyết vừa có tính thực hành.

Về mặt lý thuyết, ngày càng nhiều người tách rời việc đi tìm Thiên Chúa của mình ra khỏi sự liên hệ đến cộng đồng giáo hội. Và họ làm với những lý do khác nhau. Đối với một số người, như Sam Keen<sup>2</sup>, người đã có những chỉ trích liên hệ đến giáo hội mà chúng ta thấy trước đó, sự liên hệ đến giáo hội đặt ra các chất vấn tâm linh để rồi đưa đến một kết thúc vội vàng non sót và có thành kiến tiêu cực với linh đạo. Quan điểm của ông là giáo hội đòi hỏi một sự vâng phục, làm cho những người tin theo trở nên non sót, thiếu trưởng thành. Nhiều người đồng ý với ông. Đối với một số người khác, sự khiên cưỡng bước vào giáo hội của họ phát xuất từ lịch sử

giáo hội. Họ xem giáo hội như là một thể chế thỏa hiệp, với quá nhiều máu dính trên tay, trì độn về tâm linh, và cả núi xương khô chất trong tủ. Họ không còn tin giáo hội là một thể chế suy ngẫm về ơn phúc của Chúa nữa. Đi kèm với chỉ trích này về lỗi lầm của giáo hội là một quan niệm đơn giản rằng giáo hội Kitô đã cố bước đi trong hai ngàn năm, và không thực sự thay đổi được gì, cũng như một đội bóng chơi với những đặc quyền đặc lợi đã hai ngàn năm nay mà vẫn không bao giờ đạt vô địch. Đây là thời điểm để thay đổi!

Dù những phê phán đó là đúng và có giá trị thật hay dù họ duy lý và sự đơn giản hóa thái quá cách nguy hiểm thì những điểm này không phải là vấn đề ở đây. Vấn đề là tính phổ thông của nó, sự kiện là ngày nay có hàng triệu người đang gặp khó khăn về mặt lý thuyết với giáo hội của họ và ác cảm với ý niệm về tính giáo hội.

Nhưng thậm chí nghiêm trọng hơn sự phê phán lý thuyết thuần túy chính là sự phê phán thực tế về giáo hội ngày nay trong nền văn hóa Phương Tây. Người ta tuyên bố bằng bước chân của mình. Đơn giản càng ngày họ càng ít đi nhà thờ. Đi nhà thờ và gắn bó với nhà thờ đang giảm rất nhiều. Các con số thống kê có thể khác nhau từ quốc gia này đến quốc gia khác, nhưng mọi quốc gia trong thế giới Tây phương đều cho thấy một việc đi nhà thờ giảm rất trầm trọng.

Tuy nhiên, các nhà nghiên cứu vấn đề này lưu ý chúng ta những điểm đáng ngạc nhiên<sup>3</sup>: Thứ nhất, dù việc đi nhà thờ giảm trầm trọng, nhưng các giáo hội tự thân vẫn rất mạnh mẽ. Như vậy, dù không muốn gắn bó với nhà thờ và đi nhà thờ thường xuyên, người ta vẫn tiếp tục muốn nhận rằng mình có tôn giáo với một danh xưng rõ ràng (“Tôi là người theo đạo Công giáo La Mã, Anh giáo, Ba-típ, Hiệp Nhất, vâng vâng...”) cũng như muốn tiếp tục nhận các nghi thức đánh dấu (rửa tội, hôn phối, và mai táng) trong giáo hội của mình. Hơn nữa, họ muốn thấy giáo hội của họ tiếp tục duy trì, mặc dù họ không tham dự. Họ muốn có giáo hội để dùng lúc cần, dù những dịp cần này không bao nhiêu. Nhà xã hội học tôn giáo người Canada, Reginald Bibby, nói: “Người ta không rời bỏ giáo hội của họ, họ chỉ là đang không đi đến với giáo hội mà thôi.”<sup>4</sup>

Đồng thời, qua sự nghiên cứu về việc giám sát đi nhà thờ cho thấy đa số những người không đi nhà thờ thường xuyên lại không có những câu hỏi như Sam Keen có, và cũng không giận dữ về những điều đáng phê phán gay gắt của giáo hội. Sự giận dữ và chất vấn lý thuyết gay gắt không phải là vấn đề lớn nhất; chính thờ ơ lãnh đạm và nền văn hóa cá nhân chủ nghĩa mới là vấn đề lớn. Hầu hết những người không đi nhà thờ ngày chủ nhật không ở nhà nghiên ngẫm về sai lỗi của giáo hội hay đọc sách của Sam Keen. Họ ngủ, đi phố, trượt tuyết, chạy bộ trong công viên, xem bóng chày, bóng đá, cắt cỏ làm vườn, thăm gia đình bạn bè. Họ không có những

chất vấn lớn lao về giáo hội. Về phương diện giáo hội, họ đang “làm” ngày lễ nghĩ. Họ muốn có một vương quốc, nhưng không muốn giáo hội.

Tất cả các điểm này hướng về nhiều chuyện: lỗi lầm của giáo hội, lịch sử đen tối của giáo hội, một chán nản nào đó trong Kitô giáo Tây phương, căn bệnh cá nhân chủ nghĩa trong nền văn hóa chúng ta, sự thờ ơ với tôn giáo của hàng triệu người, và vấn đề nhận thức liên quan đến các Giáo hội Kitô. Chắc chắn là nó hướng đến sự cần thiết cho một hiểu biết tốt hơn về giáo hội. Giáo hội có thể có nước sự sống, nhưng người ta ngày càng ít người muốn gần kề ngọn lửa. Làm gì được với điều này đây?

Thư viện thần học của chúng tôi có đầy đủ những sách tuyệt vời về tính giáo hội, nhưng việc đi nhà thờ vẫn tiếp tục xuống dốc. Một nền thần học tốt là quan trọng, nhưng cần một điều gì khác nữa, một linh đạo giáo hội tốt hơn, một lý do thực tiễn và cá nhân hơn rằng tại sao để có được nước trời, chúng ta muốn và cần đến giáo hội.

Vậy giáo hội nên được hiểu thế nào?

## **Hướng đến Linh đạo về Hội Thánh – Hình tượng thiêng liêng của Giáo hội**

### **1. Giáo hội là những con người .... Cộng đoàn Tông đồ**

Trước hết tất cả, giáo hội là những con người. Rất lâu trước khi nói đến những công trình, giáo bộ, linh mục, giám mục, giáo hoàng, các tổ chức, các thể chế, luật luân lý, chúng ta phải nói đến một cộng đồng của những con tim và tâm hồn, trước đây phân rẽ bởi nhiều thứ, bây giờ phải đi đến với nhau. Chúa Giêsu đã tạo lập một cộng đoàn chung quanh Ngài, hướng dẫn và để lại cho cộng đoàn lời của Ngài, Thần khí của Ngài, và phép Thánh Thể. Cộng đoàn đó là giáo hội và đó là một hình thức cộng đoàn đặc thù, một cộng đoàn tông đồ.

Một cộng đoàn tông đồ là gì? Điều gì cấu thành nên giáo hội?

Có quá nhiều hiểu lầm về điều này, cho nên để làm rõ ra, tốt nhất là tiếp cận qua những điểm nói rõ lên cái gì không phải là cộng đoàn giáo hội. Cộng đoàn giáo hội, dù nó có một vài khía cạnh này, và những khía cạnh này có thể góp một vài

điểm tích cực, nhưng cốt yếu, giáo hội không là bất cứ khía cạnh nào trong những cái sau đây:

***a. Như những cá nhân sẵn lòng quy tụ lại với nhau trên nền tảng hỗ tương qua lại***

Đây là một hiểu lầm phổ biến, sự quy tụ lại thành giáo hội thì có ít điểm hoặc không có điểm nào giống như việc đi tìm người tương hợp. Nhóm các môn đệ đầu tiên quy tụ quanh Chúa Giêsu hoàn toàn không phải là những người tương hợp với nhau. Họ khác nhau về trình độ và tính khí, có quan điểm khác nhau về hình ảnh Chúa Giêsu, ghen tị nhau, và như Kinh Thánh viết, đôi khi giận dữ nhau. Họ yêu mến nhau, theo nghĩa kinh thánh của cụm từ đó, nhưng họ không nhất thiết giống nhau, giống như cách nói của một thành viên trong giáo hội nói với người cùng đạo đã làm cô ấy bức mình liên tục: “Janice, tôi yêu bạn cách hoàn toàn siêu nhiên, tôi có thể đoán chắc như vậy!”

Đó là những gì người ta gọi là giáo hội. Thông thường chúng ta thất vọng về giáo hội, vì chúng ta thấy đó là một tập hợp linh tinh và pha tạp những con người, một số không thích chúng ta và một số thì chúng ta chẳng bao giờ chọn để làm bạn. Chúng ta đi nhà thờ để tìm tình bạn và tìm tri âm trong tư tưởng, và thường thì chúng ta không thể tìm thấy. Điều này không nhất thiết có nghĩa là có gì không đúng trong giáo hội, chỉ đơn giản là chúng ta đã kỳ vọng sai. Ở trong cộng đoàn tông đồ, giáo hội không nhất thiết phải có những người chúng ta tương hợp về xúc cảm, tư tưởng, hay những điều khác. Thay vào đó là cùng đứng bên nhau, vai kề vai, tay trong tay, chính xác là với những người rất khác chúng ta và, với họ, cùng nghe một lời, cùng tuyên xưng đức tin, cùng chia sẻ tấm bánh và tha thứ cho nhau, nhờ đó khắc phục được các bất đồng của chúng ta và có cùng một quả tim. Giáo Hội không gồm một số ít người giống nhau về suy nghĩ hội lại để nâng đỡ nhau, đó là hàng triệu triệu người khác nhau, họ vượt qua khác biệt để thành một cộng đoàn, vượt trên tính khí, chủng tộc, ý thức hệ, giới tính, ngôn ngữ và trình độ.

***b. Hỗn loạn trong sợ hãi và cô đơn***

Tương tự, cộng đoàn tông đồ không phải là một nhóm người hỗn loạn trong sợ hãi hay cô đơn, - “bạn và tôi, cùng nhau chống lại thế giới” - như thỉnh thoảng

chúng ta thấy hai người sợ sệt kết hôn với nhau hay sự thành lập các tà phái nhỏ vì sợ.

Trong phúc âm thánh Gioan và trong sách Công Vụ Tông Đồ, chúng ta thấy kiểu cộng đoàn sai lầm này nơi các môn đệ trước khi Chúa Thánh Thần ngự xuống.<sup>5</sup> Họ “dao động trong căn phòng khóa kín, và đầy sợ hãi.” Trong tình trạng đó, họ đến với nhau bằng xương bằng thịt dưới một mái nhà, nhưng đó không phải là một cộng đoàn thực sự. Nhưng trớ trêu thay, sau khi Chúa Thánh Thần ngự xuống vào Lễ Ngũ Tuần, từ căn phòng đó, họ bùng ra một sức mạnh, họ đi đến những nơi xa cách trên thế giới, và một số không bao giờ gặp lại nhau, khi đó họ có một cộng đoàn đích thực. Cộng đoàn tông đồ không nối kết bởi những người có cùng nỗi sợ, muốn dựa nhau để phòng chống các đe dọa. Cộng đoàn tông đồ được nối kết khi, dựa trên nền tảng của một cái gì mạnh hơn nỗi sợ chúng ta, chúng ta ra khỏi cánh cửa đóng kín và phá bỏ bức tường của mình. Như cha Henri Nouwen đã mô tả rất đúng điều này:

“Khi Chúa Thánh Thần ngự xuống trên các môn đệ đang dao động trong sự sợ hãi, họ bình tâm, tự do ra khỏi căn phòng đóng kín để bước vào thế giới. Cho đến khi nào họ vẫn còn tập hợp nhau trong sợ hãi thì họ không thành lập được cộng đoàn. Nhưng khi họ lãnh nhận Chúa Thánh Thần, họ trở nên một thân thể tập hợp những con người có thể sẻ chia cảm thông với nhau ngay cả khi họ ở xa nhau, từ La Mã đến Giê-ru-sa-lem. Vì vậy, khi Chúa Thánh Thần hiệp nhất chúng ta trong cộng đoàn, chứ không phải nỗi sợ kết hợp chúng ta, thì không gian, thời gian không thể nào phân rẽ chúng ta.”<sup>6</sup>

Khi một số người cô đơn và sợ hãi tụ lại với nhau để chống lại thế giới thì không bao giờ có được một cộng đoàn tông đồ.

### ***c. “Gia đình” trong nghĩa tâm lý***

Vài năm trước có một thanh niên gia nhập dòng Anh Em Hiến Sĩ Đức Mẹ Vô Nhiễm, cộng đoàn tôn giáo mà tôi là một thành viên. Anh là một người trẻ rất có lý tưởng, nhưng lại rất thiếu thốn về cảm xúc. Qua nhiều thời gian, tại những buổi họp cộng đoàn của chúng tôi, anh phàn nàn về sự thiếu tính cộng đoàn với kiểu điệp khúc: “Tôi vào dòng này để đi tìm một cộng đoàn, nhưng ai cũng quá bận rộn, không ai có thì giờ cho tôi. Chúng ta không chia sẻ đủ sâu sắc với nhau. Không có tình thân mật thực sự giữa chúng ta. Chúng ta quá lạnh lẽo, quá đàn ông. Tôi mãi mãi cô đơn và không ai quan tâm đủ!”

Anh nói đúng về mặt cộng đoàn. Không có cộng đoàn tôn giáo nào là hoàn hảo và cộng đoàn chúng tôi lại càng không hoàn hảo, nhưng đó không phải là vấn đề chính đích thực của anh, mà là kỳ vọng sai lầm. Cuối cùng anh đi tham vấn. Người hướng dẫn, một linh mục-tâm lý gia có các hiểu biết về các năng lực của cộng đoàn tôn giáo, cha đã giúp anh thấy rõ sự việc và nói với anh: “Những gì con đang thực sự tìm kiếm thì sẽ không tìm thấy được trong một nhóm tôn giáo. Con đang đi tìm người yêu, chứ không phải một cộng đoàn tôn giáo.”

Chúng ta thường nhầm lẫn cộng đoàn giáo hội với gia đình trong suy nghĩ tâm lý-tính dục. Nó làm cho chúng ta thất vọng khôn nguôi. Chúng ta nói về giáo hội như một gia đình, nhưng đó không phải gia đình như kiểu gia đình gồm người chồng, người vợ và con cái. Một gia đình trong suy nghĩ tâm lý-tính dục thông thường được xây nên bởi hai con người đến với nhau trong tình yêu, có liên hệ tính dục và cuối cùng có con với nhau. Trong khuôn khổ đó, bao gồm tính dục, một loạt lớn các nhu cầu căn gốc có thể được đáp ứng mà những dạng thức gia đình khác không thể đáp ứng được. Có lẽ một vài nhà thần bí, như thánh nữ Têrêxa thành Avila, người có lúc rơi vào trạng thái xuất thần của xúc cảm và thể xác sau khi nhận thông hiệp linh thiêng, sẽ tìm thấy sự tròn đầy của nhu cầu xúc cảm cũng như thân mật mang tính tính dục trong lòng giáo hội. Họ là những trường hợp ngoại lệ. Phần còn lại trong chúng ta đến với giáo hội để tìm kiếm một cái gì khác. Cộng đoàn giáo hội không bao giờ là một thay thế cho chức năng của cảm xúc thân mật và tính dục. Giáo hội không có xu hướng trở nên như vậy. Người ta không nên đến với giáo hội để tìm một người tình.

Nhớ đến điều này sẽ làm chúng ta khỏe khi chúng ta phàn nàn rằng giáo hội quá lớn, quá phi nhân, và không khi nào chúng ta tìm được ấm áp và nâng đỡ cảm tình mà đúng lý chúng ta có quyền khao khát và cần có. Câu hỏi thường gặp là “Làm sao tôi cảm thấy ấm áp và thân mật khi ở trong nhà thờ với sáu trăm người khác?”

Nếu đức tin của chúng ta đúng, và tôi tin như vậy, thì phần số chúng ta là hưởng được đời sống vĩnh cửu với hàng tỷ tỷ người. Thờ phượng trong một nhóm rất đông người là một cách tốt để thực hành điều đó.

**d. *Một mái nhà, một chủng tộc, một danh xưng, một sách luật hay một sách kinh chung***

Cộng đoàn giáo hội cũng không phải đơn giản sống chung với nhau dưới một mái nhà, hiệp nhất bởi dòng máu chung, là một phần của một danh xưng tôn giáo đơn nhất, có một sách luật chung hay gắn kết với nhau qua sách kinh chung.

Tôi có thể sống cùng mái nhà với ai đó, là anh hay em cùng dòng máu, sống trong một quy tắc chung với ai đó, là thành viên cùng giáo phái, nhưng vẫn không hiệp thông với người đó. Nói ngược lại cũng đúng. Tôi có thể cách xa hàng châu lục, khác nhau về sắc tộc, về niềm tin, nhưng lại hiệp thông với người khác. Chung một mái nhà, chung giường, chung bàn, cùng dòng máu, cùng gia phả, cùng tôn giáo, tự nó không làm nên hiệp thông; cũng như xa cách vật lý, sống một mình, ngủ một mình, khác màu da, khác niềm tin không nhất thiết làm chúng ta xa nhau. Cộng đồng tông đồ, như chúng ta sẽ thấy, phụ thuộc vào cái gì đó khác.

### ***e. Một nhiệm vụ chung, một sứ mệnh chung***

Một trong những điều thường nhầm lẫn về cộng đoàn tông đồ, mà sự thực thì không phải vậy, đó là được liên kết với nhau bởi một sứ mệnh chung. Một ví dụ tôi còn nhớ là bài nói chuyện sôi nổi của một hiệu trưởng trường Công giáo với toàn thể nhân viên vào ngày khai giảng năm học: “Là ban điều hành, chúng ta cùng nhau tạo nên một cộng đoàn và chúng ta cần sự thống nhất để công việc có hiệu quả. Chúng ta không cần phải thích nhau, không cần phải có tình gia đình với nhau, cũng không cần nghĩ rằng chúng ta không có bất đồng và căng thẳng lớn giữa chúng ta. Điều quan trọng là chúng ta có một công việc để làm với nhau, một sứ mệnh chung. Cùng nhau chúng ta phải giáo dục học sinh tốt nhất có thể. Để làm điều này, chúng ta phải là một đội binh thực sự, chứ không chỉ là một liên minh của những cá nhân tự do.”

Ông đúng một điểm, một sứ mệnh chung thường đòi hỏi nỗ lực của một đội. Nhưng chính xác, sứ mệnh chung tạo ra một đội, để giành chức vô địch Superbowl, để sản xuất một sản phẩm, để kiểm soát thành phố, để vận hành một tổ chức, ngay cả để dạy giáo lý vỡ lòng cho con trẻ của chúng ta - nhưng tự thân nó, nó không làm nên cộng đoàn tông đồ. Cộng đoàn tông đồ phải được thiết lập trên một điều gì khác.

Vậy là điều gì? Nếu cộng đoàn giáo hội không đặt nền tảng trên sự đồng tư tưởng, chia sẻ nỗi sợ hãi, nhu cầu thân mật trong đời sống, một mái nhà chung, một tộc tính chung, một danh xưng chung, hay cùng chia sẻ một sứ mệnh, vậy thì cộng đoàn giáo hội thiết lập trên căn cứ nào?

Trên việc quy tụ những con người thuộc về Đức Kitô và cùng chia sẻ Thần Khí của Chúa.

Trên bề mặt thì điều này có vẻ như rất sùng đạo và rất nghiêm túc, nhưng không phải như vậy. Đây là nền tảng duy nhất cho cộng đoàn giáo hội thực sự và đây là một phát biểu nghiêm khắc chứ không mang tính sùng đạo. Vậy hội tụ quanh Đức Kitô và chia sẻ Thần Khí của Ngài có nghĩa là gì?

Giải thích qua một điều tương tự sẽ giúp chúng ta hiểu rõ hơn: Thử tưởng tượng một nhân vật, tạm gọi là cô Betzy, cô có trái tim rộng lớn như biển Thái Bình. Cô tử tế, dễ thương, không thành kiến, thông hiểu và đồng cảm lớn lao đủ bảo bọc hết mọi người. Bởi vì quá dễ thương, nên cô có rất nhiều bạn bè đủ mọi thành phần. Một hôm, cô quyết định tổ chức một buổi tiệc và mời tất cả đến. Cô thuê đại sảnh để đủ chỗ cho mọi người. Khách mời lục tục đến. Đàn ông, phụ nữ, trẻ em với đủ phong cách, tư tưởng, trình độ, tính khí, thị hiếu, địa vị xã hội, tôn giáo. Một hỗn hợp kỳ lạ đầy cả đại sảnh. Tự do và bảo thủ, chính thống và nữ quyền, nhóm Giữ lời hứa và nhóm Thời đại mới, các linh mục và những người chống giáo hội, chủ tịch công đoàn và chủ ngân hàng, người bảo vệ thú vật và người săn hải cẩu, người ăn mặn và ăn chay, tất cả hòa vào nhau. Cả chủ tịch của hội ủng hộ sự sống cũng như chủ tịch của hội ủng hộ phá thai cũng ở đó. Ian Paisley, chủ tịch đảng Dân chủ Ailen và cả lãnh đạo Quân đội Cộng hòa Ailen cũng có mặt.

Vì hỗn tạp nên dĩ nhiên có một số căng thẳng, nhưng vì Betzy ở đó, vì cô là trọng tâm của đại sảnh, vì họ tôn trọng con người cô và những gì cô biểu trưng, nên mọi người, ít nhất trong đêm đó tỏ ra lịch sự với người khác và trầm lắng vừa đủ trong tinh thần khoan dung, tôn trọng, lịch sự và thân ái để vượt lên những gì họ thường cảm nhận, suy nghĩ và hành động.

Như bạn có thể hình dung, việc tập hợp được như thế chỉ có thể có được nhờ sự hiện diện của Betzy. Nếu cô xin kiếu và rời đi hay nếu khách bận tâm rối trí rồi quên mất lý do vì sao họ đến đây, bạn sẽ thấy ngay phản ứng vừa nóng nảy vừa phân tán sẽ làm cho chẳng còn ai ở lại trong phòng. Sự hòa hợp đặc biệt của những con người này chỉ có thể đem lại với nhau và giữ lại với nhau quanh một người duy nhất, Betzy. Tất cả mọi thứ phụ thuộc vào sự hiện diện của cô và phụ thuộc vào giờ phút họ có sự thấu cảm lớn từ cô ấy. Khi họ ở trong sự hiện diện đó là nhờ vào tinh thần của cô Betzy.

Đó là hình ảnh giáo hội Kitô chung quanh Chúa Giêsu Kitô. Vượt ngoài sự chú trọng đến con người Ngài và những gì chúng ta cố để sống hồn nhiên khi nhận thức được sự hiện diện của Ngài, chúng ta luôn có những nóng nảy tức giận và phân tán triền miên, như hoàn cảnh của gia đình, cộng đồng, quốc gia, thế giới, đó là các minh chứng thấy rõ. Cuối cùng, ngoài Đức Giêsu Kitô, không có cái gì khác giữ chúng ta lại với nhau.



Do đó nền tảng cho cộng đoàn Hội Thánh Kitô, giáo hội, chính là việc tập hợp xung quanh con người Chúa Giêsu Kitô và sống trong Thần Khí của Ngài. Và Thần Khí không phải là một người mơ hồ với giọng điệu khó hiểu. Thần Khí của Chúa Giêsu, Thánh Linh, được Kinh Thánh nói rõ: bác ái, hoan lạc, bình an, nhẫn nhục, nhân hậu, từ tâm, trung tín.<sup>7</sup> Sống với các nhân đức đó là những gì liên kết chúng ta vào cộng đồng theo cách chúng ta được gắn kết để các chia rẽ về biên giới, tính tình, chủng tộc, màu da, giới tính, tư tưởng, địa vị xã hội, lịch sử, đức tin, hay thậm chí cái chết cũng không thể làm gì được với chúng ta. Tất cả những ai sống với các nhân đức này là một thân thể với nhau và cấu thành nên giáo hội.

Với tiêu chí này của cộng đoàn tông đồ, chúng ta thấy Giáo Hội vừa là một điều gì đó trừu tượng và phần nào đó vừa ở ngoài lịch sử, đồng thời, là một điều rất cụ thể và đi vào trong lịch sử.<sup>8</sup> Ở một tầm mức, nó bao gồm tất cả mọi người, không phân biệt mức độ hiểu thấu của họ về tôn giáo, và ai đang sống trong bác ái, hoan lạc, bình an, nhẫn nhục, nhân hậu, lòng tốt, nhịn nhục, trung tín, hòa nhã, và khiết tịnh. Ở mức độ khác, nó bao gồm lịch sử các giáo hội Kitô, những người rõ ràng được gọi để ở trong cộng đoàn qua Lời Chúa Kitô và Thánh Thể mà Ngài để lại cho chúng ta.

Do đó, để được là một giáo hội nghĩa là cử hành Lời Chúa Kitô và phép Thánh Thể.<sup>9</sup> Nhưng hiểu cách chính xác, thì điều đó bao hàm không chỉ đơn giản là việc đến nhà thờ vào ngày Chúa Nhật. Kinh Thánh Kitô nói về cộng đoàn giáo hội theo cách nào đó là một đời sống chung, nghĩa là “có mọi thứ chung.”<sup>10</sup>

Điều đó nghĩa là gì? Cụ thể cái gì là yếu tố cấu tạo nên cộng đoàn Hội Thánh? Vượt trên mức độ linh hồn, nơi mà chúng ta có thể là một tâm hồn đơn lẻ sống với hoa quả của Thần Khí, và khác hơn việc đơn giản là đi nhà thờ, đâu là những gì cụ thể đòi hỏi để có một cuộc sống chung?

Một vài nhóm Kitô đã diễn giải điều này theo nghĩa đen và dạy rằng một cuộc sống chung chính xác có nghĩa là sống chung thể lý và chia sẻ tiền bạc của cải chung. Do đó, trong Kitô giáo, lúc nào cũng có những cộng đoàn tôn giáo, cả giáo sĩ và giáo dân, cố gắng sống theo cách này qua lời khấn tạo nên cách thể lý một ngôi nhà chung, của ăn chung và túi tiền chung. Tuy nhiên nó luôn được xem là lời kêu gọi cho một số người và chưa bao giờ được đề xuất như là một lý tưởng cho tất cả mọi người.

Trong nghĩa tốt nhất của khoa giáo hội học, thay cho giáo hội, cuộc sống chung được định nghĩa (có người gọi là “tình huynh đệ”) như một điều gì đó có thực nhưng không đòi hỏi và theo nghĩa đen, đó là một mái nhà, một túi tiền. Vậy nó đòi hỏi điều gì?

Đời sống chung đòi hỏi sự chia sẻ thực sự cuộc sống cùng nhau, cụ thể là chúng ta cùng cầu nguyện, cùng cử hành các nghi thức biểu tượng, cùng có những buổi tổ chức khi có các dịp vui mừng, sợ hãi, và vui thú; có trách nhiệm với nhau, mở lòng ra với nhau, cùng sửa lỗi và thách thức nhau, có trách nhiệm với nhau về mục vụ; và cùng chia sẻ tài chính (ngay cả khi nó chỉ có nghĩa chúng ta đóng góp tài chính để hỗ trợ cho giáo hội địa phương của mình và các dự án trong đó).

Gom những điều này lại với nhau, cốt lủy, theo hình thức này hay hình thức khác, có nghĩa là, chúng ta cùng có trách nhiệm với nhau về đời sống chúng ta. Chúng ta vẫn có thể sống trong nhà riêng và có tài khoản ngân hàng riêng, nhưng, một khi thuộc về một giáo hội, chúng ta không còn sở hữu riêng trọn vẹn đời sống của mình. Bây giờ chúng ta phải chịu trách nhiệm với nhau và không còn có thể đòi hỏi cuộc sống riêng như một đặc quyền của đời sống riêng tư. Như một phụ nữ trong nhóm cầu nguyện đã nói: “Tôi biết chúng tôi thật sự mang tính giáo hội, khi, sau nhiều năm cùng cầu nguyện với nhau, cùng cho phép người khác bước vào cuộc sống của nhau. Ý tôi là, nếu có ai bắt đầu làm những gì đi ngược lại đời sống cầu nguyện và thiên hướng của chúng tôi, nhóm sẽ đến với họ, chất vấn để họ tự uốn nắn... và đương sự không thể phản đối và nói: “Đây là cuộc sống của tôi, đi đi, không phải việc của mấy người!”

Cốt lủy, đó là cộng đoàn giáo hội. Giáo hội là những con người.

## **2. Giáo Hội là sợi dây thừng – Phép rửa và sự cưỡng bách**

Giáo hội là những con người, nhưng cũng là sợi dây thừng thánh hiến chúng ta và đưa chúng ta đến nơi chúng ta không muốn. Nhận phép rửa vào một giáo hội Kitô là được thánh hiến, là thành một con người khác. Vậy điều này ngụ ý gì?

Trong phần kết của phúc âm thánh Gioan, Chúa Giêsu và thánh Phê-rô có một cuộc trao đổi rất rõ ràng. Chúa Giêsu hỏi ông Phê-rô ba lần: “Con có yêu mến ta không?” Ba lần, Phê-rô trả lời có. Dựa vào lòng mến của thánh Phê-rô, Chúa Giêsu nói với ông: “Thật, Thầy bảo thật cho anh biết: lúc còn trẻ, anh tự mình thắt lưng lấy, và đi đâu tùy ý. Nhưng khi đã về già, anh sẽ phải dang tay ra cho người khác thắt lưng và dẫn anh đến nơi anh chẳng muốn.”<sup>11</sup>

Xét về bản chất, những gì mô tả ở trên, chính là phép rửa cho Phê-rô, và là động năng của bất cứ một phép rửa đích thực nào để gia nhập giáo hội. Bí tích Rửa tội thánh hiến chúng ta, sự thánh hiến này là sợi dây thừng buộc chặt sẽ đưa chúng

ta đến nơi mà chúng ta không muốn đến, cụ thể là những đau khổ để chúng ta được trưởng thành. Tuy nhiên, cần giải thích điều này kỹ hơn.

Đối với hầu hết chúng ta, từ thánh hiến thuộc về lãnh vực thánh. Khi nghĩ về một điều gì được thánh hiến chúng ta nghĩ đến nhà thờ, bàn thờ, chén thánh, hay quyển Kinh Thánh. Khi nghĩ về một người được thánh hiến chúng ta nghĩ đến người có lời khấn với chiếc áo dòng đặc biệt, như các tu sĩ, nữ tu, và mẹ Tê-rê-xa. Tự nó, quan niệm này không sai. Để thánh hiến điều gì đó có nghĩa là thay đổi nó khỏi cách dùng thông thường: như một chén thông thường được chọn làm chén thánh, một chiếc bàn thông thường được chọn làm bàn thánh, một tòa nhà thông thường được chọn làm nhà thờ, và một con người thông thường người được chọn để thành tu sĩ.

Tuy nhiên, nghĩ về thánh hiến theo nghĩa này, tuy không sai, nhưng làm cho từ đó mang một nghĩa về lòng mộ đạo và sự tách rời riêng biệt mang tính tôn giáo làm giảm phần lớn ý nghĩa của nó. Thánh hiến một ai hay một vật nào đó có nghĩa là gì?

Thánh hiến có nghĩa là để ra một bên, thay cách dùng thông thường để bứt ra khỏi hình thức bình thường. Rất lâu trước khi được dùng cho nhà nguyện, bàn thờ, chén thánh, lời khấn, từ này mô tả một cái gì đó trong đời sống thông thường. Xin xem ví dụ sau:

Trong những năm 1960 ở Nữ Ước, có một vụ giết người khét tiếng. Một phụ nữ bị đâm chết trên đường phố trong khi có hơn ba mươi người đứng ở cửa sổ nhà họ nhìn xuống. Không một ai gọi cảnh sát. Họ không muốn dính líu vào. Về sau, khi vụ việc đưa ra ánh sáng, có một cuộc tranh luận gay gắt về tội lỗi thực sự của những người chứng kiến bàng quan. Theo một cách nào đó, họ không có tội khi chứng kiến vụ sát nhân và không làm gì cả sao?

Đối với một Kitô hữu thì câu trả lời đã rõ. Việc nhìn thấy người phụ nữ đó bị đâm là thánh hiến họ, chọn lựa họ, thay đổi họ, và tách họ ra khỏi sự thông thường. Tại thời điểm đó, họ bị mất tự do và buộc phải hành động. Nếu bạn nhìn ra ngoài cửa sổ và thấy một người bị đâm trong một công viên, ngay lúc đó, bạn được thanh tẩy và thánh hiến theo đúng nghĩa của những từ đó. Cho đến thời gian đó, bạn có thể thất vọng và đi đâu tùy thích, nhưng bây giờ, nhìn thấy cảnh này, ai đó đã cột dây thừng quanh bạn và đưa bạn đến nơi mà bạn không muốn đi. Bi kịch thay, ở Nữ Ước đêm đó, hơn ba mươi người từ chối phép rửa của họ. Và kết quả là người phụ nữ mất mạng.

Một ví dụ khác nhẹ nhàng hơn nhưng không kém rõ ràng:

Thử tưởng tượng một đêm mùa hè ấm áp, bạn đi thăm vài người bạn và thưởng thức món thịt nướng. Đó là một buổi hẹn họp lý và không nghi ngờ gì, Chúa

đang muốn bạn tận hưởng. Nhưng vừa ra đường lớn, bạn là người đầu tiên chứng kiến một tai nạn giao thông trầm trọng. Một số người bị thương nặng, có thể chết. Vào lúc đó, bạn bị mất tự do. Bạn được phép rửa, thánh hiến, được chọn, được đặt riêng, và buổi hẹn của bạn phải bị đình lại, không phải vì nó sai, nhưng vì điều gì đó cao hơn đã chiếm lấy, theo đúng nghĩa của nó, sự tự do của bạn. Trước khi bạn thấy tai nạn đó, như thánh Phê-rô trước lúc tuyên xưng đức tin, bạn có thể thất lung và đi bất cứ đâu bạn muốn, bây giờ tai nạn này thất lung bạn và đưa bạn đến nơi mà bạn không muốn đến. Tai nạn đã làm cho bạn thành người được thánh hiến và thanh tẩy bạn vào giáo hội.

Điều ngụ ý ở đây có phần nào đúng với từ giáo hội. Chúng tôi sử dụng thuật ngữ giáo hội tính để chỉ khoa thần học về giáo hội. Từ nguyên của từ này được biểu lộ rõ nhất. Ecclesiology xuất phát từ tiếng Hy Lạp chỉ giáo hội, ekklesia, tự nó phát xuất từ hai từ tiếng Hy Lạp, ek kaleo (ek-nghĩa là ra khỏi và kaleo, là “gọi”). Như vậy, ekklesia, giáo hội, nghĩa đen có nghĩa là “được gọi ra khỏi.” Nhưng chúng ta được gọi ra khỏi điều gì?

Chúng ta được gọi ra khỏi chương trình thông thường của mình, chương trình chưa có chỗ cho vụ tai nạn giao thông, chưa nhìn thấy người phụ nữ bị đâm bên cửa sổ, hay trong trường hợp chúng ta, là chưa gặp được con người và Tin mừng của Đức Kitô và cộng đoàn đức tin trên thế giới. Giáo hội thắt dây cho chúng ta, lấy đi sự tự do của chúng ta, và đưa chúng ta đến nơi mà chúng ta không muốn, nhưng lại là nơi nên đến.

Vì vậy, ví dụ tốt nhất về ý nghĩa thực sự của giáo hội, phép rửa, và thánh hiến là việc có con và nuôi dạy con cái. Một gia đình là một giáo hội, và thực sự có thể nói, đúng là hầu hết các cha mẹ được chính con cái mình rửa tội và nuôi dạy mình!

Tưởng tượng một câu chuyện điển hình. Hai cô cậu trẻ gặp nhau, yêu nhau, và kết hôn. Ở giai đoạn này của cuộc sống, họ chưa trưởng thành. Họ dự trù xây dựng một cuộc sống hạnh phúc và, dù tốt bụng và chân thành, cả hai vẫn còn ích kỷ với tính vị kỷ tự nhiên của tuổi trẻ. Rồi, dù chưa thật sự nhận thức các hệ lụy của việc có con, họ bắt đầu có con. Từ giây phút có đứa con đầu, trừ khi họ quá chai cứng, thì dù muốn hay không, họ sẽ bắt đầu trưởng thành. Trong 25 năm hay 50 năm nữa, mỗi lúc nhìn chung quanh, những bàn tay nhỏ xíu hay không còn nhỏ xíu sẽ hướng về họ, xin một cái gì từ họ - thì giờ, năng lượng, tiền bạc, chìa khóa xe, điện thoại, cảm thông, thấu hiểu, và tâm hồn họ. Dù muốn hay không, họ sẽ trưởng thành chính chắn. Từ hai mươi lăm đến năm mươi năm họ sẽ sống dưới áp lực của một cường bách rõ ràng, phải suy nghĩ về người khác ngoài bản thân mình. Tất cả những năm thực hành đó cuối cùng sẽ mang lại lợi ích. Qua thời gian con cái họ lớn lên, họ sẽ được trưởng thành.

Và, trong những năm có con và nuôi dạy con, họ được thánh hiến, biến đổi và thanh tẩy theo đúng nghĩa sâu xa của khái niệm này. Họ ở tại hiện trường tai nạn, cái tai nạn đã lấy đi tự do của họ, buộc họ phải họ hoãn lại chương trình bình thường hợp lý hoàn hảo của họ. Thay vào chương trình bình thường này, họ bị cưỡng bách, đòi hỏi họ phải hy sinh lối sống, nghề nghiệp, sở thích, các bữa ăn ngon, kỳ nghỉ, du lịch, và còn nhiều thứ khác nữa. Như Chúa Giêsu đứng trước mặt thánh Phê-rô, con cái họ đứng trước mặt họ mỗi ngày, hỏi: “Ba mẹ có thương con không?” Nếu ba mẹ trả lời “có”, thì nói theo thuật ngữ Thánh Kinh, con cái sẽ trả lời: “Cho đến bây giờ, ba mẹ tự mình thắt lưng lấy, và đi đâu tùy ý, nhưng bây giờ chúng con thắt lưng và dẫn ba mẹ đến nơi ba mẹ không muốn đến, cụ thể là ba mẹ không còn tính ích kỷ tự nhiên và ba mẹ sẽ trưởng thành, sẽ hy sinh.”

Đó là phép rửa và đó cũng là giáo hội. Khi thánh Phaolô được hoán cải thành Kitô hữu, ngay lập tức ngài có được một bài học về căn bản tính của giáo hội, và không khác với những lời Chúa Giêsu nói với thánh Phê-rô rằng ông sẽ “chịu khốn khổ vì danh Ngài,” bởi kết ước mà chính ông đã chọn.<sup>12</sup> Kinh Thánh cho thấy sau đó ông đứng dậy và hướng về tương lai giáo hội “với đôi mắt mở to, mà không thấy gì cả,”<sup>13</sup> đó là mô tả tuyệt diệu một cách cơ bản cho tất cả chúng ta trong ngày chúng ta thực hiện các kết ước trong hôn nhân, thiên chức làm cha mẹ, chức tư tế, đời sống tôn giáo, hay bất cứ ơn gọi sâu sắc nào khác, chúng ta chăm chú nhìn về tương lai với đôi mắt mở rộng nhưng không thấy gì, hướng về tương lai với tấm lòng nhiệt huyết. Thường thường chúng ta thật mù mờ, và cũng may là như thế. Đòi hỏi cưỡng bách của phép rửa có nghĩa là, theo tầm mức mà chúng ta không có gì cả, chính đó là những gì làm cho chúng ta trưởng thành và được ân sủng.

Tôi có một người bạn, một giáo dân làm việc mục vụ toàn thời gian. Công việc của ông rất khó khăn vì thường thường giáo dân chỉ rảnh buổi tối nên gần như tối nào ông cũng đi làm việc. Ông nói với tôi, thỉnh thoảng có những buổi tối lái xe đến nhà thờ để gặp tín hữu, tự chiếc xe của ông chỉ muốn hướng vào rạp hát hay sân vận động, ngồi sau tay lái, ông ghen tị với những người đang ở đó, hay những người đang ở nhà xem đá banh, ông thưa với Chúa: “Nếu con được sinh ra lần nữa, sống một đời sống khác, thì lúc đó, con không muốn làm gì dính đến gia đình, giáo hội, hàng xóm, và cộng đồng nữa. Con muốn sống cuộc sống của một người trẻ vô tư, có vé xem cả mùa tất cả mọi sự kiện... và suốt đời không phải đi làm ca đêm.” Đó là một suy nghĩ lành mạnh; ông đã cảm nhận được giáo hội là gì, là có một dây thừng cưỡng bách quanh ông.

Một điều cuối cùng về sợi dây thừng cưỡng bách: Đây không phải là điều mà chúng ta có thể bỏ đi sau khi đã chấp nhận. Cam kết trong giáo hội không phải như vậy. Người ta không giữ chiếu khán xuất nhập để rồi, có ý thức hay không ý thức, nói theo cảm tính với gia đình: “Tôi sẽ ở lại với các người cho đến lúc nào tôi thấy

các người còn tốt, tôi sẽ ở lại cho đến lúc các người làm tôi thất vọng hoàn toàn.” Giáo hội luôn dạy, và đúng như vậy, rằng phép rửa là không thể xóa, phép rửa ghi vào tâm hồn một dấu ấn không phai. Ai có con sẽ hiểu điều này, khi bạn ôm đứa con lần đầu, dấu ấn đó không bao giờ phai trong tâm hồn. \* Làm một người con trong giáo hội cũng vậy. Trong Kinh Thánh, chúng ta biết rằng, sau khi ông Noê đưa hết thú vật và gia đình vào tàu (biểu tượng của giáo hội), Thiên Chúa “giữ họ trong đó.”<sup>14</sup> Bất cứ cam kết giao ước chân tín, đích thật nào cũng đều giữ chúng ta trong đó. Như một bà mẹ vừa sinh con, hay như một cặp vừa hứa trọn đời chung thủy, chúng ta không thể chọn lựa ở trong hay ra khỏi giáo hội, cũng như không thể làm cho nó phải phù theo tâm tính hay theo từng giai đoạn tăng tiến của chúng ta. Chỉ cần chúng ta không hiểu điều này, theo ngôn từ của giáo hội, chúng ta vẫn còn là những đứa trẻ non nớt cần được chăm sóc, và ngược với người trưởng thành, là người trách nhiệm chăm lo gia đình.

### **3. Giáo Hội là Xác thể - Thể xác Khiếm khuyết của Chúa Kitô**

“Nếu không ăn thịt Ta, người sẽ không có sự sống.” Khi Chúa Giêsu nói điều này, như chúng ta đã thấy, Ngài đề cập đến nhục thể của mình, thể xác rạn vỡ và khiếm khuyết, như chúng ta thấy trong cộng đồng tín hữu và Ngài truyền cho chúng ta phải gắn kết với nhiệm thể nếu chúng ta muốn được gắn kết với Thiên Chúa.

Về bản chất, nó có hai ý nghĩa: Thứ nhất, cộng đoàn là một yếu tố cấu thành trong tiến trình đi tìm của người Kitô hữu. Trách vụ của tôi không phải là một mình tôi đến với Chúa mà là đến cùng với cộng đoàn. Thứ hai, điểm này được dạy cho biết, trong cuộc sống này, bất cứ khi nào tôi đứng trước sự hiện diện của Chúa trong cộng đoàn, tôi không thuần túy chỉ gặp Ngài. Tất cả các cộng đoàn đức tin suy niệm ân sủng của Chúa theo nhiều cách pha lẫn. Tội lỗi, đê hèn, và phản bội luôn luôn đi cùng với ân sủng, thánh thiện và trung tín.

Hình ảnh đóng đinh là một hình ảnh tốt về giáo hội. Chúa Giêsu chết giữa hai tội phạm. Bất cứ ai lúc nào nhìn cảnh đó, cũng sẽ thấy ở đây không có phân biệt kẻ có tội, người vô tội. Không chỉ là cảnh -Thiên Chúa trên thập giá giữa hai tên trộm. Đó là hình ảnh vĩnh viễn của giáo hội. Ân sủng và tội lỗi, thánh thiện và đê hèn, trung tín và phản bội, mọi mặt của một nhận thức đơn nhất.

Và không có cộng đồng hay gia đình nào, mang tính giáo hội hay thuộc tính khác, mà không hàm chứa điều này. Ngày nay chúng ta có một gia tài phong phú phân tích về các gia đình bị lỗi chức năng và giáo hội thường được cho là loại gia đình theo kiểu này. Trên phần lớn khía cạnh, phân tích này khá chính xác. Sai lầm

của nó, không nằm ở những gì nó nói ra, nhưng nằm ở những ẩn khuất, cụ thể là nơi những gia đình và những tổ chức làm đúng chức năng, thì có ân sủng và không có tội lỗi trong đó. Không có một gia đình nào được như vậy. Tất cả các gia đình và các tổ chức của loài người đều bị lỗi chức năng, chỉ đơn thuần khác nhau về mức độ. Một câu châm ngôn xưa của Tin lành có nói: “Vấn đề không phải là bạn có tội hay không, mà bạn mắc tội nào?” Và điều này đúng với tất cả gia đình, tổ chức và giáo hội. Không bao giờ đặt câu hỏi là liệu gia đình bạn có lỗi chức năng hay không, nhưng là bệnh cụ thể nào và nó đau như thế nào?

Đây là một nhận thức quan trọng đối lại với cách hiểu về khía cạnh tiêu cực của giáo hội. Ngày nay, khi giáo hữu thấy một vài khía cạnh nào đó trong lịch sử giáo hội và những chuyện nói lên sự bất tín của giáo hội, họ không thể hiểu làm sao giáo hội lại có thể được xem như khí cụ đặc quyền của ân sủng.

Một tổ chức giết chết quá nhiều người vô tội trong những cuộc Thập tự chinh, dùng Tòa thẩm giáo như một khí cụ thiêng liêng, chuẩn y cho chủ nghĩa kỳ thị chủng tộc, và thành kiến với phụ nữ trong nhiều thế kỷ, trong lịch sử của mình có quá nhiều điều dính dáng đến chiến tranh tôn giáo, sự im lặng tội lỗi, và chủ nghĩa đế quốc mù quáng, liệu có tìm thấy Chúa trong đó không? Trong một cơ quan mà một số chức sắc lại là những người ấu dâm, liệu có tìm thấy Chúa trong đó không? Biết bao nhiêu triệu người đã bị tổn thương bởi giáo hội? Làm sao có thể tha thứ cho giáo hội với lịch sử và một vài chuyện đã làm này?

Đây không phải là một chất vấn bất kính, mặc dù, xét tận cùng, cũng không phải là việc bài giáo. Giáo hội luôn là hình ảnh Thiên Chúa treo giữa hai tên trộm. Vì vậy, không ai nên ngạc nhiên hay bị sốc với việc làm sao mà giáo hội đã phản bội lại Tin mừng đến như vậy, và làm sao vẫn tiếp tục như vậy ngày hôm nay. Giáo hội chưa bao giờ thực sự tốt. Tuy nhiên, ngược lại, cũng không ai phủ nhận được những điều tốt giáo hội đã làm. Giáo hội mang đến ân sủng, tạo nên những bậc thánh, thay đổi luân lý địa cầu, và xây một ngôi nhà dù chưa hoàn hảo để Thiên Chúa cư ngụ giữa thế gian này.

Nối kết với giáo hội là liên hệ với những kẻ vô lại, hiểu chiến, lừa đảo, gạ gẫm trẻ em, sát nhân, ngoại tình, và giả hình trong mọi dung mạo. Đồng thời, giáo hội cũng cho ta nhận diện những vị thánh, những con người tốt nhất về tinh thần anh hùng trong mọi thời, mọi quốc gia, chủng tộc và giới tính. Là thành viên của giáo hội là khoác lấy chiếc áo của cả tội lỗi xấu nhất và anh hùng tính tốt đẹp nhất của tâm hồn... bởi vì giáo hội được nhìn nhận đích thực khi nhìn vào cuộc đóng đinh nguyên thủy, một Thiên Chúa treo giữa những kẻ trộm.

Carlo Carretto, ngài bút thiêng liêng lớn người Ý, đã từng viết một tác phẩm nhỏ cho giáo hội ghi lại cả những chuyện tai tiếng và cả ân sủng trong đó. Trong

phần cuối của tác phẩm có lẽ chín muồi nhất của ông, *Tôi tìm và tôi tìm thấy*, Carretto nhắm đến giáo hội trong những lời thơ sau:

*Tôi phải phê phán người nhiều biết bao, giáo hội của tôi,*

*ấy vậy mà tôi yêu người nhiều biết bao!*

*Người đã làm cho tôi khổ đau nhiều hơn ai hết,*

*ấy vậy mà tôi cũng hàm ơn người nhiều hơn ai hết.*

*Tôi những muốn thấy người bị hủy diệt,*

*ấy vậy mà tôi cần sự có mặt của người.*

*Người đã tạo ra quá nhiều tai tiếng cho tôi,*

*ấy vậy mà chỉ duy nhất người mới làm cho tôi hiểu thế nào là thánh thiện.*

*Không ở đâu trên thế gian này tôi thấy nhiều chuyện trái khuấy, sai trái hơn ở người, ấy vậy mà, tôi cũng chưa bao giờ trực nhận điều gì thuần khiết hơn, quảng đại hơn và đẹp đẽ hơn người.*

*Vô số lần tôi đã muốn đóng sập cửa tâm hồn tôi vào mặt người, ấy vậy mà, hằng đêm, tôi cầu nguyện để tôi có thể chết trong vòng tay vững chãi của người!*

*Không, tôi không thể nào không có người, bởi tôi là một với người, cho dù không phải là người trọn vẹn.*

*Vậy thì - tôi sẽ đi đâu?*

*Đi xây một giáo hội khác?*

*Nhưng tôi không thể xây một giáo hội nào khác không có cùng khiếm khuyết, vì chúng chính là những khiếm khuyết của tôi. Hơn nữa, nếu tôi xây một giáo hội khác, nó là giáo hội của tôi, không phải là giáo hội của Chúa.*

*Không, tôi đã già dặn. Tôi đã hiểu hơn!<sup>15</sup>*

Ai đi tìm Chúa và kiên trì trong cuộc đi tìm này, đến một lúc nào đó sẽ nhìn vào vai trò của cộng đồng nhân loại trong việc đi tìm này và sẽ đồng ý với những gì Carretto đã viết.



#### 4. Giáo Hội là ngôi nhà có nhiều căn phòng – Tính Công giáo phổ quát

Một trong đặc tính của giáo hội là Công giáo phổ quát. Tất cả các giáo hội Kitô, không chỉ riêng Công giáo La Mã, đều dạy điều đó. Vậy điều này có nghĩa gì?

Công giáo không đối lập với Kháng cách. Tin lành cũng đòi danh xưng Công giáo và “kháng cách” của những người lãnh đạo phong trào Kháng cách nguyên thủy về bản chất không phải là kháng cách chống lại Giáo hoàng và Công giáo La Mã cho bằng là một kháng nghị, một chứng tá về Thiên Chúa, về sự linh thánh của Thiên Chúa và chống lại tất cả những gì giam cầm hạn chế tính phổ quát của quả tim Thiên Chúa.

Là Công giáo nghĩa là gì? Chúa Giêsu định nghĩa rõ nhất điều này khi Ngài nói: “Trong nhà Cha ta có nhiều chỗ ở.”<sup>16</sup> Đây không phải là một mô tả địa lý cụ thể về thiên đàng, nhưng một mặc khải về tầm mức quả tim Thiên Chúa. Tấm lòng Thiên Chúa không phải là chung cư khép kín. Thiên Chúa có một trái tim phổ quát trong đó phổ quát có nghĩa là bao la rộng lớn như vũ trụ và bao gồm tất cả. Đối lập với Công giáo phổ quát là tính duy chính thống, một con người với trái tim chỉ có một chỗ ở.

Vì vậy, bất kỳ linh đạo giáo hội nào cũng cần phải nhấn mạnh làm rõ tính trung kiên và tính toàn bộ.

Thuộc về giáo hội là trung tín với nhiều điều chứ không chỉ một điều. Một thành viên lành mạnh của một cộng đồng giáo hội không chọn, kiểu này kiểu kia, giữa việc có biên giới hay không biên giới, giữa giáo điều hay nhận thức lương tâm riêng mỗi người, giữa một thể chế với uy quyền hợp pháp thiên bẩm hay tầm quan trọng của ảnh hưởng cá nhân, giữa chức thánh thừa tác vụ và chức tư tế trong mỗi người, giữa các nhu cầu của giáo hội địa phương và giáo hội hoàn vũ rộng lớn, giữa những gì mà một nghệ sĩ thiên khiếu và một người nghèo nhất trong những người nghèo mang lại, giữa tự do và bảo thủ, giữa cũ và mới, hoặc thậm chí giữa những phát ngôn của những người đang sống và những người đã mất nhưng chúng ta vẫn còn hiệp thông. Là một người con của giáo hội không phải là chọn lựa điều gì trong những điều này. Mà là chọn hết tất cả.

Cũng như Chúa trên trời, chúng ta cũng cần tâm hồn với nhiều chỗ ở. Dấu ấn thực sự của giáo hội là lòng thành tín rộng mở.

Về toàn bộ tính cũng như vậy. Khi Kinh Thánh cho chúng ta thấy, trong Chúa Kitô, không có nam hay nữ, nô lệ hay tự do, Do Thái hay dân ngoại, thì Kinh Thánh cũng cho chúng ta thấy không có tự do hay bảo thủ, da trắng hay da màu, hiện đại

hay truyền thống, nữ quyền hay chống nữ quyền, ủng hộ sự sống hay ủng hộ chọn lựa phá thai, đảng Dân chủ hay Cộng hòa, đảng Bảo thủ hay Lao động, hoặc bất kỳ dân tộc tính hoặc ý thức hệ nào khác có ý nghĩa áp đặt với giáo hội. John Shea đã từng nói rằng bàn tiệc thiên quốc rộng mở cho những ai sẵn sàng ngồi với tất cả mọi người.<sup>17</sup> Đó chính là tính toàn bộ đòi hỏi cho bất cứ thành viên chân chính nào trong giáo hội. Trách vụ của giáo hội là đứng đầu chốt, nơi thân thể chạm nhau, vai kề vai, đồng tâm với những người hầu như hoàn toàn khác mình, nhưng, cùng chia sẻ với mình một đức tin, một Đức Chúa, một phép rửa và một Thiên Chúa là Cha và là Mẹ chung cho tất cả. Sống và thờ phượng vượt trên dị biệt chính là có một tâm hồn không khép kín.

## 5. Giáo Hội là bàn tiệc – Phép Xức dầu.

Giáo hội cũng là nơi chúng ta đến để giúp xức dầu thánh hiến cho nhau vì cái chết đang lơ lửng trên đầu chúng ta. Điều đó nghĩa là gì?

Chúng ta có thể hiểu được bản chất của giáo hội qua điểm được nhấn mạnh trong tuần cuối cùng trước cuộc tử nạn của Chúa Giêsu. Mặc dù bốn sách Phúc âm đều có nói đến sự kiện này như một dấu hiệu chắc chắn, đó là điều quan trọng, chúng ta vẫn hiếm khi suy niệm hay giảng về việc này, hoặc là chúng ta quá dè dặt để chấp nhận sự thật khô khan của điều mặc khải hàm chứa trong đó. Điều muốn nói ở đây là việc bà Maria xức dầu cho chân Chúa Giêsu ở Bê-ta-ni-a.<sup>18</sup>

Hiểu được điều mặc khải trong việc này sẽ giúp chúng ta thấy rõ hình tượng có vẻ phóng túng trong câu chuyện này. Vậy thì, nếu lấy bốn đoạn trong bốn Tin Mừng về việc này gom chung lại với nhau, chúng ta sẽ có được câu chuyện như sau:

Một buổi tối Chúa Giêsu đang dùng bữa. Dường như, việc dùng bữa tối đã là một điều phóng túng rồi. Rồi, một phụ nữ ô danh trong thành đến, mang theo bình bạch ngọc đựng dầu thơm cam tùng. Cả chiếc bình lẫn dầu thơm đều rất đắt tiền. Bạch ngọc là một tinh thạch quý, dầu cam tùng là loại dầu thơm đắt tiền vô cùng. Cô đập vỡ chiếc bình-một hành động lãng phí, nhưng cho thấy cô yêu mến Chúa Giêsu biết bao, và cô muốn làm việc này cách đặc biệt. Sau đó cô đổ dầu thơm vào Ngài và hương thơm lan tỏa khắp phòng. Cuối cùng, cô khóc, lấy nước mắt rửa chân và lấy tóc lau chân Chúa.

Thật khó để mô tả một cảnh rõ ràng là thô thiển của một xúc cảm còn non nớt. Sự non nớt này cũng biểu hiện nơi những người chứng kiến. Các tác giả Phúc âm nói mọi người trong căn phòng bắt đầu thấy khó chịu, có lẽ họ đã khó chịu như

vậy và chúng ta cũng sẽ như vậy trong hoàn cảnh tương tự. Một số bắt đầu lên tiếng phản đối sự việc. Một số không đồng ý với việc Chúa Giêsu, người được xem là thánh thiện lại để cho một phụ nữ ô danh chạm vào. Tuy nhiên, đó không phải là điều phản đối chính, cũng không phải là điều khó chịu. Điều làm những người hiện diện khó chịu cũng là điều làm chúng ta bực mình, đó là tặng vật bất chính; xa hoa, bày tỏ cảm tình vô lý. Những người hiện diện lên tiếng bày tỏ sự khó chịu của họ bằng cách nhắm đến sự lãng phí và xa hoa thừa mứa: “Thật lãng phí! Chiếc bình và dầu thơm có thể bán đi để cho người nghèo.”

Tuy nhiên Chúa Giêsu đáp lại các phản đối này bằng cách hoàn toàn chấp nhận những gì Maria làm và nói với người chủ nhà đang bực bội phản đối: “Để cô ấy yên! Cô ấy đã làm một điều tốt. Người nghèo, các con sẽ luôn có bên, nhưng Thầy thì các con không có mãi đâu. Cô ấy vừa mới xức dầu cho ngày chết của Thầy.” Đó là điều chính yếu. Chúa Giêsu nói với mọi người là cô đã giúp Ngài chuẩn bị cho cái chết sắp đến. Ngài nói vậy với ý gì?

Có nhiều mức độ ý nghĩa ở đây. Một trong những ý nghĩa này được trình bày rất rõ ràng trong quyển sách nhỏ của John Powell vài năm về trước. Với tựa đề *Tình yêu vô điều kiện*,<sup>19</sup> tác giả kể câu chuyện của chàng trai trẻ Tommy, 24 tuổi, một trong những sinh viên của ông đang chết dần vì căn bệnh ung thư. Có một lần, trước lúc chết, Tommy đến thăm và chia sẻ với ông rằng anh cảm thấy trong cuộc đời có những thảm kịch tồi tệ hơn việc chết trẻ. Tôi xin trích dẫn một phần cuộc nói chuyện của họ.

“Cái gì giống như sự việc mới 24 tuổi và đang chết dần?”

Đúng, nó còn xấu hơn thế

“Giống như cái gì?”

“Giống như đã năm mươi tuổi mà sống không ý nghĩa, không lý tưởng, giống như đã năm mươi tuổi mà nghĩ rằng say sưa, tán gái, kiếm tiền là những thứ quan trọng nhất trên cuộc đời...”

“Buồn rầu nhất là sống trên đời mà không yêu thương. Nhưng cũng sẽ có nỗi buồn sâu tương đương như vậy nếu bạn đi hết cuộc đời mà chưa bao giờ nói với người mình yêu là bạn yêu họ.”<sup>20</sup>

Từ miệng chàng trai chết trẻ, chúng ta nghe được một sự thật cao quý: Chỉ có hai bi kịch tiềm tàng trong cuộc sống nhưng chết trẻ không ở trong hai bi kịch này. Điều bi thảm là đi qua cuộc sống mà không yêu thương và không biểu lộ tình

thương này cho người mình thương. Với sự thật trong tay, chúng ta hãy xem lại lời nói của Chúa Giêsu khi có người đến xúc dầu cho cái chết sắp đến của Ngài:

Đúng vậy, câu nói của Chúa Giêsu có thể hiểu như sau: “Khi tôi sắp chết, tôi sẽ sẵn sàng chết hơn, vì đêm nay, đêm của tất cả mọi đêm đời tôi, tôi đang cảm nghiệm lý do tạo thành vũ trụ, cảm nghiệm quà tặng cho và nhận tình yêu và cảm xúc, một quà tặng thuần túy. Đây là giây phút để chết!”

Có một điều rất trớ trêu ở đây. Nếu phụ nữ này đem dầu thơm với tấm lòng xúc cảm dạt dào đến mộ Chúa Giêsu thì tâm tình này sẽ được chấp nhận, có khi còn được thán phục. Bạn được phép xúc dầu cho xác chết, nhưng bày tỏ tình yêu và xúc cảm với người còn sống là điều không được chấp nhận. Hai ngàn năm qua, mọi sự vẫn không thay đổi. Chúng ta vẫn còn dành lời khen ngợi và bông hoa đẹp nhất cho tang lễ. Thách thức Chúa Giêsu đưa ra ở đây là chúng ta hãy xúc dầu cho nhau khi còn sống: Biểu lộ xúc cảm và tặng hoa cho người bạn thương khi họ còn sống, chứ không phải lúc họ ra đi.

Điều này cho chúng ta nhiều bài học, ở một mức độ nào đó, thì đó cũng là bài học về giáo hội. Giáo hội là gì? Xét cho cùng, giáo hội là những con người đến với nhau không vì lý do gì khác hơn là để xúc dầu, nghĩa là trao cho nhau tình yêu và xúc cảm, ủ ấm trong dầu thơm và mái tóc, cho dù chúng ta làm việc này ở nhà thờ hay bên bàn ăn trong nhà. Lý do đó đủ để biện minh cho giáo hội tính.

Chúng ta đến với giáo hội không phải để ở một mình, một mình với niềm vui, với sầu khổ của mình, một mình với cái buồn chán trong cuộc sống, một mình với những biến cố quan trọng trong đời, một mình trong ngày sinh nhật, ngày lễ Giáng Sinh, Phục Sinh, Năm Mới, lễ Các Bà Mẹ. Chúng ta đến với giáo hội để được xúc dầu. Đó không phải là một khái niệm trừu tượng. Tôi biết có một số người thích đi nhà thờ vì các lý do mà xét bề mặt thì thiếu chính chắn và không có gì thuộc về tâm linh. Đơn giản họ thích đi nhà thờ chỉ để có dịp giao tiếp, nhìn người khác, trò chuyện với mọi người, để ăn uống sau thánh lễ. Việc này không xấu. Song song với việc thờ lạy Chúa, đây là một trong nhiều lý do nổi bật để đi nhà thờ. Chúng ta đi nhà thờ để nói với mọi người chúng ta yêu mến họ, và hy vọng nghe người khác nói như vậy với chúng ta. Cuối cùng, chúng ta đến với giáo hội để giúp nhau sẵn sàng cho giờ chết.

## Vậy vì sao đến với Giáo hội?

Trong bầu khí phản giáo hội hiện nay, không có linh đạo nào của giáo hội được gọi là hoàn hảo mà không đặt câu hỏi cho vấn đề: “Tại sao đến với giáo hội?”

Thật vậy, tại sao đi nhà thờ? Cái gì *biện hộ cho lẽ sống của bạn* khi bạn đến với giáo hội? Bạn sẽ nói gì với bạn bè, ngay cả với con cái bạn, những người không còn đến nhà thờ nhưng thắc mắc vì sao bạn vẫn còn đi? Nếu bạn không đi nhà thờ vì sao bạn nghĩ bạn phải nên đi?

Các lý do đưa ra ở đây vừa có tính cách đức tin và cá nhân, vừa có tính cách thần học và khách quan. Hơn nữa, chúng duy lý hơn là xúc cảm, hy vọng có được sự tôn trọng về trí thức hơn là thông cảm về mặt cảm xúc. Những gì đang nói ra không phải là các lý do tại sao *bạn muốn đi* nhà thờ nhưng tại sao *bạn nên đi*; nhưng không nhất thiết đó là điều xấu. Một châm ngôn triết học xưa nói rằng tình yêu theo sau kiến thức, có nghĩa là con tim cần có trí khôn, có nghĩa là chúng ta có thể từ mình suy nghĩ để đi vào một con đường cảm xúc khác. Kinh Thánh khẳng định điều tương tự khi nói rằng nếu không có trí khôn thì con người sẽ diệt vong.

Đây chỉ là một cách nhìn, lý do đi nhà thờ và tự cam kết đặt mình vào một giao ước không thối lui với một nhóm những con người còn thiếu sót, đồng ý cùng đi với họ suốt đời? Đây là lý do nên đến với giáo hội?

Hầu hết các lý do đã được chỉ ra, cho thấy cách này cách khác trong những trang trước. Như vậy, chúng ta sẽ định danh hơn là giải thích các nỗ lực. Do đó, bất kể bầu khí phản giáo hội (và phản lại những gì nên làm) hiện nay, tôi phải đến với giáo hội vì những lý do:

### 1. Vì ở một mình thì không tốt

Theo tự nhiên, bản chất con người mang tính xã hội. Là người nghĩa là cùng với người khác. Chúng ta mở mắt ra để nhận thức mình không phải là một cái tôi cô độc mà là một người giữa nhiều người. Khi Kinh Thánh nói, “ở một mình không tốt,” là muốn nói đến tất cả đàn ông, đàn bà, trẻ con ở mọi thời. Triết gia Sartre đã từng nói, địa ngục không phải là tha nhân, nhưng ngược lại. Cuộc đi tìm Chúa của chúng ta phải tương hợp với bản chất chúng ta. Do đó, việc đi tìm này, phải có một phần không khoan nhượng, một chiều kích xã hội chung. Hội thánh, giáo hội, theo định nghĩa chính xác, là đến với Chúa qua cộng đoàn. Cố gắng để biến linh đạo thành một

nỗ lực riêng tư là chối bỏ một phần bản chất tự nhiên tối cùng của chúng ta và bước vào con đường cô độc mà chính Thiên Chúa đã lên án.

## **2. Đứng đúng chỗ khiêm hạ của tôi trong gia đình nhân loại**

Có ba giai đoạn chính trong đời sống. Mỗi lứa tuổi khác nhau có những con đường giáo dục khác nhau. Tâm lý học hiện đại nói về quá trình của việc cá tính hóa và những gì tồn tại trước và sau nó. Ông Gióp, hiền nhân khôn ngoan sách Cựu ước nói về hai loại trần truồng (“Thân trần truồng sinh từ lòng mẹ, tôi sẽ trở về đó cũng trần truồng.”<sup>21</sup> và những gì giữa hai điều này. Về cơ bản cả hai, hiện đại và lâu đời đều dạy:

Giai đoạn đầu của đời sống là sinh ra. Chúng ta được sinh ra từ lòng mẹ, tự nhiên, trần truồng và bất lực, giống hạt mầm đúng hơn là giống cây, bản thân chưa làm gì được và không khác biệt với người khác. Ở giai đoạn này, còn ngửi mùi vị của lòng đất và lòng mẹ, chúng ta còn nối kết cách ban sơ với gia đình nhân loại. Chúng ta khiêm hạ.

Tuy nhiên, gần như ngay lập tức, chúng ta bắt đầu bước vào giai đoạn thứ hai – tự tẩy sạch hương vị lòng đất, mặc áo quần, tích lũy, phân biệt, chia rẽ, hành động theo thực tế. Chúng ta dùng những năm đầu đời, và nếu như không thực sự trưởng thành thì sẽ dùng nhiều năm sau nữa, để nhận định chính mình, để đặt mình tách khỏi người khác, để tích lũy, thành công, tạo nên một sự yên ổn riêng tư cho bản thân. Đặc nét của giai đoạn này là việc tách rời và mặc áo cho chúng ta (theo như lời của Gióp). Đối với phần đầu của đời sống, thì đây là một điều lành mạnh.

Nhưng đến khi trưởng thành, chúng ta còn một đòi hỏi khác, không chỉ bởi Thiên Chúa mà còn bởi tự nhiên. Trách vụ của chúng ta không còn là cố gắng để nổi bật lên mà là để hòa nhập vào – để trở lại cộng đồng, để bỏ đi sự riêng biệt của chúng ta, để không đứng ngoài rìa, để trở nên trần trụi lần nữa. Đây là ý nghĩa thực sự của khiêm hạ, đã mô tả một cách hoàn hảo, điều chứa đựng trong đòi hỏi tối hậu là chúng ta nhận lấy chỗ đứng của mình trong gia đình nhân loại. Là người, rất cùng là làm một phần của nhóm, trần trụi và không đặc nét.

Nhưng làm sao để đạt được điều này? Cộng đồng cụ thể nào có thể cho chúng ta một chỗ để chúng ta hòa nhập vào đó? Gia đình huyết tộc có thể cho, nhưng nó quá hẹp và riêng biệt để có thể đồng nhất trọn vẹn chúng ta với nhân loại. Nhân loại như một gia đình thì có thể bao trọn nhưng lại quá trừu tượng. Giáo hội – nhiều

quyền hạn hơn gia đình huyết tộc, ít trù tượng hơn nhân loại – cho chúng ta nơi đó. Giáo hội là nơi chọn lọc để chúng ta chết.

Gia nhập giáo hội là lớn lên trong chọn lọc. Đó vừa là trở ngại lớn nhất cũng như lợi ích lớn nhất cho việc tham dự vào giáo hội.

### **3. Vì Thiên Chúa gọi tôi đến đó**

Thần Khí không phải là một mẫu sở hữu riêng tư, cũng không phải là tiếng gọi của Chúa. Thiên Chúa trong đạo Kitô và Do Thái rất rõ ràng. Linh đạo không phải là một thăm dò riêng tư cho những gì cao nhất trong chính mình, nhưng là cùng nhau đi tìm khuôn mặt của Chúa. Thiên Chúa gọi mời hai điều: Thờ phượng Ngài và kết nối với nhân loại. Có hai điều răn lớn và quan trọng ngang nhau: Kính Chúa và yêu người. Không có linh đạo Kitô đích thực nào có thể tách rời khỏi tính giáo hội. Liên hệ với Đức Kitô là liên hệ với giáo hội.

### **4. Để xua tan đi ảo tưởng về bản thân.**

Rời cộng đoàn giáo hội, thực tế và lịch sử, dù giáo hội có sai lầm, chúng ta sẽ dễ hướng đến một cuộc sống lánh mặt, biến tôn giáo thành ảo tưởng chúng ta có thể chọn lựa để chia sẻ với ai có cùng suy nghĩ, với người chẳng bao giờ đối đầu với chúng ta trong những điều chúng ta cần thách thức nhất. Các giáo hội thường thỏa hiệp, như uest tội lỗi, nhưng, cũng như gia đình huyết tộc chúng ta, giáo hội có thực. Với sự hiện diện của những người thường xuyên chia sẻ cuộc sống với chúng ta, chúng ta không thể lừa dối, đặc biệt lừa dối chính mình, lừa dối bản thân trong suy nghĩ chúng ta rộng lượng và cao quý. Trong cộng đồng, sự thật nổi bật lên, còn ảo tưởng thì bị xua tan đi. Không can hệ đến giáo hội vì các sai lầm tội lỗi của giáo hội là một điều duy lý rất lớn. Điều đau khổ không phải là giáo hội bất toàn, nhưng là ảo tưởng tự cho mình tốt, một điều mà chúng ta sẽ hiển nhiên thấy một cách đau đớn khi va chạm thật sự với cộng đoàn. Không ai làm cho chúng ta nhẹ lòng hơn là gia đình. Giáo hội cũng vậy. Không phải tất cả đều xấu.

### **5. Bởi vì các thánh đã nói cho tôi nghe như vậy**

Tôi đến với giáo hội rõ ràng là vì ở đó, đa số những người có đức tin và tốt mà tôi quen đều đến đó. Hơn nữa, không những họ đi nhà thờ mà họ còn nói với tôi, tất cả những điều tốt lành và đức tin họ có, rốt cùng là nhờ giáo hội nuôi dưỡng. Các thánh ngày nay cũng như ngày xưa đều cùng đồng ý về tầm quan trọng của giáo hội. Thật khó để tưởng tượng mẹ Tê-rê-xa hay thánh Phanxicô thành Axi lại không nối kết với giáo hội.

Tuy nhiên, tôi cũng biết một số cá nhân tốt lành và có niềm tin lại không đến với giáo hội. Tuy vậy, trong liên kết với gia đình và cộng đồng của họ, tôi thấy có các động năng thuộc về giáo hội. Trong mỗi trường hợp, họ sống trong một cam kết như sống trong một cộng đồng, họ khiêm hạ, gạt bỏ mọi ảo tưởng, và họ biết, trong bất kỳ dạng thức nào, điều này gieo trong lòng họ, rằng Thiên Chúa muốn họ không đi một mình trên con đường tâm linh nhưng với người khác.

## **6. Để giúp người khác gánh vác các yếu đuối của họ và nhờ người khác gánh vác các yếu đuối của mình.**

Các nhà nhân chủng học cho biết một trong các chức năng chính của gia đình là gánh vác những yếu đuối của các thành viên trong đó. Trong quá khứ, khi giá trị gia đình còn mạnh mẽ, thì nhu cầu trị liệu cho từng cá nhân không cần thiết lắm. Ngày nay, từng cá nhân phải đi tìm trị liệu của đời sống xã hội ở những nơi khác. Đến với giáo hội là tìm kiếm trị liệu cho đời sống xã hội và làm một phần trong việc chữa lành cho người khác. Đơn giản, tôi đến với giáo hội để tha nhân giúp tôi gánh lấy những điều không lành mạnh trong tôi và để tôi có thể giúp người khác gánh lấy những điều không lành mạnh trong họ.

Nếu điều này là đúng, và nó là như vậy thì chúng ta không nên ngạc nhiên khi thấy tất cả mọi loại bệnh hoạn trong lòng giáo hội. Nhưng sự hiện diện của những bệnh hoạn đó không đẩy chúng ta đi khỏi giáo hội, nhưng, thay vào đó, vẫy gọi mạnh mẽ chúng ta đi đến.

## **7. Để cùng mơ ước với người khác**

Edward Schillebeeckx từng nói: Những gì chúng ta mơ ước một mình vẫn là một giấc mơ, nhưng những gì chúng ta mơ ước cùng người khác có thể trở thành hiện thực.



Tôi đến với giáo hội vì tôi nhận ra sự bất lực của cá nhân tôi, các giới hạn của bản thân tôi. Sống một mình, ở ngoài cộng đồng, tôi không có uy thế gì hơn là nhân cách và đặc sủng của riêng tôi, một điều chẳng có ý nghĩa gì trong thế giới sáu tỷ người này.

Khi ngồi xem tin tức buổi tối, tôi thấy tất cả những điều còn thiếu sót trong thế giới này, tôi đi ngủ mà lòng buồn nản, đau đớn cảm thấy mình bất lực không làm gì được để thay đổi nhân loại. Sự buồn nản này có căn cứ. Một mình, tôi khá bất lực, tôi có thể làm được cái gì đó thoáng qua, nhưng không tạo nên được một khác biệt. Một nhóm người rất lớn cùng xem tin tức có thể thay đổi thế giới. Giáo hội là nhóm người đó. Như một tổ chức toàn cầu với một trái tim cho hòa bình, công lý, người nghèo, dù còn bất toàn, nhưng vẫn là tốt nhất trong vô số những điều xấu và giáo hội mang hy vọng tích cực đến cho chúng ta. Nếu tôi hy vọng mang lại công lý và hòa bình trên địa cầu này, việc tôi nên làm đầu tiên là bắt đầu cùng mơ với tha nhân trong một thế giới rộng lớn những con người cùng cam kết có một ước mơ chung. Nếu tôi hy vọng sẽ làm điều đó tôi nên đến với giáo hội.

## **8. Để luyện tập cho Thiên Đàng**

Như Kinh Thánh nói, thiên đàng sẽ là nơi hoan lạc với những vòng tay ôm rộng mở của hàng tỷ con người với nhiều tính cách, chủng tộc, học vấn và tư tưởng. Sống ở đó cần có một quả tim đại đồng. Như vậy, sẽ là tốt nếu trong đời sống này chúng ta luyện tập điều này, luôn mở rộng tấm lòng dù quả tim phải chịu đau. Có một ít chuyện - mà chắc chắn tất cả chúng ta đều chấp nhận - làm thắt đau quả tim với những gì cộng đoàn giáo hội làm. Ngược lại, khi chúng ta tránh đau, tránh va chạm trong giáo hội để sống con đường riêng ít đau hơn, hoặc chỉ gặp những con người giống mình, thì quả tim không cần mở rộng ra với tha nhân. Đến với giáo hội là một trong những cách có thể tập cho cho quả tim thiêng liêng của chúng ta giàu sức sống hơn.

## **9. Để có một niềm vui thuần khiết... Vì đó là thiên đàng!**

Carol Shields kết thúc cuốn tiểu thuyết mới đây của cô, *Buổi tiệc của Larry*, với cảnh một buổi tiệc tối. Larry, nhân vật chính trong truyện, một con người vụng về, đã mời một nhóm đủ mọi kiểu người đến dự buổi tiệc tối thứ bảy do anh tổ

chức. Khách mời là hai người vợ cũ và người yêu hiện tại của anh, cộng thêm rất nhiều người tính tình khác nhau, từng người tham dự có thể làm nổi bật tất cả đức hạnh và tội lỗi trên thế gian này. Buổi tiệc diễn ra như mọi buổi tiệc khác, có nói đùa, ghen tỵ, và tranh luận về chính trị, tôn giáo, và đời sống.

Những xúc phạm cũ làm lộ ra cái đầu khó chịu, buổi tiệc càng tiếp tục thì những xúc phạm mới càng làm thêm. Một cách tế nhị, khách mời nhớ lại quá khứ ngu ngốc và không chung thủy của mình, cũng như họ được tẩy sạch chuyện đó nhờ buổi tiệc. Thức ăn và đồ uống chuyên cho nhau, ngằm trong đó, cho dù mọi thứ đã không ổn và vẫn cứ không ổn nhưng bây giờ đang có một niềm vui sâu sắc ở đây. Một bữa tiệc cứu vớt nho nhỏ thay cho Sự Cứu rỗi đang diễn ra.

Hầu hết các gia đình hay giáo hội của chúng ta đều quy tụ lại với nhau giống như cảnh này. Gia đình là mái ấm của ngày Giáng sinh, nhưng vợ hay chồng của bạn đang giận, bạn đang chống chọi với một mối và bực tức, đứa con mười bảy tuổi của bạn hiếu động quá đáng, nó không muốn về nhà, người mẹ già của bạn không được khỏe, bạn đang lo cho bà, ông chú Charlie cau có như con cú (bạn đang lo ông là người đòi trụ), đứa con ba mươi tuổi thất nghiệp của bạn cứ ngồi trong phòng tắm cả ngày, và tất cả mọi người quá lười biếng hoặc quá ích kỷ, họ không chịu giúp bạn chuẩn bị bữa ăn. Bạn sẵn sàng cho buổi lễ, nhưng mọi thứ không lý tưởng như bạn nghĩ. Gia đình của bạn không phải là gia đình thánh, không phải là gia đình trong mơ. Những vết đau, bệnh hoạn, những điểm yếu của nó đang mở ra và nằm trên bề mặt... nhưng bạn đang mừng lễ Giáng sinh và, trong đó, có niềm vui hiện diện. Một phiên bản nhân loại về bữa tiệc cứu rỗi đang diễn ra và gia đình nhân loại đang gặp gỡ nhau quanh Chúa Giáng Sinh.

Trong thế giới này, đó là hình tượng mãi mãi của giáo hội. Gần như lúc nào chúng ta cũng không thấy niềm vui trong giáo hội, nó làm chúng ta bực mình. Xét cho cùng, lý do chúng ta đến với giáo hội cũng giống như lý do khi chúng ta tiếp tục ăn tối với gia đình trong dịp lễ Giáng Sinh – cho một niềm vui thuần khiết.

## 7.

### Linh đạo và Mầu nhiệm Phục Sinh

*Nếu hạt lúa gieo vào lòng đất mà không chết đi, thì nó vẫn trơ trọi một mình; còn nếu chết đi, nó mới sinh được nhiều hạt khác.<sup>1</sup>*

### Tranh luận bất tận về Đau khổ, Cái chết và Chuyển hóa

Một vài nhà phê bình nghiêm khắc nhất về Kitô giáo cho rằng có một cái gì sai lầm, khi làm một chuyện phi lý là dạy cho những người hạnh phúc thành người không hạnh phúc, để rồi mới có việc làm cho sứ vụ của họ là đi cứu người bất hạnh.<sup>2</sup> Họ nói Kitô giáo quá tập trung trên đau khổ, cái chết và sự sống đời sau; đúng là phá đi khả năng hưởng thụ đời sống của chúng ta. Dường như Freud cũng ở trong chiều hướng này. Ông lên án Kitô giáo về một số nỗi lo lắng trong tâm hồn người Tây phương, chuyện này ở trong số những chuyện khác, đã ngăn cản không cho chúng ta chủ động biết đâu là hạnh phúc thật của mình.<sup>3</sup>

Không phải tất cả những chuyện này là sai, rất nhiều lo âu khắc khoải được dạy nhân danh đời sống thiêng liêng Kitô, nhưng các nhà phê bình Kitô giáo thì ngây ngô vì họ nghĩ rằng theo lẽ tự nhiên thì con người hài lòng về mình và nếu không có chú ý quá độ của Kitô giáo về những vấn đề nan giải như đau khổ, cái chết và sự sống đời sau thì chúng ta không lo âu bệnh hoạn đến như vậy. Không có nền triết học về sự sống, không có khoa nhân chủng học, không có khoa tâm lý nào, và *mạnh hơn nữa*, cũng không có nền tu đức nào có thể tự cho là hoàn thiện mà không gắn với vô thường, với các vấn đề về đau khổ và chết. Đó là những thực tế gặm nhấm tâm hồn. Không một phủ nhận nào, cố gắng tập trung vào giây phút hiện tại nào hay cố gắng xua đuổi một vài nhận thức được xem như bóng ma trong tâm trí người theo Kitô giáo mà có thể làm chúng ta miễn nhiễm chống lại được các thực tế

---

<sup>1</sup> Ga 12, 24

<sup>2</sup> Ga 12, 24

<sup>3</sup> Ga 12, 24

của đau khổ và chết chóc, và sự cần thiết để biến đổi chúng ta mà những chuyện này mời gọi chúng ta làm.

Như thế, nền tu đức Kitô giáo không có gì phải biện hộ cho sự kiện, trong đó, trọng tâm nhất của tất cả các màu nhiệm là màu nhiệm Phục Sinh, màu nhiệm của đau khổ, chết chóc và chuyển hóa. Trong nền tu đức Kitô giáo, Đức Kitô là trọng tâm và trọng tâm của Đức Kitô chính là cái chết của Ngài, và sự lớn lên trong một đời sống mới, mang đến cho chúng ta một Thần Khí mới.

Đây là màu nhiệm trọng tâm của Kitô giáo. Nhưng không may đây lại là điểm hiểu lầm lớn và không được biết đến trong nền thần học và tu đức Kitô giáo. Chúng ta thường nói trên đầu môi điều then chốt là Chúa Giêsu chịu đau khổ, chịu chết vì chúng ta, nhưng hiếm khi chúng ta cố gắng tìm hiểu điều đó có ý nghĩa gì và làm thế nào chúng ta có thể tiếp cận với nó trong chính đời sống chúng ta.

Màu nhiệm Phục Sinh của Chúa Kitô là gì? Làm thế nào chúng ta có thể hiểu và sống màu nhiệm ấy?

## Mô hình màu nhiệm Phục Sinh

### 1. Một vài câu chuyện minh họa cho Phục sinh

Trước khi xem rõ nền thần học về màu nhiệm Phục sinh, một vài câu chuyện sau đây sẽ giúp chúng ta hiểu phần nào vấn đề thần học này. Qua hương vị ba câu chuyện ở ba nơi rất khác nhau, mỗi câu chuyện sẽ nói cho chúng ta điều gì đó về sự chuyển hóa phục sinh.

Câu chuyện thứ nhất là từ tiểu thuyết gia Brian Moore. Một trong những tác phẩm đầu tay của ông, quyển *Đam mê cô độc của Judith Hearne của Judith Hearne* (*The Lonely Passion of Judith Hearne*<sup>4</sup>) đúng là câu chuyện phục sinh. Câu chuyện tóm tắt như sau:

Ngày xưa ở Dublin, có bà tên là Judith Hearne. Bà là một phụ nữ tài năng trên nhiều khía cạnh. Mạnh khỏe, thông minh, hấp dẫn, giáo sư đáng kính, vững vàng về mặt tài chánh, có tương quan tốt với gia đình và bạn bè thân tín, bà được yêu thương và được kính trọng. Tuy nhiên, bà có một vấn đề. Bà sắp mãn kinh, chưa lập

---

<sup>4</sup> Ga 12, 24

gia đình và không có con. Cả về mặt sinh lý và tâm lý, vừa ý thức và vừa không ý thức nhắc cho bà một chuyện nền tảng của con người là, “Không tốt cho con người nếu nó ở một mình” đặc biệt khi tiếng chuông đồng hồ sinh lý gióng lên!

Vì thế, không nhận thức rõ thực tế, bà bắt đầu tuyệt vọng. Mọi chuyện trong cuộc sống của bà – sức khỏe, công việc, gia đình, bạn bè – bắt đầu không có ý nghĩa đối với bà, trừ một chuyện bà muốn thật sự là, có chồng có con.

Bà bị xáo trộn dữ dội, và trong tình trạng tuyệt vọng vô thức này, bà gặp một người đàn ông, một ông Mỹ, bà yêu ông ta. Tuy nhiên ông không thích kiểu tình yêu lãng mạn của bà, ông theo đuổi bà chỉ vì nghĩ đến túi tiền của bà, ông muốn hai người mở một tiệm ăn.

Một buổi tối nọ, sau buổi hẹn hò, Judith đi bước trước. Bà ngỡ lời muốn làm đám cưới. Ông từ chối và nói rõ ý định của ông. Sự từ chối này làm giọt nước tràn cái ly. Bà suy sụp. Bà nghiện rượu và xuống tinh thần, bà vào nhà thờ, nguyện rửa Chúa và phạm thượng đến Minh thánh Chúa. Bà vào bệnh viện, được săn sóc và phục hồi nhanh chóng.

Câu chuyện đến hồi kết thúc tốt đẹp. Một thời gian ngắn trước khi rời bệnh viện, người đàn ông Mỹ đến thăm bà. Anh mang một bó hoa hồng đến phòng bà, hồi lỗi nói với bà là, anh đã sai và muốn cưới bà. Câu trả lời của bà còn đi xa hơn các quyển sách về thần học, đó là câu trả lời nói lên năng động của tinh thần Hiện Xuống. Bà trả bó hoa hồng cho ông và trả lời:

“Cám ơn nhưng không cám ơn. Tôi không muốn làm anh khổ, tôi muốn nói vì sao tôi cần kể cho anh nghe một câu chuyện. Khi anh là một cô bé, anh mơ một cuộc sống toàn hảo. Anh sẽ lớn lên, có một thân hình đẹp, gặp một người đàn ông toàn hảo, lấy họ, có con xinh đẹp, sống với họ trong một căn nhà đẹp, ở một xóm có hàng xóm tốt, có bạn tốt. Nhưng... khi anh lớn tuổi và giấc mơ này không xảy ra, anh xem lại, anh thấy các mong chờ của anh có phần nào giảm bớt. Anh bắt đầu tìm một người không cần phải hoàn hảo lắm... rồi cho đến lúc ở tuổi tôi, trong vô thức tuyệt vọng, anh lấy bất cứ ai, dù họ không có gì đặc biệt! Và rồi, tôi đã học được một điều gì đó qua sự việc tôi đánh mất chính tôi và tìm lại được chính tôi; tôi học được nếu tôi lãnh nhận được tinh thần mà từ đó tôi biết tôi là ai, thì cũng chẳng quan trọng tôi độc thân hoặc lập gia đình, ngã nào tôi cũng có hạnh phúc. Hạnh phúc của tôi không tùy thuộc người bên ngoài tôi, nhưng tùy thuộc vào bình an nội tại của tôi.<sup>5</sup>

---

<sup>5</sup> Ga 12, 24

Câu chuyện kết thúc khi bà rời bệnh viện, mạnh mẽ và hạnh phúc trở lại, lấy tấm danh thiếp của ông làm chiếc tàu bay giấy và ném ra ngoài cửa xe.

Tinh thần Hiện Xuống đã tái diễn ở đây vì, như sách thánh nói cho chúng ta biết, Thần Khí không phải là thần khí chung chung, nhưng thần khí được ban cho mỗi người chúng ta một cách riêng biệt nhất, để trong những hoàn cảnh đặc biệt của từng người, chúng ta nhận ra mình trong đó.<sup>6</sup> Tinh thần Hiện Xuống không chỉ diễn ra bao quát, nhưng còn trên mỗi cá nhân, và, đối với Judith Hearne, bà nhận tinh thần này của một người tới tuổi mãn kinh, không chồng, không con.

Câu chuyện thứ nhì là câu chuyện được John Shea chia sẻ trong phần đầu quyển sách *Các câu chuyện Đức tin, Stories of Faith*.<sup>7</sup> Shea kể chuyện một thanh niên chăm sóc người cha đang hấp hối. Người cha còn trẻ, hấp hối vì ung thư nhưng cũng khó để chết. Căn bệnh ở giai đoạn cuối, ông đau đớn cùng cực, cơ thể ông rã rời, đáng lý ông đã chết từ lâu, ông nằm bệnh viện như muốn bám vào sự sống. Cơ thể ông đầy các ống và dù có chích móc-phin, ông vẫn đau đớn.

Mỗi tối, sau giờ làm việc, anh đến ngồi bên giường bệnh cầm tay cha, bắt lực nhìn cha đau đớn. Cuối cùng, một buổi tối nọ, anh cũng ngồi như thế, anh nói với cha: “Cha ơi, cha tin tưởng vào Chúa và cha ra đi nhé! Cha về với Chúa thì tốt hơn là sống như thế này.”

Gần như ngay lập tức, người cha có được bình an và ông ra đi. Người con nhận ra anh vừa nói một chuyện rất thật – một sự thật về chuyện tin tưởng vào Chúa và ra đi. Giống như Chúa Giêsu, cuối cùng trút hơi thở trong tay Chúa Cha.

Câu chuyện cuối cùng là câu chuyện trong Cựu Ước kể về cái chết của đứa con ngoài giá thú của Vua Đa-vít.<sup>8</sup>

Lúc người con trai ngoài giá thú của vua Đa-vít sắp chết, ở địa vị người cha, ông mặc áo thô, ngồi trên đồng tro và bắt đầu ăn chay cầu nguyện, ông cầu xin Chúa cứu con mình. Nhưng khi nghe tin con chết, ông cởi áo thô, không cầu nguyện nữa, ông vào nhà tắm gội, xức dầu thơm, ăn một bữa thật ngon, rồi ngủ với vợ, một sự sống mới được thai nghén, đó là vua Sa-lô-mon.

---

<sup>6</sup> Ga 12, 24

<sup>7</sup> Ga 12, 24

<sup>8</sup> Ga 12, 24

Thái độ này làm bạn bè ông ngạc nhiên, họ bảo ông, lý ra ông phải làm ngược lại chứ: “Khi con ông còn sống thì ông ăn chay cầu nguyện, còn bây giờ, khi con đã chết, ông lại ăn uống?”

Nhưng vua Đa-vít, với lời lẽ sâu sắc, đã giải thích màu nhiệm phục sinh cho họ: “Khi con tôi còn sống tôi đã ăn chay cầu nguyện, xin Chúa gìn giữ nó. Nhưng giờ đây con tôi đã chết, tôi không thể đem nó về với tôi được, nhưng tôi phải sống, phải đối diện với sự thật này, và tôi phải tiếp tục tạo ra một cuộc sống mới.”

Đối với vua Đavit, một cuộc phục sinh nào đó như vừa xảy đến. Con ông đã chết, song nó vẫn còn sống, không cùng một thể thức như trước, nhưng một cuộc sống mới, mà trong đức tin, nó bắt đầu sống mạnh mẽ hơn.

Màu nhiệm Phục Sinh là màu nhiệm, qua đó, chúng ta làm sao để sau khi trải qua cái chết, đón nhận cuộc sống mới và thần khí mới. Chúa Giêsu, qua lời rao giảng và qua cuộc đời của Ngài, Ngài đã chỉ cho chúng ta thấy rõ ràng điều này và nó sẽ xảy đến như thế nào.

Bây giờ chúng ta xem xét màu nhiệm đó.

## 2. Màu nhiệm Phục Sinh – chu kỳ Tái Sinh

*“Nếu hạt lúa gieo vào lòng đất mà không chết đi, thì nó vẫn trơ trọi một mình; còn nếu chết đi, nó mới sinh được nhiều hạt khác.”<sup>9</sup>*

Qua câu này, Chúa Giêsu định nghĩa màu nhiệm Phục sinh, chính xác, để có một cuộc sống và thần khí trọn vẹn hơn, chúng ta phải thường xuyên buông bỏ cuộc sống và thần khí hiện tại. Tuy nhiên, để hiểu điều này và để thấy Chúa Giêsu đã giảng dạy và minh chứng điều đó như thế nào trong cuộc đời của Ngài, trước hết, chúng ta cần có một vài phân biệt cần thiết. Chúng ta phải phân biệt *hai loại chết, hai loại sống, và sự sống và thần khí*.

Trước hết, về hai loại chết: Chết *kết thúc* và chết *phục sinh*. Chết kết thúc là chết chấm dứt cuộc sống, chấm dứt mọi khả thể. Chết Phục sinh cũng như cái chết kết thúc, là một cái chết thật. Tuy nhiên, cái chết phục sinh là cái chết mà khi kết thúc một cuộc đời, nó lại mở ra để con người đón nhận một hình thức sống sâu đậm

---

<sup>9</sup> Ga 12, 24

và phong phú hơn. Hình ảnh hạt lúa gieo vào lòng đất và chết đi để phát sinh sự sống mới là hình ảnh của cái chết phục sinh.

Sự sống cũng có hai loại: sự sống được *hồi sinh* và sự sống được *phục sinh*. Hồi sinh là hồi phục sức khỏe như trong trường hợp người chết lâm sàng được cứu sống. Phục sinh thì không như vậy. Không phải hồi phục cuộc sống cũ nhưng đón nhận tận căn một đời sống mới. Chúng ta thấy sự khác biệt này trong Kinh Thánh khi so sánh cuộc phục sinh của Chúa Giê-su và cái gọi là phục sinh của Lazarô (đúng ra là hồi sinh). Lazarô được sống lại cuộc sống cũ, nhưng sau đó ông lại chết. Chúa Giê-su không sống lại cuộc sống cũ. Chúa Giê-su đón nhận cuộc sống mới - một cuộc sống phong phú và trong cuộc sống này Ngài không chết lại.

Mầu nhiệm phục sinh đề cập đến cái chết phục sinh và sự sống được phục sinh.

Và cuối cùng chúng ta phải phân biệt giữa sự sống và thần khí. Chúng không giống nhau và thường chúng ta được nhận trong những thời điểm khác nhau. Ví dụ, sau khi Chúa Giê-su phục sinh, các môn đệ được ban sự sống mới của Đức Kitô, nhưng chỉ một thời gian sau đó, vào lễ Ngũ Tuần, họ nhận được Thần khí vì họ đã sẵn sàng cho cuộc sống mới. Chúng ta sẽ thấy các ví dụ minh họa ở chương này, đó cũng là các ví dụ áp dụng trong đời sống chúng ta. Chúng ta sống hai cuộc sống, cuộc sống thật và cuộc sống với thần khí; bình an tâm hồn của chúng ta tùy thuộc vào sự kết hợp hài hòa giữa hai cuộc sống này.

Mầu nhiệm Phục sinh, như chúng ta sắp thấy, là tiến trình chuyển hóa trong đó chúng ta được ban cả sự sống mới và thần khí mới. Nó bắt đầu với đau khổ và cái chết để đi đến việc đón nhận sự sống mới, trải qua thời gian tang chế cho đời sống cũ để phù với đời sống mới, và cuối cùng, chỉ sau khi thực sự rời bỏ cuộc sống cũ, thì thần khí mới sẽ được ban vì chúng ta đã sẵn sàng cho cuộc sống mới.

Theo cái nhìn thần học, khi nhìn vào lời giảng dạy của Chúa Giê-su, đặc biệt qua cái chết và phục sinh của Ngài, và những gì xảy ra sau, đó, chúng ta có thể thấy rõ năm thời điểm tách biệt trong chu kỳ phục sinh: *Thứ sáu Tuần Thánh, Chúa Nhật Phục Sinh, bốn mươi ngày trước khi Thăng Thiên, Thăng Thiên, và Lễ Hiện Xuống*. Mỗi khoảnh khắc đó là một phần của tiến trình cá biệt, một cơ chế riêng, và mỗi phần này cần được hiểu trong tương quan với những phần khác để hiểu được mầu nhiệm phục sinh. Mỗi phần đều nằm trong một tiến trình chuyển hóa, chết và buông bỏ để đón nhận sự sống mới và thần khí mới.

Chu kỳ phục sinh có thể được biểu thị bằng biểu đồ sau:

1. Thứ sáu Tuần Thánh... “mất sự sống, - cái chết thật.”



2. Chúa nhật Phục sinh... “đón nhận sự sống mới”

3. Bốn mươi ngày... “thời gian để điều chỉnh cho hợp với đời sống mới và để tang cuộc sống cũ”

4. Thăng Thiên... “buông bỏ cuộc sống cũ, bạn được ban ơn, không bám víu vào đời sống cũ”

5. Hiện Xuống... “đón nhận thần khí mới cho cuộc sống mới vì đã sẵn sàng cho đời sống mới”

Nói theo ngôn ngữ thông thường và theo từng giai đoạn trong cuộc sống riêng của mỗi người, chúng ta có thể sắp xếp biểu đồ theo cách sau:

1. “Định danh cái chết của bạn”

2. “Đòi lại sự sinh ra”

3. “Để tang cho những gì đã mất mát và điều chỉnh cho hợp với thực tại mới”

4. “Không níu kéo cuộc sống cũ, để nó thăng hoa và cho bạn ân phúc”

5. “Chấp nhận thần khí của sự sống mà bạn đang sống”

Chu kỳ này không là chuyện chúng ta trải qua một lần vào giây phút chết, khi lìa cõi đời. Đúng hơn là cái gì đó chúng ta trải qua hằng ngày, trong mọi mặt của đời sống. Chúa Kitô nói về nhiều cái chết, những cái chết hằng ngày, đến việc trỗi dậy và nhiều sắc thái trong việc nhận thần khí mới - hiện xuống. Mầu nhiệm phục sinh là một bí ẩn của cuộc sống. Sau hết, hạnh phúc của chúng ta tùy thuộc vào trải nghiệm riêng về mầu nhiệm đó. Ở giai đoạn này, có lẽ tất cả điều này có chút gì đó trừu tượng. Cụ thể, chúng có ý nghĩa gì? Chúng ta sẽ sống mầu nhiệm phục sinh như thế nào trong đời sống thường ngày của mình?

Những ví dụ trên được rút ra từ những gì rất thực tế trong cuộc sống hàng ngày, để làm sáng tỏ hạnh phúc, bình an và trưởng thành của chúng ta tùy thuộc trên mầu nhiệm này như thế nào trong đời sống của mỗi người. Trừ khi chết yếu, còn không thì chúng ta sẽ có nhiều cái chết trong đời và trong mỗi cái chết ấy, chúng ta phải đón nhận một sự sống mới và thần khí mới. Hằng ngày chúng ta đều trải nghiệm Mầu Nhiệm Phục Sinh. Chúng ta hãy xét một vài cái chết này.

## Trải nghiệm các cái chết trong đời sống chúng ta

### 1. Cái chết của thời trẻ...

Chúng ta thử hình dung cảnh tượng sau: Một buổi sáng thức dậy, bạn nhìn lịch và nhận ra sự thật phũ phàng, hôm nay sinh nhật bảy mươi của bạn. Bạn đã bảy mươi tuổi. Tính theo số tuổi đời người, tuổi bảy mươi là không còn trẻ nữa - trang điểm, tập thể dục, giải phẫu thẩm mỹ, làm bụng thon, có thái độ lạc quan về cuộc sống cũng không thể thay đổi sự thật này. Tuổi trẻ của bạn đã chết.

Nhưng bạn không chết! Soi gương, bạn thấy mình là người đầy sức sống, dù đã có tuổi. Đúng ra, bây giờ bạn giàu hơn, cuộc sống sâu đậm hơn khi bạn hai mươi, bốn mươi hay sáu mươi tuổi. Nhưng bạn đang sống ở tuổi bảy mươi, chứ không phải hai mươi.

Dưới cái nhìn phục sinh, đây là tình trạng thời tuổi trẻ của bạn: Thứ sáu Tuần Thánh đã đến, tuổi trẻ của bạn đã chết. Phục sinh cũng đã đến; bạn đã sống đến bảy mươi, một đời sống mới, khác và phong phú hơn cuộc sống lúc hai mươi tuổi. Và bây giờ bạn có lựa chọn : bạn không chịu để tang và buông bỏ tuổi trẻ đã mất, giống như Maria Mađalêna buổi sáng Phục Sinh cố gắng níu kéo Chúa Giêsu, một Giêsu mà bà đã biết, bạn cố giữ lấy tuổi trẻ của bạn. Nếu làm như vậy, bạn sẽ tự giam hãm và không có hạnh phúc, sợ hãi, hụt hẫng với tuổi bảy mươi, giống như bà Judith Hearne trước khi suy sụp tinh thần, bạn cố gắng sống đời mình với tinh thần của một người khác. Một cố gắng điên loạn thì đúng hơn. Tinh thần Hiện xuống không thể xảy đến cho bạn, mỗi ngày bạn sống trong sợ hãi, bất hạnh khi thấy mình càng ngày mình càng già.

Tuy nhiên, nếu bạn buông bỏ tuổi trẻ, bạn có thể nói: “Tuổi hai mươi thật tuyệt vời, tuổi ba mươi, tuổi bốn mươi, rồi năm mươi, sáu mươi cũng tuyệt vời, và không gì tuyệt vời hơn tuổi bảy mươi!” – thế là tinh thần Hiện xuống sẽ đến. Bạn sẽ nhận lấy thần khí ban sự sống mà bạn đã thực sự sẵn sàng sống, tinh thần của người ở tuổi bảy mươi khác với người mới hai mươi tuổi.

Trên thế giới, có một số người hạnh phúc nhất ở tuổi bảy mươi cũng như có một số người bất hạnh nhất cũng ở tuổi này. Sự khác biệt không hề tại ở người đó giữ cho mình được thon thả hay trẻ trung thu hút nhất, nhưng ở trong tinh thần hiện xuống là tinh thần đón nhận thần khí mới. Người hạnh phúc ở tuổi bảy mươi, dù nam hay nữ, là người đón nhận thần khí dành cho mình - thần khí mà Kinh

Thánh nói ban cho mỗi người chúng ta trong cách đặc biệt nhất, ở mỗi hoàn cảnh sống trong cuộc đời.

Trong bối cảnh này, thật thú vị khi liên tưởng đến người Ai Cập thời cổ đại thường ướp xác chết, họ ngâm xác chết trong hóa chất phóc-môn để giữ cho xác còn y nguyên mãi. Đây là hình ảnh phản đề với mầu nhiệm phục sinh. Người Kitô hữu để thân xác phân hủy theo cách tự nhiên và tin rằng Chúa đã ban sự sống một lần thì nay Người lại cho một sự sống khác sâu đậm hơn. Nếu tôi bảy mươi, nhưng cố gắng giữ tuổi trẻ của mình qua các kỹ thuật làm trẻ, thì chẳng khác nào tôi đang ướp xác tôi.

Mầu nhiệm phục sinh sẽ giải thoát tôi khỏi những thứ không mang lại hạnh phúc như thế.

## **2. Cái chết của tính toàn vẹn của chúng ta...**

Một cái chết khác mà ai trong chúng ta cũng trải qua đó là cái chết của tính toàn vẹn, cái chết khi hậu quả một phần con người chúng ta bị phân đoạn và chết đi. Ở đây chúng ta cần tinh thần phục sinh chuyển hóa để có thể đón nhận thần khí cho ai đã từ lâu không còn giữ tính toàn vẹn. Tôi xin kể một câu chuyện để minh chứng.

Cách đây vài năm, trong một lớp thần học của tôi có một bà, vì nhiều lý do khác nhau, bà không có hạnh phúc. Tuy nhiên, nhìn bề ngoài thì ai cũng tưởng bà có đủ điều kiện để hạnh phúc. Bốn mươi chín tuổi, khỏe mạnh, quyến rũ, rất thông minh, một nghệ sĩ có sự nghiệp, có tiền, đã lập gia đình, mẹ của hai thanh niên khỏe mạnh. Nhưng bà không hạnh phúc. Trong lòng bà là cả một sự giận dữ dai dẳng làm khổ bà, phá đi mọi tiềm năng mang đến hạnh phúc. Sự có mặt của bà trong lớp học làm chúng tôi như cụt hứng, phải thật ý tứ để không làm cho bà giận. Ở tuổi này, bà vẫn còn giận dữ với các vấn đề nữ quyền.

Sau khi lớp học đặc biệt này kết thúc, bà đến tâm sự với tôi. Đây đúng là câu chuyện bi thương. Cha bà là người nghiện rượu, một đêm kia, lúc bà lên chín, ông hãm hiếp bà. Giờ đây, đã bốn mươi năm trôi qua, cảnh tượng ấy vẫn còn ám ảnh bà và giờ đây bà cảm thấy:

“Một cái gì đó trong tôi như đã chết. Đã bốn mươi năm rồi, tôi vẫn còn bị sốc vì cảnh tượng ấy. Cả cuộc đời tôi xem như đã kết thúc. Tôi nhớ có lần tôi đọc một quyển sách của nữ văn sĩ Joyce Carol Oates trong đó bà có nói: “và thần khí ra khỏi

người đàn ông.” Điều đó đã xảy ra cho tôi. Thần khí đã ra khỏi tôi lúc tôi lên chín. Quả thực, từ đó, tôi không còn hứng thú để sống.

“Đôi khi tôi nghĩ tôi đã có thể chôn vùi nó, bỏ nó đằng sau, và tôi nghĩ, tôi có thể sống như người khác. Đúng, tôi vượt qua xúc cảm, tôi yêu, lập gia đình, có hai con, tôi nghĩ tôi đã bỏ lại cảnh tượng đó đằng sau. Thậm chí tôi có thể tha thứ cho cha tôi. Tôi nhớ lúc về nhà dự đám tang và nhìn khuôn mặt ông trong quan tài. Khuôn mặt thanh thản, thanh thản hơn bao giờ hết trong đời ông. Sự căng thẳng và giận dữ lâu nay như tan biến theo cuộc đời ông. Ông trông thật bình an, tôi hôn ông – tôi buộc phải cố gắng, tôi cảm thấy bình an. Ông chết và tôi muốn để ông cùng quá khứ ấy trôi đi! Nhưng nó không chết, nó không chịu qua đi. Tôi càng lớn tuổi thì tình trạng này càng nặng hơn. Cuối cùng tôi càng giận, càng giận hơn trước.

“Tôi bắt đầu đọc những cuốn sách về phong trào phụ nữ, nhưng tôi biết lý do không phải là nữ quyền. Dù sao nó cũng giải thoát, nhưng một cách khác. Đọc những quyển sách này giúp tôi hiểu nỗi khổ tâm của tôi. Tôi đã hiểu ra nhiều điều. Và tôi càng giận dữ hơn: Giá mà, giá mà!... Giá mà cha tôi không bệnh nặng như thế, giá mà xã hội công bằng hơn, giá mà phụ nữ được bình đẳng, giá mà đàn ông không ma-sô và trì độn như thế! Giá mà! Đúng, càng ngày tôi càng giận hơn. Tôi khép kín như tảng băng. Tôi khó khăn với gia đình mình - chồng con, rồi với những người chung quanh, giáo xứ, bạn bè, mọi người.

Tôi bắt đầu chống lại mọi người... tôi có lý hết! Thật bất công. Đó là nhục nhã cho cuộc sống, đặc biệt là đời sống phụ nữ, làm sao lại có thể bị phá vỡ dễ dàng như vậy. Thật bất công khi sống trong một thế giới bất công như thế. Tôi muốn những người lãnh đạo, những người đàn ông từ Giáo Hoàng trở đi, phải ném trái cái chết mà tôi đã ném. Họ nói tôi là người bệnh vực nữ quyền giận dữ. Đúng, tôi như vậy. Sự giận dữ đe dọa hôn nhân, phá vỡ quan hệ với Giáo Hội mà tôi từng yêu mến, phá vỡ hạnh phúc của tôi... nhưng có cái gì đó đã phá vỡ đời tôi trước rồi. Tôi ước có ai đó hiểu được điều này.

“Tôi ngay thẳng, nhưng lòng tôi đã ung hoại. Tôi muốn hét lên vì sao thế giới bất công như thế với tôi, nhưng tôi hiểu, chẳng ai nghe, chẳng ai quan tâm đến tôi! Tôi muốn đi trở lại! Tôi không muốn sinh ra trong cái giận dữ này, tôi không muốn chết mà lòng còn giận. Tôi không muốn cái chết bi thảm này, vì không phải lỗi của tôi!”

Chúng ta suy nghĩ câu chuyện này trong tinh thần mầu nhiệm Phục Sinh. Bà ấy đúng. Trong giây phút bà bị lạm dụng đó, cái gì đó trong bà, trọn con người bà đã chết, chết không cứu vãn được. Không trị liệu, không thái độ lạc quan hay ý chí nào có thể làm cho bà trở lại con người lúc trước được, trước ngày thứ sáu Tuần Thánh. Cũng như Chúa Giêsu, bà cũng bị đóng đinh.

Nhưng bà không chết. Bà là một phụ nữ tràn đầy sức sống, đặc biệt là dáng khác. Bà đã làm rất nhiều chuyện cho con người của bà, sức khỏe tốt, nghệ sĩ tài năng, thông minh xuất sắc, quyến rũ, được chồng con yêu thương kính trọng, và bên dưới cơn giận này là một tinh thần rất chân thành và nhân hậu. Nhưng bà vẫn sống cuộc đời của một người từng bị làm nhục, chứ không phải cuộc đời của một người chưa bị nhục.

Nhiệm vụ của bà là vươn lên. Bà phải để tang cho cái chết này, và khi thời gian đến, buông bỏ nó, để nó thăng hoa, như thế bà mới đón nhận được thần khí dành cho người bị nhục, khác với thần khí của những người không bị làm nhục. Có một số người hạnh phúc nhất thế giới này đã từng bị làm nhục, cũng như có một số người bất hạnh nhất trên thế giới này đã bị làm nhục. Khác biệt không phải ở chỗ chấn thương nguyên thủy hay cách chữa trị, khác biệt là ở tinh thần vươn lên và tinh thần đón nhận thần khí mới, tinh thần hiện xuống.

Và đó là điều xảy ra với bà trong câu chuyện chúng ta vừa nghe. Cuộc thăng thiên và hiện xuống đã xảy đến. Qua lời khuyến khích của một bà khác cũng bị cưỡng bách tình dục như bà, rốt cuộc bà chịu điều trị để rồi tinh thần hiện xuống được thể hiện nơi bà. Trị liệu chấn thương làm giảm cú sốc tâm lý, xoa bóp thể lý làm giảm cú sốc thân thể, và linh hướng phục sinh giúp làm giảm cú sốc tâm hồn. Ở mỗi giai đoạn trị liệu có các chuyên gia trị liệu khác nhau: bác sĩ, bác sĩ tâm thần, y tá, linh mục – có người nói với bà: “Chúa Giêsu cho các tông đồ bốn mươi ngày đau buồn và chỉnh sửa mình. Chúa Giêsu đã cho bà bốn mươi năm! Đây là lúc phải dứt bỏ.”

Giống như người đàn ông bị ung thư nằm chờ chết, ông được người con nói: “Cha tin vào Chúa và cha ra đi nhé”, cuối cùng bà cũng ra đi được. Hiện tại bà hạnh phúc, đang theo đuổi một ngành nghệ thuật, hài lòng về gia đình và dùng thì giờ rảnh rỗi đi giúp những người bị cưỡng bức tình dục khác. Bà sống hạnh phúc, dù trước kia đã đã từng bị cưỡng bức như vậy. Bà đã có thể kết hợp với sự sống và thần khí.

Cách đây vài năm, trong khi làm linh hướng, một phụ nữ chia sẻ với tôi: “Chồng tôi và tôi chưa bao giờ hiểu rõ ý nghĩa của tinh thần thăng thiên và hiện xuống, phải đến khi tôi trải qua ca phẫu thuật cắt bỏ ngực, chúng tôi mới hiểu. Ban đầu, là giận dữ, đau đớn vì bị mất mát. Thế nhưng, cuối cùng chúng tôi buông bỏ những gì chúng tôi có. Bây giờ, chúng tôi gắn bó với nhau.. trong mọi mặt.. chồng tôi đã học để nhìn tôi một cách khác, tôi cũng phải học để nhìn mình một cách khác! Bây giờ chúng tôi hiểu buông bỏ thân xác để có thể thăng hoa đón nhận thần khí mới là gì rồi.

### 3. Cái chết của các giấc mơ của chúng ta ...

Một trong những cái chết mà Chúa Giêsu nói tới là cái chết của các giấc mơ, không phải giấc mơ lúc chúng ta ngủ, nhưng là những giấc mơ đặc biệt, giấc mơ tuyệt đích chúng ta ấp ủ trong tâm hồn. Tôi xin kể câu chuyện minh họa như sau.

Cách đây vài năm, tôi hướng dẫn một khóa tĩnh tâm, một người đàn ông đến kể cho tôi nghe câu chuyện của ông. Ông, bốn mươi bảy tuổi, dư 45 cân vòng bụng, ông ở một thị trấn miền Bắc Canada, làm việc trong cửa hàng tạp hóa Safeway. Câu chuyện chủ yếu như sau:

“Thưa cha, con đi tĩnh tâm vì con cần cái gì đó mới mẻ cho cuộc sống. Con đau khổ và rồi con sa sút dần! Con bốn mươi bảy tuổi và đây là lúc con phải sống với thực tế, con phải chấm dứt mơ mộng hão.

“Giấc mơ của con bắt đầu khi con là một cậu bé, con lớn lên ở một nông trại miền bắc Alberta. Con còn nhớ lúc đó con nghe trên đài phát thanh, bình luận viên trận đánh băng cầu, hockey, la lên: “Anh ta ném, anh ta ghi bàn”. Và đó là con. Trong giấc mơ, con mơ sẽ trở thành siêu sao băng cầu. Và mọi chuyện có vẻ như vậy. Con là một cầu thủ băng cầu cừ khôi, và trong ba năm con chơi ở đội nghiệp dư, sau đó vào đội băng cầu trẻ của trường. Đó là đội giỏi nhất ngoài giải Băng cầu Vô địch Quốc gia. Và con cũng thành ngôi sao, chơi khá hay đến nỗi vài đội chuyên nghiệp chú ý đến con. Vì thế năm mười chín tuổi, con cố gắng chơi băng cầu chuyên nghiệp. Nhưng tiếc là con không có sức vóc, thể hình tốt. Giấc mơ ở tuổi hai mươi tan vỡ. Họ nói con sẽ không bao giờ thực hiện được giấc mơ này. Nhưng lúc đó con còn trẻ, và là ngôi sao lớn của cái thị trấn nhỏ này. Vì thế con đi về và vì thiếu công việc khác, con làm việc cho cửa hàng Safeway địa phương.

“Vậy là hai mươi lăm năm trôi qua, con vẫn còn làm ở đó. Sau đó, con lấy vợ (căn bản là một cuộc hôn nhân hạnh phúc) và chúng con có bốn đứa con, tất cả khỏe mạnh và dễ thương. Nhưng cũng có một phần buồn ở đây. Đáng lẽ con hạnh phúc. Có vợ đẹp, con khôn, hôn nhân hạnh phúc, có nhà riêng, công việc nhàn nhưng ổn định. Con khỏe mạnh, và có lẽ có nhiều người trên thế giới muốn đổi địa vị của con, nhưng như con kể, hai mươi lăm năm qua con chưa chấp nhận cuộc sống thực tế. Con quá ham hố, vẫn còn sống trong giấc mơ hão huyền đó, con chỉ nghĩ đến con. Cái gì sẽ xảy ra nếu con được chơi ở đội Băng Cầu Quốc Gia? Cái gì sẽ xảy ra nếu con không bỏ học sớm? Sẽ ra sao nếu con không lấy vợ quá sớm? Cái gì xảy ra nếu con không gắn bó với cái thị trấn ảm đạm buồn chán này? Cha biết không, cả đời con chỉ mơ thành siêu sao, sống ở thành phố lớn, có lương cao, được nổi tiếng. Vậy mà cha

coi, con chẳng có thời..., tiền lương ít ỏi, ở thị trấn nhỏ, mọi thứ đều nhỏ, trừ cái vòng bụng của con!

Có gì sai lầm với con khi để mọi chuyện trong một chuyện. Con chuyên sưu tập chữ ký. Cha xem, chữ ký của các vận động viên, các ca sĩ nổi tiếng! Thật là đau lòng khi mình không còn nghĩ đến những chuyện đó. Con, bốn mươi bảy tuổi đầu, chỉ biết hãnh diện khoe bạn bè mấy cái chữ ký gom được trong các trận đấu băng cầu!

Năm vừa rồi, khi đi xem lễ, con mới ý thức chuyện này. Con không biết ngày Chúa nhật đó là gì, nhưng con chăm chỉ nghe các bài đọc vì hôm đó con gái con là người đọc. Sau khi con gái con đọc xong, linh mục bắt đầu đọc đoạn Tin Mừng về việc Chúa Giêsu lên trời như thế nào. Một ý nghĩ chợt đến với con: Đó là điều phải xảy ra với giấc mơ của con – con phải để nó lên trời, giống như thân xác Chúa Giêsu vậy. Đó là giấc mơ tuyệt vời, nhưng nó phải qua đi! Con phải ngưng giấc mơ đó để con khỏi bức rứt, để con sống thật với chính con người của con. Con có đủ điều kiện để hạnh phúc mà con không làm. Cũng có những người giống con, bốn mươi bảy tuổi và dư bốn mươi lăm cân, họ sống ở thị trấn nhỏ, làm việc ở tiệm tạp hóa Safeway, họ hạnh phúc, con muốn là một trong số người đó! Thật là tủi nhục cho vợ con của con, họ rất tốt và tốt cùng chỉ có một chuyện quan trọng đáng lý con phải làm đó là sự hiện diện của con. Theo lẽ con tự hỏi xem mình là ai, và đã làm gì cho đời mình, thay vì chỉ sống theo cuộc sống của người khác, hay chỉ cố gắng đeo đuổi giấc mơ đã qua lâu rồi.”

Người đàn ông này đã sẵn sàng cho một tinh thần thăng thiên. Ông đã có “bốn mươi ngày”, hai mươi lăm năm để tang và sửa mình. Bây giờ ông sẵn sàng bỏ tinh thần cũ để đón nhận thần khí dành cho một người bốn mươi bảy tuổi, dư kí-lô, sống và làm việc ở một thị trấn nhỏ miền bắc Canada. Có một vài người hạnh phúc nhất thế giới này giống ông, và cũng có vài người đau khổ nhất thế giới này giống ông. Hạnh phúc và đau khổ không hệ tại ở chỗ những người đó có thời hay sống ở thị trấn nhỏ. Hạnh phúc hay bất hạnh tùy thuộc tinh thần thăng thiên hay tinh thần đón nhận thần khí mới, tinh thần hiện xuống, mặc cho các chuyện kia có xảy ra hay không.

Dưới hình thức này hay hình thức khác, chúng ta đều sống câu chuyện của người đàn ông này. Cũng như bà Judith Hearne, tất cả chúng ta đều nuôi dưỡng giấc mơ về cuộc sống tốt đẹp và trọn vẹn. Và đương nhiên cuối cùng, mỗi người chúng ta phải để tang cho giấc mơ này để đón nhận thần khí dành cho người sống độc thân và không có quan hệ tình dục. Kinh Thánh cho chúng ta thấy điều này qua câu

chuyện cảm động và điển hình sau. Câu chuyện vừa gây sốc lại vừa hấp dẫn vì nó mang tính trần tục hoàn toàn.<sup>10</sup>

Vua Jephthah đang chiến đấu ngoài mặt trận, cuộc chiến đang bất lợi cho ông và quân đội. Trong thất vọng ông cầu nguyện với Thiên Chúa, hứa rằng nếu chiến thắng, thì khi về, ông sẽ tế lễ cho Thiên Chúa người đầu tiên ông gặp. Thiên Chúa nhận lời và ông thắng trận. Khi về nhà, ông kinh hãi vì người đầu tiên ông gặp, người mà ông phải giết để tế lễ, lại chính là con gái duy nhất yêu quý của ông đang tuổi trăng tròn. Ông nói với con gái về lời hứa và tỏ ý muốn hủy lời hứa đó hơn là hy sinh con. Tuy nhiên cô nằng nặc cha giữ lời hứa nhưng với một điều kiện: Trước khi chết cô cần có một thời gian vào sống trong hoang mạc để thương tiếc việc cô chết khi còn trinh nữ, khi chưa biết yêu. Cô xin cha cho cô hai tháng để vào hoang mạc với các bạn chưa lập gia đình như cô để cùng than khóc cuộc đời dang dở. Sau đó cô quay về và chịu hiến tế.

Dù cho tính chất phụ hệ bất hạnh của câu chuyện này, nhưng nó vẫn là một ví dụ mà qua đó cách xử thế có tính trần tục như thế lại dạy chúng ta điều gì đó sâu xa về mầu nhiệm phục sinh, nghĩa là, việc chúng ta phải qua bốn mươi ngày than khóc những gì còn dang dở và không hoàn tựu trong cuộc sống chúng ta. Như Karl Rahner đã nói, trong nỗi dần vật về những kết quả không đạt được mà theo lẽ chúng ta làm được, chúng ta bắt đầu nhận ra trong cuộc sống này, tất cả các bản giao hưởng vẫn còn dở dang. Ông đúng. Cuối cùng tất cả chúng ta đều chết, cũng như con gái của Jephthah, những cô trinh nữ, cuộc đời dang dở của chúng ta, các giấc mơ sâu thẳm nhất bị hụt hẫng, luôn luôn đi tìm một tình mật thiết không bao giờ có, theo nghĩa của một quan hệ trọn vẹn, một bản giao hưởng hoàn tất trọn vẹn - mà trong vô thức chúng ta còn thương tiếc cho sự trinh trắng của mình. Điều này đúng cho cả người đã lập gia đình cũng như người độc thân. Rốt cùng, tất cả chúng ta đều sống đơn chiếc.

Và điều này phải được than khóc. Bất cứ dưới hình thức nào, đến một lúc nào đó, mỗi người chúng ta phải đi vào hoang địa và thương tiếc cho sự trong trắng của mình. Khi chúng ta không làm được điều này bởi, và vì chúng ta không làm được, nên chúng ta thường sống trong đòi hỏi, giận dữ, cay đắng, thất vọng, thích lên án người khác, lên án đời mình cho những hụt hẫng này. Khi chúng ta không thể khóc cho cuộc sống dang dở của mình, thì sự dang dở này trở thành mối lo gặm nhấm, một trọng tâm cay đắng làm chúng ta không hưởng được hương vị dịu ngọt của cuộc sống. Bởi vì chúng ta không than khóc cho sự trinh trắng của mình, nên chúng ta muốn một người, một việc gì - người phối ngẫu, người bạn tình, gia đình lý

---

<sup>10</sup> Ga 12, 24



tưởng, con cái, một hoàn tựu, một mục đích, hay công ăn việc làm – cất hết cho chúng ta khỏi sự đơn độc đó. Dĩ nhiên đây là mong chờ vô vọng, chúng chỉ dẫn đến cay đắng và thất vọng. Trong cuộc sống này, không có bản giao hưởng hoàn tất. Chúng ta được tạo dựng cho vô tận, như vực Grand Canyon không đáy. Vì khía cạnh bất tận này, chúng ta sẽ luôn cô đơn, lo lắng, dở dang và vẫn còn trinh trắng - sống trong dẫn vật về những chuyện không đạt được mà lẽ ra có thể đạt được.

Giấc mơ đạt được ước nguyện, như ước mơ thành siêu sao, đến một điểm nào đó, phải được than khóc và để nó thăng hoa. Nếu không, như trường hợp người đàn ông trong câu chuyện trên, mơ ước đó sẽ vĩnh viễn ngăn chúng ta không hưởng hạnh phúc đơn giản của cuộc sống.

#### **4. Cái chết của các tuần trăng mật...**

Chúng ta tưởng tượng câu chuyện tiêu biểu sau: một người đàn ông và một người đàn bà gặp nhau và yêu nhau. Họ lấy nhau và đi tuần trăng mật kiểu Romeo và Juliet. Họ yêu nhau như hàng triệu người yêu nhau, tình cảm họ dành cho nhau sâu nặng vượt lên trên mọi cảm nhận họ có trước đây.

Bây giờ sau mười lăm năm trăng mật, mỗi người già thêm mười lăm tuổi và nặng thêm mười lăm cân, sau mười lăm năm chung sống, họ chỉ còn gặp nhau vào giờ ăn sáng. Cả hai đều biết và cảm thấy thời gian trăng mật ấy đã trôi qua. Tình cảm mặn nồng trước kia nay đã chết. Một vài tương quan gia đình được đặt ra. Họ ở đâu trong tương quan của họ với chu kỳ phục sinh?

Thời gian tương quan trăng mật của họ đã chết, nhưng tương quan của họ, hôn nhân của họ thì không chết; đúng ra bây giờ họ gắn bó mạnh và sâu đậm hơn thời trăng mật. Nhưng họ đang sống cuộc sống của một người đã lấy nhau mười lăm năm, chứ không phải mười lăm ngày, mười lăm phút. Như thế, bây giờ họ đứng trước chọn lựa, một cách vô thức có thể là:

Họ có thể bám vào những gì họ đã có trước đây, đam mê sâu đậm, đóng chặt nó vào những gì họ có trong hiện tại bằng tình yêu lãng mạn đó. Người này có thể kết tội người kia đã đánh mất đam mê (“Anh không tặng hoa cho em nữa!”) và mỗi người có thể bị cám dỗ để đi tìm kiếm một mối tình lãng mạn khác. Hoặc, họ có thể than khóc cho thời kỳ trăng mật và đón nhận thần khí của một cặp vợ chồng đã lấy nhau mười lăm năm - một thần khí khác với thần khí của người lấy nhau mười lăm phút. Nếu họ làm được như thế thì hôn nhân của họ sẽ sâu đậm hơn thời gian trăng mật. Đôi vợ chồng chia sẻ với nhau mười lăm năm sẽ yêu nhau sâu đậm hơn và gắn

bó với nhau hơn đôi vợ chồng đang hưởng tuần trăng mật (ngoại trừ trong một vài trường hợp bị bệnh nặng, rối loạn chức năng hay không chung thủy).

Có một vài cặp hạnh phúc nhất thế giới đã sống với nhau mười lăm năm và cũng có một vài cặp bất hạnh nhất thế giới cũng sống với nhau chừng ấy thời gian. Tuy nhiên, ở điểm này, hạnh phúc hay bất hạnh trong hôn nhân không tùy thuộc ở thời gian sống với nhau, nhưng tùy vào trải nghiệm Mẫu nhiệm Phục sinh, nghĩa là tùy chúng ta trải nghiệm như thế nào với những mất mát để đón nhận một tương quan mới được ban tặng cho chúng ta, than khóc những cái đã mất, buông bỏ nó, để nhận lãnh tinh thần mới cho tương quan thực tế chúng ta đang sống. Cặp vợ chồng đã sống với nhau mười lăm năm phải nhận lãnh tinh thần mới dành cho những người đã sống với nhau mười lăm năm – không ráng sống với tinh thần của cặp vợ chồng mới lấy nhau mười lăm phút.

Điều này không những chỉ đúng khi chúng ta hưởng tuần trăng mật nhưng cũng đúng và quan trọng trong tương quan với bạn bè, hàng xóm, ơn gọi hay việc làm của chúng ta. Tất cả những tuần trăng mật đều chết. Để duy trì bất cứ gì trong cuộc sống, chúng ta phải thường xuyên nhận thức rằng say mê ban đầu, xung điện đặc biệt mà chúng ta muốn chết cho nó, sẽ không bao giờ kéo dài, và chúng ta phải mở lòng ra để đón nhận một tinh thần mới trong tương quan đó. Khuyết điểm của việc này, là tất cả các tuần trăng mật đều chết, nhưng ưu điểm là Thiên Chúa luôn ban cho chúng ta một cuộc sống phong phú, sâu đậm và một tinh thần trọn vẹn hơn.

## **5. Cái chết của một khái niệm nào đó về Thiên Chúa và Giáo Hội...**

Tất cả những điều trên đây đều đúng trong khái niệm chúng ta có về Thiên Chúa và Giáo Hội. Ở đây chúng ta cũng vẫn phải thường xuyên buông bỏ các khái niệm chúng ta từng có và nhận những gì Thiên Chúa cho chúng ta bây giờ. Tôi lấy ví dụ từ chính cuộc đời của tôi:

Khi còn nhỏ, tôi lớn lên trong Giáo Hội Công giáo La Mã thời trước khi có các thay đổi từ Công đồng Vaticanô II vào những năm sáu mươi. Tôi sống trong cộng đoàn người di dân mà nhà thờ là trọng tâm cuộc sống. Ai cũng đi lễ và các sinh hoạt ở nhà thờ gần như hướng dẫn mọi chuyện. Thánh Thể (hồi đó gọi là Thánh Lễ) được cử hành bằng tiếng La tinh, trên thực tế bản sắc người Công giáo được nhận diện rõ qua một số hình thức thờ phượng như lần chuỗi Mân Côi, không ăn thịt ngày thứ Sáu, không khiêu vũ vào mùa Chay. Ở trường, cùng với các bạn học Công giáo Bắc Mỹ, chúng tôi học thuộc lòng các bài học giáo lý, ham thích và vui đùa với nhau khi học thuộc hết các câu vấn đáp giáo lý, điều đó quá quen thuộc với mọi

người. Nhà xứ, tu viện, chủng viện tràn sức sống và giáo hội rất có thể giá. Đối với người Công giáo trong thế giới phương Tây, có thể đây được xem là thời vàng son. Đó là lúc đặc tính phổ quát của Giáo Hội Công giáo La Mã thể hiện và có thể chúng ta khó có thể có lại được như thế, và lòng tin vào Giáo Hội La Mã, một giáo hội không nhân nhượng. Dù các sinh hoạt có bị rối loạn như thế nào, nhưng Giáo Hội Công giáo La Mã thời đó là một Giáo Hội mạnh mẽ, thể hiện nhiệm thể Đức Kitô. Và đối với tôi, đó là điều kiện để tôi đón nhận đức tin Kitô giáo.

Nhưng giờ đây, sau bốn mươi năm, Thiên Chúa và Giáo Hội thời niên thiếu đó, cũng như nhiệm thể Chúa Giêsu, đã bị đóng đinh, bởi thời gian, hoàn cảnh, văn hóa, chưa kể đến các thế lực khác. Giáo xứ, vốn diễn tả cách rất đặc biệt giáo hội tính và cũng là nơi tôi lớn lên nay đã chết, cùng với các giáo xứ khác trong những năm năm mươi, sáu mươi, bảy mươi và tám mươi. Nhưng Giáo Hội thì không chết, Giáo Hội cách nào đó vẫn còn sống động. Giáo Hội vẫn hiện diện với cuộc sống hôm nay, cuộc sống bước qua thế kỷ mới chứ không phải cuộc sống thời những năm năm mươi. Vì vậy, cũng như những người Công giáo khác cùng thế hệ với tôi, tôi cũng có một lựa chọn:

Tôi có thể cố bám lấy Giáo Hội của thời niên thiếu. Sự bám víu này có thể dưới nhiều hình thức khác nhau. Nếu tôi thuộc về số những người có khuynh hướng bảo thủ, xót xa vì Giáo Hội thời niên thiếu ngày xưa không còn, tôi có thể cố hồi phục nó: “Hãy trả cho tôi Giáo Hội ngày xưa” – qua việc đương đầu với những thay đổi mà công đồng Vaticanô II đòi hỏi, qua việc từ chối thay đổi những cái cũ trước đó, và qua việc sống trong hoài niệm vô bổ và luôn mong mỏi về những ngày xa xưa tốt đẹp. Nếu tôi phóng khoáng, vì tính tình của tôi, tôi hạnh phúc vì Giáo Hội ngày xưa đó đã chết, tôi vẫn bám víu nó, và không đón nhận tinh thần của Giáo Hội hiện tại, dù tôi cảm phần cho quá khứ, dù những điều đó thật tệ hại, dù bao nhiêu thay đổi cần thiết đã và đang diễn ra, dù các anh chị em theo hướng bảo thủ hẹp hòi và lạc hậu. Ở cả hai trường hợp, tôi cũng như Maria Madalêna ngày xưa, đang cố bám víu một thân xác cũ dù bà đang đứng trước một thực tại mới. Không phải là chuyện ngẫu nhiên, trong Giáo Hội Công giáo, những người trên bốn mươi tuổi, sống trước thời Công Đồng Vaticanô II, theo bảo thủ hay cấp tiến thì đều bị ám ảnh như nhau, cả hai đều thất bại vì không buông bỏ Giáo Hội cũ và để nó thặng hoa.

Mặt khác, tôi có thể chấp nhận Mầu nhiệm Phục Sinh vì nó ứng dụng vào Giáo Hội và Thiên Chúa thời niên thiếu của tôi. Tôi nhìn Giáo Hội đã ban cho tôi đức tin, nhận ra nó đã chết (như tuổi trẻ của tôi), để nó thay đổi, chúc lành cho tôi, buông bỏ nó và rồi đón nhận thần khí cho Giáo Hội mà tôi đang sống trong đó. Theo từ ngữ Thánh Kinh, điều mà tất cả người Công giáo cùng thời với tôi cần làm, dù bảo thủ hay cấp tiến, là đến núi Thăng Thiên và để cho Giáo Hội ban ơn lành cho chúng ta, và rồi Giáo Hội lên trời cách oai nghiêm để tất cả chúng ta có thể đón nhận Thần khí

mới dành cho cuộc sống mà chúng ta đã sẵn sàng sống. Nhưng không may, thường thường những người Công giáo La Mã cùng thời với tôi hay ngăn cản sự thăng thiên ấy, và vì vậy, họ cũng ngăn cản luôn việc đón nhận một thần khí mới, thần khí hiện xuống. Không ngạc nhiên khi chúng phải chiến đấu để trao truyền đức tin cho con cái. Chúng ta đã được ban sự sống mới nhưng lại chưa đón nhận thần khí của sự sống ấy.

Ví dụ trên đây là của Giáo Hội Công giáo La Mã nhưng những điều được nói ở đây đều có tính phổ quát. Tất cả chúng ta phải liên tục buông bỏ Thiên Chúa của thời niên thiếu để có thể nhận ra một Thiên Chúa luôn đồng hành với chúng ta hôm nay.

Chúng ta gặp hình ảnh này trong Tin Mừng thánh Luca, đoạn Chúa Giêsu đồng hành với hai môn đệ trên đường E-mau<sup>11</sup>. Điều gây tò mò trong đoạn này là việc các môn đệ, các bạn hữu của Chúa, đã không nhận ra Ngài, thậm chí nghĩ rằng Ngài đã chết, đã vắng mặt từ một ngày rưỡi nay. Tại sao họ lại không nhận ra Ngài? Là vì họ quá chú tâm đến những thực tại trước kia của Chúa. Họ quá chú tâm đến hình ảnh trước khi của Chúa, cách họ hiểu về Chúa, và cách hiện diện trước kia của Chúa, nên giờ đây họ không nhận ra chính Ngài đang đồng hành với họ.

Điều đáng buồn là những chuyện này cũng thường xảy đến với chúng ta, cả cách chúng ta hiểu về Thiên Chúa và về Giáo Hội. Qua việc chúng ta bám níu quá khứ để rồi không nhận ra Chúa đang hiện diện trong một thực tế mới. Giáo sĩ Abraham Heschel, một tác giả tu đức nổi tiếng của Do Thái đã chia sẻ câu chuyện sau. Ngày kia có một sinh viên trẻ đến gặp ông, phàn nàn về các hoang mang tôn giáo và nghi ngờ về sự hiện diện của Thiên Chúa. Anh lớn lên trong một gia đình giữ đạo, thường xuyên đi lễ, đọc kinh hằng ngày và khá sùng đạo. Nhưng bây giờ anh là sinh viên đại học, anh không còn giữ đạo, anh hoang mang và nghi ngờ. Anh chia sẻ với giáo sĩ Heschel nỗi đau của mình về sự nghi ngờ, bây giờ anh không thể tìm gặp lại Thiên Chúa của thời niên thiếu nữa. Giáo sĩ Heschel hỏi anh: “Nhưng cái gì làm cho anh nghĩ Chúa muốn anh được bình an như trước mà không muốn anh đau khổ bây giờ?”<sup>12</sup>. Một lời khuyên khôn ngoan và có tính phục sinh.

Cũng như những điều vô thường khác, hiểu biết của chúng ta về Thiên Chúa và Giáo Hội cũng phải thường xuyên chết đi và trỗi dậy với đời sống mới. Các ý hướng của chúng ta có thể chân thành và cao cả, nhưng cũng là ý hướng của Maria

---

<sup>11</sup> Ga 12, 24

<sup>12</sup> Ga 12, 24

Mađalêna vào sáng Phục Sinh khi bà cố không hay biết một thực tại mới về Chúa Giê-su, bà muốn níu kéo chuyện cũ.

## **Ghi chú về việc để tang và buông bỏ**

### **Hãy để cho quá khứ ban ơn phúc**

Bắt chước lời các tiên tri Do Thái, cha Henri Nouwen đã bắt đầu một trong những bài viết như sau:

“Dân tộc tôi ơi, hãy khóc, hãy để tang. Hãy để cho nỗi đau đớn dâng trào trong cõi lòng bạn, hãy bật khóc và hét lên. Khóc cho sự thình lạng giữa bạn và vợ. Khóc vì bạn không còn ngây thơ. Khóc vì thiếu vòng tay ôm ấp, tình bạn chân tình, hòa hợp thân xác để sinh con cái. Khóc vì bị lạm dụng thân xác, trí óc, tâm hồn. Khóc cho sự chua xót của con cái, sự dửng dưng của bạn bè, sự khô khan của đồng nghiệp... Khóc cho tự do, cho cứu độ, cho cứu chuộc. Khóc thật to và sâu lắng, tin rằng những giọt lệ sẽ làm cho mình thấy Nước Chúa sắp đến gần, đúng, rất gần”.<sup>13</sup>

Những lời này đúng là những lời tiên tri vì có lẽ thách thức lớn lao nhất về tinh thần và tâm lý khi chúng ta bước vào tuổi trung niên là phải để tang cho những mất mát và cái chết. Nếu bây giờ chúng ta không khóc cho những nỗi đau của mình, bất công cuộc đời, những giấc mơ tan vỡ, giấc mộng không thành, và cuộc đời mà ta có nay đã qua đi, thì chúng ta sẽ sống trong mơ tưởng vô bổ hay trong sự cay đắng khôn nguôi.

Về mặt thiêng liêng, chúng ta có câu chuyện minh họa người anh cả trong dụ ngôn người cha nhân hậu.<sup>14</sup> Với lòng cay đắng và miễn cưỡng, anh không muốn dự buổi tiệc mừng người em trở về, nói lên chuyện anh vẫn bám vào nỗi đau riêng, hoang tưởng riêng của mình, cho đời là bất công. Anh sống trong nhà cha nhưng lại không đón nhận tinh thần của nhà ấy. Kết cục, anh cay đắng, cảm thấy như bị lừa và sống không vui.

---

<sup>13</sup> Ga 12, 24

<sup>14</sup> Ga 12, 24

Nhà tâm lý Thụy sĩ Alice Miller, trong quyển sách nổi tiếng của bà "*Thảm kịch của một đứa bé có thiên khiếu*"<sup>15</sup> đã phân tích rất hay về mặt tâm lý của quan điểm này. Luận đề của bà, có quan điểm chung với quan điểm chúng ta như sau:

Hầu hết chúng ta là "những đứa trẻ có thiên khiếu." Đối với Alice Miller, điều này không có nghĩa nhất thiết chúng ta có trí thông minh xuất chúng hay thông minh đặc biệt theo nghĩa tài năng, nhưng chúng ta có khả năng nhạy bén xuất chúng và được chuẩn bị cách đặc biệt để đạt được ước mơ trong cuộc đời và những thứ khác chung quanh chúng ta. Chúng ta sớm nhận ra cuộc đời không công bằng, chúng ta không được yêu, không được xem trọng như mong đợi, và những giấc mơ của chúng ta có thể không bao giờ được thỏa mãn. Khi còn trẻ, nghị lực sung mãn và tương lai phía trước dường như vô tận đã bù đắp điều đó và nói chung, chúng ta tránh được cơn giận dữ và sự cay đắng. Tuy nhiên điều này thay đổi ở tuổi trung niên. Ở giai đoạn này, sự nhạy cảm và năng khiếu giúp chúng ta ý thức, rất ý thức rằng cuộc sống đã đánh lừa và bất công với chúng ta, ở nhiều khía cạnh, chúng ta bị lạm dụng, rằng chúng ta quá giàu và tất cả giàu có này thực sự không có chỗ để đi.

Về điểm này, theo Alice Miller, nhiệm vụ của chúng ta là phải để tang nó. Bà nói, chúng ta phải khóc thật lớn cho đến tận nền tảng cuộc sống chúng ta (cả những cay đắng của chúng ta). Chúng ta không có lựa chọn, vì quả thực, đời bất công đối với tất cả chúng ta. Chúng ta bị lừa, thường xuyên bị thất bại, không bao giờ được đánh giá đúng, được yêu cho đúng. Những gì chúng ta mơ trong cuộc đời không bao giờ được. Vì thế chúng ta có lựa chọn: Sống quãng đời còn lại trong giận dữ, cố gắng tự vệ chống những gì đã xảy ra với chúng ta, cái chết, bất công, hoặc chúng ta để tang cho những mất mát, lạm dụng, cái chết, và qua đó cuối cùng chúng ta có được niềm vui và lạc thú mà chúng ta có thể có được.

Alice Miller nói theo ngôn ngữ tâm lý, nhưng sự lựa chọn đúng là lựa chọn phục sinh. Chúng ta đối diện với nhiều cái chết trong cuộc sống và lựa chọn là lựa chọn của chúng ta để biết những cái chết này là những cái chết chấm dứt (đời sống và tinh thần tiêu tan) hay là những cái chết được phục sinh (mở ra cho chúng ta một đời sống mới và thần khí mới). Để tang là chìa khóa cho việc này.

Tuy nhiên, việc để tang tốt đẹp này không chỉ là để cái cũ ra đi nhưng còn là để nó chúc lành cho chúng ta. Điều đó có nghĩa gì? Làm thế nào để được cái cũ ban phúc cho ta, đặc biệt nếu đó là một kinh nghiệm đau thương hay bị lợi dụng?

---

<sup>15</sup> Ga 12, 24

Một ví dụ về bản thân tôi: Gốc gác của tôi khá khiêm tốn. Khi còn bé, tôi lớn lên ở một nông trại bên ngoài khu xóm nhỏ âm u trên vùng thảo nguyên rộng lớn của Canada. Nhà tôi, cũng như các nhà chung quanh khác đều nghèo, gia đình tôi cũng như các gia đình khác cố gắng học nói tiếng Anh và hầu hết chúng tôi đều nói với giọng của người ngoại quốc. Chúng tôi sống trong những căn nhà không có nước máy và đôi khi còn không có điện. Nhưng hầu hết những người này – phần đông là người Đông Âu chạy trốn chiến tranh – là những người có tác phong công nghiệp cao, họ gặp khó khăn khi tái định cư. Nhưng chỉ trong vòng một thế hệ, nông trại của họ rất trù phú, con cái được đi học, hết nói tiếng Anh theo giọng ngoại quốc. Đa số các bạn cùng lớp với tôi và những bạn thuở nhỏ của tôi đều có công việc rất tốt, sống ở những thành phố lớn và khá giàu có. Tuy nhiên họ bị chia rẽ sâu sắc về gốc gác của mình.

Một nửa trong số họ có sự cách biệt giữa nhau và nguồn gốc khiêm tốn của họ, họ không để cho quá khứ chúc phúc họ. Họ thay đổi tên (Muckenheimer thành Muse và Jabonokoski thành Jones) và nói về nơi và cách mình lớn lên với giọng điệu khinh khi. “Tôi lớn lên trong góc xó đó.” Họ không bao giờ dắt con cái về lại nông trại cũ hay về ngôi nhà xưa, nơi họ lớn lên và sống những năm đầu đời tại đó, họ xấu hổ và bỏ lại đằng sau lưng.

Một nửa còn lại – có cùng khoảng cách địa lý, kinh tế và xã hội giữa họ và những người cùng nguồn gốc – thì hoàn toàn ngược lại. Họ tự hào về dòng dõi mình, tự hào về cái tên châu Âu dài, khó đánh vần, tự hào về việc họ đã sống trong những căn nhà không có nước máy. Họ về thăm quê thường xuyên, tự hào khi dắt con thăm nơi họ đã lớn lên và những điều mà gốc gác họ mang lại. Làm như vậy, họ để nguồn cội chúc phúc cho họ và tiếp tục kín múc từ nguồn suối dồi dào đó. Điều có vẻ mỉa mai là chính những người tự hào về nguồn cội này lại sống thanh thản hơn so với những người chỉ sống trong xấu hổ nào đó về nguồn cội của mình.

Thật cần thiết khi để cho nguồn cội chúc phúc cho chúng ta. Điều này đúng không chỉ khi nguồn cội đó tốt nhưng cũng đúng khi nó không được tốt hay bị lạm dụng. Một trong những điều khẩn thiết phải làm của con người, bẩm sinh từ trong bản chất, là phải sống hòa thuận với gia đình, dù cha mẹ có xấu đến đâu, một ngày nào đó mình phải nhận ra điều cha mẹ đã cho, tha thứ cho điều mà cha mẹ đã gây ra, và đón nhận thần khí trong đời mình vì cha mẹ mình. Sống hòa thuận với gia đình phụ thuộc vào việc để tang và buông bỏ để tinh thần thăng thiên và hiện xuống được xảy đến.

**Từ chối níu kéo ...**

Trong Kinh Thánh có hai hình ảnh về thăng thiên. Biển cố thăng thiên được mô tả gợi hình theo Tin Mừng thánh Mát-thê-ô, Mác-cô và Lu-ca. Chúa Giêsu chúc phúc cho các môn đệ rồi lên trời. Như thế, xác phàm của Người được hiểu là được đem ra khỏi thế gian. Tin Mừng thánh Gio-an cũng có quan điểm thần học đó, nhưng diễn tả dưới hình ảnh khác. Vào sáng Chúa Nhật Phục Sinh, Maria Mađalêna gặp Chúa Giêsu sống lại.<sup>16</sup> Mới đầu bà không biết Người là ai và tưởng đó là người làm vườn, nhưng khi nhận ra Người, bà cố giữ Người lại. Về phần mình, Chúa Giêsu nói với bà: “Maria, đừng giữ Thầy lại!”

Do đâu mà Chúa Giêsu không muốn Maria chạm vào mình?

Nếu chúng ta không tìm thấy lời giải thích trong Tin Mừng, thì tôi nghĩ Maria Mađalêna sẽ giải thích như sau:

Con không bao giờ nghi ngờ về sự sống lại và phải đau khổ để khóc như vậy

Rồi con vui mừng gặp Thầy, sống động và mỉm cười bên ngôi mộ trống.

Con tiếc nuối không phải vì con mất Thầy nhưng vì con mất Thầy theo cách trước đây con có thể, hiểu được, chạm được, hôn được, nức được, không phải là Thiên Chúa, nhưng là người bằng xương bằng thịt.

Con muốn nức kéo, dù Thầy can ngăn. Nức thể xác Thầy, nức vào thân phận con người của Thầy và của con, nức với những gì Thầy và con đã có, quá khứ của Thầy và con. Nhưng con biết... nếu con nức Thầy, Thầy sẽ không lên trời, và con sẽ cứ nức kéo mãi chính thân xác xưa kia của Thầy... không thể đón nhận thần khí hiện tại của Thầy.<sup>17</sup>

---

<sup>16</sup> Ga 12, 24

<sup>17</sup> Ga 12, 24



## 8.

### **Linh đạo của Công lý và Kiến tạo hòa bình**

*Sức mạnh mà không có lòng thương xót là bạo lực*

*Lòng thương xót mà không có công lý chỉ là cảm tính đơn thuần*

*Công lý mà không có tình yêu là chủ nghĩa Mác*

*Và... tình yêu mà không có công lý là chuyện vớ vẩn!*

Đức Cố Hồng Y James SIN (Phi Luật Tân)

### **Thực thi Công lý – Mệnh lệnh cao cả**

Thiên Chúa yêu cầu chúng ta chỉ có một điều, đó là chúng ta “thực thi công bình, yêu chuộng nhân nghĩa và khiêm nhường bước đi với Thiên Chúa.”<sup>1</sup> Như chúng ta vừa thấy ở trên, làm sao để điều đầu tiên trong các mệnh lệnh này, lời mời gọi cộng tác cho công bằng xã hội, là một trong các rường cột thiết yếu không tranh cãi của Linh đạo Kitô giáo. Tuy nhiên vẫn còn một số câu hỏi khá quan trọng liên quan chính xác đến công bằng xã hội là gì, động lực nào sẽ thúc đẩy được nó, và cần thực thi công lý cách nào để nó ôn hòa bất bạo động).

Thực thi công bình là gì? Công bằng khác với đức ái riêng tư thế nào? Thêm nữa, làm sao để năng lực đằng sau hành động cho công lý của chúng ta không là mô phỏng bạo lực và bất công mà chính chúng đang cố gắng thay đổi? Làm thế nào để chúng ta giúp đỡ các nạn nhân mà không làm cho chính mình thành những nạn nhân kế tiếp?

Thực thi công bằng đòi hỏi phải làm sáng tỏ một vài điều về những gì là công bằng xã hội và làm thế nào để công bằng xã hội được thực thi trong vai trò Kitô hữu.

## **Công bằng xã hội Kitô giáo là gì?**

### **1. Công bằng vượt trên đức ái riêng tư - một dụ ngôn**

Có một câu chuyện đã được kể, đến nay cũng khá nổi tiếng trong phạm vi công bằng xã hội:

Ngày xưa có một thị trấn được xây dựng trên khúc quanh của dòng sông lớn. Ngày nọ, những đứa trẻ thị trấn chơi bên cạnh dòng sông và thấy ba người nổi trên mặt nước. Chúng chạy đi kêu cứu và dân trong vùng nhanh chóng kéo các xác đó lên.

Một người đã chết nên được chôn cất. Một người còn sống, nhưng khá yếu nên được đưa vào bệnh viện. Người thứ ba là một đứa trẻ khỏe mạnh, vì vậy em được đưa vào một gia đình để được chăm sóc và được đi học...

Từ đó, mỗi ngày lại có một số người trôi trên sông, và mỗi ngày, những người tốt bụng trong thị trấn lại kéo lên để rồi tùy theo đó mà đưa người yếu sức đến bệnh viện, đưa các trẻ em vào các gia đình mới, và chôn cất những người đã chết.

Chuyện này xảy ra trong nhiều năm, từng ngày lại có một số người trôi sông, và dân cư trong vùng không chỉ dự tính là sẽ có những người trôi nổi mà còn làm việc theo một cơ chế vận hành tinh vi phát triển hơn để lo liệu cho họ. Một số cư dân trở nên khá quảng đại trong việc chăm sóc này, có một vài ngoại lệ phi thường đã bỏ công việc riêng của mình để toàn tâm toàn ý lo cho việc này. Cả thị trấn cảm thấy một niềm tự hào lành mạnh nhất định về lòng quảng đại của mình.

Tuy nhiên, trong suốt những năm đó và bất kể tất cả lòng quảng đại và cố gắng này, tuyệt nhiên không một ai nghĩ đến việc đi ngược lên dòng sông, vượt khúc quanh mà bao năm ẩn khuất khỏi tầm mắt của họ để biết cái gì trên đó, và tìm hiểu lý do tại sao, mỗi ngày, có những xác người trôi xuống khúc sông của họ.

### **2. Công bằng như một đòi hỏi Biến đổi các hệ thống**

Dụ ngôn này làm nổi bật cách khá đơn giản thế nào là khác biệt giữa đức ái riêng tư và công bằng xã hội. Đức ái riêng tư đáp ứng nhu cầu cho người vô gia cư, người bệnh, người chết nhưng tự nó không thử đi tìm vì sao các nạn nhân lâm vào cảnh này. Công bằng xã hội nỗ lực đi ngược lên khúc sông trên cao, tìm cách thay đổi nguyên nhân gây nên cảnh có kẻ không nhà, người bệnh, và người chết.<sup>2</sup>

Vì thế, công bằng xã hội nỗ lực nhìn nhận vào hệ thống (chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, tôn giáo và thần nhiệm) mà chúng ta đang sống để định danh và thay đổi những điều thuộc kết cấu đã gây nên sự thật rằng một số trong chúng ta chịu đau khổ trừng phạt quá mức trong khi một số khác được hưởng đặc ân quá mức. Vì vậy, công bằng xã hội phải hành động với các vấn đề như nghèo đói, bất công, chiến tranh, kỳ thị chủng tộc, phân biệt giới tính, phá thai, thiếu quan tâm đối với sinh thái, bởi vì những gì liên hệ đến gốc rễ các vấn đề trên không phải là lỗi phạm riêng tư của một vài người hoặc sự bất xứng riêng lẻ của một số cá nhân mà đúng hơn chính là do một hệ thống mù quáng khổng lồ vốn tự nó đã không công bằng.

Do đó công bằng khác với đức ái cá nhân: Đức ái là cho người đói ăn, trong khi công bằng thì cố gắng thay đổi hệ thống để không ai thừa mứa thức ăn trong khi người khác lại đói; làm từ thiện chỉ đơn thuần đối xử tử tế với người thân cận, trong khi công bằng thì nỗ lực vươn tới gốc rễ sâu xa hơn của sự phân biệt đối xử; đức ái là giúp đỡ các nạn nhân cụ thể của chiến tranh, trong khi công bằng xã hội cố gắng thay đổi những sự kiện dẫn đến chiến tranh trên thế giới. Đức ái nhân nhượng khi người giàu cho người nghèo tiền, trong khi công bằng chất vấn tại sao một người lại có thể giàu như thế trong khi rất nhiều người lại quá nghèo.

Vì vậy, một ví dụ rằng, bài bình luận gần đây của tạp chí Sojourners không ấn tượng lắm về việc ông Ted Turner, tỷ phú người Mỹ, đã tặng một tỷ đô la cho Liên Hiệp Quốc: “Tôi làm cho người giàu quan tâm. Họ sẽ lắng nghe tôi về việc cho đi của cải mình.” Thay vì ca tụng món quà khổng lồ của ông Turner, tờ báo Sojourners bình luận “Thiên Chúa đã làm cho người giàu biết quan tâm trước khi ông Turner làm như vậy” và chất vấn quan trọng hơn là “tại sao có người lại có nhiều đến mức thừa mứa (lại còn được khen vì giàu) trong một đất nước mà nạn nghèo đói tăng lên (đặc biệt là ở trẻ em!)”<sup>3</sup> Đây là kiểu bình luận nhằm làm sáng tỏ công bằng xã hội là gì.

Công bằng xã hội là phải thay đổi đường lối để tổ chức làm sao cho mỗi người có một chỗ đứng bình đẳng trên thế giới này. Nói một cách đơn giản, công bằng xã hội là cố gắng để tổ chức cơ cấu kinh tế, chính trị, xã hội của thế giới đi theo con đường nhằm đạt đến sự bình đẳng giữa mỗi cá nhân và các giá trị tương xứng với môi sinh. Đạt được đến điều này thì sẽ có tác dụng lớn hơn là đức ái cá nhân. Các bất công tồn tại không phải vì các cá nhân hành động không đúng hay thiếu đức ái, nhưng vì các hệ thống vô nhân khổng lồ (dường như nó thoát ra ngoài ý muốn của các cá nhân làm việc bên trong chúng) đã tước bỏ đặc ân của một số người trong khi những người khác lại có quá thừa mứa. Đây là những gì ngôn ngữ của công bằng xã hội gọi là bất công có hệ thống và bạo lực có hệ thống.

Để lấy một ví dụ duy nhất cho điều này, đó là vấn đề phá thai. Dù cho luôn luôn có những cuộc thảo luận gay gắt giữa những người ủng hộ phá thai hợp pháp và những người chống đối, nhưng cuối cùng, không ai muốn phá thai và mọi người ở cả hai phía đều công nhận bất cứ khi nào có một vụ phá thai xảy ra thì vẫn là một cái gì đó rất xa lý tưởng. Dù thường thường, không bên nào thấu hiểu sự việc một cách sâu xa hơn, là chính các vấn đề có tính cách hệ thống ở ngầm dưới vấn đề này. Rốt cuộc, phá thai vẫn xảy ra vì có sự sai lầm trong văn hóa, trong hệ thống, không đơn giản chỉ vì người đàn bà này, hay người đàn bà kia muốn chấm dứt một cái thai ngoài ý muốn. Khi một người phụ nữ vào một bệnh viện hoặc phòng khám phá thai, cô không phải chỉ đơn giản là một phụ nữ riêng lẻ có một quyết định riêng. Cô là phần chóp của một hệ quả văn hóa. Đằng sau cô, góp phần thúc đẩy cô bước chân vào phòng khám và có quyết định đó là cả một hệ thống (kinh tế, chính trị, văn hóa, huyền thoại và giới tính). Vấn đề của cô vừa có tính cách chính trị cũng như riêng tư. Vì sao như vậy?

Đầu tiên hết, đó là cơ cấu chính trị của chúng ta, tự chính nền dân chủ này, ít nhất là trong cách hiểu nó và sống nó hiện nay. Chúng ta biết, không có đường lối nào để chúng ta tổ chức nền chính trị tốt hơn là việc thông qua tiến trình dân chủ, nhưng nền dân chủ còn xa sự hoàn thiện. Ở một mức độ, nó hoạt động qua sự trao đổi tự do của các quyền và các năng lực. Vốn, lao động, quản lý, công nhân, các tập đoàn, các chính quyền hợp pháp, các hãng xưởng và những người sa cơ thất thế, tất cả đều mặc cả và tranh giành nhau về tài nguyên, quyền lợi, và quyền lực. Trong ý tưởng, đó là một hệ thống công bằng, nhưng trong thực tế thì không. Những người nhập cuộc với đặc quyền có sẵn, với tiếng nói mạnh hơn, với nhiều năng lực giá trị hơn thì đạt được nhiều lợi ích hơn so với người khác. Ngược lại, những người không có đặc quyền có sẵn, tiếng nói yếu hơn, hoặc có ít năng lực giá trị hơn sẽ không có đặc quyền nào và họ ở dưới đáy nấc thang xã hội. Như thế, không phải ngẫu nhiên mà nền dân chủ sống chết mặc bay rất hiếm khi là một cơ chế tốt cho những người nghèo.

Trong một chế độ như vậy, những người chưa sinh ra là những người hoàn toàn không có tiếng nói, quá dễ bị làm hại và luôn có nguy cơ bị tước mất quyền được hiện hữu. Đó là một trong những vấn đề hệ thống cơ sở của việc phá thai. Còn có một vấn đề khác, quan trọng hơn.

Chúng ta sống trong một chế độ, một chế độ văn hóa, chấp nhận cho đàn ông, đàn bà quan hệ tình dục với nhau ngay cả khi họ không có ràng buộc nào với nhau và không muốn có con với nhau. Trong chế độ như vậy, phá thai là không thể tránh khỏi, không có luật pháp và không áp dụng luật nào ngăn chặn việc đó, vì cơ chế sẽ tiếp tục tiến trình cho một ai đó (bất cứ ai), khi thấy mình có thai, họ bị cô lập theo kiểu suy nghĩ, rằng sinh đứa bé bởi người đàn ông này, bây giờ, là chuyện không

thể đối với cô. Trong một bối cảnh như vậy, sẽ luôn luôn có cảnh phá thai và người muốn phá thai dính dáng đến cả vấn đề chính trị chứ không chỉ là vấn đề riêng tư của mình. Cô chỉ là cái chóp nổi lên, đằng sau cô là cả một nền văn hóa chọn tách rời tình dục ra khỏi hôn nhân và truyền sinh. Trong cơ chế như thế, nơi mà quan hệ tình dục là phần tiếp theo của hẹn hò, thì phá thai luôn còn. Chỉ có thể dừng việc phá thai khi thay đổi cơ chế. Điều này không bào chữa cho việc phá thai, nhưng nó giải thích cho việc đó.

Cũng một cách như vậy đối với các vấn đề công bằng xã hội khác: chiến tranh, nghèo đói, kỳ thị chủng tộc, phân biệt giới tính, hệ sinh thái môi trường. Không thể có hoà bình, thịnh vượng chung, bình đẳng, hòa hợp giữa hai giới, và tôn trọng môi sinh đúng mực cho đến khi nào có công lý phổ quát, nghĩa là, cho đến khi cơ chế chúng ta đang sống trở nên công bằng và tôn trọng đối với mọi người và với tất cả mọi thứ.

Cha cựu giám tỉnh dòng Tên Pedro Arrupe, khi được hỏi tại sao ngày nay lại nhấn mạnh đến công bằng xã hội, khi, trong quá khứ, những người thánh thiện về những bài viết linh thiêng lại loại bỏ điều này, ít nhất là về mặt triển khai rõ ràng. Cha trả lời khá đơn giản: “Hôm nay chúng ta biết nhiều hơn!”

Ông nói đúng. Hôm nay chúng ta biết nhiều hơn, không chỉ vì truyền thông hiện đại hàng ngày cho chúng ta thấy các nạn nhân của bất công trên báo chí, truyền hình, nhưng, đặc biệt, chúng ta ít ngây thơ về mặt xã hội hơn. Nói một cách tích cực, chúng ta không còn ngây thơ vì chúng ta hiểu hơn về cách thức hệ thống xã hội ảnh hưởng lên chúng ta như thế nào, cả tốt và xấu. Công bằng xã hội là cách hệ thống xã hội ảnh hưởng lên chúng ta, đặc biệt về phía bất lợi.

Hiểu rõ điều này thật là quan trọng. Là người tốt trong đời sống riêng tư thôi chưa đủ. Chúng ta có thể hoàn hảo về mặt đạo đức riêng (đi lễ, cầu nguyện, tốt lành, trung thực, tử tế và quảng đại trong cách cư xử với người khác) nhưng đồng thời, làm mà không biết, chúng ta tham dự và hỗ trợ các cơ chế đi ngược với đức ái, lòng tử tế, cầu nguyện, và đạo đức (qua công việc, chủ trương chính trị, ý tưởng kinh tế, đầu tư, hay chỉ đơn giản qua lối sống tiêu thụ của chúng ta). Trong khi cơ chế xã hội cho chúng ta một cuộc sống tốt đẹp, nhưng người khác nhận được ít hơn rất nhiều. Trong bối cảnh như vậy, tình trạng đạo đức của chúng ta giống như tinh thần bà vợ của ông chồng vũ phu, đã không làm gì để ngăn chặn sự lộng hành – chính chúng ta có thể tốt bụng và không lộng hành, nhưng chúng ta hỗ trợ cho chỗ dựa hợp pháp của một người đang hành hạ người khác.

Khi cha Pedro Arrupe nói: “Hôm nay chúng ta biết nhiều hơn!”, cha đã ám chỉ chính xác, qua các phân tích hiện nay về xã hội và kinh tế đã cho chúng ta thấy quá rõ, dù đã giải trừ mọi lý lẽ sâu xa, cách mà hệ thống chính trị, xã hội, kinh tế, giáo

hội của chúng ta đã bất công và làm tổn thương đến nhiều người, dù chúng ta có trung thực đến đâu, chúng ta cũng đã hỗ trợ họ. Với cái nhìn thấu suốt này, mỗi ngày, sự vô tâm của chúng ta không phải là không có tội.

Do đó người ta có thể xác định việc thực thi công bằng xã hội như sau: Thực thi công bằng xã hội là xem xét, thử thách, cũng như từ chối tham dự vào, và cố gắng thay đổi các cơ chế (kinh tế, xã hội, chính trị, văn hóa, huyền thoại và tôn giáo), các cơ chế đã trừng phạt cũng như tưởng thưởng không công bằng đối với nhiều người.

Tuy nhiên, đó là một định nghĩa chung chung, chưa hoàn toàn đầy đủ với một Kitô hữu. Đối với Kitô hữu, việc thực thi công bằng xã hội không chỉ đòi hỏi những điều đã nêu trên, mà còn đòi hỏi nhiều điều khác nữa.

Đối với Kitô hữu, vấn đề công bằng xã hội không phải chỉ là hành động với sự thật, mà còn với cả sinh lực, với động lực cho nghĩa vụ này. Không phải mọi động lực cho công lý đều thích đáng, vì công bằng không phải là vấn đề hàng đầu của chính trị và kinh tế, nhưng là vấn đề của việc cộng tác với Thiên Chúa để xây dựng vương quốc của hòa bình và niềm vui cho tất cả. Vì vậy, đối với Kitô hữu, động lực tối hậu trong việc làm cho công lý không bao giờ đơn giản chỉ là ý tưởng, dù ý tưởng cụ thể đó có thể cao thượng như thế nào. Đúng hơn, cả chân lý thúc đẩy cho việc tìm kiếm công lý lẫn nguồn lực vận hành nó phải cắm rễ trên một điều gì đó vượt lên trên mọi ý tưởng.

Cuối cùng, cả công lý và động lực tìm kiếm công lý của chúng ta phải được dựa trên sự bình đẳng của mọi người trước mặt Thiên Chúa và trong sự tôn trọng bản chất con Thiên Chúa của mỗi người. Điều này có sự phân nhánh quan trọng, cụ thể là, bất kỳ động lực cho công lý chỉ đơn giản dựa trên lý tưởng tự do hoặc vì căm phẫn và tức giận về bất bình đẳng thì cuối cùng sẽ không thay đổi cốt lõi của thế giới, dù có làm thay đổi được một vài điều trong cấu trúc của nó. Sự thất bại của chủ nghĩa Mác và của hầu hết các phong trào chính trị và xã hội khác cho công lý (đã nỗ lực xây nền tảng trên cơ sở hoàn toàn thế tục) đã là một bằng chứng phong phú về điều này.

Để có một thế giới công bằng chúng ta cần một trật tự thế giới mới. Tuy nhiên, vì là một trật tự, nên không được để bất cứ một quyền lực nào áp đặt, nhưng phải chinh phục được cốt lõi thế giới bằng chính giá trị luân lý nội tại. Nói một cách khác, thay đổi thế giới làm sao để mọi người muốn công bằng và sẵn sàng tự nguyện sống cho công bằng, điều này cần tiếng gọi thật sâu đậm, phổ quát và mang tính đạo đức mà không người có lương tâm tốt đẹp nào có thể đi trệch ra ngoài. Không lý tưởng nhân bản nào, không vận động cá nhân nào, không nguyên do nào bắt nguồn từ mặc cảm tội lỗi hay tức giận có thể mang lại được điều đó. Người ta có

thể đi ra khỏi lý tưởng tự do, như đã thấy trong chủ nghĩa Mác, Tổ chức Hòa Bình Xanh, phong trào nữ quyền, hoặc bất cứ quyền lực chủ yếu nào cho công bằng trên hành tinh này - với một ý thức chân thành. Thật sự, một phần quá lớn những người với lương tâm tốt đẹp lại đi quá xa điều này. Tại sao? Bởi vì, cho dẫu họ có công trạng rõ ràng trong việc thúc đẩy sự thật về công lý, động lực thúc đẩy họ lại không được thuyết phục về mặt luân lý. Nói một cách đơn giản, chân lý luôn đúng, nhưng năng lực thường lại không đúng. Đáng buồn thay, các Giáo Hội Kitô giáo và các nhóm công bằng xã hội của chúng ta cũng vướng vào điều đó khi chúng ta cố gắng làm cho thế giới công bằng hơn.

Nhưng điều này không thể có trong Đức Giêsu, trong nhân cách và trong Phúc âm Ngài để lại cho ta. Không ai đi xa Bài Giảng trên Núi hay đòi hỏi mà Chúa Giêsu đã đặt ra là cho kẻ đói ăn, cho người rách rưới ăn mặc, cho đi cuộc sống và của cải của chúng ta cho người kém may mắn hơn ta với một lương tâm trong sáng. Như vậy, nguồn lực thúc đẩy nỗ lực tìm kiếm công lý của chúng ta phải có cùng nguồn với sự thật của chính công lý, cụ thể là từ nhân cách và lời giảng dạy của Chúa Giêsu. Chỉ khi cắm rễ sâu trong nguồn cội này hoặc trong các nguyên lý tương tự bắt nguồn từ Thiên Chúa, chúng ta mới có cái nhìn đúng đắn, và nghị lực đúng đắn để mang đến một trật tự mới, một trật tự công bằng, cho thế giới.

Nếu điều này là đúng, và nó đúng thật, thì quan trọng là chúng ta trở về với Kinh Thánh để xem trong đó nói gì về công bằng xã hội.

### **Nền tảng Kinh Thánh về Công Bằng Xã Hội**

Các nền tảng về công bằng xã hội đã được đặt trong chính công trình sáng tạo. Sách Sáng Thế đưa ra bốn điểm chính, các khẳng định thâm nhập cung cấp nền tảng tối hậu cho công bằng xã hội. Điều đó xác quyết rằng Thiên Chúa tạo dựng mọi người bình đẳng về phẩm giá và quyền lợi; trái đất và mọi tạo vật thuộc về mọi người cách công bằng, và mọi người, bình đẳng, đồng trách nhiệm với Thiên Chúa trong việc cộng tác bảo vệ phẩm giá của mọi người và mọi vật, và chính bản thân trái đất này cũng có quyền và nhu cầu được tôn trọng, nó không phải chỉ là nơi cho hoạt động của con người. Các khẳng định trên là cơ sở cho mọi giáo huấn luân lý nối tiếp liên quan đến trật tự xã hội.

Các ngôn sứ Israel đã quả quyết và đào sâu những nguyên tắc này. Tám trăm năm trước Chúa Kitô, hầu như tất cả các ngôn sứ Do Thái đã bắt đầu khẳng định, lặp đi lặp lại, một sự thật duy nhất, tối hậu, gói gọn và tập trung trong cuộc sống thực tế các nguyên tắc được thiết lập từ thuở khai thiên lập địa. Phẩm chất đức tin chúng ta

phụ thuộc vào bản tính công bằng trong xứ sở và bản tính này phải được đo lường bằng cách mà chúng ta đối xử với ba nhóm người: góa phụ, mồ côi, và khách lạ (những người ở địa vị thấp nhất trong xã hội). Vì vậy, theo các ngôn sứ Do Thái, tư thế của chúng ta với Thiên Chúa tùy thuộc vào cách chúng ta đối xử với người nghèo, chứ không tùy thuộc vào đức tin và lòng mộ đạo của chúng ta, vì dù cho đức tin và lòng mộ đạo của chúng ta có trong sáng và chân thành đến đâu, nó cũng không thể giảm nhẹ mệnh lệnh này.

Chúa Giêsu khẳng định rõ điều này. Giống như các ngôn sứ Do Thái, Người cũng khẳng định tương quan của chúng ta với Thiên Chúa phụ thuộc vào tương quan chúng ta trong mối quan hệ với những người bé mọn nhất trong xã hội. Thật sự, Người còn đi xa hơn. Người dạy rằng, vào ngày chung thẩm, khi đứng trước mặt Thiên Chúa trong cuộc phán xét, chúng ta sẽ bị phán xét theo cách chúng ta đối xử với người nghèo trong cuộc đời này. Người cho thấy việc thực hành công lý chính là tiêu chuẩn cực kì cho ơn cứu độ.<sup>4</sup> Hơn nữa, Người đồng nhất sự hiện diện của Thiên Chúa với người nghèo. Theo quan điểm của Chúa Giêsu, nếu bạn muốn tìm Thiên Chúa, bạn nên đi tìm nơi người nghèo.<sup>5</sup> Ngược lại, Người nói cho chúng ta biết, khi giàu có và được ưu tiên chúng ta dễ rơi vào một mối nguy vô cùng về tâm linh và thể lý.<sup>6</sup>

### **Công bằng xã hội và các Giáo Hội**

Qua nhiều thế kỷ, các Giáo Hội Kitô đã phát triển các nguyên tắc xã hội như một phần chính yếu của linh đạo Kitô giáo. Rõ ràng, giống như trong hầu hết các chuyện, có một số khác biệt chính yếu giữa các giáo hội khác nhau, cũng như làm sao để lời dạy của Chúa Giêsu được hiểu và áp dụng. Tuy nhiên, dù có khác biệt, vẫn có một đồng thuận cốt yếu trên những điểm chính. Chỉ trừ một vài ngoại lệ, tất cả các giáo hội Kitô giáo cùng giữ và cùng giảng dạy các nguyên tắc sau đây:

1. Tất cả mọi người trên thế giới này đều có phẩm giá bình đẳng và phải hưởng quyền bình đẳng về sự tôn trọng, tiếp cận với các nguồn tài nguyên, và tiếp cận với cơ hội.

2. Thiên Chúa hoạch định quả đất này cho tất cả mọi người cách bình đẳng. Vì vậy, sự phong phú của thế giới này phải chuyển lưu cách bình đẳng và công bằng cho tất cả mọi người. Tất cả các quyền khác, kể cả quyền sở hữu cá nhân và tích lũy của cải được làm ra cách ngay chính, phải được đặt dưới nguyên tắc chính yếu này.

3. Quyền sở hữu cá nhân và tích lũy của cải không phải là một quyền tuyệt đối, quyền này phải phụ thuộc vào lợi ích chung, cụ thể là, phải biết là của cải của quả đất cũng được hoạch định cho mọi người.



4. Không một cá nhân, một nhóm người, hay một quốc gia có thể có quá dư thừa trong khi những người khác lại quá thiếu các nhu cầu cơ bản. Đó là tình hình hiện nay trong thế giới của chúng ta, nơi mà một số cá nhân và một số nước thừa mứa trong khi người khác thiếu các nhu cầu cơ bản. Như thế là trái luân lý, nó trực tiếp đối nghịch với lời dạy của Chúa Kitô, và cần phải được khắc phục.

5. Về mặt luân lý, chúng ta buộc phải giúp đỡ cho người đang thiếu thốn. Khi giúp đỡ như vậy, không phải chúng ta làm từ thiện, nhưng phục vụ công lý. Giúp đỡ người nghèo không phải là công việc của lòng quảng đại và đạo đức cá nhân, nhưng là điều mà quy luật của mọi thứ đòi hỏi chúng ta.<sup>7</sup>

6. Các luật cung cầu, doanh nghiệp tự do, cạnh tranh không kiểm soát, vòng quay lợi nhuận, sở hữu cá nhân các phương tiện sản xuất không thể được xem như không được đụng đến về mặt luân lý, khi lợi ích chung và công lý đòi hỏi, nó phải được cân bằng bởi các nguyên tắc khác. Không ai có cái quyền luân lý làm giàu tối đa bất kể đến lợi ích chung (dù họ có là người đầy danh tiếng đi nữa).

7. Vật chất tự nhiên cũng có các quyền vốn có của nó, cụ thể là các quyền nội tại của chính nó, chứ không phải do mối liên hệ với con người đưa lại. Trái đất không phải chỉ là “sàn diễn” cho con người. Nó cũng là tạo vật của Thiên Chúa với quyền riêng của nó, mà con người không được vi phạm.

8. Việc lên án bất công là một phần trong sứ vụ trọng yếu rao giảng của Giáo Hội, và là một khía cạnh quan trọng trong vai trò ngôn sứ của Giáo Hội.

9. Đến với người nghèo là con đường cao trọng để đến Chúa và hướng đến một đời sống thiêng liêng lành mạnh. Không có được một đời sống thiêng liêng lành mạnh, dù cá nhân hay cộng đoàn, khi không dẫn thân đấu tranh cho người nghèo thật sự. Ngược lại, sự giàu có, bất kỳ loại nào, cũng là một nguy hiểm về mặt thiêng liêng.

Điều đáng lưu ý là làm thế nào các lời giảng dạy về công bằng - các nguyên tắc luân lý nhấn mạnh đến đạo đức xã hội hơn là đạo đức riêng tư - cùng hội tụ trong các giáo huấn của các giáo hội khác nhau. Khi được hỏi vì sao giáo hội ngày nay quan tâm nhiều đến công bằng xã hội (trong khi trước đây họ chú ý đến đạo đức cá nhân nhiều hơn) cha Pedro Arrupe cũng sẽ trả lời theo cách này.

Thế giới đã thay đổi theo cách buộc phải chú tâm ngày càng nhiều về công bằng xã hội: Từ trước cho đến cuộc cách mạng công nghiệp, trọng tâm luân lý của các giáo hội đều nhắm đến gia đình. Đó là trọng tâm đáng được nhấn mạnh. Sự tồn tại của nền văn hóa phụ thuộc vào gia đình. Do đó nó thu hút hầu hết các lời dạy và suy nghĩ đạo đức. Rồi, cho đến khi cuộc cách mạng công nghiệp hoàn toàn thay đổi mọi thứ, thần học luân lý Kitô giáo đã tập trung khá mạnh chung quanh đạo đức gia

đình – hôn nhân một vợ một chồng, tính dục liên kết trong hôn nhân và truyền sinh, tôn trọng lẫn nhau trong hôn nhân, các nhiệm vụ của cha mẹ và con cái đối với nhau và các điều tương tự như thế.

Rồi, vì cuộc cách mạng công nghiệp sinh ra một làn sóng các vấn đề mới (khai thác người lao động, nạn nghèo ở đô thị, các khu nhà ổ chuột, sống vô gia cư, cô lập với cấu trúc gia đình), các vấn đề chủ chốt của luân lý Kitô giáo cũng được mở rộng. Các Giáo Hội bắt đầu giảng dạy về sự cần thiết của mức lương công bằng, kìm hãm luân lý đối với chủ nghĩa tư bản không cương tỏa, các quyền của công đoàn, trách nhiệm của chính phủ và cá nhân đối với người nghèo, và hầu hết các nguyên tắc công bằng xã hội khác chúng ta vừa nêu ra. Vì các vấn đề luân lý trên thế giới được mở rộng, linh đạo của Giáo Hội cũng mở theo.

Cuối cùng, chỉ trong vòng một, hai thế hệ vừa qua, đã có một phát triển chủ yếu khác. Vì các vấn đề của cộng đồng thế giới, giới tính, chủng tộc, gia tăng dân số, môi sinh và phá thai bắt đầu hội tụ lại theo một cách mới, những nghị sự về luân lý của Giáo Hội có liên quan đến công bằng xã hội cũng được mở rộng và hoàn thiện theo cách tương xứng với sự phát triển này. Vì vậy, ngày nay các giáo hội Kitô giáo quan tâm nhiều vào các vấn đề luân lý xung quanh giới tính, chủng tộc, tầng lớp, và đặc quyền lịch sử.

Bà Elizabeth Johnson đã tóm tắt rất đúng phát triển gần đây nhất trong linh đạo Kitô giáo. Theo quan điểm của bà, ngày nay linh đạo Kitô “tìm kiếm sự khôn ngoan, không phải trong các ý tưởng rõ ràng và riêng biệt của những gì được cho là nguyên do phổ quát, nhưng, thực sự là trên tư tưởng của những người có quyền, đúng hơn, nó chạy theo đa số và theo cái nhập nhằng của lương tâm con người, nhạy cảm với sự khác biệt mà sự khác biệt dựa trên vị trí xã hội của một người về giới, chủng tộc, tầng lớp và văn hóa. Kim chỉ nam của các giá trị thiêng liêng hậu hiện đại không nhấn mạnh trên chủ nghĩa cá nhân và các bùng nổ dữ dội của nó nhưng nhấn mạnh vào tầm quan trọng của cộng đồng và truyền thống, tôn vinh của con người về tình đoàn kết và hòa bình. Nó cao quý không phải vì con người có quyền tối thượng trên quả đất nhưng vì tình liên đới tác động với toàn bộ cộng đồng của vũ trụ. Nói tóm lại, giá trị của kinh nghiệm tôn giáo thời hậu hiện đại không ở sự cô lập, nhưng nối kết thiết yếu; không trong phân thể thân xác-tâm hồn, nhưng trong nhất thể, một con người hiển hiện; không chỉ có phụ hệ mà cả mẫu hệ; không chủ nghĩa đàn áp độc đoán mà là chủ yếu cải thiện cuộc sống; không chủ nghĩa dân tộc bộ lạc, mà là công lý toàn cầu.”<sup>8</sup>

Nhưng làm sao có được nền công lý toàn cầu này?

## Kiến tạo hoà bình bất bạo động

### 1. Sự ngây thơ của chúng ta

Chúng ta không thành công trong việc đạt được một trật tự thế giới công bằng hơn không phải lúc nào cũng do thiếu cố gắng. Các nhóm công lý và hòa bình, trong đó có nhiều Kitô hữu trong một thời gian dài đã cố gắng trong tinh thần ngôn sứ mang công bằng hơn đến cho thế giới. Tuy nhiên thường thường nó không có hiệu quả ngay. Tại sao? Câu trả lời quá đơn giản là công lý ít làm tiến triển vì sự cứng lòng của thế giới không phải dễ dàng biến mất và sức mạnh bảo thủ của quyền lợi không dễ dàng bị bỏ qua. Dù lý do này đúng, cũng có một lý do khác làm cho các tổ chức công lý và hòa bình không được hiệu quả. Đơn giản, chúng ta thường có phần ngây thơ về những gì thực sự đòi hỏi chúng ta nếu chúng ta muốn cho thế giới hướng đến hòa bình và công bằng hơn.

Sự ngờ nghệch này là gì? Nó có thể được tóm tắt trong sáu ảo tưởng ngấm sâu tràn ngập trong các tổ chức công lý và hòa bình. Những sai lầm, như đã nói rõ trong phần tương tự chủ yếu, nghe có vẻ như thế này:

a. “Vấn đề của tôi đưa ra rất khẩn cấp, nên nếu tôi có du di luật là chuyện bình thường, Do đó tôi có thể thiếu tôn trọng, kiêu ngạo, và xấu xa đối với những người chống đối tôi.”

b. “Chỉ duy nhất sự thật của đại nghĩa mới quan trọng ở đây, chứ không phải cuộc sống riêng tư của tôi. Cuộc sống riêng tư của tôi, cho dù nó có giận dữ, dục tình, ganh tị, thì chẳng có liên quan gì đến mục đích của công lý mà tôi đang chiến đấu; trong thực tế, mọi trọng tâm nhắm vào đạo đức riêng tư của cá nhân là một trở ngại để hành động cho công lý.”

c. “Chỉ tư tưởng đúng đắn mới có thể biện minh cho việc làm này, tôi không cần phải nói chuyện với Thiên Chúa và Chúa Giêsu. Tôi không cần phải cầu nguyện cho hòa bình, tôi chỉ cần làm việc cho nó.”

d. “Tôi đánh giá thành công và thất bại trên cơ sở thành tựu thấy được về mặt chính trị. Tôi ít quan tâm đến Nước Trời xa xôi lâu dài, tôi quan tâm đến những gì thu được về mặt chính trị, xã hội thực tế trước mắt và ngắn hạn.”

e. “Tôi có thể thổi phồng và bóp méo sự kiện một chút để làm cho công lý được rõ ràng hơn, nhưng tình huống quá khủng khiếp nên tôi không buộc phải rất thận trọng về sự thật chính xác.”

f. “Tôi là một nạn nhân, vì thế tôi đứng ngoài luật pháp!”

## **2. Sự thật đau đớn**

Tuy nhiên, những gì chúng ta đang ngày càng nhận ra là một trong các lý do tại sao thế giới không đáp trả nhiều hơn cho thách đố chúng ta đối với công lý, chính vì các hành động vì công lý của chúng ta thường giống với bạo lực, bất công, cố chấp, và ích kỷ mà chính chúng đang cố gắng để thách thức.

Sự phẫn nộ về mặt luân lý của chúng ta thường dẫn đến lối ứng xử khơi dậy lại phẫn nộ. Như Gil Bailie viết trong kiệt tác về bất bạo động: “Xúc phạm luân lý là mơ hồ về luân lý. Càng lảng nhục, thì càng ít có khả năng nâng cao luân lý thực sự. Phẫn nộ chính đáng thường là triệu chứng di căn đầu tiên của khối ung bạo lực. Nó có khuynh hướng gây thêm bạo lực căm phẫn với một sự cho phép hay bỏ qua những hành vi trong cấu trúc toàn thể một cách mập mờ đánh lện với những gì đã gây ra sự phẫn nộ.”<sup>9</sup>

Đáng buồn thay, thường thường chứ không phải không, đây là trường hợp xảy ra trong các cuộc đấu tranh công lý của chúng ta, ngay cả khi chúng ta làm dưới danh nghĩa Kitô giáo. Sự tức giận, thói ích kỷ thô bỉ, cay đắng, cố chấp, hung hăng của nhiều nhóm hòa bình và phong trào công lý sẽ không bao giờ phục vụ như là nền tảng cho một trật tự thế giới mới. Nó chỉ chuyển hóa vài tâm hồn, dù nó có hiệu năng chính trị. Cuối cùng, như Bailie diễn đạt, sự phẫn nộ về mặt luân lý, về căn gốc là nhập nhằng với chủ nghĩa cá nhân, sự gây hấn và bất công mà nó đang cố gắng thay đổi.

## **3. Một mệnh lệnh về bất bạo động**

Một tiên tri, Daniel Berrigan trình bày, phải làm một lời thề nguyện cho tình yêu chứ không phải cho thù hận. Các tiên tri cao cả về công bằng xã hội của thời hiện đại (những người như Gandhi, Dorothy Day, Thomas Merton, Gustavo Gutiérrez, William Stringfellow, Oscar Romero, Jim Wallis và Richard Rohr) tất cả

đều đồng ý với điều này. Tình yêu, không thù hận, là cơ sở cho bất bạo động và bất bạo động là nền tảng có thể duy nhất cho một trật tự thế giới mới của công lý và hòa bình.

Vì thế, ví dụ, Jim Wallis đề nghị mệnh lệnh sau đây cho bất cứ nỗ lực đấu tranh bất bạo động nào để tạo nên công lý và hòa bình:<sup>10</sup>

Tất cả các hành động của chúng ta cho hòa bình phải bắt nguồn từ mãnh lực của tình yêu và sự thật, và phải được thực hiện với mục đích làm sao cho mãnh lực đó được biết đến chứ không phải để cho chính chúng ta được biết đến. Động lực của chúng ta phải luôn luôn tỏ ra cho mọi người biết sự thật chứ không phải thể hiện chúng ta đúng, họ sai. Những hành động tốt nhất của chúng ta là những điều chúng ta đồng tình công nhận và được đánh dấu bằng tinh thần ăn năn và khiêm nhường chân thành. Hành động xấu nhất của chúng ta là hành động làm để chứng tỏ chúng ta đúng, trong sáng, đạo đức, xa với bạo lực mà chúng ta đang phản kháng.

Bất cứ khi nào niềm kiêu hãnh vượt qua sự phản kháng, thì chúng ta chỉ đơn giản lặp lại theo kiểu chính sách tự phán xét công bình của người theo trào lưu chính thống: “Tôi được cứu còn bạn thì không.” Hành động thực hiện công khai luôn mang theo nó mối nguy hiểm to lớn của kiêu căng. Do đó nó luôn luôn phải được làm trong tinh thần khiêm nhường và mời gọi.

Phán xét, kiêu ngạo, độc đoán, đặc nét thường có trong sự phản kháng của chúng ta, là dấu hiệu của tinh thần chưa trưởng thành và nếu thể hiện qua những nét như vậy, thì chỉ có tác dụng làm dân chúng chai cứng trong quan điểm hiện có của họ. Phản kháng để duy trì cũng như để tan biến trong mù quáng của dân chúng.

Hơn nữa, chưa bao giờ chúng ta cần một bất bạo lực chân chính như bây giờ. Tuy nhiên, dụng cụ chính của nó là ứng dụng sức mạnh tinh thần chứ không phải sử dụng áp bức. Một vấn đề rất nghiêm trọng trong tiến trình hòa bình là đôi khi các cuộc tấn công ẩn giấu, sự lèo lái, cái tôi quyết đoán, khát vọng khiêu khích có thể hoạt động dưới bề mặt của luân lý bình thường về các cam kết bất bạo động. Những chiếc mặt nạ hoa mỹ của bất bạo động có thể được sử dụng để che đậy ý chí quyền lực vốn là nền tảng của bạo lực. Mong muốn giành chiến thắng trên người khác, đánh bại kẻ thù, làm nhục đối thủ, tất cả là đặc điểm của bạo lực và vẫn là còn là vết thương đau đớn trong hầu hết các nỗ lực hòa bình của chúng ta.

Sự tức giận, đấu đá và thiếu tôn trọng người khác của chúng ta, chỉ là bằng chứng xấu cho thấy ý chí quyền lực đã vượt trội. Từ bây giờ chúng ta nên biết bạo lực cũng chỉ là một cái cớ. Nếu điều đó đúng, thì bạo lực của bất đồng trực tiếp liên hệ đến bạo lực của trật tự đã được thiết lập. Trong thực tế, nó chỉ đơn thuần là một phản chiếu của nó.<sup>11</sup> Chúng ta cũng không thể biện minh cho những thái quá trong tiến trình hòa bình và trong chính bản thân mình bằng cách dùng đến một thứ bạo lực lớn hơn trong hệ thống. Sự cấp bách của tình hình hiện nay kêu gọi chúng ta phải quan tâm nhiều hơn đến các hành động chúng ta thực hiện. Trọng tâm là, bất bạo lực không cố gắng vượt lên đối thủ để đánh gục họ nhưng làm sao thuyết phục họ. Nó cố gắng để biến kẻ thù thành bạn, không phải bằng chiến thắng trên họ, nhưng bằng việc có được họ.

Đồng thời, kiên nhẫn là trọng tâm của bất bạo động. Bất bạo lực dựa trên kiên nhẫn mà Kinh Thánh gọi là “chịu đựng mọi thứ.” Thomas Merton nói rằng gốc rễ của chiến tranh là sự sợ hãi. Nếu điều đó là đúng, thì chúng ta phải hiểu biết hơn về các nỗi sợ hãi mà mọi người có. Người kiến tạo hòa bình hữu hiệu nhất là người có thể hiểu các nỗi lo sợ của người khác.

Cuối cùng, việc kiến tạo hòa bình ôn hòa phải bắt nguồn từ hy vọng chân thành vào quyền năng Thiên Chúa, Đấng thay đổi vạn vật. William Stringfellow một lần đã trách cứ một nhóm hòa bình về tác dụng này: “Tôi nhận thấy trong các đối thoại của các người có một thiếu sót chủ chốt, đó là không đề cập đến sự Phục Sinh của Chúa Giêsu. Chiến thắng của Chúa trên sức mạnh của sự chết đã là một sự đảm bảo và nhiệm vụ khiêm tốn trong việc kiến tạo hòa bình của chúng ta chỉ đơn giản là sống sao cho biểu lộ được điều này. Chúng ta không phải chiến thắng trên sức mạnh của sự chết bằng chính động lực, nỗ lực, chiến lược của chúng ta. Chúng ta không cần phải đánh bại sự chết một lần nữa. Thánh Vịnh 58 nói với chúng ta: “Duy chỉ một mình Thiên Chúa, Đấng cai quản thế giới.” Chúng ta không bao giờ được quên điều đó. Hy vọng, chứ không phải giận dữ, dẫn đường cho công việc phản kháng của chúng ta. Hơn nữa, niềm hy vọng đó, tin nơi quyền năng của sự sống lại, không phải chỉ là cảm nhận hay tâm trạng mà là một chọn lựa cần thiết cho sự sống còn.”

Đương nhiên, Chúa Giêsu là gương mẫu tối cao của người kiến tạo hòa bình ôn hòa. Người không bao giờ làm theo bạo lực và bất công mà Người đang cố gắng để thay đổi. Vì thế, qua biến cố, chúng ta thấy Người hóa giải và cải hóa đám đông,

một đám đông đã thiên về bạo lực, điều đó minh họa cho thấy cấu trúc của bạo lực và bất bạo lực một cách rõ ràng.

Biến cố diễn ra khi đám đông giận dữ mang đến cho Chúa Giêsu người phụ nữ bị bắt quả tang ngoại tình.<sup>12</sup> Để hiểu toàn bộ hành động bất bạo động của Chúa Giêsu ở đây, chúng ta xem lại sự tương phản giữa câu chuyện này với một sự kiện tương tự (tuy kết cục khác nhau) trong sách tiên tri Đa-ni-en.<sup>13</sup> Cả hai chuyện giống nhau lạ lùng. Trong mỗi câu chuyện, người phụ nữ vô tội bị đám đông đe dọa, được một người trung gian can thiệp và sự việc được thay đổi. Tuy nhiên, kết thúc mỗi chuyện khác nhau, một trong ôn hòa, một trong bạo lực.

Sách Đa-ni-en ghi lại câu chuyện Đa-ni-en cứu Susanna, người phụ nữ xinh đẹp và vô tội. Câu chuyện như sau: Có một hôm, hai vị trưởng lão thấy bà Susanna tắm và thèm khát bà. Họ đến gần bà với ý xấu, nhưng bà cự tuyệt và quyết giữ đạo đức. Cay cú và ghen tỵ với sự mạnh mẽ của bà, họ vu cáo bà về tội ngoại tình, dẫn bà đến trước đám đông và luật sĩ để chống bà. Bà bị lên án tử hình và khi đang dẫn đi xử thì Đa-ni-en thấy gian dối và bắt công, ông can thiệp với đám đông. Ông tố cáo hai ông già nói dối và minh chứng bằng cách tách họ ra để hỏi cung. Tất nhiên, họ nói ngược nhau, chứng minh bà Susanna vô tội. Tuy vậy, Đa-ni-en không làm đến cùng. Ông làm cho đám đông chống lại những kẻ vu cáo, lên án họ chết, và đám đông, trong cơn điên cuồng cảm xúc buộc những kẻ vu cáo phải chết. Hai người đàn ông đã bị ném đá đến chết, chính cái chết mà họ đã định cho bà Susanna.

Câu chuyện giống nhau nhưng cách làm khác nhau, Chúa Giêsu bình tĩnh bác bỏ yêu cầu của những kẻ tố cáo người phụ nữ bị bắt quả tang ngoại tình. Bà bị lên án tử hình, vì tội ngoại tình. Không giống bà Susanna, bà này phạm tội thật, nhưng tội chỉ chuyện phụ so với những gì xảy ra. Rõ ràng, cũng như bà Susanna, người phụ nữ này bị lôi ra ở đây là do ghen tỵ và đám đông cuồng loạn, vì thế, về mặt cơ cấu là vô tội, dù cho bà phạm tội. Và cũng như Đa-ni-en, Chúa Giêsu đối mặt với đám đông. Phản kháng của Ngài với đám đông thì xuyên thấu lương tâm hơn Đa-ni-en - *"Ai vô tội thì ném đá trước đi!"* và điều này đã có một hiệu quả rất khác biệt.

Cũng như bà Susanna, người phụ nữ được cứu, nhưng không có cảnh đám đông theo bà. Những gì xảy ra theo sau là một cảnh trái ngược hoàn toàn với một đám đông cuồng nộ khát máu:

"Tất cả bọn họ bỏ đi từng người một, bắt đầu từ người già nhất". Lời Chúa Giêsu không chỉ cứu người phụ nữ nhưng còn hóa giải một ngòi nổ tiềm ẩn. Không ai phải chết trong ngày đó. Thay vào đó, mọi người về nhà trong tâm tư nhạy cảm hơn với lòng khiêm nhường và sự thật.

Các nỗ lực bất bạo động cho công lý và hòa bình được thực hiện theo cách này. Cũng như Chúa Giêsu, chúng không làm cho đám đông chống lại bất cứ ai, vô tội hay có tội. Hơn thế nữa, chúng nhẹ nhàng chạm đến phần lương tâm vốn là nơi nhạy cảm và bất khả xâm phạm, nơi mà chân lý vang dội sự thật và nơi mà hòa bình vẫn là một khao khát dịu dàng.

#### **4. Một Thiên Chúa bất bạo động, Đấng bảo trợ cho công lý và hòa bình**

G.K.Chesterton, phê bình về học thuyết Giáo Hội, một lần nọ đã nói: “Giáo Hội công bố những ý tưởng kinh khủng và các giáo điều tai hại, từng điều trong đó đủ mạnh để trở thành một tôn giáo sai lầm và tàn phá thế giới... Vì thế, nếu có một vài sai lầm nhỏ được làm trong giáo điều, thì những sai lầm nghiêm trọng lớn hơn có thể đem lại hạnh phúc cho nhân loại.”<sup>14</sup>

Đây là một sự thật cá biệt khi nó liên quan đến thần học và khái niệm của chúng ta về Thiên Chúa. Rốt cùng, cách chúng ta quan niệm về Thiên Chúa sẽ có ảnh hưởng trên cách chúng ta nhìn sự việc, đặc biệt là công lý và hòa bình và con đường đưa dẫn đến đó. Nếu chúng ta hình dung Thiên Chúa như một cái gì đó bạo lực, đến mức tưởng tượng bạo lực đó là cứu độ, thì chúng ta cũng sẽ quan niệm con đường dẫn đến hòa bình cũng dựa trên bạo lực.

Đáng buồn là thường như vậy trong phạm vi Kitô giáo cũng như trong thế tục. Chúng ta thường nghĩ về Thiên Chúa như một người sẽ dùng bạo lực để lật đổ sự ác và mang lại công lý và hòa bình. Chúng ta nhận thức Thiên Chúa như một thể lực bạo lực cứu rỗi.

Bạo lực cứu rỗi là gì? Là những gì xảy ra ở đoạn kết của một cuốn phim, một cuốn truyện hay một bài hát khi cuối cùng người anh hùng hạ gục kẻ ác hiểm đã đàn áp mọi người. Về cơ bản, chúng ta thấy điều này được mô tả trong vô số phim ảnh, sách vở, bài hát, bạo lực cứu rỗi thực hiện theo cách thức này:

Một số người hiền lành thấy mình bị người hung dữ đàn áp. Trong số những người tốt, có một người đàn ông tốt (luôn luôn là đàn ông, vì sức mạnh cơ bắp cuối cùng sẽ là cứu tinh), người đích thực mạnh hơn kẻ xấu. Rốt cuộc, anh sẽ là anh hùng và cứu vãn được tình hình. Nhìn vậy là chúng ta biết ngay, vì cuối cùng, anh mạnh hơn tên khủng bố. Nhưng, cho đến bây giờ, tên hung dữ vẫn tiếp tục theo con đường hung bạo của nó, tăng cường cuộc chiến chống người tốt. Thêm vào, kẻ hung dữ thấy có sự hiện diện của người tốt và nó bắt đầu hạ nhục người tốt. Tuy nhiên,



người tốt không đánh trả lại, câu chuyện làm cho chúng ta thêm bực mình và sốt ruột. Người tốt chấp nhận bắt nạt, một cách lặng lẽ, vì thời gian của anh chưa đến.

Cuối cùng, câu chuyện đạt tới đỉnh cao của nó. Kẻ hung dữ dồn người tốt vào một góc, anh không còn chọn lựa, hoặc chiến đấu hoặc chết. Sau đó sự giải cứu diễn ra. Người anh hùng, bị đẩy liệt đến chân tường, bình tĩnh xắn tay vén áo, đánh tên hung dữ cho đến chết và chúng ta bật khóc, vì bây giờ, cuối cùng thì công lý mới được thực hiện. Sự dữ bị nghiền nát và lòng tốt được phục hồi.

Chúng ta không ngừng lại để suy nghĩ, sự thật bây giờ điều tốt trở nên hung bạo còn hơn cả sự dữ. Chúng ta không nhận ra, anh hùng của chúng ta mới đầu giống Mẹ Têrêxa, nhưng hồi kết thì lại giống Rambo và Batman. Chắc chắn chúng ta không thấy hồi kết câu chuyện giải cứu này hoàn toàn đi ngược với câu chuyện của Chúa Giêsu. Khi ấy, Chúa Giêsu, đã bị dồn ép đến tận cùng và phải lựa chọn hoặc chiến đấu hoặc chết (“Nếu ngươi là con Thiên Chúa, ngươi xuống khỏi thập giá đi!”), Người, không giống như các anh hùng huyền thoại của chúng ta, Người đã chọn cái chết.

Chúng ta phải cẩn thận, đặc biệt trong nỗ lực kiến tạo công lý và hòa bình, không nhầm lẫn giữa lịch sử cứu rỗi Kitô giáo với huyền thoại cứu thoát người ta bằng bạo lực. Chúng ta phải cố gắng để mang lại công lý và hòa bình như Chúa Giêsu đã làm, với nhận thức Thiên Chúa mà Chúa Giêsu gọi là “Cha” không làm hại ai. Người không diệt trừ kẻ xấu và phục hồi điều tốt bằng sức mạnh cơ bắp, tốc độ nhanh, hay bắn súng thần tốc. Trong Phúc Âm, Chúa Giêsu được mô tả là người đầy quyền năng, quyền năng hơn bất cứ ai mà đám đông đã từng gặp. Tuy nhiên, từ được sử dụng để mô tả quyền năng của Chúa Giêsu là *exousia* (tiếng Hy Lạp), không ám chỉ đến sức mạnh của cơ bắp, tốc độ, hoặc ngay cả ân sủng phi thường hoặc tài giỏi. Nó mang một ý nghĩa mà, chúng tôi không thể dịch dễ dàng trong tiếng Anh. *Exousia* là gì? Điều gì tạo nên quyền năng thật sự của Chúa Giêsu? Điều gì cuối cùng đem lại công lý và hòa bình?

Daniel Berrigan cho một câu trả lời hay cho câu hỏi này. Ông đã từng được yêu cầu nói chuyện trong một cuộc họp ở trường đại học. Chủ đề là một cái gì đó với ảnh hưởng của “Sự hiện diện của Thiên Chúa trong thế giới ngày nay.” Tôi ngờ, cuộc nói chuyện của ông đã gây ngạc nhiên không ít cho cử tọa, vừa về nội dung vừa về sự khúc chiết.<sup>15</sup>

Ông chỉ đơn giản nói với cử tọa cách mà mỗi tuần ông đến ngồi bên đầu giường một cậu bé liệt hoàn toàn, từ thể xác đến tinh thần, trong bệnh viện dành cho những người bệnh ở giai đoạn cuối. Em chỉ nằm ở đó. Em không nói, không có cách nào để em có thể diễn tả được. Em nằm yên, bất lực, vì bị cắt đứt với mọi giao tiếp có thể. Sau đó, Berrigan mô tả mình phải đến thường xuyên thế nào, ngồi bên

giường của em để lắng nghe những gì em đang nói trong im lặng và trong bất lực của mình.

Sau khi chia sẻ điều này, Berrigan nói thêm một điểm khác: Cách cậu bé nằm trong thế giới chúng ta, im lặng và bất lực, cũng là cách mà Thiên Chúa nằm trong thế giới của chúng ta. Để nghe những gì Thiên Chúa đang nói, chúng ta phải học để nghe những gì mà cậu bé đang nói.

Đây là một hình ảnh rất hữu ích giúp chúng ta hiểu quyền năng của Thiên Chúa và thể hiện của quyền năng này trong thế giới chúng ta. Quyền năng của Thiên Chúa trên thế giới cũng như cậu bé kia. Nó không chế ngự ai hay bất cứ điều gì. Nó im lặng, ở tận sâu trong nền tảng luân lý và tâm hồn của mọi vật. Nó không chế ngự bằng cơ bắp, bằng hấp dẫn, xuất sắc, hoặc ân huệ, như tốc độ và cơ bắp của vận động viên Thế Vận Hội, như vẻ đẹp thể hình của ngôi sao điện ảnh trẻ, hay bài diễn văn tài ba, hoa mỹ của các nhà hùng biện hoặc tác giả xuất chúng. Những điều như cơ bắp, tính nhanh nhẹn, sắc đẹp, rực rỡ, ân huệ là phản ánh vinh quang của Thiên Chúa, nhưng chúng không phải là cách chính yếu Thiên Chúa thể hiện quyền năng trong thế giới này. Quyền năng của Thiên Chúa trên thế giới có một cái nhìn rất khác và một cảm nhận khác biệt để nhận ra.

Quyền năng của Thiên Chúa giống như cái gì? Làm sao cảm nhận nó như Thiên Chúa cảm nhận nó trong thế giới này?

Nếu bạn đã từng bị chế ngự về thể lý và đã từng cảm thấy bất lực, nếu bạn đã từng bị ai đánh hoặc tát bạn và bạn không cách nào tự vệ hay chống trả, thì bạn cảm nhận được Chúa cảm nhận như thế nào trong thế giới này.

Nếu bạn đã từng mơ một giấc mơ và nhận ra mọi nỗ lực bạn làm đều vô vọng, nghĩ rằng giấc mơ của mình sẽ không bao giờ thực hiện được, nếu bạn đã từng khóc và cảm thấy tủi hổ về sự bất toàn của mình thì bạn đã cảm nhận được Chúa cảm nhận như thế nào trong thế giới này.

Nếu bạn đã từng hổ thẹn về nhiệt tình của mình và không có cơ hội để giải thích, nếu bạn đã từng bị nguyên rủa về lòng tốt của mình do hiểu lầm và đã không có cách nào làm cho mọi người thấy sự việc theo cách nhìn của bạn, thì bạn đã cảm nhận được Chúa cảm nhận như thế nào trong thế giới này.

Nếu bạn đã từng cố gắng lôi cuốn một ai đó để họ chú ý đến bạn mà bạn không thể làm được, nếu bạn đã từng yêu thương ai và hết lòng muốn cho người đó để ý đến bạn và bạn nhận ra bạn không thể nào làm được, bạn đã cảm nhận được Chúa cảm nhận như thế nào trong thế giới này.

Nếu bạn đã từng thấy mình già, mất dần sức khỏe, mất sức sống thời trẻ, cơ hội dần dần trôi xa cũng như không thể quay ngược thời gian, nếu bạn đã từng cảm thấy thế giới trôi tuột khỏi tay bạn khi bạn càng lúc càng già, càng ở bên lề cuộc sống, bạn đã cảm nhận được Chúa cảm nhận như thế nào trong thế giới này.

Và nếu như bạn đã từng cảm thấy mình chỉ là một thiểu số nhỏ trước đám đông điên cuồng, nếu bạn từng có cảm nhận, trực tiếp, về bệnh hoạn xấu xa của hiệp dân tập thể, bạn đã có cảm nhận được Chúa cảm nhận như thế nào trong thế giới này... cũng như Chúa Giêsu đã cảm nhận thế nào trong ngày Thứ Sáu Tuần Thánh.

Thiên Chúa không bao giờ chế ngự. Quyền năng của Thiên Chúa trong thế giới này không bao giờ là quyền lực của cơ bắp, tốc độ, hấp dẫn bên ngoài, sáng chói hay ân huệ (như cách thời đại này hay nói) vốn thổi bay bạn và làm cho bạn kêu lên: “Ừ, đúng rồi! Đó là Thiên Chúa!” Quyền lực của thế giới này cố tình hành động theo hướng này. Tuy nhiên, quyền năng của Thiên Chúa thì thầm lặng hơn, có vẻ như không giúp được gì, tủi nhục hơn, bên lề hơn. Nhưng quyền năng ấy dựa trên một tầm mức sâu xa hơn, ở nền tảng thiết yếu nhất của mọi vật và cuối cùng sẽ nhẹ nhàng có lời nói cuối cùng.

Để kiến tạo công lý và hòa bình trong thế giới này không phải là chuyển từ Mẹ Têrêxa qua Rambo hay Batman. Thiên Chúa Đấng nâng đỡ công lý và hòa bình không đánh phạt ai, và lý do Ngài làm vậy cũng không phải là quá xa so với những gì chúng ta làm.

### **Trụ vững chính mình cho một tiến trình lâu dài**

Sau Chiến tranh vùng Vịnh năm 1991, Jim Wallis, người sáng lập Sojourners, được đài phát thanh quốc gia Hoa Kỳ phỏng vấn. Wallis đã trình bày những dè dặt lớn lao về cuộc chiến đó và đặc biệt là về các lễ kỷ niệm chiến thắng được tổ chức sau đó. Có một lúc, người phỏng vấn nói với ông: “Lúc này, những người phản đối cuộc chiến đã chấp nhận mình sai. Dân tộc Mỹ ủng hộ cuộc chiến, không phải những người phản kháng.” Wallis chỉ trả lời: “Chúng ta không sai, chúng ta chỉ mất mát! Đó là sự khác biệt.”

Lời của Wallis thật hữu ích, để là điểm tựa cho chính mình trong cuộc đấu tranh cho công lý và hòa bình của người Kitô hữu. Cuộc đấu tranh cho công lý và hòa bình không phải hướng đến cuối cùng chiến thắng hay thất bại, nhưng hướng đến trung thành.

Tin Mừng của Chúa Giêsu đặt ra một đòi hỏi không nhân nhượng là chúng ta thực thi công lý và hòa bình trên thế giới, nhưng không buộc chúng ta phải thắng. Hiệu quả chính trị ngắn hạn không quan trọng bằng lòng trung thành lâu dài với lương tâm, niềm tin, đức ái cá nhân. Chúng ta không biết cuối cùng mọi sự sẽ như thế nào, nhưng chúng ta biết những gì Tin Mừng nói với chúng ta, nghĩa là chính chúng ta phải yêu thương, bác ái, hiểu biết, đồng cảm, tha thứ và sống đời luân lý nội tại ngay trong chính đời sống riêng tư của mình. Chúng ta không phải lúc nào cũng biết chiến lược chính trị nào là tốt nhất nhưng cần biết rằng Thiên Chúa chăm sóc tất cả mọi nạn nhân, rằng Chúa Giêsu ở trong chính những tâm hồn tan vỡ và chúng ta phải trung thành với Tin Mừng, chính chúng ta cũng ở trong đó.

Có câu chuyện của một mục sư Na Uy, người Tin Lành trong Thế chiến thứ hai đã bị Gestapo bắt và bị tra hỏi. Khi nhân viên Gestapo bước vào phòng, ông đặt khẩu súng lục trên bàn và nói: “Thưa Cha, điều này cho cha biết đây là một việc nghiêm trọng!” Người mục sư Tin Lành, một cách thật tự nhiên, lấy ra quyển Thánh Kinh đặt bên cạnh khẩu súng lục. Tên nhân viên hỏi: “Vì sao ông như vậy?” Vị mục sư trả lời: “Anh đưa ra vũ khí của anh, tôi đưa ra vũ khí của tôi.”<sup>16</sup>

Ở Nam Phi, trước khi xóa bỏ nạn kỳ thị chủng tộc, người dân thường đốt một ngọn nến và để ở cửa sổ nhà họ như một dấu hiệu của hy vọng, dấu hiệu có một ngày sự dữ này sẽ được chế ngự. Có một lúc, nó bị cho là bất hợp pháp, cũng như mang súng là bất hợp pháp. Trẻ con thường nói đùa về điều này: “Chính phủ chúng ta sợ ngọn nến thấp sáng!” Cuối cùng, như chúng ta biết, nạn kỳ thị chủng tộc đã bị xóa bỏ. Khi suy nghĩ về những gì rốt cuộc đưa đến sự sụp đổ của chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, thật công bằng khi cho rằng “những ngọn nến thấp sáng” (mà chính phủ đã sợ hãi một cách khôn ngoan) đã mạnh mẽ hơn súng ống. Trong cuộc đấu tranh cho công lý và hòa bình vũ khí thật sự của chúng ta, người Kitô hữu, không phải tư tưởng và súng ống, nhưng là ngọn nến, hy vọng, nhân phẩm, bác ái và cầu nguyện.

### **Kinh Lạy Cha cho Công lý**

Trong mô hình thế giới của sự vật, người nào mạnh là người đó sống. Trong mô hình của Thiên Chúa thì ngược lại. Thiên Chúa luôn luôn đứng về phía kẻ yếu và nơi đó, trong số những kẻ yếu hèn, chúng ta tìm thấy Thiên Chúa.

Với sự thật đó, thỉnh thoảng chúng ta có thể cầu nguyện với Kinh Lạy Cha theo cách này:

*Lạy Cha chúng con...* Đấng luôn đồng hành với người yếu đuối, bất lực, nghèo khổ, bị bỏ rơi, bệnh tật, già nua, thơ bé, thai nhi, và những người phơi lưng quần quật vì hoàn cảnh bắt ép.

*Ở trên trời...* nơi mà tất cả mọi thứ sẽ bị đảo ngược, kẻ trước hết sẽ nên sau hết và kẻ sau hết sẽ nên trước hết, nhưng cũng là nơi mà tất cả sẽ nên tốt đẹp và tất cả lẽ lối cũng sẽ nên tốt đẹp.

*Chúng con nguyện danh Cha cả sáng...* xin cho chúng con luôn luôn nhận ra sự thánh thiện của Cha, cũng như tôn kính rằng đường lối của Cha không giống đường lối chúng con, chuẩn mực của Cha không giống chuẩn mực chúng con. Xin cho lòng tôn kính của chúng con đối với danh Cha kéo chúng con ra khỏi sự ích kỷ đã ngăn không cho chúng con nhìn nỗi đau của người anh em bên cạnh chúng con.

*Nước Cha trị đến...* xin giúp chúng con tạo ra một thế giới vượt ra ngoài các nhu cầu và khổ đau của riêng chúng con, nơi chúng con sẽ thực thi công lý, tình yêu nhân hậu, và bước đi trong khiêm tốn với Cha và với người khác.

*Ý Cha thể hiện...* xin mở rộng tự do của chúng con để Cha đến, sao cho kết hiệp hòa hợp hoàn toàn của Cha có thể tuôn chảy trong huyết mạch chúng con, qua đó cuộc sống chúng con có thể tỏa lan tình yêu công bình của Cha cho mọi người, và tình yêu đặc biệt Cha dành cho người nghèo.

*Dưới đất cũng như trên trời...* xin cho các công trình do tay chúng con, đền đài, kiến trúc chúng con xây ở thế gian này, phản ánh đền thánh và công trình của vinh quang Cha để niềm vui, ân sủng, dịu êm và công lý tự trời cao sẽ tỏ lộ ra trong tất cả các công trình của chúng con trên mặt đất này.

*Xin ban...* cuộc sống và tình thương cho chúng con và giúp chúng con luôn thấy mọi sự là tặng vật. Xin giúp cho chúng con nhận ra, không có gì chúng con có được là do quyền của chúng con, chúng con phải biết cho vì chúng con đã nhận. Xin giúp chúng con nhận ra rằng chúng con phải biết trao ban người nghèo, không phải vì họ cần, nhưng vì sự lành mạnh của chúng con tùy thuộc vào việc chúng con cho họ.

*Cho chúng con...* chúng con ở số nhiều. Xin ban cho không chỉ riêng chúng con nhưng cho tất cả mọi người, kể cả những người rất khác biệt với chúng con. Xin ban hồng ân Cha cho tất cả chúng con đồng đều.

*Hôm nay...* không phải ngày mai. Đừng để chúng con đẩy mọi thứ vào một tương lai bất định, để chúng con tiếp tục sống cuộc sống chân chính khi đối diện với bất công, vì chúng con có những biện bạch hay ho cho tình trạng bất động của chúng con.

*Lương thực hằng ngày...* để mỗi người trên thế giới có đủ lương thực, đủ nước sạch, đủ không khí trong lành, được chăm sóc sức khỏe đầy đủ, được giáo dục hoàn chỉnh để có một cuộc sống khỏe mạnh. Xin dạy cho chúng con biết cho với những gì chúng con có, chứ không phải chỉ cho những gì chúng con dư thừa.

*Và tha nợ chúng con...* xin tha thứ cho sự mù tối của chúng con đối với tha nhân, tính ích kỷ, nạn kỳ thị chủng tộc, kỳ thị giới tính, khuynh hướng bất trị của chúng con vốn chỉ lo lắng về bản thân và những gì của chính chúng con. Xin tha thứ cho chúng con vì việc chúng con xem tin tức buổi tối và chẳng làm gì về điều đã thấy.

*Như chúng con cũng tha cho kẻ có nợ chúng con...* xin giúp chúng con tha thứ cho những ai làm hại chúng con. Xin làm cho tâm hồn chúng con hiền lành, không trở nên cay đắng vì tuổi tác, để tha thứ cho bậc cha mẹ không hoàn hảo của chúng con và những cơ chế đã làm tổn thương, nghiền rủa, và để mặc chúng con.

*Xin chớ để chúng con sa chước cám dỗ...* xin đừng xét xử chúng con chỉ với tiêu chuẩn cho kẻ đói khát ăn uống, cho người trần trụi áo mặc, thăm nom người bệnh hoạn, hoặc cố gắng sửa quy chế đã gây bất công cho người nghèo. Xin cứu chúng con khỏi phán xét này, vì không ai trong chúng con có thể đứng vững trước phán xét này. Thay vào đó, xin cho chúng con thêm thời gian để sửa chữa đường lối, tính ích kỷ và các cơ chế của chúng con.

*Nhưng cứu chúng con cho khỏi sự dữ...* đó là, cứu chúng con khỏi sự mù quáng làm chúng con tiếp tục tham dự vào các cơ chế vô danh, trong đó chúng con không cần biết ai nhận ít hơn, miễn là chúng con nhận nhiều hơn.

Amen.

## 9.

### Linh Đạo Tính Dục

*Trên đời này có lẽ không có cái gì mạnh để phá vỡ tính ích kỷ cho bằng chỉ cần nhìn vào các đứa con của mình. Trong tình thương chúng ta dành cho chúng, Thiên Chúa cho chúng ta một ưu thế để cảm nghiệm được như Ngài - tuôn tràn tính quảng đại, niềm vui, phấn khởi, và ước mong làm cho cuộc sống người khác trở nên xứng đáng và quan trọng hơn cuộc sống riêng của mình.<sup>1</sup>*

### Tính dục như Ngọn Lửa Thiêng

Các triết gia Hy-lạp cho rằng chúng ta được sinh ra với một nỗi cuồng si phát xuất từ các vị thần và sinh lực này là cội rễ của mọi yêu đương, thù ghét, sáng tạo, hoan lạc và sầu muộn. Người Kitô phải chấp nhận điều này và thêm rằng Thiên Chúa đã đặt sức mạnh lớn lao đó, tính dục, vào trong chúng ta để rồi cuộc chúng ta cũng có thể tạo nên sự sống và, như Thiên Chúa, nhìn vào những gì mình đã giúp tạo ra, tràn ngập niềm vui phá vỡ vỏ bọc ích kỷ của chúng ta, và nói:

“Vậy là tốt, thực sự rất tốt!” Một tính dục trưởng thành là khi nhìn vào những gì mình góp phần tạo ra, chúng ta tràn ngập hân hoan phá tan ngục tù ích kỷ của mình, cảm nhận như cách Thiên Chúa cảm nhận khi Ngài nhìn tạo vật.

Vì lý do này, tính dục nằm ở trung tâm của đời sống thiêng liêng. Tính dục lành mạnh là phương tiện mạnh mẽ duy nhất dẫn chúng ta đến lòng quảng đại và hoan lạc, cũng như tính dục thiếu lành mạnh làm gia tăng tính ích kỷ và bất hạnh và chẳng có gì nữa. Chúng ta sẽ hạnh phúc ở đời này hay không là tùy thuộc vào đời sống tính dục của chúng ta có lành mạnh hay không.

Vì thế, một trong những nhiệm vụ cơ bản của linh đạo là giúp chúng ta hiểu và dẫn truyền tính dục của chúng ta cách đúng đắn. Tuy nhiên, đây không phải là nhiệm vụ đơn giản. Tính dục là ngọn lửa quá mạnh, đến nỗi không phải là chuyện dễ dàng để dẫn truyền nó theo cách thức đem lại sự sống. Chính sức mạnh của nó

và đó là năng lực mạnh nhất trên hành tinh này biến nó trở nên một năng lực không chỉ cho tình yêu, sự sống và phúc lành cao cả nhưng còn cho hận thù, chết chóc và phá hủy tệt hại nhất có thể tưởng tượng được. Tính dục chịu trách nhiệm hầu hết mọi khoái cảm xảy ra trên hành tinh này, nhưng cũng là tác nhân cho nhiều vụ giết người và tự vẫn. Nó là ngọn lửa mạnh mẽ nhất, tốt nhất và nguy hiểm nhất trong tất cả các ngọn lửa, và là ngọn lửa rốt cùng, làm nền tảng cho tất cả mọi thứ, kể cả đời sống thiêng liêng.

Nhưng tính dục nên được hiểu thế nào? Những nhánh chính bên trong linh đạo tính dục Kitô giáo là gì?

## Hướng đến quan niệm Kitô giáo về tính dục

### 1. Tính dục như sự ý thức về việc bị cắt đứt

Để hiểu ý nghĩa tính dục, chúng ta phải bắt đầu đi từ định nghĩa của nó. Gốc của một từ không phải luôn luôn có thể làm sáng tỏ ý nghĩa của nó, nhưng trường hợp từ sex và sexuality thì có. Gốc tiếng La-tinh của từ sex là động từ secare. Secare có nghĩa đen là “cắt đứt” (cut off), “cắt rời” (sever), “cắt bỏ” (amputate), “tách khỏi toàn thể” (to disconnect from the whole). Vì vậy “sexed” có nghĩa đen là bị cắt đứt, cắt rời, bị tách khỏi toàn thể. Như thế, lấy ví dụ đơn giản, nếu bạn dùng cưa cắt nhánh cây, thì bạn “sexed” nhánh đó. Nhánh này, nếu nó có thể cảm nhận và suy nghĩ, nó sẽ tỉnh dậy trên mặt đất, cắt đứt, cắt bỏ, tách rời thành một miếng gỗ nhỏ đơn độc vốn đã từng là thành phần của một cơ cấu lớn. Trong từng mọi thớ thịt, nó sẽ hiểu rằng nếu nó muốn tiếp tục sống và đặc biệt nếu nó muốn sinh hoa kết quả, thì bằng cách nào đó nó phải gắn kết trở lại với cây.

Đây đúng là cách chúng ta thức dậy trên cõi đời này. Chúng ta thức dậy trong chiếc nôi, không yên bình, mà kêu la - cô đơn, bị cắt đứt, bị tách rời khỏi toàn thể lớn lao. Thậm chí trước khi chúng ta tự ý thức và trước khi đến tuổi dậy thì, lúc tính dục của chúng ta hội tụ quá mạnh vào ham muốn tình dục, thì chúng ta đã cảm thấy chính mình bị cắt đứt đau đớn trong mọi tế bào cơ thể, tâm thần và linh hồn. Tình dục là chiều kích ý thức của chúng ta. Chúng ta thức dậy trên đời và đau nhói trong mọi tế bào của hữu thể mình, cách ý thức hay vô thức, cảm thấy mình bất toàn, yếu nhược, cô đơn, bị tách rời, là một miếng nhỏ của thứ gì đó vốn đã từng thuộc về cái



toàn thể. Karl Jung có lần so sánh sự không trọn vẹn mà chúng ta cảm nhận trong tình dục với lòng trắng và lòng đỏ tách biệt của quả trứng. Cùng nhau chúng tạo nên một tổng thể. Tách ra, chúng không trọn vẹn. Giới tính cũng như vậy. Nếu ở một mình chủ yếu chúng ta không trọn vẹn và đau đớn ở mọi tầm mức của cái tổng thể mà chúng ta biết mình đã bị tách rời khỏi đó, ở một tầm mức đen tối nào đó. Chúng ta cảm nhận mình như lòng trắng hay lòng đỏ, bị tách khỏi nửa kia của mình.

Và điều này được cảm nghiệm đau đớn cùng cực - một đơn độc nhức nhối, một khát khao phi lý, một cuồng điên từ các vị thần (người Hy Lạp cho là thế). Nhưng cơn cuồng điên này cũng là một năng lực to lớn; thật vậy, nó là năng lực lớn nhất bên trong chúng ta. Nó là động cơ thôi thúc mọi thứ khác, thể xác và tinh thần. Nếu điều này đúng, và đúng thế, thì chúng ta sẽ thấy tính dục không đơn thuần là vấn đề quan hệ tình dục và nó trở thành rất quan trọng khi chúng ta phân biệt giữa tính dục và quan hệ tình dục. Không dễ dàng để xác định thế nào là tính dục và thế nào là quan hệ tình dục.

## **2. Tính Dục đối đầu với Quan hệ tình dục**

Tính dục (sexuality) là một tổng lực bên trong chúng ta. Theo nghĩa này, tự nó đồng nhất với chính nguồn sống. Đó là con đường của tình yêu, tương quan, cộng đồng, tình bạn, gia đình, tình cảm, toàn vẹn, giao hợp, sáng tạo, tự lưu truyền, vô luân, niềm vui, khoái cảm, hài hước, và siêu việt tự thân. Ở một mình thì không tốt.<sup>2</sup> Khi Thiên Chúa nói điều này về A-đam từ thuở hồng hoang sáng tạo, Ngài có ý nói về mọi đàn ông, đàn bà, trẻ con, động vật, côn trùng, cây cỏ, nguyên tử, và phân tử trong vũ trụ. Tính dục là năng lực bên trong chúng ta vốn liên lý chống lại việc chúng ta sống đơn độc.

Quan hệ tình dục (genitality), làm tình, dù là rất quan trọng, cũng chỉ là một khía cạnh của thực tại lớn hơn thuộc về tính dục. Quan hệ tình dục được cụ thể hóa, một sự giao hoan thể lý, một sự hội tụ ưu tiên cụ thể nhiều năng lực hàm chứa những năng lực ái tình rộng hơn của chúng ta ngang qua sự tiếp xúc xác thịt với một người khác mà chúng ta thường gọi là làm tình.

Khi tạo ra sự phân biệt nghiêm khắc này, có hai lưu ý phải được đưa ra ngay lập tức. Một mặt, quan hệ tình dục (làm tình) có lẽ không bao giờ bị tầm thường hóa hay phỉ báng và xem như một điều gì đó quá trần tục và xác thịt đến nỗi không thể là điều thiêng liêng, như vô số người theo phái Manikêô, chủ thuyết trực tri và các nhà linh đạo khác đã tin tưởng và dạy điều này qua hàng thế kỷ. Phần lớn Kitô giáo bị ảnh hưởng quá mạnh bởi những quan điểm tiêu cực và phi Kitô về tình dục đến

nổi nó không bao giờ thực sự được triển khai như một linh đạo thông truyền sự sống về quan hệ tình dục. Vì lý do này, trong số những lý do khác nữa, lối sống độc thân đã được đề cao quá mức như một lý tưởng thiêng liêng. Điều này sai. Phải thừa nhận rằng làm tình không phải là thực tại toàn vẹn của tình dục, nhưng có lẽ nó là món quà lớn nhất mà Thiên Chúa ban cho hành tinh, và mang đến cho con người cơ hội để sự giao hợp thật sự trở nên có giá trị ở khía cạnh bất diệt. Thật vậy, vài nhà thần học thấy trong quan hệ tình dục một nếm cảm trước đời sống bất diệt của thiên đàng và nhiều nhà thần nghiệm cổ điển đã dùng hình ảnh quan hệ tình dục để mô tả sự hiệp nhất toàn vẹn rốt cùng của chúng ta với Thiên Chúa và tạo vật.

Mặt khác, người Kitô hữu cũng phải tránh quan niệm phổ biến đương thời cho rằng cách nào đó quan hệ tình dục có thể chứa đựng mọi thứ mà tính dục mang lại. Ngày nay, nền văn hóa phổ biến dạy rằng con người không thể khỏe mạnh nếu không có quan hệ tình dục lành mạnh. Điều này đúng. Tuy nhiên, phần lớn nghĩ về tình dục chỉ là làm tình. Đó là việc xem nhẹ đáng buồn. Tình dục là một năng lực rộng lớn và chúng ta có tính dục lành mạnh khi chúng ta có tình yêu, cộng đoàn, giao thiệp, gia đình, tình bạn, cảm xúc, sáng tạo, hoan lạc, phấn khởi, hài hước, và siêu việt tự thân trong đời sống của chúng ta. Như chúng ta biết, có được những điều này phụ thuộc vào nhiều thứ và không chỉ vào việc chúng ta có ngủ một mình hay không. Người ta có thể quan hệ tình dục nhiều mà vẫn thiếu thốn tình yêu, cộng đồng, gia đình, tình bạn, và tính sáng tạo đích thực, cũng như có thể ở một mình mà có dồi dào những thứ này. Tất cả chúng ta đều biết câu châm ngôn nổi tiếng (và nó thật đúng) rằng tìm một người tình thì dễ hơn tìm một người bạn. Tính dục là việc có được bằng hữu cũng như là việc có tình nhân. Ngủ một mình thì đau buồn nhưng có lẽ còn đau buồn hơn khi ngủ trong cô độc ngay cả lúc không ngủ một mình. Vì thế, không bao giờ nên phỉ báng hay xem quan hệ tình dục là không thiêng liêng hay thứ yếu, không nên đòi hỏi một mình nó phải gánh lấy hết trách nhiệm của cộng đồng, tình bạn, gia đình, và hoan lạc trong đời sống chúng ta.

Các triết gia Hy-lạp cổ cho chúng ta từ ái tình (eros). Tuy nhiên đối với họ nó mang nhiều ý nghĩa hơn cách hiểu ngày nay của chúng ta. Nói chung ngày nay chúng ta hiểu nó có nghĩa chính là sự quyến rũ tình dục. Đối với người Hy Lạp cổ, eros là một thực tại bao gồm sáu chiều kích đan xen nhau: Nó lần lượt và đồng thời đề cập đến ludens (tính vui đùa, chòng gheo, và khôi hài của tình yêu); erotic attraction (lôi cuốn tình dục và khao khát làm tình); mania (ám ảnh, phải lòng, lãng mạn); pragma (sắp đặt tế nhị để có đời sống gia đình, mái ấm, và cộng đồng); philia (tình bạn); agape (lòng vị tha, quảng đại, hy sinh). Không như chúng ta, người Hy-lạp cổ không đòi hỏi mỗi một khía cạnh này của tình yêu mang lấy mọi khía cạnh khác.

### 3. Định nghĩa Kitô giáo về tính dục

Vậy người Kitô hữu định nghĩa tính dục thế nào? Tính dục là một năng lực đẹp đẽ, tốt lành, cực kỳ mạnh mẽ, thánh thiêng mà Thiên Chúa ban cho chúng ta và được cảm nghiệm trong mọi tế bào của hữu thể như một sự thôi thúc không thể kiềm chế để chúng ta vượt lên trên sự bất toàn vẹn, tiến đến sự hiệp nhất và giao hợp với đối tượng bên ngoài chúng ta. Nó cũng thôi thúc chúng ta thực hiện, trao ban và đón nhận khoái cảm, tìm đường về Vườn Địa Đàng nơi chúng ta có thể trần truồng, không xấu hổ, không lo lắng và làm việc như khi chúng ta làm tình dưới ánh trăng.

Cho dẫu, rốt cùng, tất cả những nỗi khát khao này, trong sự chính chắn đầy đủ, lên đến tột điểm của một điều: Chúng muốn chúng ta thành người đồng sáng tạo với Thiên Chúa... người mẹ và người cha, nghệ nhân và người sáng tạo, người anh người chị cả, người chăm sóc và người chữa bệnh, giáo viên và người an ủi, nông dân và nhà sản xuất, nhà cầm quyền và người xây dựng cộng đồng... đồng trách nhiệm với Thiên Chúa về hành tinh này, kẻ vai sát cánh với Ngài, mỉm cười và chúc lành cho thế giới.

Dựa vào định nghĩa đó, chúng ta thấy rằng tính dục trong sự nở rộ chín chắn của nó không nhất thiết phải là những cảnh ái tình (với cơ thể hoàn hảo, cảm xúc hoàn hảo, ánh sáng hoàn hảo) như trong bộ phim Hollywood. Tính dục trong sự nở rộ chín chắn của nó thì như thế nào?

- Khi bạn thấy một người mẹ trẻ, quá vui với đứa con của mình đến nỗi vào lúc đó, mọi tính vị kỷ trong lòng bà đều nhường bước cho niềm vui đầy tràn của việc nhìn thấy con mình hạnh phúc, là bạn thấy tính dục trong sự nở rộ chín chắn của nó.

- Khi bạn thấy một người ông (nội hay ngoại) quá tự hào về đứa cháu vừa tốt nghiệp, đến nỗi vào lúc đó tâm hồn ông đầy lòng thương, vị tha, và vui sướng, thì bạn thấy tính dục trong sự nở rộ chín chắn của nó.

- Khi bạn thấy một nghệ nhân, sau một một thời gian dài hệt hững, nhìn vào tác phẩm họ vừa hoàn thành mỹ mãn đến nỗi trong phút chốc mọi thứ khác đều bị xoá sạch, thì bạn thấy tính dục trong sự nở rộ chín chắn của nó.

- Khi bạn thấy một chàng trai, đang lạnh và bị ướt, nhưng hạnh phúc phục vụ, đứng nơi bến tàu, mang trên vai đứa trẻ bất tỉnh mà anh ta vừa cứu khỏi chết đuối, thì bạn đang thấy tính dục trong sự nở rộ chín chắn của nó.- Khi bạn thấy ai đó quay

đầu hồn nhiên cười, không dè chừng mà đơn thuần cười sung sướng, thì bạn đang thấy tính dục trong sự nở rộ chín chắn của nó.

- Khi bạn thấy một nữ tu lớn tuổi, người chưa bao giờ ngủ với đàn ông, chưa lập gia đình, chưa sinh con, bao nhiêu năm tận tâm phục vụ mà lòng trắc ẩn mang đến nụ cười tinh nghịch, thì bạn thấy tính dục trong sự nở rộ chín chắn của nó.

- Khi bạn thấy mọi người đứng chung quanh ngôi mộ, bình an tâm hồn trước tang thương, an ủi nhau rằng cuộc sống vẫn tiếp diễn, thì bạn đang thấy tính dục trong sự nở rộ chín chắn của nó.

- Khi bạn thấy đôi vợ chồng lớn tuổi, sau hơn nửa thế kỷ chung sống yên bề gia thất, bây giờ họ thình lặn chia sẻ với nhau chén cơm, bằng lòng khi biết người kia còn đó, bạn đang thấy tính dục trong sự nở rộ chín chắn của nó.

- Khi bạn thấy gia đình sum vầy bên bàn ăn, vui cười, chuyện trò và truyền cho nhau sức sống thì bạn đang thấy tính dục trong sự nở rộ chín chắn của nó.

- Khi bạn thấy Mẹ Têrêxa, băng bó vết thương cho một người lang bạt ở Calcutta hay ông Oscar Romero hy sinh mạng sống mình để bảo vệ người nghèo, thì bạn thấy tính dục trong sự nở rộ chín chắn của nó.

- Khi bạn thấy bất cứ ai - đàn ông, đàn bà, trẻ con - trong khoảnh khắc phục vụ, cảm xúc, tình yêu, tình bạn, sáng tạo, niềm vui, hay trắc ẩn, thì lúc đó, lúc họ chìm ngập trong những gì vượt khỏi chính họ, vượt trên mọi khoảng cách giữa họ với người khác, thì bạn sẽ thấy tính dục trong sự nở rộ chín chắn của nó.

- Khi bạn thấy Thiên Chúa, khi vừa mới sáng tạo thế giới, hoặc cảnh Đức Giêsu vừa chịu phép rửa ở sông Gióc-đan và nghe tiếng nói, "Tốt đẹp. Ta hài lòng về điều này!" thì bạn sẽ thấy tính dục trong sự nở rộ chín chắn của nó.

Tính dục không chỉ cốt tại việc tìm được một người yêu hay ngay cả một người bạn, nhưng còn ở việc vượt trên khoảng cách, qua việc trao ban sự sống và chúc lành nó. Vì thế, vào lúc chín chắn của nó, tính dục cốt tại trao ban chính mình cho cộng đồng, tình bạn, gia đình, phục vụ, sáng tạo, khôi hài, phấn khởi, và tử đạo để cùng Thiên Chúa chúng ta có thể giúp mang sự sống cho thế gian.

#### **4. Một vài nguyên tắc Kitô giáo bất di bất dịch**

Ngoài định nghĩa rộng vừa đưa ra, đâu là nguyên tắc bám trụ cho một linh đạo Kitô lành mạnh về tính dục?

Có bốn nguyên tắc cơ bản cần được đề cập cách đặc biệt:

a. Đối với Kitô hữu, tình dục là một điều gì đó thiêng liêng. Vì thế nó không bao giờ đơn giản là một điều gì đó tầm thường, thứ yếu và vô giá trị. Nếu bản chất đúng đắn của nó được tôn trọng, thì nó sẽ xây đắp linh hồn như một bí tích, và đem lại sự đụng chạm thể lý từ Thiên Chúa đến với chúng ta. Trái lại, nếu bản chất đúng đắn của nó không được tôn trọng, thì nó trở thành một thứ đồi bại làm băng hoại linh hồn.

Trong tương quan hiến thân, yêu thương, giao ước thì tình dục mang tính bí tích, là một phần bí tích Thánh Thể của đôi vợ chồng. Do đó nó là phương tiện đặc truyền ân sủng, một nguồn kết hiệp đặc biệt cho linh hồn, một giếng sâu thẳm của lòng biết ơn, và một điều gì đó mà ngang qua năng lực nội tại của mình dẫn hai người (theo một cách thức mà có lẽ không điều gì khác có thể làm) đến chỗ trở nên những con người trưởng thành biết trao ban sự sống, sự tử tế và, hạnh phúc. Trái lại, không có những điều kiện đó, tình dục sẽ thường gây ra hậu quả ngược lại. Nó làm cho tâm hồn chai cứng, tầm thường và phá vỡ sự hòa hợp của tâm hồn. Thêm nữa, nó không mở đường cho họ đến cộng đồng thực thụ, lòng khoan dung, và chúc lành, thay vào đó là tách rời họ khỏi cộng đồng đích thực.

Dĩ nhiên, nền văn hóa chúng ta ngày nay chống lại quan niệm đó và phản đối rằng tình dục có thể tầm thường và trung lập, không nhất thiết là một vấn đề lớn. Tuy nhiên, mỉa mai thay ngay khi nền văn hóa của chúng ta khẳng định rằng tình dục có thể tùy tiện và trung lập về mặt thiêng liêng và tâm lý, thì lần đầu tiên nó nhận ra sự hủy hoại tâm hồn không thể tin được của tình dục xảy ra khi nạn nhân bị hiếp. Đây là một tiến bộ. Tiếc thay sự đào sâu này vẫn chưa đạt đến mức nhận ra sự hủy hoại của cộng đồng và thông thường là hủy hoại tâm hồn của đương sự mà các quan hệ tình dục tùy tiện gây ra.

Bất chấp sự phản kháng của nền văn hóa chúng ta, tình dục vẫn không giống như thứ gì khác. Ngọn lửa của nó quá mạnh, quá quý báu, quá nung nấu con tim và tâm hồn con người, và quá thần thiêng đến nỗi hoặc nó thông truyền sự sống hoặc nó lấy đi. Nó không bao giờ có thể tùy tiện, nhưng hoặc là một bí tích hoặc là một hành động hủy diệt.

b. Đối với người Kitô hữu, tự bản chất, tình dục phải gắn kết với hôn nhân, một vợ một chồng và một sự cam kết giao ước mà theo định nghĩa, nó mang tính toàn vẹn và vĩnh viễn. Đối với Kitô hữu vấn đề tình dục ngoài hôn nhân không hề tồn tại ở chỗ nó phá vỡ một điều răn (dù nó phá vỡ) nhưng ở chỗ rốt cùng đó là một hành động tâm thần bệnh lý. Sao lại thế?

Tự bản chất, tình dục là việc trọn vẹn hiến trao, hoàn toàn tín thác và quên mình dẫn thân. Có một sự đứt khoát cố hữu trong việc ân ái chia sẻ của linh hồn. Vì thế, nếu sự tín thác, dẫn thân, vững bền, và đứt khoát đích thực không hiện diện trong tương quan rộng lớn hơn, thì phần nào đó tình dục chỉ là dối trá. Nó tưởng trao ban một món quà nhưng thực sự không trao ban, nó đòi hỏi một món quà mà nó không thể đáp trả cách chính đáng. Như lời của một bài hát xưa cũ “Ngày mai để quý bắt đi, đêm nay ta cần một người bạn,” ngày mai quý bắt đi thật, nhưng người bạn cũng biến mất.

Xin nói lại, nền văn hoá của chúng ta phản kháng điều này, nhưng nó không thể làm gì nhiều để chữa lành các cơn đau đầu, những đổ vỡ gia đình, bạo lực, và các vụ tự tử gây ra, hậu quả của những tương quan tình dục đứt gãy. Có lần tôi đọc một lời bình luận khá gay gắt về khẳng định của Kitô giáo rằng tình dục là gắn kết với hôn nhân. Tác giả kết thúc bài phê bình bằng cách hỏi: “Tại sao Kitô giáo cứ khó chịu về điều này? Ai đã từng bị tổn thương bởi tình dục?” Khi can đảm cố gắng trả lời câu hỏi thứ hai, thì chúng ta sẽ thấy rõ hơn sự khôn ngoan trong giáo huấn truyền thống của Kitô giáo.

c. Tình dục có một năng lực nội tại mà nếu trung thành theo, thì nó sẽ dẫn người theo mình đến sự thánh thiện. Tính dục là năng lực của Thiên Chúa bên trong chúng ta. Vì thế, lý tưởng là, tình dục nên dẫn con người đến sự thánh thiện và khi tôn trọng những nguyên tắc của nó thì nó thực hiện điều đó cách đúng đắn. Bằng cách nào? Những năng lực nội tại có thể dẫn đến sự thánh thiện là gì? Chúng ta hãy xem một ví dụ điển hình.

Một chàng trai trẻ, được trưởng thành hơn khi lòng ích kỷ, tổn thương, tham vọng cá nhân được san sẻ, anh tạo được dấu ấn cuộc đời khi tính dục có tác dụng trên cuộc sống của anh. Ban đầu, ở giai đoạn thiếu niên, những gì anh muốn là tình dục, có hoặc không có tình yêu và tình mật thiết. Rồi anh gặp một cô gái và phải lòng cô ta. Anh vẫn muốn tình dục, nhưng bây giờ chính năng lực nội tại của tình dục giúp làm chín chắn khát khao của anh. Đang yêu, tính dục của anh bây giờ đòi hỏi không những chỉ tình dục mà còn tình mật thiết, được độc quyền và có cam kết. Anh kết hôn và trong một thời gian, anh hài lòng với tình dục và tình mật thiết. Tuy nhiên, khi anh và mối tương quan giữa anh và vợ được trưởng thành, thì tự nhiên đến một ngày anh muốn có con. Họ có con và dù anh muốn có con nhưng anh vẫn ngạc nhiên với chính mình trước việc anh yêu thương con biết bao, chúng đã thay đổi anh và nhãn quan của anh về cuộc đời biết chừng nào. Các chiều kích mới của lòng ham muốn (mà trước đây anh không ý thức) được tạo ra bên trong anh và anh thấy mình có thể gạt bỏ các nhu cầu riêng để tận tâm hơn với con và dĩ nhiên với người vợ mà không bị bực bội xâm chiếm.

Và rồi con cái lớn lên, hòa nhập với các đứa trẻ khác, đi học, đi sinh hoạt đủ các loại. Nhà anh bắt đầu đầy các đứa trẻ khác, cha mẹ của chúng và các mối bận tâm của họ – anh bị cuốn vào trong các buổi tối hội họp cùng mối bận tâm với các cha mẹ khác, các buổi họp phụ huynh, làm huấn luyện viên cho đội bóng của trẻ con, đưa đón chúng đủ loại lớp học và trận đấu trong khu vực. Thế giới của anh liên tục mở rộng, và anh, với những khát vọng và trưởng thành của mình, cũng mở rộng theo. Dần dần, không hay biết, qua năm tháng anh lớn lên, cởi mở, chín chắn, quảng đại hơn, và là một người cha bao dung, phúc đức, trưởng thành.

Tình dục, nếu theo đúng cách, dẫn đến sự thánh thiện. Câu chuyện người đàn ông này là một loại kịch bản. Có nhiều, rất nhiều loại kịch bản diễn tiến cùng cách, bao gồm các năng lực tính dục độc thân lành mạnh. Niềm khát khao, hoạt động bên trong chúng ta, nếu được làm đúng cách, sẽ tiếp tục dẫn chúng ta ngày càng gần hơn với sự trưởng thành tử tế.<sup>3</sup>

d. Đối với người Kitô hữu, tình dục luôn luôn cần sự bảo vệ của đức khiết tịnh lành mạnh. Theo nhãn quan Kitô giáo, khiết tịnh là một trong các chìa khóa dẫn đến tính dục lành mạnh. Tuy nhiên, cần hiểu đúng điều này.

Trước tiên là khái niệm về chính đức khiết tịnh: Khiết tịnh không có nghĩa là độc thân. Trở nên khiết tịnh không có nghĩa là không có quan hệ tình dục. Cũng không có nghĩa là đoan trang đến mức cả thẹn. Cha mẹ tôi là hai người khiết tịnh nhất mà tôi biết, dĩ nhiên họ hưởng thú vui tình dục, gia đình đông con, mối dây ràng buộc ấm áp và bền chặt giữa họ là bằng chứng thuyết phục hơn cả. Trước hết, khiết tịnh thậm chí không phải đơn thuần là một khái niệm về tình dục, dù đứng trước sức mạnh và thôi thúc của tình dục, những lỗi phạm đức khiết tịnh thường ở bên trong lãnh vực tính dục.

Đức khiết tịnh phải đối mặt với mọi trải nghiệm. Nó liên quan đến sự tương thích của bất cứ trải nghiệm nào. Rốt cuộc, khiết tịnh là tôn trọng - và tội, mọi tội, là sự không tôn trọng. Khiết tịnh là trải nghiệm con người, sự vật, nơi chốn, giải trí, các chu kỳ sống, và tình dục làm sao để cho những điều đó hay chính mình không bị tổn thương. Khiết tịnh là cảm nghiệm sự vật một cách tôn trọng sao cho kinh nghiệm hàn gắn chúng ta và những điều đó khấn khít hơn.

Vì thế chúng ta khiết tịnh khi tương quan với người khác làm sao để không vượt quá lằn ranh luân lý, tâm lý, cảm xúc, thẩm mỹ và tình dục của họ. Quả là trừu tượng khi cho rằng khiết tịnh là không để cho sự thiếu kiên nhẫn, bất kính, hay ích kỷ xâm phạm món quà tặng. Trái lại, chúng ta thiếu khiết tịnh khi vội vã hay bất kính vượt qua ranh giới, khi vi phạm bất cứ điều gì và cách nào đó giảm thiểu căn tính của nó. Khiết tịnh là kính trọng, tôn trọng, và kiên nhẫn. Hoa trái của nó là hiệp

nhất, lòng biết ơn, và niềm vui. Thiếu khiết tịnh là thiếu kiên nhẫn, bất kính và xâm phạm. Hoa trái của nó là chia rẽ tâm hồn, cay đắng, và yếm thế.

Bất kỳ khi nào có bạo lực, bất kính, cảm xúc hỗn loạn, thiếu tính cộng đồng, cay đắng, yếm thế, và vô trách nhiệm tình dục, thì khi đó thiếu lòng khiết tịnh. Đó là các dấu hiệu không thể sai lầm của nó.

Tình dục, chính vì nó là một ngọn lửa cực mạnh nên nó luôn luôn cần đức khiết tịnh bảo vệ. Như Karl Jung đề xuất, chúng ta không bao giờ nên ngây ngô về sức mạnh thống trị của năng lực. Mọi năng lực, đặc biệt là năng lực tình dục, không phải luôn luôn thân thiện và thường thường chúng tìm cách dẫn chúng ta vượt qua các ranh giới một cách hấp tấp và bất kính. Có không ít sự khôn ngoan trong một số điều cấm kỵ tình dục cổ điển. Ngọn lửa tình dục quá mạnh và thánh thiêng đến nỗi nó phải được quy định và bao hàm bởi nhiều thứ hơn là bởi tình trạng cảm xúc của chúng ta hôm đó. Sự khôn ngoan của mọi thời đại, một số được quy ước trong các giới răn và một số được chôn sâu nguyên dạng trong bản năng của chúng ta, bảo chúng ta rằng trước ngọn lửa tình dục, chúng ta nên ở trong tâm trạng tôn trọng và kính sợ thánh thiện nào đó vì biết rằng ngọn lửa thần thiêng đòi hỏi chúng ta cởi giày ra.<sup>4</sup> Trước bất kỳ điều gì mạnh mẽ như tình dục, cần có một số điều cấm kỵ.

Dĩ nhiên, một lần nữa, nền văn hóa của chúng ta phản đối điều này. Ngày nay ít có vấn đề nào tạo ra thái độ chê bai cho bằng khái niệm khiết tịnh tình dục. Nền văn hóa đương thời xem sự vượt qua lòng khiết tịnh là một chiến thắng luân lý, một chiến thắng vốn cuối cùng giúp chúng ta giải phóng về mặt tình dục. Người Kitô hữu có thể xem lời tuyên bố này nghiêm túc hơn nếu giả thử như sự giải phóng tình dục này thực sự chuyển qua sự tôn trọng hơn giữa hai giới tính và trở thành thứ tình dục làm nhẹ bớt tình trạng cô đơn, xây dựng cộng đoàn lâu bền, vun đắp các tâm hồn thẳng bằng hơn, mang lại ít lạm dụng tình dục người khác hơn, giúp tạo ra một xã hội của ít người cô đơn hơn, đầy tình thương, lòng khoan ái và hạnh phúc hơn. Đáng buồn thay điều đó không xảy ra và người ta nghe vang vọng lời than van của Albert Camus rằng có lúc việc vượt ra khỏi vòng cương tỏa của lòng khiết tịnh được xem như một chiến thắng, dù nó sớm chuyển qua thành thất bại.<sup>5</sup>

Lời nhận xét cuối cùng về đức khiết tịnh: Ai đó có lần nói rằng Kitô giáo không hiểu đam mê tình dục, còn thế gian thì không hiểu khiết tịnh. Đó là một sự đơn giản hóa thái quá, bởi chưng ở cả hai phía có những tiếng nói cá nhân rất quan trọng vốn không phù hợp với sự mô tả, nhưng đó là lời phát biểu chân thực mang tính khái quát hóa và đề cập đến một điều gì đó tối quan trọng. Kitô giáo đã tranh đấu và vẫn còn đấu tranh để thể hiện đam mê tình dục cách lành mạnh và trọn vẹn. Còn phần thế gian, nó đã chiến đấu và vẫn đang chiến đấu để can đảm và thành thật nhìn vào những gì đang xảy ra đối với sự ngây thơ và hạnh phúc của chúng ta khi



chúng ta coi thường đức khiết tịnh. Cả hai cần học hỏi nhau. Đam mê và khiết tịnh, tình dục và trinh tiết, phải được mang lại gần nhau.

Kitô giáo phải can đảm gạt bỏ một số sợ hãi và e dè, phải học cách đề cao thiện ích của đam mê tính dục, hay tình dục. Thực sự, chính giáo hội Kitô phải là sức mạnh luân lý để thách thức nền văn hóa, để cử hành sự tốt lành của tình dục. Chừng nào giáo hội còn do dự để thực hiện điều này, thì ít nhất ở mức độ này, nó sẽ vẫn là kẻ thù của niềm khoái cảm và sáng tạo chính đáng. Khiết tịnh ở bên ngoài thiện ích tình dục thì chỉ là sự lạnh nhạt. Trái lại, nền văn hóa chúng ta phải học lại giá trị của lòng khiết tịnh và trinh tiết. Nó phải thừa nhận mình phải hứng chịu biết bao nỗi đau và rối loạn cảm xúc từ việc tầm thường hóa tình dục và xem nhẹ giá trị của lòng khiết tịnh và trinh tiết. Chừng nào thế giới tiếp tục xem khiết tịnh là ngây ngô, lo sợ, là luân lý xưa cổ, thì nó vẫn là kẻ thù của chính mình. Đam mê tình dục chỉ là một điều gì đó thâm sâu khi nó tương quan với khiết tịnh và trinh tiết. Việc chúng ta muốn kết hôn khiết tịnh thì không phải là điều ngẫu nhiên mà là một nguyên mẫu.<sup>6</sup>

## **Sống không giao hợp - một vài nhãn quan Kitô giáo**

### **1. Nỗi hụt hẫng trước bản giao hưởng dở dang cuộc đời**

Karl Rahner có lần nói rằng, chúng ta mong muốn mọi thứ mà không có được, thì nỗi đau do sự thiếu thốn này sẽ làm chúng ta nhận ra, mọi bản giao hưởng lúc nào cũng còn dang dở. Ông nói đúng. Trên đời này, không có niềm vui nào là niềm vui trọn vẹn. Cách nào đó chúng ta luôn hụt hẫng, ngủ một mình, dù có làm tình hay không.

Điều này đặc biệt đúng đối với tính dục của chúng ta. Rốt cuộc, như Freud đề xuất, mọi người đều hụt hẫng tình dục vì tất cả chúng ta đều có những nhu cầu tình dục không bao giờ được thỏa mãn, dù chúng ta quan hệ tình dục nhiều như thế nào. Lòng ham muốn tình dục của chúng ta thì quá lớn và quá bao quát đến nỗi nó không bao giờ được thỏa mãn và bản chất của nó phức tạp đến nỗi, đôi lúc quan hệ tình dục không thỏa mãn niềm khát khao đó bao nhiêu.

Chúng ta phải giải quyết vấn đề này như thế nào? Làm thế nào chúng ta sống với tình trạng hụt hẫng như thế mà không bị vô thức áp đặt trên cuộc sống và trên những người chúng ta yêu thương? Làm thế nào chúng ta sống trong một thế giới mà không đòi hỏi cuộc sống, vợ/chồng, bạn bè, gia đình, ơn gọi và công việc của

chúng ta trao cho chúng ta một điều gì đó vốn không thể đáp ứng thoả đáng, tức là, bản giao hưởng cuối cùng, một sự hoàn tất trọn hảo?

## **2. Một vài nhãn quan Kitô giáo - Phải làm gì cho đến khi Đấng Thiên Sai trở lại**

Linh đạo Kitô giáo có thể đưa ra nhãn quan nào trước vấn đề này? Ta phải làm gì trước việc không thoả mãn tình dục vốn không có luật trừ nào?

Năm điều có liên quan với nhau có thể hữu ích cho chúng ta là những Kitô hữu khi sống với tình trạng hụt hẫng này.

### ***a. Hiểu thời gian chúng ta đang sống***

Henri Nouwen có lần đề xuất rằng tất cả chúng ta sẽ sống hạnh phúc hơn nếu chúng ta chấp nhận sự thật bất di bất dịch này: “Cuộc đời chúng ta là một thời gian ngắn chờ đợi, một thời gian trong đó u sầu và hoan lạc luôn luôn sát bên nhau. Nỗi buồn bao trùm mọi khoảnh khắc của đời sống chúng ta cũng có giá trị của nó. Dường như không có một điều nào là niềm vui thuần túy rạch ròi. Thậm chí trong những khoảnh khắc rất hạnh phúc của cuộc sống, chúng ta vẫn cảm nhận một thoáng buồn. Trong mọi lúc hài lòng, luôn có một ý thức của những giới hạn. Trong mọi thành công, luôn có nỗi lo sợ lòng ghen tỵ. Đằng sau mọi nụ cười đều ẩn giấu một giọt lệ. Trong mỗi vòng ôm, đều có sự cô đơn. Trong mọi tình bạn đều có khoảng cách. Và trong mọi dạng ánh sáng đều có một sự tri nhận bóng tối vây hãm... Nhưng trải nghiệm sâu sắc này, mọi mảnh sống đều bị đung chạm bằng một mảnh chết, có thể dẫn chúng ta vượt qua các giới hạn của cuộc sống. Nó thực hiện điều đó bằng cách làm cho chúng ta hy vọng hướng về ngày tâm hồn chúng ta ngập tràn niềm vui trọn vẹn, một niềm vui mà không ai có thể lấy khỏi chúng ta.<sup>7</sup>

Điều mà Nouwen khẳng định ở đây bằng ngôn ngữ đơn giản là những gì thần học Kitô giáo có ý nói khi cho rằng chúng ta đang sống trong thời đại hướng về thời cánh chung chuyển tiếp. Chúng ta đang sống trong thời đại giữa sự Phục Sinh của Đức Kitô (sự khởi hoàn khởi đầu của lời Thiên Chúa hứa ban sự sung mãn cho chúng ta) và sự thực hiện cuối cùng lời hứa đó, thời viên mãn (khi mọi giọt lệ sẽ được lau khô).

Suốt thời gian đó, và đó là thời gian chuyển tiếp, chúng ta sẽ luôn sống trong căng thẳng, chờ đợi sự hoàn tất cuối cùng của lịch sử và của đời sống của chúng ta. Hạnh phúc tùy thuộc không phải vào việc vượt qua điều này, điều mà chúng ta không thể thực hiện trong bất kỳ trường hợp nào, nhưng tùy thuộc vào chuyện chúng ta có bình an với nó. Và tâm bình an này không phải được tạo ra do can trường chấp nhận không thể có mọi chuyện ở đời này. Tâm bình an có được là do chúng ta sống trong sự bất toàn của chúng ta khi đối diện với lời hứa tương lai.

Sống trong thời đại cánh chung chuyển tiếp thì giống như đôi uyên ương chờ kết hôn mà vì lý do chính đáng nào đó (ví dụ vì cha/mẹ mất), đã chọn cách hoãn đám cưới một thời gian. Có hụt hẫng nào đó trong trường hợp này, nhưng hụt hẫng đó được xoa dịu bởi nhận thức rõ ràng, đó chỉ là trì hoãn tạm thời, sẽ chóng qua thôi. Chúng ta phải hiểu sự bất toàn thiết yếu trong đời sống theo cách này. Sự hụt hẫng là thực nhưng như Nouwen trình bày rõ ràng, nó chỉ là điều gì đó ngày nào đó chúng ta sẽ vượt qua dù ngày đó sẽ không gặp thấy chúng ta trên cõi đời này.

Hiểu được thời gian mình sống với việc nó không thể hoàn tất bản giao hưởng cuối cùng sẽ làm chúng ta ít hụt hẫng hơn.

### ***b. Hiếu chiều kích của ham muốn tình dục***

Có lần người ta hỏi Janis Joplin rằng trở nên một ngôi sao nhạc rock là thế nào. Cô trả lời “Đôi lúc đó là một việc khá khó khăn. Bận trên sân khấu, làm tình với mười lăm ngàn khán giả, rồi về nhà ngủ một mình.”

Đức Giêsu cũng có lần bị người ta hỏi như một thách đố: Nếu một phụ nữ có bảy đời chồng và tất cả đều chết trước khi bà chết, thì khi sống lại bà sẽ là vợ của ai? Ngài trả lời sau khi sống lại người ta sẽ không còn dựng vợ gả chồng nữa.<sup>8</sup>

Hai câu trả lời của Janis Joplin và của Đức Giêsu không liên quan nhau. Bằng cách thức riêng của mình, mỗi câu nói một điều gì đó về ý định phổ quát của tính dục của chúng ta. Điều mà Janis Joplin nói là trong tính dục và tính sáng tạo của cô, cố gắng hết mình để làm tình với mọi người. Điều mà Đức Giêsu nói không phải là chúng ta sẽ đơn độc trên thiên đàng nhưng đúng hơn trên đó mọi người đều kết hôn với nhau. Không giống như cuộc sống trần gian, trên trời, tính dục của chúng ta có thể là vòng tay ôm lấy mọi người. Trên trời, mọi người sẽ làm tình với mọi người, và ngay bây giờ, chúng ta đã khát khao điều đó trong mọi thớ thịt của con người chúng ta rồi. Sự khát khao tính dục của chúng ta rất rộng lớn. Chúng ta được dựng nên để ôm lấy toàn vũ trụ và mọi thứ trong đó.

Để hiểu tình trạng tính dục của chúng ta và sống trong tình trạng căng thẳng chưa thỏa mãn trọn vẹn, có thể rất hữu ích cho việc tìm hiểu này. Khi yêu, vết thương lớn nhất không phải là không thể kết hôn với họ. Niềm khát khao lớn nhất của con người, được cảm nhận trong mọi thớ thịt của hữu thể chúng ta là chúng ta không thể nên vẹn toàn với mọi người và mọi vật. Chúng ta không nên ngạc nhiên vì điều này. Như Sidney Callahan nói: “Chúng ta được hiệp nhất với mọi thọ tạo qua mọi chất thể, và chúng ta được hiệp nhất thành một loài được định để đến với nhau trong một hiệp nhất trọn vẹn trong cuộc sáng tạo mới. Cuối cùng chúng ta được định làm chi thể của một thân thể duy nhất trong Đức Kitô. Vậy có đáng ngạc nhiên chẳng khi chúng ta khát khao điều này trong suốt chặng đường?”<sup>9</sup>

Hiểu được điều này thì rất quan trọng, không hiểu lầm nó cũng rất quan trọng. Bởi vì tính dục của chúng ta rốt cùng là để ôm lấy hết thấy mọi người, điều này không có nghĩa chúng ta có thể bừa bãi và ngay trên cõi đời này, cố gắng sống điều này. Quả thực, nghịch lý thay, nó có nghĩa ngược lại. Chỉ Thiên Chúa mới có thể ngủ với tất cả mọi người và chỉ trong Thiên Chúa chúng ta mới có thể ngủ với tất cả mọi người. Trên đời này, dù tính dục chúng ta hướng ta đến một sự ôm lấy phổ quát, chúng ta chỉ có hai lựa chọn mang tính trao ban sự sống:

Hoặc chúng ta ôm lấy nhiều người qua một người (ngủ với một người trong hôn nhân một vợ một chồng) hoặc chúng ta ôm lấy một người qua nhiều người (độc thân, không ngủ với ai). Cả hai lựa chọn này đều là những cách thức, rất cuộc, dẫn tính dục chúng ta đến chỗ ôm lấy mọi người. Nếu chúng ta đi theo con đường bừa bãi thì rất cuộc chúng ta sẽ chẳng có ai trong vòng tay.

### ***c. Biến sự thiếu giao hợp của chúng ta thành cô tịch***

Nỗi đau của việc không giao hợp hướng chúng ta ra ngoài, đó là chức năng của nó, để tìm sự hợp nhất với những con người và những thứ bên ngoài chúng ta. Đạt đến điểm đó thì tốt. Giống như thánh Âu-Tinh, tất cả chúng ta cảm tạ Chúa vì Ngài đã ban cho chúng ta quả tim không ngủ yên. Sự thao thức là nguồn của mọi năng lực chúng ta. Nhưng nó cũng làm cho chúng ta không bình tâm, cầu nguyện, tập trung, và hạnh phúc.

Cũng có lúc, thao thức không hướng chúng ta ra ngoài, nhưng hướng vào trong. Thay vì để tình trạng thao thức hướng chúng ta ra ngoài, cố gắng thỏa mãn sự bất toàn của chúng ta bằng cách hoạt động, kết bạn, làm tình, làm việc, giải trí, xao lãng nhiều hơn nữa, chúng ta nên hướng nó quay về con đường cô tịch.

Như chúng ta biết, cô tịch khác cô đơn. Cô tịch là một mình, nhưng một mình theo cách chính sự bất toàn của chúng ta là nguồn sức mạnh thầm lặng chứ không phải mòn mỏi đáng ngại. Ít có tác giả thiêng liêng nào đi sâu vào vấn đề này như Henry Nouwen.<sup>10</sup> Theo cha, quá trình biến sự bất toàn thao thức của chúng ta thành bình tâm cô tịch có bốn bước:

1. Hãy giữ lấy nỗi đau và bất toàn của bạn. Như người nghiện rượu, họ không thể được giúp khi chưa chấp nhận mình bất lực, chúng ta cũng không hướng đến cô tịch khi chưa chân thành chấp nhận tình trạng thao thức bệnh hoạn, không thỏa mãn tính dục cơ bản của mình. Vì thế, bước đầu tiên hướng đến cô tịch là phải chấp nhận trên cõi đời này chúng ta sẽ không tìm được bản giao hưởng trọn vẹn nào khác và chúng ta cũng không nên để các cơn đói khát bản năng thống trị chúng ta nhưng phải hướng chúng đến một điều gì khác.

2. Hãy từ bỏ những kỳ vọng cứu rỗi sai lầm. Một khi chúng ta chấp nhận bản chất bệnh hoạn của mình, không có gì ở đời này sẽ làm chúng ta thỏa mãn trọn vẹn, thì chúng ta nên từ bỏ các mong chờ và đòi hỏi cứu rỗi của mình. Do đó, đừng mong chờ ở nơi nào đó, lúc nào đó chúng ta sẽ gặp đúng người, đúng cảnh, đúng phối hợp các hoàn cảnh để chúng ta có thể hạnh phúc trọn vẹn. Chúng ta sẽ thôi đòi hỏi vợ/chồng, gia đình, bạn bè, và công việc mang lại cho chúng ta những gì mà chỉ Thiên Chúa mới có thể mang lại, niềm vui tinh tuyền và rõ rệt.

3. Hãy đi vào nội tâm. Khi chúng ta thao thức, thì mọi thứ trong lòng chúng ta muốn hướng ngoại để tìm một hành động nào đó có thể xoa dịu nỗi đau. Tuy nhiên, để có được tâm trạng cô tịch, chúng ta phải đi vào nội tâm, tránh xa mọi hoạt động. Cuối cùng, điều biến sự đau nhói thao thức của chúng ta thành bình an và trầm lắng nội tâm thì không phải là làm thêm việc, mà ngồi yên đủ lâu để tâm trạng thao thức biến thành tâm trạng bình tâm, ép buộc thành tự do, thiếu kiên nhẫn thành kiên nhẫn, vị kỷ thành vị tha, đau đầu thành thấu cảm.

4. Đó không phải là một tiến trình làm một lần là xong. Biến thao thức thành bình tâm, đau nhói vì thiếu giao hợp thành bình an cô tịch, đây không phải là điều thực hiện một lần là xong. Thế giới không phân chia hai loại người, người bất an và người tìm thấy được cô tịch. Đúng hơn, đời sống chúng ta được chia thành hai mô thức cảm xúc: Có ngày thao thức nhiều, có ngày bình tâm hơn, có lúc cơn đau bản năng tình dục là cơn đau đầu nghiêm trọng, có lúc nó là cái giếng sâu thẳm của thấu cảm, có những ngày chúng ta thấy cô đơn quá đau đớn không thể chịu được, có những ngày chúng ta đắm chìm trong cô tịch trầm lắng. Đối diện với nỗi khát khao tình dục không thỏa mãn là càng ngày càng có được tâm trạng cô tịch.

#### **d. Sự không trọn vẹn tính dục, mối liên kết với người nghèo**

Khi chiến đấu với nỗi đau không giao hợp, chúng ta, những người Kitô hữu, cần nhìn vào Đức Giêsu và cách Ngài thể hiện tính dục của mình để có thể học được gì từ đó.

Như chúng ta biết, Đức Giêsu không hề kết hôn. Tuy nhiên, câu hỏi thích hợp để nêu ra không phải là: “Tại sao Đức Giêsu độc thân?” Tại sao? Vì khi người ta đặt vấn đề như thế, thì chính câu hỏi cách nào đó nói lên tình trạng độc thân ở bậc cao hơn hôn nhân. Ngoài ra, nếu tập trung vào độc thân thì những người kết hôn không thể bắt chước Đức Giêsu trong phần quan trọng của đời Ngài, quan điểm tính dục của Ngài.

Câu hỏi lý tưởng là hỏi theo cách: “Điều gì Đức Giêsu cố gắng mặc khải qua cách nhập thể chính mình như một hữu thể có tính dục?” Nếu theo cách này, thì câu trả lời sẽ có cùng ý nghĩa cho cả người lập gia đình lẫn người độc thân.

Vậy tại sao Đức Kitô hiện thể tính dục của Ngài theo cách này? Điều Ngài muốn dạy chúng ta là gì? Trong số nhiều điều khác, ngang qua lối sống độc thân của mình, Đức Kitô cố gắng dạy chúng ta rằng tình yêu và tình dục thì không phải luôn luôn là một, và khiết tịnh, trông chờ, và không giao hợp đóng một vai trò quan trọng trong thời đại cánh chung chuyển tiếp mà chúng ta đang sống; rằng rốt cuộc trong tính dục của mình, chúng ta được định ôm lấy hết cả mọi người. Nhưng lối sống độc thân của Ngài có một mục đích khác nữa. Đó là một phần mấu chốt trong liên kết của Ngài với người nghèo.

Sao vậy? Tất một lời, khi Đức Kitô ngủ một mình buổi tối, Ngài thực sự hiệp thông với nhiều người vốn không phải do lựa chọn nhưng do hoàn cảnh, ngủ một mình. Và có một sự nghèo khó thực sự, một sự nghèo khó xé lòng, trong loại cô đơn này. Những người nghèo không chỉ là những người hiển nhiên là nạn nhân của nghèo khó, bạo lực, chiến tranh và các hệ thống kinh tế bất công. Có những biểu hiện khác ít rõ ràng hơn của nghèo đói, bạo lực và bất công. Tình trạng độc thân gò bó cưỡng bách là một trong những biểu hiện đó.

Bất kỳ ai do hoàn cảnh ngoài ý muốn (diện mạo không quyến rũ, cảm xúc bất ổn, tuổi tác, khoảng cách địa lý, lạnh nhạt hay cứng cõi, quá khứ đen tối, hoặc đơn giản không may mắn), bị ngăn cản không hưởng khoái lạc tình dục, đều là nạn nhân của sự nghèo khổ đau đớn nhất. Điều này đặc biệt đúng trong xã hội chúng ta ngày nay, một xã hội lý tưởng hóa sự thân mật tình dục và quyền được quan hệ tình dục. Vũ trụ hoạt động theo cặp, từ chim muông đến con người. Ngủ một mình là nghèo túng. Ngủ một mình thì bị bêu xấu. Ngủ một mình là ở bên ngoài chuẩn mực ân ái

của con người và cảm nhận sâu sắc buốt nhói của điều đó. Ngủ một mình, như Thomas Merton có lần trình bày, là sống trong sự cô đơn mà chính Thiên Chúa lên án.

Khi Đức Giêsu đi ngủ một mình thì Ngài đoàn kết với nỗi đau và với người nghèo. Sự không giao hợp tình dục, dù tiêu cực đến đâu, vẫn thực hiện điều này cho chúng ta, đặt chúng ta vào hiệp thông ưu tiên với một thứ nghèo túng đặc biệt, loại cô đơn của những người ngủ một mình, không phải vì họ muốn nhưng vì hoàn cảnh không cho phép họ nếm hưởng trải nghiệm sâu sắc nhất của con người, cảm nghiệm thỏa mãn tình dục.

Và tất cả chúng ta, kết hôn hay độc thân, có vô số cơ hội để liên kết với người nghèo. Nếu kết hôn, dù chúng ta tận hưởng hoan lạc của quan hệ tình dục lành mạnh, nhưng chúng ta vẫn luôn còn những lãnh vực đau đớn nào đó của không giao hợp, những nơi trong cuộc sống và trong tâm hồn mà chúng ta ngủ một mình. Những vùng cô đơn đó, thay vì trở nên vùng cay đắng và bức tức, có thể trở thành những nơi chúng ta kết hiệp sâu xa nhất với người nghèo. Nếu chúng ta độc thân, hay kết hôn nhưng phần nào hay hoàn toàn hụt hẫng với tương quan tình dục thì chúng ta nên biết rằng, giống như Đức Giêsu, khi chúng ta ngủ một mình thì chúng ta liên kết với người nghèo.

### ***e. Chấp nhận tính không thỏa đáng trong tình yêu của chúng ta để sức mạnh của nó được biểu hiện trọn vẹn***

Trong các tiểu thuyết của Anita Brookner, bà cho rằng nhiệm vụ đầu tiên của một người đàn ông hay đàn bà trong hôn nhân, hay trong bất kỳ tương quan sâu sắc nào, là an ủi nhau vì họ không thể không làm cho nhau thất vọng. Con người không phải là các vị thần, vì thế những gì chúng ta cho nhau sẽ luôn ít hơn những gì chúng ta cần và tìm kiếm từ nhau.

Ví dụ như trong cuốn tiểu thuyết gần đây, Những trạng thái thay đổi (Altered States), nhân vật chính Alan mất đi người vợ tự vẫn, anh suy tư về những vấn đề nảy sinh trong hôn nhân của mình. Anh nhận ra rằng không phải vì một điều gì đó tích cực trở nên xấu nhưng vì họ không thể giải quyết ổn thỏa vấn đề thiết yếu ngay từ đầu: “Bi kịch là chúng tôi không thể an ủi nhau. Nỗi thống khổ của chúng tôi không bao giờ được nhìn ra và vẫn mãi không được biết đến. Đối với tôi, cô ấy luôn có vẻ rõ ràng dễ hiểu. Tôi ngớ ngẩn không nhận ra có nhiều điều tôi phải khám phá hơn. Và bây giờ tôi nhận ra, điều mà tôi muốn là một loại xưng tội, với người mà cô có thể thổ lộ những bí mật cô đã giữ kín quá lâu, có lẽ kể từ thời còn bé...”<sup>11</sup>

Brookner đúng. Rồi rốt cùng, vì tầm quan trọng và sức mạnh cố hữu trong tính dục của chúng ta, điều mà chúng ta thực sự cần từ nhau trong các mối tương quan mật thiết, chính là một loại xung tội, trước một người mà chúng ta không nói dối với họ, trước một người mà chúng ta không phải cố gắng để cân đong đo đếm, trước một người có thể an ủi chúng ta vì chúng ta không thể làm người đó thất vọng, dù có ở trong tình trạng tốt nhất, tình yêu chúng ta cho nhau cũng không đủ. Chúng ta không phải là những vị thần, có những phần trong chúng ta vẫn chưa được chạm đến, bất toàn, bùng nổ với những bí mật bị giấu kín quá lâu.

Tuy nhiên, như Thomas Merton đã nói, chấp nhận thảm kịch tình yêu chúng ta cho nhau là không đủ, là cùng lúc chúng ta thấy được sự cao cả và khả năng chuyên chở sự sống của nó. Bằng cách thừa nhận giới hạn của tình yêu, chúng ta vượt lên trên chính mình và từ bỏ những tưởng tượng và những mong chờ phi thực tế vốn ngăn cản chúng ta thấy và tận hưởng điều tốt đẹp phong phú thực sự có ở đó. Quả là một thứ lãng mạn giả tạo, một niềm tin phi thực tế và mang tính thống trị khi nghĩ rằng chúng ta có thể có một bản giao hưởng trọn vẹn, bản giao hưởng dùng để che giấu bi kịch thực sự, ý nghĩa thực sự, tính cao cả thực sự của tình yêu và tính dục của con người khi những điều này tự bộc lộ hoặc trong hôn nhân hoặc trong tình bạn độc thân. Sự cô đơn sẽ luôn hiện diện. Chúng ta không thể đủ cho nhau và sẽ luôn còn bị chia cắt đau đớn, tách biệt và phần nào cô đơn.

Nhưng nếu điều này được nhận ra và chấp nhận, thì chính sự nghịch lý của nó sẽ trở nên chốn bình an, nơi mà cuối cùng sự việc bắt đầu có ý nghĩa, hôn nhân và độc thân đều trở nên khả thi và tươi đẹp.<sup>12</sup>



10.

## **Trụ vững chính mình trong Đời sống Thiêng liêng**

*Tôi nghĩ, cầu nguyện không có nghĩa là chỉ nghĩ về Chúa mà không nghĩ đến những chuyện khác, hay dành thì giờ cho Chúa không có nghĩa là không dành thì giờ cho người khác. Đúng hơn, cầu nguyện có nghĩa là nghĩ và sống trong sự hiện diện của Chúa. Tất cả hành động của chúng ta phải bắt nguồn từ cầu nguyện. Cầu nguyện không phải là một hoạt động cô lập; lời cầu nguyện luôn là những điều, những việc giữ cho chúng ta sống thiết thực. Trong việc cầu nguyện, “độc thoại hướng trọng tâm về bản thân” trở thành “đối thoại hướng trọng tâm về Thiên Chúa”<sup>1</sup>*

### **Cần Trụ Vững, chứ không phải chỉ làm Sáng tỏ Chân lý**

Nếu chỉ có tri thức, nó không đủ để cứu chúng ta. 1700 năm trước đây, khi thánh Âu-Tinh viết như vậy là ngài muốn xem điều này như một nguyên tắc chân lý, nhưng cũng là lời chú dẫn cho đời sống riêng của ngài. Như chúng ta biết, thánh Âu-Tinh có được hai cuộc trở lại, một về cái đầu, một về quả tim. Ở tuổi 25, ngài trở lại đạo Kitô về mặt tri thức. Sau nhiều năm sống qua các triết học ngoại giáo và các lối sống khác nhau, ngài được thuyết phục trong đầu rằng đạo Kitô là đạo đúng đắn. Tuy nhiên, chỉ cái đầu thôi, phần còn lại ngài chưa thực sự sẵn sàng cho một cuộc trở lại. Chín năm sau, khi ba mươi bốn tuổi, ngài vẫn không hòa hợp được lối sống đức hạnh với đức tin lý trí. Những năm đó ngài cầu nguyện liên li lời cầu nguyện lừng danh của ngài: *“Lạy Chúa, xin cho con trở nên một Kitô hữu tốt lành và trong sạch, nhưng chưa ngay bây giờ.”*

Từ ví dụ trên, chúng ta thấy rằng, cho dù có một khởi đầu tốt đẹp và có giá trị thì việc biết được chân lý, có xác tín rõ ràng, biết được lý tưởng đời mình vẫn chưa đủ. Nó còn là vấn đề của quả tim, năng lực, ý chí, và trung tín với chính mình trên đường đời. Đời sống thiêng liêng không phải là chạy nước rút nhanh chóng đến lằn ranh kết thúc có đánh mốc rõ ràng, mà là cuộc chạy đường trường, cuộc lữ hành miệt mài trọn đời đi đến một chân trời luôn luôn rộng mở. Trụ vững trên con đường đó, dù biết chắc mình đi đúng đường, vẫn đòi hỏi chúng ta liên tục đi tìm

một cái gì đó như ẩn dụ “cái bình của tiên tri E-li-a”,<sup>2</sup> hay nói cụ thể là sự nuôi dưỡng mà Thiên Chúa hứa ban cho ai đi trên con đường về núi thánh.

Các chương trước của cuốn sách này chủ yếu tập trung vào vấn đề làm rõ các nguyên tắc, cố gắng đặt ra một tầm nhìn tích cực về Linh đạo Kitô. Hiển nhiên, câu châm ngôn của thánh Âu-Tinh rõ ràng là quan trọng, nhưng chúng ta sẽ không làm được nếu không có tầm nhìn. Bernard Lonergan, một trong các nhà trí thức lớn của thế kỷ chúng ta, một Kitô hữu ngoan đạo, nhấn mạnh rằng tất cả các cuộc hoán cải chân tình phải có gắn kết với hoán cải trong trí óc. Ông đúng, con tim cần trí óc dẫn đường, nhưng ý kiến của ông chỉ nói lên một phần thôi. Morris West, tiểu thuyết gia, cũng là một Kitô hữu gắn bó, nhấn mạnh rằng, rốt cùng sự hoán cải chân thật là chuyện rơi vào lưới tình yêu. Ông cũng đúng, bằng chứng là ai trong chúng ta dù có hiểu sự thật nhưng đều cảm thấy quá mệt mỏi, cô độc, lười biếng, bám dính với thói quen cũ nên không thay đổi tiến lên. Chúng ta cần trí hiểu và tâm hồn. Đời sống thiêng liêng gồm cả hai điều đó.

Làm thế nào cho quả tim mở rộng ra để hỗ trợ chúng ta trên con đường dài này? Làm thế nào để chúng ta thay đổi, thắng lướt mệt mỏi, cô độc, lười biếng, chua cay, tật xấu để thành người Kitô hữu khoan dung, vui tươi, hy sinh, độ lượng, và trưởng thành? Chúng ta làm gì trong những lúc, theo cách mô tả của Henri Nouwen là, “quá chán để đọc Kinh Thánh, quá bồn chồn để suy nghĩ về những chuyện thiêng liêng, quá ngã lòng để nói chuyện với Chúa, hay quá mệt mỏi để làm bất cứ điều gì?”<sup>3</sup>

Các thực hành và rèn luyện (giống như tập thể dục để khỏe mạnh) nào có thể giúp người Kitô hữu thao luyện để có một đời sống thiêng liêng lành mạnh?

Có rất nhiều cách thao luyện thiêng liêng, thánh thiện, được trình bày trong các tác phẩm thiêng liêng cổ điển từ sách thánh đến các tác phẩm hiện hành. Nói chung, các thực hành sau đây là nét tiêu biểu của một đời sống thiêng liêng lành mạnh: Thường xuyên cầu nguyện (riêng và chung), có lòng bác ái và hy sinh phục vụ (cả trong gia đình và với xã hội bên ngoài), một số việc làm gắn bó cụ thể với người nghèo, với một số cộng đoàn giáo hội, và sẵn sàng chịu đựng vì tình yêu (như Đức Kitô đã chịu). Từ Kinh Thánh, qua các Tổ phụ, các thần học gia kinh điển, các nhà cải cách vĩ đại, các nhà thần nghiệm lớn, những người đặt quy củ cho các tôn giáo khác nhau, cho đến Henri Nouwen, đâu đâu chúng ta cũng thấy có những cách thực hành đời sống thiêng liêng.

Không có gì thay đổi. Những điều này vẫn là tâm điểm thực hành cho đời sống thiêng liêng lành mạnh. Hy vọng các điều chúng ta sẽ bàn thêm trong cuốn sách này đủ để minh chứng điều đó. Tuy nhiên nhiệm vụ của chương cuối này, không phải là

để phân tích tỉ mỉ những điều thiết yếu đó cho bằng vận động chúng cách lành mạnh để được thừa nhận và tiến xa hơn ít nữa.

Với những đấu tranh đặc biệt trong thời của chúng ta, điều gì là dấu hiệu của thời đại ngày nay? Điều gì là độc nhất đối với chúng ta và những rèn luyện hay thực hành đặc biệt nào có thể hỗ trợ chúng ta, trong những đấu tranh riêng của mình?

Các dấu hiệu của thời đại dường như áp đặt lên rất nhiều hướng phụ khác

## **Điều răn cho cuộc Trường Hành**

### **1. Là một nhà thần nghiệm...**

*“Thời gian đi rất nhanh khi ai đó muốn thành nhà thần nghiệm hay người vô thần.”<sup>4</sup>*

#### **a. Cần thiết cho một hành động đức tin cá nhân**

Karl Rahner có uy tín khi cho rằng ngày nay người ta hoặc là nhà thần nghiệm hoặc là người vô thần. Ông nói đúng. Không ai trong chúng ta có thể tin vào thực tế rằng, một khi chúng ta sống trong nền văn hóa đã từng là Kitô, rằng chúng ta dường như sống giữa những người Kitô hữu, hay rằng chúng ta đã từng có đức tin. Không điều đơn lẻ nào trong số này đủ để hỗ trợ cho một đức tin Kitô trong thời đại chúng ta sống với thuyết vô tri, thuyết đa nguyên, tính thế tục, cảm dỗ và xao nhãng. Chúng ta sống trong một tình trạng hậu Kitô giáo mà nền văn minh không cung cấp được đức tin trong lòng.

Vì vậy, là tín hữu thời nay là sống trong tình trạng đạo đức cô độc. Để hỗ trợ cho đời sống đức tin thời nay thì không thể theo số đông, đúng hơn là phải đứng ngoài tư tưởng thống trị, điều mà các nhà xã hội học gọi là nhận thức thiểu số. Nếu muốn có một đức tin vững mạnh thì không thể đơn giản cuốn theo dòng đi của một cộng đồng đặc thù, hay ngay cả cộng đồng của riêng họ.

Hai mươi lăm năm trước, khi giảng dạy tại Đại học Yale, Henri Nouwen đã đưa ra tuyên bố rằng, ngay cả trong các chủng sinh, thì ý thức chi phối họ vẫn là thuyết bất khả tri. Rốt cùng, không có chỗ cho Thiên Chúa nơi những người đang nói về tôn giáo và chuẩn bị cho sứ vụ Kitô.<sup>5</sup>

Ngày nay, đó là sự thật căn bản cho hầu hết chúng ta. Sinh ra trong gia đình Kitô, được rửa tội, hoặc ngay cả là thành viên của cộng đoàn phụng sự cũng chưa đủ. Không điều đơn lẻ nào trong số này tất yếu mang lại cho chúng ta đức tin thật. Đó là điều hiển nhiên, không phải chỉ vì rất nhiều người (trong đó có con em chúng ta) đang bỏ đạo, nhưng vì, ngay cả trong giáo hội chúng ta, có đức tin vào Kitô giáo, theo lề luật đạo đức, học giáo lý Chúa Giêsu, theo tiếng gọi của Chúa cho công lý, theo một giá trị nhân bản khi ở trong cộng đoàn thì dễ dàng hơn là có một đức tin cá nhân vào Thiên Chúa hằng sống. Thật vậy, những gì chúng ta có thông thường không phải là linh đạo Kitô mà là một ý niệm về linh đạo Kitô.

Như vậy có một thách thức quan trọng trong nhận xét của Rahner. Ngày nay, để có một đức tin vững mạnh, thì đến một lúc nào đó, người tín hữu phải có một đức tin sâu đậm và cá nhân. Hành động đó, ông cho ngang với việc là một nhà thần nghiệm, thật không may, việc này quá khó, do các thế lực tác động đã làm xói mòn nền văn hóa, xói mòn đức tin chung, chính vì thế nó không thuận tiện để chúng ta tạo cho mình một đức tin riêng.

Những thế lực chống đức tin này là gì? Chúng không phải là sản phẩm cố ý của vô thần. Ngược lại, chúng là những chuyện tốt xấu, trong chúng ta, quanh chúng ta, cám dỗ chúng ta bỏ cầu nguyện, không hy sinh, không dấn thân, không liên kết với cộng đoàn, không sẵn sàng chịu khổ để bền đỗ với lòng trung thực và cam kết của chúng ta, không chịu khó bỏ thì giờ, không chịu khó can đảm để thấm nhập sâu vào tâm hồn mình. Vì thế, các thế lực này không trừu tượng và không phải là những thế lực bên ngoài. Chúng ở trong căn nhà chúng ta, tạo cho chúng ta tiện nghi dễ chịu như khi chúng ta mang một đôi giày vừa chân. Những điều làm chận đứng đức tin là một loạt những điều vô hại trong đời sống hàng ngày, những điều mang tiện nghi đến trong cuộc sống: lười biếng, nuông chiều bản thân, tham vọng, bòn chòn, ghen tị, sợ căng thẳng, tiêu pha, tham lam của cải, ham muốn trải nghiệm, muốn có một phong cách sống nào đó, bận rộn và căng thẳng quá mức, mệt mỏi triền miên, ám ảnh với sự nổi tiếng, những giải trí liên tu bất tận với các chương trình thể thao, hài kịch, truyền hình. Chính đây là những thế lực phản thần nghiệm của thời đại chúng ta.

### **b. *Đức tin cá nhân tùy thuộc vào việc cầu nguyện***

Do đó, trong khối sương mờ của tất cả những điều này, làm thế nào để chúng ta thành nhà thần nghiệm được? Thật vậy, gần như tất cả các tác phẩm thiêng liêng cổ điển đều đề cập đến một con đường vượt trên tất cả, đó là con đường cầu nguyện. Nét chủ đạo này có trong các tác phẩm thiêng liêng cổ điển: Để chúng tỏ mình có đức tin mạnh, bạn phải để thì giờ ra cầu nguyện riêng tư, có thể nói là mỗi

ngày. Các tác giả cảnh báo, nếu bạn không làm được, thì dù lòng thành tín của bạn vẫn còn nguyên, tâm hồn bạn cũng sẽ bị xao nhãng. Không có con đường nào để giữ thăng bằng và sống mật thiết với tâm hồn cho bằng việc thường xuyên cầu nguyện riêng tư.

Linh đạo Kitô luôn dạy điều này. Thật là một điểm thú vị, vì ngày nay nhiều truyền thống và tư tưởng triết học khác cũng dạy điều này. Một số cách nói khác cũng được dùng thay cho cầu nguyện (thiền định, chiêm niệm, công việc nội tâm, công việc của linh hồn, sức tưởng tượng tích cực, gắn bó với vị Vua nội tâm, vân vân...), nhưng ý tưởng cơ bản thì giống nhau. Để giữ mật thiết, lành mạnh và cân bằng cho tâm hồn, chúng ta phải đối thoại cách ý thức với Chúa, hoặc một uy quyền cao hơn, một ác quỷ, một ông Vua nội tâm, một thiên thần hộ thủ, hoặc bất cứ điều gì chúng ta nhận thức đó là một điều hay, một người tối hậu mà qua đó, chúng ta sống, vận động, sinh thở và tồn tại.<sup>6</sup>

Ít có ai viết sâu sắc và hùng hồn về sự cần thiết phải cầu nguyện như Robert Moore, nhà tâm lý học và thần học tôn giáo ở Đại học Chicago. Moore nhắm đến độc giả Kitô hữu, cũng như thế tục, thông điệp của ông rất cùng là cho cả hai: Nếu không cầu nguyện, bạn sẽ không tránh khỏi, hoặc ngã lòng chán nản hoặc khoa trương tự mãn, hoặc bạn trở lại hoặc bạn sống lưng chừng. Chỉ có cầu nguyện mới làm cho bạn thăng bằng (tâm linh, tâm lý, và tình cảm) giữa hai trạng thái, nản lòng và tự mãn. Nếu bạn không tin vào Thiên Chúa và giá trị tôn giáo của lời cầu nguyện, thì bạn nên thực tập cách suy nghĩ, suy ngẫm tích cực, qua đó bạn gắn kết với ông Vua nội tâm của bạn, vì chỉ có cầu nguyện, mới đặt được nền tảng cho tâm hồn, và chỉ có cầu nguyện mới cứu bạn khỏi bị suy nhược và ngu ngốc. Nếu không cầu nguyện, bạn sẽ thường xuyên bị ngã lòng hay ám ảnh bởi chính cái tôi của bạn. Theo Moore, điều này đúng, dù bạn có đạo hay không.<sup>7</sup>

Do đó, theo những gì tốt nhất của truyền thống Kitô và truyền thống thế tục, sự thật cho biết một đời sống đức tin, một đời sống cân bằng chung chung, tùy thuộc vào thói quen cầu nguyện riêng tư. Hơn nữa, các truyền thống này còn nhắc nhở chúng ta đừng kỳ vọng sẽ dễ dàng có được thói quen cầu nguyện riêng tư. Tất cả những chuyện làm cản trở đức tin cũng sẽ là những chuyện làm cản trở việc cầu nguyện riêng tư. Nhưng, chúng ta phải tiếp tục cố gắng, tiếp tục kiên định dành thì giờ riêng với Chúa. Như Henri Nouwen đã nhắc nhở chúng ta, thì giờ riêng này sẽ giúp chúng ta chú tâm, khi gần như chúng ta không cảm thấy mình đang cầu nguyện hoặc có một tăng tiến nào:

[Thì giờ riêng của tôi không phải là thì giờ]... của cầu nguyện, của sống mật thiết với Chúa, cũng không phải là thì giờ tôi chú tâm nghiêm túc đến mầu nhiệm Thiên Chúa. Tôi ước sao nó được như vậy! Ngược lại, nó đầy xao nhãng, tâm hồn

bồn chồn, uể oải, hoang mang, chán ngán. Cũng đôi lần hiềm hoi, nó làm cho tâm thức tôi dễ chịu. Nhưng một thực tế đơn giản, ở một giờ trước mặt Chúa, trình bày với Ngài không giấu diếm tất cả cảm giác, suy nghĩ, ý thức và trải nghiệm của tôi, chắc hẳn sẽ làm Ngài hài lòng. Một cách nào đó, một điểm nào đó, tôi biết Ngài thương tôi, cho dù tôi không cảm nhận tình thương đó như cảm nhận vòng tay con người, cho dù tôi không nghe tiếng nói như nghe lời an ủi từ con người, cho dù tôi không thấy nụ cười như tôi thấy trên khuôn mặt con người. Thiên Chúa vẫn nói với tôi, nhìn xem tôi, và ôm lấy tôi lúc đó, dù tôi vẫn chưa nhận biết được điều này.<sup>8</sup>

**c. Một nền thần nghiệm cho thời đại chúng ta -**

***Cầu nguyện như là suy gẫm, chịu đựng căng thẳng***

Nhưng cầu nguyện không đơn giản là nói ra lời cầu nguyện, cũng như thần nghiệm không đơn giản là vấn đề đi tìm Chúa đơn thuần qua hình thức cầu nguyện. Rốt cùng, thần nghiệm và cầu nguyện là điều mà chúng ta phải làm trong tất cả sinh hoạt của đời sống, chứ không phải chỉ trong các giây phút bên ngoài của cuộc sống. Thánh kinh đã nói cho chúng ta rằng “Hãy cầu nguyện liên li.”<sup>9</sup> Nhưng làm sao để làm được như vậy?

Mỗi người có một câu triết lý khác nhau cho vấn đề này, tùy thuộc vào cách họ đọc dấu chỉ của thời đại, các chuyện nổi bật khác nhau của các thế hệ khác nhau. Đối với thế hệ chúng ta, với đặc thù riêng và điểm yếu tâm linh chúng ta, thần nghiệm mà chúng ta cần thiết nhất chính là suy gẫm trong tinh thần Phúc âm.

Vậy theo sách thánh, suy gẫm nghĩa là gì? Theo Phúc âm, suy gẫm không cùng nghĩa với những gì các triết gia Hy Lạp như Socrates, Plato, và Aristotle nhắm đến. Theo họ, suy gẫm là cho rằng cuộc sống sẽ không đáng sống nếu không suy nghĩ về nó. Có nghĩa là phải ý thức về mọi chuyện thay vì để cho hoàn cảnh cuộc đời đưa đẩy và mặc theo số phận. Đối với tâm thức Hy Lạp, suy gẫm là suy tư trí tuệ về những huyền nhiệm lớn lao trong cuộc đời.

Tuy nhiên, Kinh Thánh không phản ánh tâm thức Hy Lạp này. Trong các sách Tin Mừng, trình bày nhiều hơn cách hiểu của Do Thái, rằng suy gẫm không phải là vấn đề của suy tư trí tuệ cho bằng việc kiên nhẫn giữ suy gẫm đó trọn vẹn trong nội tâm với tất cả sự căng thẳng nó mang lại. Vì vậy, khi Đức Mẹ đứng dưới thập giá nhìn Đức Giêsu chết – Mẹ hoàn toàn không thể cứu Ngài hay chứng minh Ngài vô tội và thánh thiện - lúc đó Mẹ suy gẫm theo nghĩa của Thánh Kinh. Mẹ đang căng thẳng tột cùng, không cách nào cứu vãn, chỉ đơn giản sống với hoàn cảnh đó. Đó chính là

điều Kinh Thánh nhằm đến khi nói Mẹ Maria “giữ những điều đó và suy gẫm trong lòng.”<sup>10</sup>

Vì vậy, theo Kinh Thánh, suy gẫm là đứng vững trước các mâu nhiệm lớn lao của cuộc đời như cách Mẹ Maria đứng trước những sự kiện khác nhau trong cuộc sống Chúa Giêsu, kể cả lúc Mẹ đứng dưới chân thập giá. Có niềm vui lớn lao, nhưng cũng có căng thẳng tột cùng. Thể thần nghiệm mà ngày nay chúng ta cần nhất để làm sống lại đức tin chính là thể thần nghiệm suy gẫm này, một thái độ bằng lòng chấp nhận gánh nặng của căng thẳng như Mẹ Maria đã làm.

Tôi muốn minh họa điều này bằng một ví dụ khá trần tục (tôi cũng xin thứ lỗi về điều này nhưng vẫn dùng nó vì nó giúp phản ánh rõ ràng):

Khi còn ở trường đại học, một ngày nọ giáo sư đang giảng về tính dục và luân lý. Vấn đề thủ dâm được nêu ra, một sinh viên chặn họng giáo sư với câu hỏi: “Thầy có thủ dâm không?” Phản ứng đầu tiên của giáo sư là giận dữ trước câu hỏi xấc láo. Ông quay lưng lại, hướng về bảng đen, một cử chỉ cơ thể nói lên những gì ông không nói ra: “Anh đi quá quy luật khi nêu ra câu hỏi đó.”

Tuy nhiên, ông tự chủ lại được và quay về sinh viên đặt câu hỏi: “Phản ứng đầu tiên của tôi là nói cho anh biết, anh đã đi quá quy luật, và không việc gì anh phải hỏi câu đó trong lớp này hay bất cứ đâu. Tuy nhiên, vì đây là một lớp thần học luân lý và xét cho cùng, câu hỏi của anh cũng có chút giá trị nào đó, nên tôi xin trả lời: “Có, đôi khi tôi có thủ dâm, và tôi không tự hào về chuyện này. Tôi không nghĩ việc đó quá sai và cũng không nghĩ nó quá đúng. Tôi biết điều này mặc dù... Tôi sẽ tốt hơn nếu tôi không thủ dâm, tôi bị căng thẳng hơn, như tất cả chúng ta, ai cũng có căng thẳng trong cuộc đời này. Tôi tốt đẹp hơn khi tôi chịu được căng thẳng này.”

Dù câu trả lời đó đáng giá hay không đáng giá về mặt thần học luân lý, nhưng nó cũng cho chúng ta thấy đôi điều về thần nghiệm và rốt cùng giúp chúng ta giữ vững đức tin. Chúng ta tốt đẹp hơn khi chúng ta bị căng thẳng, hơn là lúc nào cũng tìm giải pháp dễ dàng. Bị căng thẳng, đặc biệt là căng thẳng lớn lao, chính là suy gẫm theo tinh thần Kinh thánh.

Chúng ta sẽ xem các ví dụ khác của vấn đề này trong các tác phẩm văn học lớn. Điều gì tạo nên một nhân vật vĩ đại? Điều gì làm cho tâm hồn cao quý? Thông thường chúng ta gán đức tính này cho một con người, khi họ không màng đến tiện nghi, nhu cầu, nỗi đau cá nhân, họ sẵn lòng hy sinh cho một lý do cao cả để chịu đựng một thao thức căng thẳng vô cùng trong một thời gian dài, không buông theo cảm dỗ để giải quyết công việc hấp tấp, vội vã.

Vì vậy, ví dụ, chúng ta thấy tâm hồn cao cả đích thật của nhân vật nữ chính trong tác phẩm *Lý trí và tình cảm* của Jane Austen. Tại sao? Bởi vì cô đặt nhu cầu

của người khác và quy luật thích đáng của mọi sự lên trên nhu cầu riêng của mình, bắt mình phải bị căng thẳng. Chúng ta thấy trong tác phẩm này, cũng như trong các tác phẩm cùng loại, chính điều tạo nên cao thượng, là trước hết phải biết có một vài thăng hoa. Nói chung, đặc nét của thăng hoa là phải trải nghiệm thăng hoa. Niềm vui lớn tùy thuộc trước tiên vào việc chịu đựng một căng thẳng lớn.

Và điều này đúng trong mọi lĩnh vực đời sống, không riêng gì với tình dục.

Sự cao cả của tâm hồn gắn liền với việc chịu đựng căng thẳng. Dĩ nhiên, hình ảnh gương mẫu lớn cho việc này là hình ảnh Đức Giêsu đổ mồ hôi máu trong vườn Cây Dầu.<sup>11</sup> Ở đây, chúng ta thấy được mối dây cần thiết giữa đau khổ và đức tin, giữa việc đổ mồ hôi máu và việc giữ cam kết và công chính của chúng ta. Không ai giữ trung tín trong hôn nhân, ơn gọi, tình bạn, gia đình, công việc, hay giữ bản thân trung tín mà không có lần đổ mồ hôi máu. Tôi có một ví dụ mang tính minh họa cao:

Một vài năm trước đây, truyền hình Mỹ có một chương trình nhiều tập mang tên “Ba mươi điều” tập trung vào một số cặp vợ chồng trong độ tuổi ba mươi đang phải vật lộn với những căng thẳng trong cuộc sống nói chung và hôn nhân nói riêng. Trong một tập, có diễn tiến như sau: Đàn ông tụ tập ở một khách sạn trung tâm thành phố cho buổi tiệc toàn đàn ông, các bà vợ thì họp nhau ở một ngôi nhà để tổ chức buổi tiệc toàn các bà. Tại buổi tiệc đàn ông, một người (lập gia đình được vài năm và đang xa vợ) thấy mình bị cô quản lý khách sạn trẻ hớp hồn, người mà anh phải giao tiếp để lo đồ ăn, thức uống, âm nhạc... cho buổi tiệc. Cô quá hấp dẫn đối với anh và trước khi buổi tiệc kết thúc, dù chẳng có gì thật sự xảy ra giữa họ với nhau, nhưng cả hai cảm thấy như có ma lực từ ngàn xưa giữa họ. Đêm càng tối dần, lãng mạn càng cao.

Vì vậy, khi buổi tối kết thúc, cả hai đều làm cái điều đến tự nhiên. Khi mọi người đi về, cả hai chần chừ nán lại, họ không chắc sẽ nói gì với nhau, nhưng biết chắc có một cái gì đó đặc biệt đang xảy ra, và có một cái gì như muốn đi xa hơn. Họ che dấu tâm trạng bồn chồn bằng cách nói về việc dọn dẹp căn phòng, lúc nào trả tiền. Cuối cùng, giờ phút ấy cũng đến. Cả hai đã nán lại hết mức có thể nhưng đã đến lúc phải đi về. Khi người đàn ông còn lảng tránh bằng cách cảm ơn cô về sự chu đáo của buổi tiệc, thì cô, không muốn mất cơ hội, nói với anh: “Em rất hân hạnh được gặp anh. Liệu thỉnh thoảng mình có gặp nhau lại không?” Người đàn ông chạm vào chiếc nhẫn cưới, cảm thấy tội lỗi vì đã không nói trước mình đã lập gia đình, anh đã làm một điều mà ngày nay, quá ít người trong chúng ta có đủ can đảm đạo đức để làm. Anh cười lịch sự và cho biết: “Cảm ơn em, nhưng tôi không nghĩ đó là một ý hay. Tôi xin lỗi, tôi đã có vợ... Đáng lý tôi nên nói trước. Tôi xin lỗi. Tốt hơn tôi nên về nhà. Tôi thật vui khi gặp em.” Và như Chúa Giêsu đổ mồ hôi máu trong vườn, anh ra đi và về nhà với vợ.



Sau khi sống lại, trên đường Ê-mau, khi cố gắng giải thích cho các môn đệ (những người đã ngủ quên trong vườn Cây Dầu) hiểu mối dây liên hệ giữa việc bị căng thẳng với việc giữ con người thật của mình và những gì đòi hỏi chúng ta, Đức Giêsu hỏi họ câu này: “Việc đó không cần thiết sao?” Không có mối dây cần thiết giữa việc chịu căng thẳng và đổ mồ hôi máu trong vườn Cây Dầu với lòng trung tín sao? <sup>12</sup> Qua câu chuyện “Ba mươi điều” (nói chung rất tiêu biểu cho việc đấu tranh giữ lòng chung thủy), rõ ràng rằng mối dây đó là cần thiết.

Trong thông điệp của Chúa Giêsu có một mô típ rất mạnh của chờ đợi, của suy gẫm, của khiết tịnh, của việc chịu đựng căng thẳng mà không chọn cách giải quyết hấp tấp. Khái niệm sống lại chỉ đến sau khi đã chịu đau khổ trong vườn Cây Dầu. Đối với đức tin cũng vậy. Khi Karl Rahner nói ngày nay chúng ta là nhà thần nghiệm hoặc là kẻ vô thần, cũng có thể được hiểu, nếu chúng ta không sẵn lòng đổ mồ hôi máu trong vườn Cây Dầu để trung tín với cam kết, với tính toàn vẹn của chúng ta, và những gì đức tin đòi hỏi - như nhân vật chính trong *Lý trí và tình cảm* của Jane Austen, như người đàn ông trong “Ba mươi điều”, và như Đức Giêsu và Mẹ Maria đã làm, thì chúng ta không giữ vững được đức tin đích thực.

Nhưng tại sao? Chịu đựng căng thẳng thì có giá trị gì?

Ở một mức độ hiển nhiên, chịu đựng căng thẳng, không tìm cách giải quyết hấp tấp, vì , rốt cùng, đó là ý nghĩa của tôn trọng. Qua việc không đòi hỏi phải giải quyết căng thẳng của chúng ta, để cho người khác được là chính mình, để cho Thiên Chúa là chính Thiên Chúa, và tặng vật là chính là tặng vật. Nhìn vào mặt trái của nó sẽ giúp chúng ta hiểu rõ hơn. Khi không chịu được căng thẳng, chúng ta lân la đến những con người, đến xã hội bên ngoài, với thái độ cho rằng những gì chúng ta muốn phải là của chúng ta, bất chấp hậu quả, thì cuộc sống của chúng ta sẽ không phải là đời sống cho đi, mà là đời sống luôn hủy hoại. Chúng ta lúc nào cũng thiếu tôn trọng và thiếu khiết tịnh. Chỉ có những ai có thể chịu được căng thẳng của bản hòa tấu dở dang thì mới thật sự tôn trọng người khác.

Tuy nhiên, xét sâu xa hơn, giá trị thật trong việc chịu đựng căng thẳng cho tình yêu chính là một tiến trình cư mang ấp ủ. Bằng suy gẫm như Đức Mẹ đứng bơ vơ vô vọng dưới chân thập giá, bằng chịu đau khổ trong vườn Cây Dầu, chúng ta có cơ hội biến xúc phạm thành tha thứ, giận dữ thành cảm thông, thù hận thành yêu thương. Minh chứng cho điều đó, chúng ta có thể thấy được trong đời sống của Chúa Giêsu:

Bị ghét bỏ, nhưng Ngài không ghét bỏ ai, bị căm giận, nhưng Ngài không căm giận lại, bị giết vì ghen tức, nhưng Ngài không ghen tức và làm hại ai. Ngài đã chịu trọn cơn giận giết người, ghen tương, căm ghét, nhưng Ngài không trút lại các điều đó lên đầu người khác. Thay vào đó, Ngài chịu đựng căm thù, giận dữ, ghen tương,

xúc phạm đủ lâu để có thể chuyển hóa chúng thành tha thứ, trắc ẩn, yêu thương. Chỉ có ai đã từng đổ máu thực sự để giữ vững chân lý cho điều tối cao và tốt đẹp nhất mới có thể nhìn vào những kẻ giết mình mà nói:

“Xin tha cho họ, vì họ không biết việc họ làm.”<sup>13</sup> Đó là những gì làm cho tâm hồn cao quý. Chấp nhận chịu đựng căng thẳng vì Thiên Chúa, tình yêu, sự thật, và nguyên tắc, đó là thần nghiệm mà chúng ta cần nhất ngày nay. Hầu như tất cả mọi thứ trong nền văn hóa mời gọi chúng ta khước từ căng thẳng, giải quyết ngay lập tức khi có thể, cho dù phải hy sinh các thiên hướng cao cả của chúng ta. Điều này đúng cho hầu hết mọi khía cạnh của cuộc sống đương đại, ngoại trừ các lãnh vực mà chúng ta có thể đổ mồ hôi máu để có cho bằng được như, sự nghiệp, sức khỏe và một cơ thể thon đẹp. Chờ đợi trong huyệt hăng và khiết tịnh không phải là điểm mạnh của chúng ta. Từ nỗi thất vọng nhỏ, như xếp hàng chờ ở ngân hàng, chờ xe buýt, cho đến các huyệt hăng lớn với các căng thẳng, các nhu cầu tính dục không được thỏa mãn, chúng ta cảm thấy thật khó để ở lại trong căng thẳng còn vướng mắc.

Jacques Maritain, triết gia lớn, người Công giáo, đã từng nói một trong những bi kịch thiêng liêng lớn là sẽ có nhiều người tốt thành người cao cả, nếu họ chỉ cần dừng hoảng hốt, đừng hấp tấp giải quyết các tình trạng căng thẳng đau đớn trong cuộc đời, thay vào đó họ kiên nhẫn chịu đựng lâu dài căng thẳng đó, như người đi trong đêm tối tâm hồn, cho đến khi những căng thẳng đó biến đổi và giúp tạo nên những gì cao cả nhất trong chúng ta, lòng trắc ẩn, tha thứ và yêu thương.

## **1. Phạm tội cách dững cảm...**

*“Bạn cũng bệnh giống như cái bí mật bệnh hoạn của bạn.”<sup>14</sup>*

### ***a. Thăng thấn với các yếu đuối của chúng ta***

Mục sư Martin Luther được cho là tác giả của cụm từ “Dám phạm tội!” Hiểu cách đúng đắn, nó có tầm nhìn thiêng liêng khôn ngoan hơn là nói suông. Nó định rõ một liên kết cụ thể, loại thần nghiệm nguyên khai sơ đẳng. Nó không phải như cách hiểu hời hợt khuyến khích phạm tội, nhưng đúng hơn là mời gọi chúng ta luôn đặt mình ở nơi mà Chúa có thể giúp sau khi chúng ta phạm tội, cụ thể hơn là khi chúng ta thăng thấn nhận tội của mình.

Nhà thần nghiệm người Anh, Ruth Burrows,<sup>15</sup> một trong những quyển sách trước đây của bà, đã soi rọi vài điểm mà Luther muốn nói. Bà kể câu chuyện hai nữ tu bà đã từng sống. Cả hai, đều là nữ tu chiêm niệm, tầm thường trong đúng nghĩa của nó, họ rời bỏ thế gian nhận nhíp để đi tìm Chúa trong lời cầu nguyện, bây giờ ở trong tu viện thì họ lại không cầu nguyện. Tuy nhiên, theo câu chuyện của tác giả, hoàn cảnh của họ khác nhau. Nữ tu đầu tiên, biết bà bị bệnh ở giai đoạn cuối, nỗi sợ cái chết sắp đến thúc đẩy bà cố gắng cầu nguyện nhiều hơn. Nhưng thói quen cũ đã bị chôn quá sâu đậm nên bà chết trước khi có thói quen này lại. Dù bà chết, nhưng theo Burrows bình luận, bà chết hạnh phúc, cái chết của một tội nhân xin Chúa tha thứ cho đời sống yếu đuối của mình. Nữ tu thứ hai cũng chết, nhưng cái chết không được hạnh phúc như vậy. Tác giả cho thấy, đến cuối đời, bà vẫn biện minh cho chính bà cũng như với người khác, bà không phải là con người yếu đuối. Sau khi chia sẻ câu chuyện này, Burrows đã bình luận thế này về giá trị của tính thẳng thắn và ăn năn trong đời sống chúng ta.

Bà nói, chỉ có một vị thánh mới có thể chết cái chết của một vị thánh. Phần chúng ta, số còn lại phải ra đi trong cái nhìn của chính mình và những người lân cận, với con người thật của mình, những người tội lỗi xin Chúa khoan dung. Hơn nữa, theo Burrows, vấn đề tâm linh nhất của chúng ta không phải là yếu đuối hay tội lỗi, nhưng thiếu lòng ăn năn. Trong thâm ý của Luther, vấn đề không phải là mức độ chúng ta phạm tội quá nhiều mà là chúng ta không dám nói thẳng ra.

Những gì Luther và Burrows đề cập cũng là những gì sách Phúc âm liên tục nhấn mạnh, rằng sự yếu kém trong sợi dây nối kết chúng ta với Chúa, không phải là yếu đuối, nhưng là duy lý, chối từ, dối trá và quả tim chai cứng của chúng ta. Trong lời dạy của Chúa Giêsu, chỉ có một tội Thiên Chúa không thể tha thứ, là tội phạm đến Chúa Thánh Thần.

### ***b. Phạm đến Chúa Thánh Thần là tội không tha thứ***

Trong cuộc sống rao giảng của Chúa Giêsu, có lần Ngài nói rằng tất cả mọi tội lỗi và báng bổ đều có thể được tha thứ, ngoại trừ tội phỉ báng Chúa Thánh Thần. Ai phạm tội này, người đó mắc phải một tội vĩnh viễn, không bao giờ được tha thứ.<sup>16</sup> Báng bổ chống lại Chúa Thánh Thần này là gì và tại sao nó là một tội lỗi đời đời không bao giờ được tha thứ?

Để hiểu những gì Chúa Giêsu muốn dạy, chúng ta cần xem lại trong ngữ cảnh nào, lời này được nói ra. Ngài vừa làm phép lạ xua đuổi tà thần. Trong thần học Do Thái thời đó, với niềm tin mà các kinh sư và biệt phái cùng tất cả mọi người dựa vào, thì chỉ có những người từ Thiên Chúa mới có thể làm được phép lạ đó. Các luật

sĩ và biệt phái vừa chứng kiến phép lạ, do đó hiển nhiên họ thấy Đức Giêsu đến từ Thiên Chúa. Nhưng vì ghen tị, các kinh sư và biệt phái không thể chấp nhận sự thật họ vừa chứng kiến. Họ chọn cách nói dối. Vì vậy, thay vì chấp nhận những gì vừa chứng kiến, họ phủ nhận những gì họ biết và cáo buộc Chúa Giêsu làm các phép lạ là nhờ quyền phép của Satan. Lúc đầu, Chúa Giêsu cố gắng minh lý cho họ, đưa ra ý niệm Satan không thể làm điều chống lại chính nó; nhưng họ vẫn ngoan cố, họ chọn chối từ chuyện hiển nhiên này, hơn là chấp nhận yếu đuối của mình. Cuối cùng, Chúa Giêsu đưa ra một lời răn đe (bởi vậy, điều này đơn thuần là một lời răn đe, không phải là một tuyên bố rằng họ đã phạm tội bất dung), mà mở ra và chú giải sẽ như thế này:

**Hãy cẩn thận đừng nói dối, đừng bóp méo sự thật, bởi vì mối nguy thật sự là, một khi mình nói dối là mình bắt đầu bóp méo và làm suy đồi chính tâm hồn mình.** Nếu bạn nói dối lâu ngày, thì cuối cùng bạn sẽ đánh mất sự thật, tin vào dối trá và trở nên không thể phân biệt được đâu là thật, đâu là dối. Tội không tha thứ ở đây, không phải là Chúa không tha tội cho bạn nhưng bạn không còn muốn được tha thứ. Thiên Chúa dễ dàng tha thứ cho tất cả những yếu đuối và lúc nào cũng tha thứ cho bất cứ ai muốn được tha thứ, nhưng chính bạn, bạn làm cho lương tâm của mình suy đồi, rồi như Satan, bạn xem sự thật và lòng tha thứ của Chúa là dối trá, còn thấy dối trá của mình là sự thật và tha thứ. Đó chính là tội lỗi duy nhất thực sự đẩy chúng ta ra khỏi lòng thương xót của Chúa, không phải bởi vì Thiên Chúa không mở rộng lòng thương xót nữa, nhưng vì bạn nhìn lòng thương xót mà lại gọi đó là dối trá.

Sẽ là tự phụ khi chú giải những gì Chúa Giêsu muốn nói ngược lại với những gì Ngài cụ thể nói, nhưng nhìn chung, các nhà thần học Kinh Thánh đều đồng ý lời răn đe của Chúa Giêsu về việc không được nói phạm đến Chúa Thánh Thần là lời cảnh cáo chống lại tính không thẳng thắn và duy lý. Lời giải một chiều của Luther “dám phạm tội,” đã nắm được tâm điểm của lời cảnh cáo này.

Một chú dẫn thú vị trong Phúc âm thánh Gioan, Đức Giêsu không nói về tội chống lại Chúa Thánh Thần. Thay vào lời dạy cũ là không được nói dối, chúng ta thấy một minh họa tích cực hơn trong câu chuyện người mù từ thuở mới sinh.<sup>17</sup> Thánh Gioan đã kể như sau:

Một ngày kia, khi đang đi, Chúa Giêsu gặp một người mù bẩm sinh. Ngài trợn bùn bôi vào mắt anh, và anh nhìn thấy được. Nhưng bạn bè và hàng xóm, những người không chứng kiến cảnh này, hỏi anh vì sao anh nhìn thấy được. Anh khá ngây thơ đơn sơ trả lời, Đức Giêsu đã bôi bùn vào mắt và cho anh được thấy. Vì vậy, họ đưa anh đến các người biệt phái, những người này cũng hỏi anh câu hỏi tương tự. Một lần nữa, anh trả lời chính Đức Giêsu đã chữa lành mắt cho anh, các người biệt

phái (vì hận thù và ghen tương) cố gắng đẩy anh xa sự thật, nói với anh Đức Giêsu không thể nào làm việc này bởi vì chỉ những người từ Thiên Chúa mới có thể làm được, mà theo lý chứng của họ, Đức Giêsu không thể đến từ Thiên Chúa. Tuy nhiên, anh vẫn giữ vững quan điểm, anh không chịu nói dối, dù anh cảm thấy những gì mà các nhà biệt phái nói đang lấn chiếm và áp đảo anh. Doạn, các biệt phái chất vấn và anh không chịu nói dối được lập đi lập lại nhiều lần. Cuối cùng, các biệt phái sỉ vả anh, nói anh ngu ngốc, tội lỗi và không được cãi lại họ. Về phần mình, anh khiêm tốn gắn lòng mình vào sự thật mà anh đã biết. Anh không phủ nhận anh ngu ngốc hay tội lỗi, anh cũng không phủ nhận sự thật cho dù hậu quả là anh bị trục xuất khỏi cộng đoàn Do Thái giáo. Sau đó, Chúa Giêsu gặp anh, và anh tuyên xưng đức tin vào Ngài.

Những gì xảy ra trong truyện này, theo một cách nào đó là sự đối lập của tội lỗi với Chúa Thánh Thần. Người thanh niên mù được thánh Gioan trình bày không phải là người sáng trí đặc biệt, cũng không mộ đạo, về cơ bản, anh không có nhiều cơ hội để nhận ra Đức Kitô. Tuy nhiên, trong phúc âm thánh Gioan, anh là một trong những người đầu tiên nhận ra Chúa Giêsu cách rõ ràng vì anh đã tuyên xưng đức tin. Và anh đạt đến đức tin đó bằng một đức hạnh mà thôi, là **từ chối nói dối**. Đơn giản chỉ cần qua lòng trung thực của anh, anh đến với Thiên Chúa. **Sự chân thực đơn giản** đó là chính thần nghiệm nguyên khai sơ đẳng mang đến đức tin. Chính đó và chỉ cần một mình điều đó, là có thể đưa con người đến với Chúa.

Ngày nay, chúng ta có thể kiểm chứng hiệu quả tác dụng kỳ diệu của lòng thẳng thắn trên sức khỏe tâm hồn qua các chương trình trị liệu chống nghiện ngập. Chẳng hạn, trong các chương trình được gọi là mười hai bước (Hội Nghiện Rượu Ẩn Danh, Nghiện Tình Dục Ẩn Danh, Nghiện Ăn Uống Ẩn Danh hay những hội tương tự), luôn luôn có một bước rất quan trọng, bước đương sự phải đối diện với người khác, thành thật thú nhận sự yếu đuối của mình, không được nói dối. Chương trình rất rõ ràng; không thành thật thì không cứu chữa được gì. Bản văn của chương trình nói lên điều này: *“Bạn cũng bệnh như cái bí mật bệnh hoạn của bạn, bạn vẫn còn bệnh cho đến khi nào bạn còn che dấu bí mật này.”* Trong tất cả các chương trình cai nghiện hiệu quả, lành mạnh và chùng mực đồng nghĩa với chân thật. Một câu nói nhấn mạnh: Về rượu, trị được 10% nhờ chùng mực và 90% nhờ chân thật.

Các sách Tin Mừng về cơ bản cũng đồng ý với đánh giá này, 90% lành mạnh tâm linh là do chân thật. Và điều tốt nhất trong thế giới thế tục cũng đồng thuận với điều này; bất kể các đấu tranh về luân lý và cảm tính, chúng ta vẫn đồng cảm trọn vẹn về sự chân thật.

Một vài năm trước đây, một nhà làm phim trẻ, với ngân sách rất nhỏ, đã làm một bộ phim đáng kể. Với tiêu đề *Tình dục, Dối trá và Băng thu hình*, ông kể câu

chuyện một chàng trai trẻ, đang có vấn đề về cảm xúc và tính dục. Tuy nhiên, đến một thời điểm trong cuộc đời, anh có một lời thề đơn giản, anh sẽ không bao giờ nói dối, dù trong những điều nhỏ nhặt nhất. Anh giữ vững lời thề và, từ từ, anh phục hồi sức khỏe. Ngoài ra, anh còn đặt một máy quay, mời những người khác đến và làm điều giống anh, đơn giản là chân thật kể các câu chuyện của họ. Tòa thú tội thể tục này đã làm nên điều kỳ lạ rõ rệt về mặt tâm linh. Tất cả những người nói ra sự thật cảm thấy khá hơn. Ngược lại, tất cả những người dối trá, chối từ đối mặt với sự thật trong cuộc sống của chính mình, dần dần trở thành không thẳng thắn, cay đắng, và khắc nghiệt trong tâm hồn và thái độ. Như câu chuyện của người mù bẩm sinh trong Phúc âm, đây cũng là câu chuyện đối lại với người phạm tội chống Chúa Thánh Thần.

### ***c. Lòng chân thật cho chúng ta thấy lại được thế giới muôn màu***

Vài năm trước đây, trong một buổi tĩnh tâm, có một người đàn ông chia sẻ với tôi câu chuyện. Ông vừa trải qua một biến đổi lớn, nhưng đó không phải là biến chuyển hoàn toàn tôn giáo, thậm chí theo cách nào đó, cũng không phải là một biến chuyển luân lý. Đó là một biến đổi thẩm mỹ của sự tương hợp, dù xét cho đến cùng nó cũng mang tính tôn giáo và luân lý sâu sắc. Điều gì đã xảy ra cho ông?

Ông ở tuổi trung niên, chưa lập gia đình, đồng tính, và mặc dù cơ bản cuộc sống tôn giáo của ông có nề nếp, ông bị hai thói nghiện dính với nhau, thủ dâm và rượu chè. Dù vậy, ít nhất là bên ngoài, không có một biểu lộ nào. Tối thiểu chúng không bao giờ phá rối đến công việc, quan hệ và đời sống tôn giáo của ông. Ông rất được tôn trọng và không ai quen biết ông nghĩ rằng ông đang có vấn đề. Ngoại trừ... ngoại trừ chính ông biết ông có vấn đề và với sự trưởng thành chính chắn qua đời sống cầu nguyện và qua sự tôn trọng người khác dành cho ông, ông bắt đầu nhìn vào các mâu thuẫn của mình và tìm cách giải quyết.

Người hướng dẫn cho ông khuyên ông nên tham gia hai chương trình mười hai bước, một chống thói nghiện rượu, và một chống thói nghiện tình dục. Lúc đầu, ông phản đối, ông suy nghĩ: “Tôi không phải là người nghiện rượu! Vấn đề tình dục của tôi không có gì nghiêm trọng.” Tuy nhiên cuối cùng, ông cũng bước vào hai chương trình đó, và nói theo danh từ của ông “đã có biến chuyển lớn”: “Trước khi tham gia chương trình này, tôi không nghĩ tôi xấu xa hay có vấn đề gì cả. Cuộc sống của tôi về cơ bản là có nề nếp. Vậy điều gì xảy ra với tôi? Bây giờ khi tôi tham gia hai chương trình này, cảm nhận rõ ràng của tôi là tôi thấy lại được cuộc đời muôn màu muôn vẻ. Trước đó, tôi không phải là người xấu, nhưng tôi luôn luôn chìm trong đời

hỏi riêng của tôi, khi nào cũng thêm khát nó, tôi không thật sự thấy cái gì trước mắt tôi. Bây giờ, tôi thấy lại cuộc đời muôn màu và chưa bao giờ nó phong phú như vậy.”

Loại biến đổi này là gì? Đó có phải là thách đố về việc nhìn cuộc sống phong phú của Phúc âm không? Dường như là vậy và phương cách để chúng ta nhìn rõ là phải nhìn qua lòng chân thật tuyệt đối, qua việc can đảm đối diện với sự thật là chúng ta yếu đuối.

Để được lành mạnh trong linh hồn, không có cách nào hơn liều thuốc quan trọng từ các Tin mừng và điều cao sâu nhất trong ý thức chúng ta: Đừng nói dối, sẽ yếu đuối khi bạn bị buộc phải làm vậy, nhưng phải dám phạm tội!

Nếu chúng ta chân thật, cuối cùng Thiên Chúa, sự thật, và tình yêu sẽ tìm gặp chúng ta.

## **2. Họp nhau quanh nghi thức Lời Chúa và Bẻ Bánh...**

*“Ở đâu có hai hoặc ba người tụ họp lại vì danh Ta, Ta ở giữa họ.”<sup>18</sup>*

### ***a. Trong các cảnh huống của cuộc sống, hãy họp nhau lại trong nghi thức cầu nguyện***

Chúa Giêsu hứa rằng, khi nào có một nhóm họp nhau cầu nguyện, Ngài sẽ ở đó với họ. Các giáo đoàn thời đầu đã áp dụng lời hứa đó theo nghĩa đen. Các môn đệ đầu tiên đã quen với sự hiện diện thể lý của Chúa Giêsu giữa họ và sau khi Ngài về trời, họ thường gặp khó khăn khi muốn biết Chúa muốn họ làm gì. Tuy nhiên, họ có một công thức đơn giản cho mỗi dịp và mỗi khó khăn, đó là lời mời gọi nhân danh Chúa Giêsu: Họ phải tụ họp quanh Lời Chúa và Bẻ Bánh, để Chúa Giêsu đến và tác động trong họ những điều mà họ không thể tự thân hoàn thành theo cách nào khác.

Là Kitô hữu ngày nay chúng ta vẫn cần giữ lời hứa này theo nghĩa cụ thể. Đời sống Kitô hữu không chỉ được xác nhận bởi việc cầu nguyện riêng, thực thi công lý và sống đạo đức. Đời sống đó được xác nhận trong cộng đoàn, qua việc họp nhau lại trong nghi thức sống Lời Chúa và Bẻ Bánh. Tuy nhiên, quan trọng là phải hiểu, đây không phải là tụ họp có tính cách xã hội, chỉ làm những gì mà việc tụ họp xã hội làm. Tụ họp quanh Lời Chúa và Bẻ Bánh là một tụ họp nghi thức và nghi thức đem lại những điều mà tụ họp xã hội thông thường không thể có, cụ thể là, năng lực biến

đổi vượt xa những gì có thể hiểu và giải thích về phương diện thể lý, tâm lý, và động năng xã hội mà chúng ta đang có. Tôi ngờ điều này có vẻ trừu tượng và hơi bí truyền, vì thế cần được giải thích kỹ càng hơn.

### ***b. Ý nghĩa của nghi thức và cuộc đấu tranh hiện nay của chúng ta với nó***

Nghi thức là điều mà phần lớn chúng ta đã không còn hiểu rõ. Các nền văn hóa xưa hiểu được nghi thức và họ có ý thức để dùng nghi thức nhiều hơn chúng ta. Chúng ta, những đứa trẻ trưởng thành của thời đại Ánh Sáng, có xu hướng bất phân nghi thức mà trong đó cơ bản là chúng ta ngờ vực tất cả những gì chúng ta không thể giải thích thấu đáo hoàn toàn. Do đó, đối với chúng ta, nghi thức là đáng ngờ và phảng phất nét mê tín hay tà phép.

Tuy nhiên, ý niệm này đang từ từ thay đổi. Một cách kỳ lạ là, sự thay đổi không xảy ra trong các giáo hội cho bằng trong nền văn hóa thế tục, đặc biệt là trong phong trào Nữ Quyền, Thời Đại Mới, và Nhóm Nam Giới. Ở đây, nghi thức được tái khám phá và được sử dụng mạnh mẽ. Vì vậy, ví dụ, trong một số nhóm Nữ Quyền, để giúp một phụ nữ nạn nhân bị cưỡng hiếp hay một loại lạm dụng tình dục, họ thấy các lời khuyên chỉ giúp đỡ có mức độ, nạn nhân cần một điều gì đó mà cách chữa thể lý không làm được. Cô cần được chữa lành trong nghi thức. Do đó, họ sẽ đặt ra các nghi thức khác nhau để tẩy uế hay tái sinh và cử hành cùng với cô ấy. Trong nhiều trường hợp, nhờ những nghi thức này, nạn nhân thấy tốt hơn.

Nghi thức tác động như thế nào? Chúng ta không biết, và đó là điểm mấu chốt. Với nghi thức, chúng ta không thể giải thích cách rành rọt, ngoại suy ra nguyên tắc biến đổi, hay sao chép kết quả của nó về mặt tâm lý. Nghi thức cứ tác động! Nghi thức tác động theo cách nụ hôn, một nghi thức nguyên khai nhất trong tất cả các nghi thức. Nụ hôn làm được những điều mà lời nói không thể làm và ở đây không có gì là siêu hình để cần phải viết về chúng.

Các Nhóm Nam Giới cũng làm những điều tương tự. Đôi khi, để giúp một người đàn ông bị chấn thương thời thơ ấu, không có được tình thương, không được người cha chúc phúc, cũng như các nhóm phụ nữ, họ nhận ra lời khuyên thể lý không đủ đem lại cho anh những gì anh thật sự cần. Anh cần được chúc lành. Anh cần một nghi thức. Và cũng vậy, khi tổ chức các buổi nghi thức, anh cảm thấy tốt hơn. Vậy nghi thức tác động như thế nào? Cách thức tác động của những nụ hôn ra sao? Có một sức mạnh hàm chứa hoàn toàn vượt trên duy lý. Chỉ có ngôn ngữ lâu đời, thời tiền hiện đại – với những từ ngữ của thiên thần và ác quỷ, chúc lành và



chúc dữ, và của những dòng sông thiêng liêng – có thể giúp chúng ta trong suy tưởng này; thật vậy, vì *có một điều gì đó đã thực sự xảy ra trong nghi thức.*

Nghi thức tốt đẹp mang đến một sức mạnh vượt ra ngoài những gì chúng ta có thể giải thích duy lý. Các nghi thức mang lại hiệp nhất trong nhóm, chữa lành, và các dạng thức khác của biến đổi, mà chúng ta không thể sắp đặt, tạo nên được. Là Kitô hữu chúng ta luôn luôn có những nghi thức như vậy. Chúng ta đơn giản có những nghi thức theo các tên gọi khác nhau – phép rửa, đặt tên thánh, chúc lành, họp nhau quanh Lời Chúa và Bẻ Bánh với nhau. Nếu đó là những nghi thức lớn, như phép rửa tội, hầu hết Kitô hữu gọi đó là Bí tích và hiểu cách trực giác rằng có điều gì hiện hữu nơi đó mà không thể giải thích duy lý cho trọn vẹn. Nếu đó là nghi thức thứ yếu, như chỉ là gặp nhau để chia sẻ Kinh Thánh, chúng ta thường không nhận ra tính nghi thức trong đó, nhưng vẫn cảm thấy sức mạnh đặc biệt trong đó.

Tôi muốn đưa ra ở đây hai ví dụ cá nhân, từ trải nghiệm của riêng tôi và từ nền tảng giáo lý của tôi, một tín hữu Công giáo La Mã, nhưng cũng có thể là ví dụ của bất cứ ai trong các tôn giáo khác. Cả hai ví dụ đều nói về ***sức mạnh biến đổi của nghi thức.***

Trong suốt sáu năm học thần học và chuẩn bị chịu chức linh mục, tôi sống trong một chủng viện lớn. Trong những năm đó, khoảng bảy mươi người chúng tôi cùng sống với nhau dưới một mái nhà. Xuất thân từ các nền tảng, tính tình và các vấp phạm khác nhau, chúng tôi có những xung khắc tự nhiên hơn là tính tình hòa hợp. Chúng tôi đã không chọn nhau và ở một mức độ tâm lý nào đó, chúng tôi hoàn toàn là những con người tình cờ gặp nhau. Tuy nhiên, bằng cách nào đó, chúng tôi đã có thể thành lập được một cộng đoàn hòa hợp với nhau.

Có nhiều lý do tại sao tính cộng đoàn được thiết lập giữa chúng tôi, điểm cuối cùng của tất cả là vì chúng tôi cùng sống trong một mái nhà và cùng nhau làm nhiều việc. Chúng tôi cùng ăn, cùng học, cùng giải trí với nhau, với các quy định của đời sống chủng viện lúc đó, hiếm khi chúng tôi xa nhau. Hơn nữa, tất cả chúng tôi có chung một động lực chính yếu, một trọng tâm đức tin. Điều thú vị là trong tất cả những điều kéo chúng tôi gần nhau để làm chung, thì vẫn có một điều ngược lại. Hai lần mỗi ngày, trong vòng nửa giờ, tất cả bảy mươi người chúng tôi ngồi trong nhà nguyện, im lặng cầu nguyện, một thỉnh lặng hoàn toàn. Đó là giờ Hương nguyện. Chúng tôi bắt đầu và kết thúc bằng lời cầu nguyện chung, nhưng phần thời gian còn lại, chúng tôi chỉ ngồi thỉnh lặng bên nhau.

Điều gì đã xảy ra khi chúng tôi làm việc này? Cầu nguyện, đúng. Nhưng còn có điều gì hơn nữa. Khi chúng tôi ngồi với nhau trong thỉnh lặng, mỗi người chúng tôi đang cố gắng tập trung vào Chúa hơn là vào chính mình, ít nhất trong thời gian ngắn ngủi đó, chúng tôi có được một tinh thần cộng đoàn, một thân mật thực sự với

nhau. Những dị biệt về tính tình, tư tưởng, ghen tị và giận dữ giữa chúng tôi sẽ biến mất trong một chốc lát. Trong nửa giờ đó (và thường kéo dài một khoảng thời gian sau đó), chúng tôi gắn kết với nhau hơn trong tinh thần cộng đoàn. Tại sao? Có phải chỉ vì tất cả chúng tôi cùng hướng tâm và chú tâm hơn vào lý do chúng tôi hiện diện ở đây? Đúng, chắc chắn là vậy. Nhưng còn hơn nữa. Nửa giờ Hương nguyện với nhau đó, cũng là một nghi thức, như một nụ hôn, trong thinh lặng, giúp tạo nên một sự hiệp nhất mà chúng tôi không thể có được bằng các quá trình đậm tính duy lý và biện luận hơn.

Ví dụ thứ hai cũng lấy từ kinh nghiệm riêng của tôi, một tín hữu Công giáo La Mã, nhấn mạnh vào một nghi thức khác, Bí Tích Thánh Thể hàng ngày. Tôi là linh mục hai mươi lăm năm nay và một trong những đặc ân là hàng ngày tôi được làm một việc mà người Công giáo La Mã gọi là Phép Thánh Thể hay dâng thánh lễ. Qua nhiều năm, tôi đã gặp nhiều kiểu người khác nhau trong việc gặp nhau mỗi ngày này. Tôi gọi là “kiểu” vì có rất nhiều thành phần khác nhau đi lễ mỗi ngày.

Vậy ai là người đi lễ hàng ngày? Theo kinh nghiệm của tôi, không có một cách phân loại nào đúng ở đây. Xét bề ngoài, thì họ có ít điểm chung với nhau. Đó là sự pha trộn kỳ lạ: vài nữ tu, vài người thất nghiệp, rất nhiều các ông các bà về hưu, một ít người trẻ, vài bà nội trợ, một ít y tá, doanh nhân, thư ký, và các nghề khác trong giờ ăn trưa của họ.

Họ không có một điểm nào giống nhau về mặt tính tình, nhưng có một điều gì đó giữa họ (tôi chỉ nói về những người có thói quen đi lễ mỗi ngày) giữ được sự chung nhất, cụ thể là cuối cùng, họ đến đó vì một lý do giống nhau. Lý do đó là gì? Đó là một điều sâu sắc và ít rõ ràng hơn là những gì hiển nhiên trước mắt. Đơn giản, họ đi lễ mỗi ngày để không bị tách riêng ra. Họ đi lễ vì biết rằng không có thánh lễ, họ sẽ tự mãn hoặc chán chường và không thể đối đầu với cuộc sống riêng của họ.

Tôi ngờ rằng hầu hết những người đi lễ hàng ngày sẽ nói với bạn như vậy. Nhiều khả năng họ sẽ nói với bạn mục đích họ đi lễ là để cầu nguyện với Chúa, để được Chúa nuôi dưỡng và nâng đỡ, để chạm đến Chúa và đón nhận ân sủng xuống trên ngày sống, vì họ cảm thấy hợp lý khi dâng lên Chúa một phần ngày sống của mình. Xét bề ngoài, đó là các lý do của họ. Nhưng với những ai duy trì thói quen đi lễ hàng ngày trong một thời gian dài, thì luôn luôn có một lý do sâu sắc hơn. Đi lễ hàng ngày là một nghi thức, một uy quyền sâu sắc nâng đỡ đời sống con người theo thói quen mà các thành viên hội Nghiện Rượu Ẩn Danh đem lại cho những ai đi tìm một tiết độ.

Một người bạn đang cai rượu có lần giải thích cho tôi tại sao anh thường xuyên đến hội Nghiện Rượu Ẩn Danh: “Tôi biết, và biết chắc chắn nếu tôi không đi thường xuyên, tôi sẽ uống lại. Buồn cười là tất cả những buổi gặp đó luôn luôn

giống nhau, nói đi nói lại cùng chuyện. Tất cả đều đoán trước được, tôi biết tất cả những gì người ta sẽ nói. Ai đến đó cũng biết như vậy. Tôi cũng không đến đó để thành người tốt đẹp. Tôi đến đó để sống. Bởi tôi biết, nếu không đến đó, thì cuối cùng tôi sẽ hủy hoại đời tôi!”

Cái gì đúng cho thành viên hội Nghiện Rượu Ấn Danh thì cũng đúng cho những người đi lễ hàng ngày. Cứ coi đó như lời cầu nguyện, người Kitô đến với nhau như lời Chúa Giêsu dạy. Phép Thánh Thể là chính những điều đó, nhưng còn hơn thế nữa: Đó cũng là một nghi thức, một hàm chứa, một xác nhận, một sự đến với nhau, giữ chúng ta khỏi việc tách rời nhau theo cách mà chúng ta không thể nào giải thích theo lối duy lý.

Có một điều quan trọng chung nữa đối với những người đi lễ hàng ngày là họ không muốn một thánh lễ quá dài hay quá sáng tạo. Họ muốn một nghi thức rõ ràng, như cũ và ngắn gọn. Vì điều này mà họ thường bị phê phán một cách không thương xót, cũng vì đơn giản nên người ta không thấy có gì khác hơn là nghi thức trống rỗng, cầu nguyện thuộc lòng, đi lễ máy móc gần như không có tâm hồn. Cũng không xa sự thật, sự quy kết này cho thấy, không phải chỉ những người ngoài cuộc mới hiểu lầm, mà cả những người không hiểu rõ về nghi thức cũng hiểu lầm.

Có những nghi thức, đặc biệt là nghi thức khai tâm, một đời chỉ làm một lần, nó mang một năng lực biến đổi một phần do sự thăng hoa tâm hệ và nung nấu cảm xúc đến một nhiệt huyết mới. Nhưng các nghi thức hỗ trợ đời sống thường nhật của chúng ta không phải như vậy. Thật vậy, các nghi thức hỗ trợ đời sống làm việc theo một cách khác. Chúng không phải là trải nghiệm của sinh lực tràn đầy hay sáng tạo, nhưng chính là những điều xưa cũ, lặp đi lặp lại, đơn giản, cởi mở và ngắn gọn. Bất cứ cộng đoàn hay gia đình nào duy trì một đời sống thường nhật với việc cầu nguyện chung, ăn cơm chung, có chia sẻ chung trong những lúc khác nhau, thì họ sẽ hiểu được điều này, giống như các tu sĩ. Các nghi thức hỗ trợ đời sống hàng ngày không hành động thông qua tính mới lạ hay tìm cách nâng cao tính khí bốc đồng của chúng ta. Điều mà nghi thức đó cố để tác động lên chúng ta không phải là sáng tạo, mà là nhịp độ, không phải hiện tại mà là mãi mãi, không phải xúc cảm mà là nguyên hình nguyên tượng.

Những buổi họp nhau bình thường ở nhà thờ, những lúc chúng ta họp nhau để cầu nguyện và chia sẻ đức tin, giữa vợ chồng, trong gia đình, chính là hình thức của tụ họp nghi thức. Khi họp lại với nhau, chúng ta không tìm kiếm mới lạ, nhận nhịp, thông tuệ, hay trị liệu cho các mâu thuẫn gia đình. Những lời chúng ta dùng (một bài Kinh Thánh, Thánh vịnh, kinh Lạy Cha, các lời cầu nguyện theo sách hoặc một thánh ca) xét cho cùng sẽ giúp chúng ta có được sự thanh lặng xa xưa, vì những gì xảy ra giữa Thiên Chúa với chúng ta, giữa chúng ta với nhau, thì sự mới lạ, nhận

nhịp, thông tuệ, và các trị liệu khác thực sự không thể đạt đến được. Chúng ta họp nhau lại quanh nghi thức Lời Chúa và Bẻ Bánh mà Ngài để lại cho chúng ta, chúng ta đến với nhau không phải để có một buổi họp mặt gia đình hay cộng đoàn, không phải để bàn về các cảm nghĩ hay vấn đề của chúng ta, cũng không phải để tìm kiếm các liệu pháp chung, thậm chí cũng không phải để củng cố đức tin chao đảo trong một xã hội ngoại giáo. Chúng ta họp nhau để cùng nhau thờ phượng Thiên Chúa và để Ngài thực hiện trong chúng ta những gì chúng ta không thể tự mình làm được, cụ thể là, mang đến cho chúng ta đức tin và định hình định dạng chúng ta trong cộng đoàn, vượt trên các mâu thuẫn cảm xúc và trên tất cả những gì chúng ta cần được chữa lành.

Kitô giáo đã tự khẳng định mình trong hai ngàn năm. Việc đó được thực hiện như thế nào? Khi cố gắng trả lời câu hỏi này, chúng ta biết được một bí mật đáng giá. Đức tin tự khẳng định qua việc quy tụ trong nghi thức, chung quanh Lời Chúa và Bẻ Bánh. Như trong một cuộc hôn nhân hay trong một gia đình, chúng ta tránh tan vỡ bằng cách: Sẽ ở nhà vào những giờ thường lệ, ăn một ngày hai bữa với nhau, ngồi với nhau trong phòng khách ít nhất một ngày một lần... dù chẳng thích thú gì, chẳng có hứng nói chuyện với nhau, ai cũng chán, dù một nửa người trong gia đình phản đối rằng chẳng bỏ công. Chúng ta vẫn sẽ làm vì nếu không làm thì chúng ta sẽ tan rã và gia đình chúng ta sẽ chết. Gia đình Kitô cũng như gia đình nhân loại đều cần đến các nghi thức rõ ràng, lặp đi lặp lại, xưa cũ, không nhộn nhịp. Không họp nhau bên nghi thức, thì cũng như bất cứ gia đình nào, sớm muộn gì gia đình chúng ta cũng sẽ tan vỡ.

Trong thời đại khó khăn cho việc khẳng định đức tin và duy trì cộng đoàn, lời khuyên tốt nhất cho chúng ta là lời khuyên của chính Đức Giêsu: Họp nhau quanh Lời Chúa và bẻ bánh với nhau. Chúng ta không cần phải hiểu những gì đang làm, không cần phải thông tuệ, sáng tạo hay phấn khích. Chúng ta chỉ cần họp nhau trong danh Ngài quanh nghi thức đơn giản rõ ràng mà Ngài đã ban cho chúng ta. Ngài hứa phần còn lại Ngài sẽ làm cho chúng ta.

### **3. Thờ phượng và phụng sự đúng Thiên Chúa...**

Một khuôn mẫu người khác tạo ra có thể tràn ngập thế giới và đi theo một Thượng Đế sai lầm làm mất đi ngôi sao dẫn đường của mình.<sup>19</sup>

#### **a. Khẳng định bản thân nhờ giữ điều răn thứ nhất**

Khi cố gắng khẳng định bản thân mình là Kitô hữu, có một số điều cũng quan trọng như việc thờ phượng và phụng sự Thiên Chúa. Dù chân thành đến đâu đi chăng nữa, nhưng nếu có một hình ảnh sai về Thiên Chúa, thì đó là việc tôn thờ ngẫu tượng và lỗi phạm điều răn thứ nhất.

Vậy Thiên Chúa giống như thế nào? Đức Giêsu đã mặc khải một Thiên Chúa như thế nào?

Một trong những nhà thần nghiệm Kitô lớn, Julian thành Norwich, đã từng mô tả Thiên Chúa như sau: “Hoàn toàn thanh thản và lịch thiệp, chính Ngài là hạnh phúc và bình an cho bằng hữu Ngài, dung nhan Ngài tỏa chiếu một tình yêu vô tận, như một bản hòa tấu tuyệt diệu; và chính dung nhan phi thường cùng vẻ đẹp của Thiên Chúa đã phủ đầy hoan lạc và ánh sáng khắp chốn thiên đàng.”<sup>20</sup>

Như Julian mô tả, Thiên Chúa vừa mỉm cười hài lòng vừa thanh thản. Chúa Giêsu sẽ đồng ý với mô tả đó. Thật không may, quá ít Kitô hữu, trong quá khứ cũng như hiện tại, đồng ý như vậy.

Trong quá khứ, khái niệm của chúng ta về Thiên Chúa thường là hình ảnh của cơn giận dữ và sự bất lực không thể tha thứ cho nhau. Vì thế, chúng ta có xu hướng vẽ hình Chúa như một Thiên Chúa trừng phạt, với quyển sách vĩ đại ghi lại tất cả tội lỗi của từng người, rồi Ngài buộc mỗi người phải đền cho từng tội đó. Ngài là một Thiên Chúa, Đấng đã tạo nên tiêu chuẩn quá khắc nghiệt (“con đường hẹp”) cho sự cứu rỗi. Lửa địa ngục đang chờ những ai không thể vượt qua được mức độ đòi hỏi luân lý cao như vậy. Chúng ta sống trong sợ hãi với Thiên Chúa đó.

Ngày nay lúc hình tượng Thiên Chúa đang rơi vào một thời kỳ khó khăn, cả bên trong lẫn bên ngoài giáo hội, không có nhà rao giảng nào, cả thế tục lẫn tôn giáo mà không cố hạ bệ Thiên Chúa trừng phạt và đòi hỏi đó. Tuy nhiên đáng buồn là chúng ta đã không thay thế được Ngài bằng điều gì tốt đẹp hơn.

Trong giới bảo thủ tôn giáo, hình ảnh Thiên Chúa trừng phạt xa xưa được thay thế bằng một Thiên Chúa chính thống. Ngài là một Thiên Chúa với dung nhan biểu lộ chính vẫn là sự khắc nghiệt. Ngài (và trong giới bảo thủ, Ngài luôn là Ngài) đang nhìn vào thế giới và thấy thế giới này hỗn độn, đạo đức suy đồi, lười biếng, trụy lạc tình dục. Ngài vui thích khi chúng ta cùng nhau cố gắng hơn một ít, nhưng phản ứng đầu tiên của Ngài đối với chúng ta vẫn là không hài lòng.

Giới tự do thì khác, nhưng lại không gần gũi với điều răn thứ nhất. Thiên Chúa của họ có khuynh hướng là Thiên Chúa của hệ tư tưởng tự do, một Thiên Chúa khắc khoải, lo âu, đa cảm, nói năng đúng đắn về mặt chính trị, tham công tiếc việc,

thường hay than vãn. Vị Thiên Chúa này vẫn luôn nhú mày, và khi nhìn vào thế giới này, phản ứng tự phát của Ngài không phải là chúc lành mà là trách móc cho sự ngu ngốc và thiếu ý thức xã hội của nó. Những gì Vị Thiên Chúa tự do nhìn thấy là một đám người dư tiền dư bạc ăn chơi dưới trần gian.

Thiên Chúa mà Chúa Giêsu gọi là Cha của Ngài không nhìn trần gian như một đám người hỗn độn. Khi đọc những trang Kinh Thánh đầu tiên, chúng ta thấy sau khi tạo ra mỗi thứ, Thiên Chúa nhìn vào và nói: “Thật là tốt đẹp!” Rồi sau khi kết thúc công việc tạo dựng, Thiên Chúa nhìn vào mọi sự và mọi con người mà nói:

“Thật là quá tốt đẹp!”<sup>21</sup> Đó là lời chúc lành đầu tiên, cái nhìn cảm mến và không bao giờ thay đổi cho dù có xấu xa và tội lỗi. Cái nhìn đầu tiên của Chúa trên chúng ta vẫn là cái nhìn cảm mến.

Chúng ta thấy được sự lặp lại này trong những trang đầu tiên của Phúc Âm, khi Đức Giêsu chịu phép rửa. Lúc nhận phép rửa, khi Chúa Giêsu nhô đầu ra khỏi nước sau khi được thánh Gioan Tẩy Giả dìu xuống nước, các tầng trời mở ra và một giọng nói từ trời vọng xuống, giọng nói của Thiên Chúa: “Đây là Con Ta yêu dấu, Ta hài lòng về con.”<sup>22</sup> Một lần nữa, như lúc tạo dựng ban đầu, Thiên Chúa nhìn xuống mặt địa cầu và thấy thế là tốt đẹp.

Ý thức về điều này, nụ cười của Thiên Chúa trên địa cầu là một phần rất quan trọng để hiểu biết Chúa Giêsu. Hiểu được thái độ và giáo huấn của Chúa Giêsu sẽ hữu ích để chúng ta hình dung được điều này xuyên suốt cuộc đời của Ngài, Thiên Chúa, Cha của Ngài vẫn thì thầm vào tai Ngài lời chúc lành từ phép rửa đó: “Con là Con Ta, Người Con Ta yêu dấu, Ta hài lòng về con.” Thực vậy, những lời này đã cấu tạo nên long thức của Chúa Giêsu, đặc biệt theo Phúc âm thánh Lu-ca. Vì vậy, khi Chúa Giêsu nhìn vào những người nghèo khó, đói khát và khóc than, Ngài thấy họ được chúc phúc, vì trước hết Ngài đã nghe thấy tiếng Chúa Cha nói trong Ngài, rằng Thiên Chúa nhìn Ngài và nhìn thế giới theo cách đó.

Có một chuyện ngụ ngôn Phật giáo đương đại có thể giúp chúng ta hiểu những gì đang được nói ở đây:

Một ngày nọ, Đức Phật đang ngồi dưới một cái cây, ngài mập phì. Một người lính trẻ, can đảm, đẹp trai đến nhìn ngài và nói: “Vâng, nhìn ngài giống một con heo!” Đức Phật trả lời: “Vâng, nhìn con giống như Đức Chúa!” Người lính trẻ ngạc nhiên hỏi: “Tại sao ngài lại nói vậy?” Đức Phật trả lời: “Đúng vậy, chúng ta thấy những gì bên trong chúng ta. Ta nghĩ về Chúa suốt ngày nên khi nhìn con, ta thấy Chúa. Còn con, chắc con suy nghĩ chuyện khác...”

Những gì chúng ta nhìn thấy bên ngoài, chúng được tô màu qua những gì chúng ta có trong lòng. Như vậy, Chúa Giêsu đã mang trong Ngài ý niệm về một

Thiên Chúa thư thái mỉm cười hài lòng và chúc phúc cho địa cầu. Do đó, Chúa Giêsu cũng nhìn vào chúng chúng ta và thấy trong lòng chúng ta có những điều đáng để mỉm cười hài lòng và chúc phúc.

Mấy năm trước khi qua đời, Henri Nouwen, có lẽ là tác giả thiêng liêng lớn nhất thời đại chúng ta, đã viết một quyển sách mà nhiều người coi đó là kiệt tác thiêng liêng, tựa đề *Người Con Hoang Đàng Trở Về*,<sup>23</sup> đây vừa là quyển sách chú giải bức tranh lừng danh cùng tên của họa sĩ Rembrandt, vừa là một suy niệm thiêng liêng về tình Phụ tử, Mẫu tử của Thiên Chúa.

Nouwen chỉ ra trong bức tranh của Rembrandt về Người Cha của Đứa Con Hoang Đàng, nhân vật tượng trưng cho hình tượng Thiên Chúa, có những điểm thú vị: Trước hết, ông được họa nên như một người mù. Đôi mắt của ông khép lại và ông nhìn thấy đứa con hoang đàng không phải bằng đôi mắt mà bằng quả tim của mình (quả tim mà ông dịu dàng ôm lấy người con dịu đầu vào lòng mình). Ý nghĩa của điều đó rất rõ ràng, Thiên Chúa nhìn bằng quả tim. Hơn nữa, nhân vật hình tượng thay Thiên Chúa này có một bàn tay đàn ông (đang kéo đứa con ương ngạnh về phía mình) và một bàn tay phụ nữ (đang vuốt ve lưng con mình). Do đó, Thiên Chúa được biểu lộ ở đây vừa là người mẹ vừa là người cha, yêu thương như một người phụ nữ và cũng như một người đàn ông.

Hơn nữa, cảnh được Rembrandt họa lên nêu bật ba nhân vật: người con hoang đàng, người anh, và nhân vật người cha/người mẹ đầy thương xót đang trao ban vòng tay yêu thương và tha thứ. Những gì mà bức tranh mời gọi chúng ta làm là nhìn chính mình trong những đặc tính đó, trong yếu đuối của đứa con ương ngạnh, trong chua cay của người anh cả, và trong tình thương xót của người cha/ người mẹ, là chính Thiên Chúa.

Hai đặc tính đầu tiên rõ ràng hướng về chúng ta hơn. Chúng ta biết rằng, giống như người con thứ, chúng ta thường bỏ nhà Chúa mà đi do lòng yếu đuối của chúng ta, và chúng ta cũng biết, như người anh, vì lòng chua cay và giận dữ, chúng ta không thấy được tình thương và lời chúc lành của người cha. Khi lớn tuổi hơn, chúng ta mới nhận ra, thực sự chúng ta chính là cả hai người con đó, người con thứ, yếu đuối và tội lỗi, người con cả, chua cay và giận dữ.

Tuy nhiên, những gì Chúa Giêsu mặc khải trong dụ ngôn là mời gọi chúng ta (hiển nhiên rất thuyết phục trong bức tranh của Rembrandt) là nên giống như Người Cha, với tất cả vòng ôm, lòng tha thứ, lòng thương xót. Cuối cùng, đó chính là những gì chúng ta được mời gọi vào đời sống thiêng liêng. Rốt cùng, chúng ta được gọi để tỏ chiếu một Thiên Chúa nam tính, với vòng tay phụ tử cho đứa con ương ngạnh, và một Thiên Chúa nữ tính, với tình mẫu tử xoa dịu tấm lòng chua cay.

Tuy nhiên, muốn làm được như vậy, trước hết, chúng ta phải tự trải nghiệm điều đó, và trải nghiệm một phần việc đón nhận vòng tay tha thứ của Thiên Chúa, để hiểu được Ngài cách đúng đắn. Can đảm đặt mình trong vòng ôm lúc chúng ta vẫn còn tội lỗi và chua cay, trước hết, đó là nhận biết Chúa – như Chúa Giêsu, như Julian thành Norwich, Rembrandt và Henri Nouwen đã đoan chắc với chúng ta – vừa là Người Cha chúc phúc vừa là Người Mẹ âu yếm, Đấng nhìn bằng con mắt của trái tim, và là Đấng bất chấp các yếu đuối và giận dữ của chúng ta, vẫn thanh thản ngồi đó, mỉm cười hài lòng với dung mạo của một bản hoà tấu tuyệt diệu.

Hòa âm đó, luôn là dung nhan hiển hiện của Thiên Chúa, là chính tương lai mà tất cả chúng ta và cả địa cầu này hướng đến. Vì chúng ta đang sống trong lòng một Thiên Chúa toàn năng, mỉm cười hài lòng, thanh thản, tha thứ tất cả, thì chúng ta cũng thanh thản, mỉm cười ít nhất là trong một lúc, bởi vì, cho dù điều gì đã xảy ra hay sẽ xảy ra đi nữa, thì cuối cùng, “tất cả sẽ tốt đẹp, và tất cả phải tốt đẹp, và tất cả mỗi con người đều tốt đẹp.”<sup>24</sup>



## Chú thích

### Chương Một

1. “Khát khao thiêng liêng”, (The Holy Longing) Johann Wolfgang von Goethe, do Robert Bly dịch, trong *Cửa hàng hài cốt tả tơi của tâm hồn: Hợp tuyển thơ* (The Rag and Bone Shop of the Heart: A Poetry Anthology), do Robert Bly, Michael Meade, và James Hillman biên tập (New York: HarperPerennial, 1993), trang. 382.

2. Dẫn giải một cụm từ của Plato.

3. *Tự thú của Thánh Âu-Tinh* (*The Confessions of St. Augustine*), do Frank Sheed dịch (New York: Sheed & Ward, 1943), trang. 1.

4. Những cuốn sách cổ điển trong đề mục này tất nhiên là có danh tiếng như Thomas à Kempis, *Gương Chúa Kitô* (*The Imitation of Christ*); Francis de Sales, *Dẫn nhập vào đời sống tận hiến* (*An Introduction to the Devout Life*); và một giáo trình chủng viện của A. Tanqueray, *Đời sống thiêng liêng* (*The Spiritual Life*).

5. Lưu ý rằng từ “tình môn đệ” (discipleship) có gốc và ý nghĩa trong từ “rèn luyện” (discipline). Là môn đệ nghĩa là sống dưới sự rèn luyện nhất định. Đó có thể là một rèn luyện tôn giáo rõ ràng dứt khoát, nên khi chúng ta nói về các môn đệ của Chúa Giêsu sống dưới sự rèn luyện của Ngài, nhưng cũng có thể là dạng thức rèn luyện khác; ví dụ như một hệ tư tưởng, một triết lý, một hoài bão, một cay đắng, vv...

6. Từ bài thơ “Đêm tối Linh hồn” (The Dark Night của Soul), đoạn một, của Gioan Thánh Giá. Phần đoạn còn lại như sau:

Một đêm tối được thắp bùng cháy lên  
Bởi khao khát cấp bách vô cùng của tình yêu  
Ôi, cực kỳ ân sủng  
Tôi được thoát khỏi vô hình mờ mịt  
Mái ấm bản thể giờ yên ổn hoàn toàn

Xem *Tuyển tập tác phẩm của Gioan Thánh giá* (*The Collected Works of John of the Cross*) (Washington, D.C.: ICS Publications, 1989), trang 113

7. Tôi dùng từ “linh hồn” ở đây theo nghĩa cổ điển của nó, ít nhất là theo cách thức cổ điển mà nó được sử dụng trong triết học cổ đại, trung cổ và hiện đại ở phương Tây. Như các bạn biết, ở những nơi không chịu ảnh hưởng của triết học Hy Lạp, bao gồm cả những phần hay của Kinh Thánh, thì từ “linh hồn” được dùng theo cách khác. Ví dụ ngày nay có một trường phái tư tưởng (như James Hillman, Thomas Moore, Richard Rohr) tách biệt *linh hồn* (soul) khỏi *linh thần* (spirit). Sự phân biệt đó, tự thân có những căn cứ và giá trị, nhưng sẽ không được dùng ở đây. *Linh hồn* (soul), theo cách sử dụng trong chương này và quyển sách này, sẽ bao gồm cả ý niệm *linh thần* (spirit).

8. Để có một cái nhìn tổng quát hoàn hảo về những truyền thuyết này, bao gồm cả chú thích về truyền thuyết của Plato, chúng ta xem James Hillman, *Luật tâm hồn – Dò tìm đặc tính và khuynh hướng (The Soul's Code—In Search of Character and Calling)* (New York: Random House, 1996), trang 41-62.

9. Một vài định nghĩa chuyên sâu hơn về linh đạo được sắp xếp theo trật tự sau:

a. Sandra Schneiders, trong một chương mục của *Nghiên cứu thần học (Theological Studies)*, Tập 50, trang 198, 676-97, cho chúng ta hai định nghĩa có giá trị và mang tính bổ túc:

Trong định nghĩa thiêng liêng như một ý niệm chung (ví dụ, như không dứt khoát phải là một nỗ lực thuộc về đạo Kitô) Schneiders lưu ý sự uyển chuyển của từ này nhưng cũng đề nghị định nghĩa nó theo những dòng cần thiết sau: Linh đạo như một đấu tranh ý thức và thận trọng để hòa hợp đời sống một con người, không chỉ trong giới hạn của hòa hợp tự thân và thăng tiến tự thân, nhưng trong giới hạn của siêu việt tự thân hướng đến nhận thức về mối dây liên kết rất cùng.

Trong định nghĩa nó như một sự rèn luyện chuyên sâu, bà đề nghị như sau: Linh đạo là lãnh vực nghiên cứu cố gắng khảo sát trải nghiệm tâm linh một cách tổng hợp. Trải nghiệm tâm linh ở đây được dùng để chỉ ra, không chỉ trải nghiệm tôn giáo trong ý niệm chuyên ngành nhưng còn là những trải nghiệm tương tự về ý nghĩa và giá trị ban đầu có một mãnh lực siêu việt và hợp nhất đời sống đối với mỗi cá nhân cũng như đoàn thể.

b. Hans Urs von Balthasar định nghĩa tâm linh là cách đương sự hiểu theo cách riêng của họ về mặt luân lý và tôn giáo mà họ cam kết trong cuộc sống, và cách đương sự có thói quen hành động và phản ứng lại qua sự hiểu biết này.

c. Gioan Thánh Giá, một trong những bậc thầy vĩ đại về đời sống tâm linh, trong một diễn giải đã định nghĩa linh đạo như sau:

Linh đạo là nỗ lực của một cá nhân hoặc một đoàn thể để gặp gỡ và trải qua sự hiện diện của Thiên Chúa, của những người khác, và của thế giới vũ trụ theo cách để đi vào một cộng đoàn đời sống và cử hành cùng với họ. Những kiểu mẫu và tập quán chung nhất và riêng biệt của sự tương tác phát triển từ đây rồi sẽ định hình nền tảng của Linh đạo.

## Chương Hai

1. Theodore Roethke, “Trong Một Thời kì tăm tối” (In A Dark Time), trong *Cửa hàng hài cốt tả tơi của tâm hồn* (The Rag and Bone Shop of the Heart) Bly, Meade, và Hillman biên tập (New York: HarperPerennial, 1993).

2. Ivan Klima, *Các mối tình đầu của tôi* (*My First Loves*) (New York: Harper & Row, 1986).

3. Để phân tích những hình thức mới và tinh vi của bạo lực tôn giáo, tôi xin đề nghị hai quyển sách tuyệt vời: Gil Bailie, *Bạo lực trá hình, Nhân loại giữa những ngã rẽ* (*Violence Unveiled, Humanity at the Crossroads*) (New York: Crossroad Publishing, 1997), và René Girard, *Những điều ẩn giấu từ lúc tạo thành thế giới* (*Things Hidden Since the Foundation of the World*) (Stanford, California: Stanford University Press, 1987).

4. Về một nhận định thể tục xuất sắc cho việc xã hội chúng ta ngò nghếch về sinh lực - điểm xuất phát của nó ở đâu và vai trò của nó trong đời sống chúng ta - tôi khuyên bạn nên đọc các tác phẩm của James Hillman, đặc biệt là cuốn sách *Luật tâm hồn - Dò tìm đặc tính và khuynh hướng* (*The Soul's Code—In Search of Character and Calling*) (New York: Random House, 1996).

5. Albert Camus có một số nhận định sâu sắc về điều này. Ví dụ như trong quyển *Nhật ký* (*Carnets*) của ông, ông thường xuyên nói về sự cần thiết và vẻ đẹp của khổ hạnh. Ở một mức độ, khi nói về tình dục, ông viết: “Tình dục chẳng dẫn đến đâu cả, nó không vô luân, nhưng không có giá trị sinh sôi. Người ta có thể buông thả chính mình cho nó khi người ta không muốn sinh sôi bất cứ cái gì. Nhưng chỉ có khiết tịnh mới gắn kết với sự phát triển cá nhân. Có lúc tình dục thẳng thẽ - lúc

người ta tách nó ra khỏi đòi buộc luân lý – nhưng rồi nó nhanh chóng trở nên kẻ chiến bại và theo đà đó, chiến thắng duy nhất trên nó chính là sự trinh khiết.”

Vài ngày sau, ông viết thêm trong *Nhật ký (Carnets)* nhận xét này:

“Tình dục không kiềm chế dẫn đến một thứ triết học của một thế giới vô nghĩa. Ngược lại, đức khiết tịnh đem ý nghĩa trở lại cho thế giới.” Albert Camus, *Nhật ký (Carnets)*, do Olivier Todd trích dẫn, *Albert Camus, Một cuộc đời (Albert Camus, A Life)* (New York: Knopf, 1997), trang. 157.

6. Xuất hành 33:18-23.

7. Xuất hành 3:1-6.

8. Annie Dillard, *Vinh thánh Lòng trung tín (Holy the Firm)* (New York: HarperCollins, 1977), trang. 59.

9. Từ một cuộc trò chuyện riêng tư. Nhưng, một số cuộc trò chuyện này được viết lại trong các bài viết ngắn. (Xem Ronald Rolheiser, “Chỉ là quá bận rộn để cúi chào” (Just Too Busy to Bow Down) trong *Lãng quên giữa đám huệ tây (Forgotten Among the Lilies)* (London: Hodder & Stoughton, 1990), trang 112-14.

10. Xem Ronald Rolheiser, *Chiếc đèn lồng bị rách, Tái khám phá cảm nghiệm Sự Hiện hữu của Thiên Chúa, The Lantern Shattered, Rediscovering the Felt Presence of God* (London: Hodder & Stoughton, 1994), và (New York: Crossroads, 1996).

11. Để có một phân tích chi tiết về tính tự mê võ đoán, và bồn chồn không kiềm chế làm giảm đi nhận thức tâm linh, xem Rolheiser, *Chiếc đèn lồng bị rách (The Lantern Shattered)*, trang 24-43.

12. Được trích dẫn trong Rolheiser, *Chiếc đèn lồng bị rách (The Lantern Shattered)*, trang 34.

13. Neil Postman, *Lừa phỉnh chính mình đến chết, Bài thuyết trình cho công chúng trong Thời đại của trình diễn thương mại (Amusing Ourselves to Death, Public Discourse in the Age of Show Business)* (New York: Penguin Books, 1985).

14. Henri Nouwen, *Vươn ra ngoài, Ba Tiến trình của đời sống thiêng liêng (Reaching Out, The Three Movements of the Spiritual Life)* (New York: Doubleday, 1975).

15. Nhiều người đang cố gắng bắc một cây cầu qua khoảng cách này bằng cách hướng tình dục vào một hình thức gần với tôn giáo hoặc xem như một tôn giáo triển nở. Vì dụ như bạn thấy nó ở một mức độ rất phổ biến nơi nhà văn Tom Robbins *Những đôi chân gầy gò và Tất cả, Sự lồi cuốn ngoài rìa (Skinny Legs and All,*

*The Wayside Attraction*), và ở một mức độ tôn giáo cân nhắc hơn như nơi Jalaja Bonheim *Những người con gái của thần Vệ nữ* (Aphrodite's Daughters, [New York: Fireside, Simon & Schuster, 1997]).

16. Sam Keen, *Vinh danh một Thượng đế vô danh* (*Hymns to an Unknown God*), 1994.

17. Tin mừng theo thánh Gioan 15:13.

18. Alice Miller, *Thảm kịch của một đứa bé có thiên khiếu* (*The Drama of the Gifted Child*) (New York: Basic Books, 1994).

19. Chúa Giêsu làm rõ điều này rằng Ngài không phải là nạn nhân. Ngài trao ban cuộc sống của mình, chứ không phải là Ngài bị mất cuộc sống. Điều này có mặt khắp nơi trong bốn sách phúc âm, mặc dù đặc biệt là đoạn Ngài chịu đau khổ trong Vườn Cây Dầu và, cuối cùng, trong một hành động tự do, Ngài tuân theo ý Chúa Cha. Vì vậy, Ngài có thể đứng trước Phi-la-tô và nói: “Ông không có quyền gì trên tôi”, nghĩa là “làm sao ông có thể giết tôi, nếu như tôi không tự cho cuộc sống của tôi.”

20. Xem Michael Meade, *Những câu chuyện về Tâm linh, Dòng dõi, và Chữa lành*, Truyền thống chuyện kể truyền miệng (Stories of Spirit, Descent, and Healing, Oral Traditions Archives) LIMBUS, PO Box 364, Vashon Island, WA 98070.

21. René Girard, trích dẫn trong Bailie, trong tác phẩm đã dẫn, trang. 191.

22. Thánh Âu-tinh, *Thiên Chúa Ba Ngôi* (De Trinitate), 1, 3.

## **Chương Ba**

1. Cho đến gần đây, đó là một cụm từ định nghĩa rất chính xác đối với người Công giáo La Mã, có nghĩa là, một “người giữ đạo” (đối lập với một người đã rửa tội theo phép rửa tội Công Giáo La Mã lại không giữ đạo). Điều gì làm cho tín hữu Công giáo là người giữ đạo? Ba điều (ngoài các nghi thức khai tâm đầy đủ khi vào giáo hội – chịu phép Rửa tội, Thêm sức, Thánh Thể): a) Thường xuyên đi nhà thờ - mọi Chúa nhật - và rước Thánh Thể; b) cầu nguyện riêng và đạo đức cá nhân, đặc biệt là các giới răn liên hệ đến tính dục và hôn nhân; và c) tôn trọng dư luận cộng đồng, nghĩa là không có tai tiếng lớn trong đời sống công khai của họ.

2. Có một vài điều bất thường lạ kỳ ở đây. Không phải ngẫu nhiên mà những điều như các ngày lễ hội Mardi Gras và Carnival chuẩn bị vào Chay phát sinh trong nền văn hóa Công giáo La Mã (chính xác là nền văn hóa nhấn mạnh sự khổ hạnh) và người Công giáo La Mã chưa bao giờ cố để cấm rượu và thuốc lá. Ngược lại, cho dù dường như mọi thứ đang đảo ngược, không phải ngẫu nhiên mà những người Tin Lành, những người luôn ngờ vực người Công Giáo La Mã là những người nhấn mạnh đến sự khổ hạnh, thì chính họ lại đấu tranh với việc uống rượu, đặc biệt với việc Chúa Giêsu là người có uống rượu.

3. Nhìn vào nhiều cách mà các hoạt động được cho là thể tục của chúng ta, trên thực tế lại mang tính tôn giáo, người ta sẽ nhớ lại phát biểu của Jung, rằng chúng ta bị kết án cho hành động vô thức của tất cả loại hình thể nguyên mẫu mà chúng ta không tiếp cận và không kiểm chế được qua nghi thức có ý thức. Một điều ngạc nhiên nho nhỏ là các hành động phản tôn giáo dù không phân biệt được, dù mang tính chất hiện tượng thì lại xuất phát từ các hành vi tôn giáo.

4. Từ “tính ngẫu nhiên” ở đây được sử dụng theo nghĩa chuyên môn, triết học của nó, (ngược lại với cách dùng thông thường), ví dụ, triết gia Aristotle định nghĩa “ngẫu nhiên” (đối lập với “thực thể”). Ngẫu nhiên quy chiếu về các giá trị của điều gì hay của ai đó, mà phần nào qua sự tô điểm, có thể (và tác động) thay đổi nó. Như vậy, ví dụ, Aristotle sẽ nói trong trường hợp của một sinh vật sống (ví dụ, một con thỏ) những gì vẫn giữ nguyên suốt đời nó là thực thể, nhưng những gì thay đổi (màu sắc, lông, hình dáng, kích thước, kết cấu xương, vv.) là các ngẫu nhiên của nó. Theo quan điểm này của sự vật, ngẫu nhiên tồn tại trong thực thể và không có giá trị khi ở ngoài thực thể.

5. Mát-thêu: 6.

6. T. S. Eliot, *Beckett* (New York: Harcourt Brace, 1935), trang 44.

7. Một chú thích về đoạn Tin Mừng Gio-an 21: 18.

8. Mát-thêu 6: 5-6.

9. Gio-an 14 - 15; 23.

10. Henri Nouwen, *Tiếng nói bên trong của Tình yêu, Cuộc hành trình từ Thống khổ đến Tự do, The Inner Voice of Love, A Journey Through Anguish to Freedom* (New York: Doubleday, 1996), p. xiv.

11. Mát-thêu 25: 31-46.

12. Lu-ca 14: 12 - 14.

13. Ví dụ như xem: Gustavo Gutiérrez, *Chúng ta uống nước từ chính giếng của mình*, *We Drink from Our Own Wells* (Maryknoll, NY: Orbis, 1984).

14. Xem thảo luận của Henri Nouwen đối với quan điểm của Gutiérrez về điều này trong *Gracias! Một nhật báo Mỹ Latinh*, (*Gracias! A Latin American Journal*) (San Francisco: Harper và Row, 1983).

15. Xem thảo luận xuất sắc của Henri Nouwen về điều này trong quyển *Người Con hoang đang trở về: Suy niệm về Người cha, về Anh em, về Con cái*, *The Return of the Prodigal Son: A Meditation on Fathers, Brothers, and Sons* (New York: Doubleday, 1992).

16. William Stafford, “Một lễ nghi để đọc lẫn nhau,” A Ritual to Read to Each Other trong *Cửa hàng hài cốt tử của tâm hồn*, *The Rag and Bone Shop of the Heart*, bởi Bly, Meade, và Hiliman, trang 233.

17. Julian thành Norwich, *Bảo bọc trong tình yêu, Bài đọc hàng ngày cùng với Julian thành Norwich*, *Enfolded in Love, Daily Readings with Julian of Norwich* (London: Darton, Longmann & Todd, 1980), trang. 10. Trích dẫn thực sự như thế này: “Hoàn toàn thanh thản và hòa nhã, Ngài [Thiên Chúa] chính ngài là hạnh phúc và bình an cho bằng hữu yêu dấu của Ngài, dung nhan đẹp đẽ của Ngài chiếu tỏa tình yêu vô lượng như một bản giao hưởng diệu kỳ.”

18. Albert Camus, do Oliver Todd trích dẫn trong *Albert Camus, Một cuộc đời*, *Albert Camus, A Life* (New York: Knopf, 1997), trang. 419.

19. Một bản tóm tắt ngắn và tốt về quan điểm của Lonergan về điều này, xem Edward Braxton, *Cộng Đồng Khôn ngoan*, *The Wisdom Community* (New York: Paulist Press, 1980), đặc biệt là chương 3: “Hướng đến nội tâm: Chuyển đổi—Quá trình Tự siêu việt,” *The Turn to Interiority: Conversion—The Process of Self-Transcendence*, trang 71-100.

20. Gio-an 6. Xem Chương 5 của quyển sách này, “Tầm quan trọng của Việc Nhập Thể đối với Linh đạo,” để thấy lời giải thích về điều này.

## **Chương Bốn**

1. John Shea, *Giờ của sự Bất ngờ*, *The Hour of the Unexpected* (Allan, Tex.: Argus Communications, 1977), trang. 68.

2. Một lời cầu nguyện được xem là của Thánh Têrêxa thành Avila.

3. John Shea, *Các câu chuyện Đức Tin, Stories of Faith* (Chicago: Thomas More Press, 1980). Dẫn giải trích dẫn ở đây là toàn bộ luận điểm về điều này, và quyển sách năm 1978 trước đó của ông, *Các câu chuyện về Thiên Chúa-Tiểu sử không được phép, Stories of God—An Unauthorized Biography* (Chicago, Thomas More Press). Tuy nhiên, để có một chú giải chính xác hơn về phương thể của sự chịu *chịu đựng* đối lập với phương thể *ngưỡng mộ* và *noi gương*, xin xem chương đầu của *Những câu chuyện về Đức Tin*.

4. Gio-an 1:14. Tôi chú ý đặt động từ “cư ngụ” trong thì hiện tại mặc dù nó thường được diễn ra trong thì quá khứ. Trên phương diện ngôn ngữ, dù về mặt kỹ thuật không chính xác ở đây, tuy nhiên, thì hiện tại truyền đạt chính xác hơn những gì mà thánh Gioan nói – bởi ngài đang dùng thì bất định bắt đầu, trong đó bao hàm một hành động được bắt đầu ở một thời điểm rõ ràng trong quá khứ và diễn tiến tiếp tục đến hiện tại. Do đó cụm này có thể được dịch: Và Ngôi Lời đã bắt đầu thành xác phàm.

5. Nikos Kazantzakis, *Cám dỗ cuối cùng của Chúa Giêsu, The Last Temptation of Jesus* (New York: Simon & Schuster, 1960), trang 189ff.

6. Để có một mô tả tuyệt vời về cú sốc nhập thể trên phương diện thể lý trần tục, tôi xin đưa ra mô tả nhân vật Sarah Miles của Graham Greene, trong cuốn tiểu thuyết *Kết thúc của một chuyện tình, The End of the Affair* (London: Penguin Books, 1951), trang 109 -12.

7. Năm 1943, sau khi phát hành Tông thư về Nhiệm thể Chúa Kitô, *Mystici Corporis Christi*, Đức Piô II đã nói: “Khi giải thích màu nhiệm Nhiệm Thể Chúa Kitô, đừng sợ phóng đại vì chúng ta không thể phóng đại một màu nhiệm lớn như vậy.” Tôi không thể dò tìm được nguyên bản. Tuy nhiên, điều đó đủ để nói, quả thật, toàn bộ tông thư này đã nói lên rất nhiều.

8. 1Cr 12: 27 và 1Cr 6: 15 là các văn bản rõ ràng, nhưng ý tưởng thì có khắp trong các giáo huấn của Chúa Giêsu và giáo huấn trong toàn thể Tân Ước.

9. Một chú thích dài nên có ở đây: Các học giả không đồng thuận với nhau để hiểu thế nào là nghĩa đen ở đây trong bản văn của thánh Phao-lô, và Tân Ước nói chung.

Ví dụ như John A. T. Robinson, hiểu thánh Phao-lô theo nghĩa đen, ví dụ, như “điều gì đó không gắn vào nhưng lại gắn” để nói Giáo hội là thân thể Chúa Kitô, thì lúc đó không còn là ẩn dụ như khi nói về nhiệm thể Đức Giêsu nhập thể hay về tấm bánh của Phép Thánh Thể là nhiệm thể Chúa Kitô. Không điều gì trong số đó “giống như” Nhiệm thể Ngài (thánh Phao-lô không bao giờ nói điều này): mỗi một điều trong số đó là Nhiệm thể Chúa Kitô, trong đó mỗi điều là bổ sung thể lý và nối dài



của một Con người và Đời sống duy nhất và đồng nhất. Tất cả các hình thức diễn tả là để biểu lộ một Kitô tính đơn nhất. Gần như không thể phóng đại chủ nghĩa duy lý và sống sượng của học thuyết thánh Phao-lô về giáo hội như là Nhiệm thể Phục sinh của Đức Kitô theo nghĩa đen... Nhiệm thể trong suy nghĩ của thánh Phao-lô là cụ thể và độc nhất như chính thân thể của Đấng Nhập Thể. Ý niệm cơ bản của ngài không phải là một tập hợp siêu nhân mà là một nhân vị đặc biệt." *Nhiệm thể, Nghiên cứu Thần học của thánh Phao-lô, The Body, A Study in Pauline Theology* (London: SCM Press, 1966), trang 50-51.

Tuy nhiên, một số học giả, sẽ nhìn quan điểm của Robinson như một loại chú giải thô鄙, theo lối vật chất. Robert Gundry, *Thân xác trong Thần học Kinh Thánh—với tầm quan trọng của Nhân loại học theo thánh Phao-lô, Soma in Biblical Theology—with Emphasis on Pauline Anthropology* (London: Cambridge University Press, 1976) thừa nhận luận điểm trọng tâm của Robinson, rằng đó không phải chỉ là một ẩn dụ, nhưng nhìn nhận Robinson đã đi quá xa. Sau đó, ông đưa ra một nghiên cứu hay, sắc bén về tất cả các ý kiến.

10. Trên vị thế cân bằng thần học về điều này, tôi đề nghị đọc tác giả Jerome Murphy-O'Connor, *Cùng nhau làm người, Becoming Human Together* (Wilmington, Del.: Michael Glazier Press, 1977). Murphy-O'Connor đi xuyên qua nhiều điểm khác nhau và kết luận rằng, độc lập với các sắc thái thần học rõ rệt, thánh Phao-lô đã dạy rằng, Đức Kitô và cộng đồng tín hữu thực hiện cùng các phận sự (xem trang 202-3).

11. Như trên, trang 203.

## **Chương năm**

1. Mát-thêu 7: 7-8.

2. Để có một bản phân tích tuyệt vời về tất cả điều này, xem Jerome Murphy O'Connor, "Cầu nguyện Khẩn xin và Cầu nguyện chung, Prayer of Petition and Community, trong *Đời sống Tôn giáo là gì? – Tìm tòi trong Sách Thánh, What Is Religious Life?—Ask the Scriptures*, Phụ lục vào Giáo lý và Đời sống, tập 11 (Dublin: Dominican Publications, không ghi ngày), trang 31-40.

3. Như trên, tr. 36.

4. Một đoạn, không phải trích dẫn trực tiếp.

5. Mác-cô 5: 25-34.

6. Thánh Âu-Tinh nhiều lần đã nêu ra ý tưởng này trong một số bài giảng về Thánh Thể, ví dụ như, xem *Thảo luận 272, Trong ngày Hiện xuống cuối cùng, Gửi đến những người con bé nhỏ về Nhiệm tích, Sermo 272, In die Pentecostes Postremus (b)—Ad Infantes, de Sacramento*, tập. 38. Ở đây, trong việc giải thích thứ trật của Phép Thánh Thể từng bước một, ngài nói về việc rửa tội mới: “Kinh Lạy Cha được đọc lên là lời kinh các con đã nhận lãnh và thuộc lòng. Tại sao chúng ta lại đọc lên lời kinh đó trước khi rước Mình Máu Thánh Chúa Kitô? Bởi vì con người yếu đuối mong manh, có lẽ tâm trí chúng ta tưởng tượng điều gì không tương xứng, mắt chúng ta đã nhìn thấy cái gì đó không đứng đắn, tai chúng ta nghe cái gì đó quá mức đến không xứng đáng. Nếu những điều đó giữ lại do cảm dỗ và yếu đuối của đời sống con người, chúng được tẩy sạch bằng Kinh Lạy Cha ngay lúc chúng ta đọc ‘Xin tha tội cho chúng con’ để chúng con có thể an toàn đến với nhiệm tích.” (Johannes van Bavel dịch, phần nhấn mạnh là của tôi.)

7. Gio-an 14: 12.

8. Mát-thêu 16: 19.

9. Gio-an 20: 23.

Lưu ý khác ở đây: Sẽ dễ chấp nhận sự việc Thiên Chúa có thể chuẩn cho sự dung thứ giữa chúng ta với nhau, hơn là sự việc Thiên Chúa chuẩn cho cả những ác cảm và bất khoan giữa chúng ta. Chúng ta có thể cầm buộc ai trong tội mà vẫn có thể tha thứ cho họ không? Câu trả lời đương nhiên là không. Sự hợp lý của ân sủng là con đường một chiều - nó có thể độ lượng nhưng không thể nhỏ nhen và tùy tiện. Thiên Chúa chỉ chuẩn cho những điều chúng ta làm như Chúa Giêsu đã làm. Nhưng đây là một bàn luận phức tạp và có nhiều cạm bẫy. Để có một bàn luận đầy đủ hơn, xem Ronald Rolheiser, “Sức mạnh cầm buộc và tháo cởi của chúng ta, Our Power to Bind and Loose trong *Tường Trình Công giáo phương Tây, Western Catholic Reporter*, ngày 13 tháng năm 1996, và trong *Người đưa tin Công Giáo, Catholic Herald*, ngày 23 tháng tư năm 1996.

10. Biên tập từ một bài của G.K. Chesterton, *Con người bất diệt, Everlasting Man*.

11. Thư thánh Gia-cô-bê 5: 13-16.

12. Một chú thích dài về Công giáo La Mã là cần thiết ở đây:

Nhiều người Công giáo La Mã sẽ chống đối điểm này, cho rằng Công đồng Trentô đã xác định, mang tính tín lý, tội trọng sẽ không được tha nếu không xưng riêng với linh mục. Nếu không tham dự vào một cuộc thảo luận toàn diện, thì có bốn điều cần nói ra:

a) Không ai có thể nhân danh Chúa Kitô giảng dạy nghiêm túc rằng, tội trọng ở thế gian này sẽ không được Chúa tha nếu họ không xưng tội với người có chức thánh. Tin như vậy, sẽ có những yếu tố của luật, cơ hội, may rủi, và hạn định quyền năng và lòng thương xót của Thiên Chúa; những điều này đi ngược lại với những gì mà Chúa Kitô đã bảo vệ. Nó cũng đi ngược lại tất cả mọi thứ mà truyền thống Công Giáo đã bảo vệ và đã sống theo.

b) Công đồng Trentô không dạy, một cách tín lý, rằng tội trọng chỉ được tha duy nhất nhờ xưng tội riêng. Những gì Công đồng Trentô xác định, một cách tín lý, đối với người Công giáo La Mã là sự cần thiết của việc xưng tội riêng. Và nó không thể đồng nhất với việc cho rằng tội trọng chỉ được tha nhờ xưng tội riêng.

c) Hơn nữa, Công đồng Trentô, và việc giữ đạo Công giáo sau đó, tuyên bố rằng nếu phạm tội trọng thì buộc phải xưng tội trước khi nhận Mình Thánh Chúa. Tuy nhiên, sau đó đã có sự tham định lại điều này, qua việc xác nhận bắt buộc phải đi xưng tội trọng trước khi Rước lễ không phải là một bắt buộc tận căn như một điều quan trọng sống còn. Như vậy, ví dụ bạn ở trong địa phận mà vị linh mục biết bạn và tội bạn xưng với ngài có thể bất lợi cho ngài, thì bạn có thể hoãn lại, chờ dịp xưng với một linh mục khác... trong thời gian chờ đợi, bạn có thể đi rước lễ. Về bản chất, không bao giờ cho rằng việc xưng tội là không cần thiết, nhưng chấp nhận một khoảng thời gian trì hoãn giữa giây phút chạm đến được điều thiết yếu và sự trao đổi rõ rệt (như trường hợp người phụ nữ chạm đến vạt áo Chúa Giêsu và như trường hợp của hàng triệu người đang trong thời gian tiến đến mức trưởng thành và những người cần có một thời gian để hối lỗi thực sự.)

d) Cuối cùng, tất cả điều này đặt ra một câu hỏi cũ: Điều này có nghĩa bạn có thể đi rước lễ khi tâm hồn có tội trọng không? Một lần nữa, chúng ta cần một thảo luận rộng hơn, nhưng trong bối cảnh này, những điểm sau cần được đưa ra:

Đi nhà thờ và rước lễ không phải là một tuyên ngôn luân lý. Không bao giờ có câu hỏi liệu có xứng hay không. Chúa Kitô đến để cứu tội nhân. Khi chúng ta phạm tội, bất kỳ loại tội nào, thì chính xác là chúng ta cần phải chạm đến Chúa. Còn hơn là nghi ngờ của dị giáo (phái Đônatô và phái Jansen) nơi bất cứ ai lo lắng thái quá về việc ai đó không xứng đáng để đón nhận Mình Thánh Chúa Kitô. Mọi nhấn mạnh vào sự xứng đáng chính là gieo tàn phá tôn giáo khủng khiếp (mà chúng ta thấy ngày nay), tức là, lúc nào chúng ta cần Thiên Chúa và giáo hội nhất, đó là lúc cuộc sống chúng ta đang chìm trong hỗn độn, chúng ta rời xa, - để rồi chúng ta có thể hoàn toàn tự mình trước hết đặt cuộc sống vào trật tự, rồi chúng ta có thể quay về với giáo hội và Phép Thánh Thể để rửa sạch, điều này tương đương với hành động đầu tiên là tẩy rửa rồi mới gọi người thợ tẩy. Trường hợp của sự xúc phạm, tất nhiên, thêm vào một chiều kích khác và cần phải được giải quyết theo cách khác.

13. Tông đồ Công vụ 9: 1-19.
14. Gio-an Thánh Giá, *Ngọn lửa sống động của tình yêu*, dẫn giải về đoạn thơ 1, số 7.
15. Gio-an 6: 41-71.
16. Gio-an 6: 53.
17. Gio-an 6: 60.
18. 1 Gio-an 4: 20.
19. Nikos Kazantzakis, *Cám dỗ cuối cùng của Chúa Kitô, The Last Temptation of Christ* (New York: Simon & Schuster, 1960).
20. Gio-an 4: 7-16.
21. Văn bản trích dẫn đã được biên tập từ một tác phẩm của Marie Livingston Roy trong *Sống còn bây giờ, Alive Now*, 1975, trang. 44.
22. Mát-thê 28: 29-30
23. Ê-dê-ki-en 3: 01-03
24. Mác-cô 13: 28
- 25 John Shea, *Thử thách của Chúa Giêsu, The Challenge of Jesus* (Chicago Thomas More, 1976), trang 11

## **Chương sáu**

1. Alan Jones, *Hành trình đến với Chúa Kitô, Journey into Christ* (New York Seabury Press, 1900), trang 53
2. Sam Keen, *Vinh danh một Thượng đế vô danh, Hymns to an Unknown God* (New York Bantam Books, 1994)

3. Để có một ví dụ, xem nghiên cứu về điều này đã được Reginald Bibby thực hiện ở Canada, *Những vị thần phân mảnh, Fragmented Gods* (Toronto: Irwin Publishing, 1987).

4. Như trên.

5. Gio-an 20:-19 và Tông đồ Công vụ 2: 1.

6. Henri Nouwen, *Làm mới mọi chuyện, Making All Things New* (New York: Harper và Row, 1981), trang 89-90.

7. Xem định nghĩa của Thánh Phao-lô về Chúa Thánh Thần trong Thư gửi tín hữu Ga-lát 5: 22-25.

8. Đạo Công giáo La Mã đã từng có một sự phân biệt rất đơn giản, lại rất hữu ích ở đây. Công giáo La Mã nói về Nhiệm Thể Chúa Kitô có cả khía cạnh *hữu hình* (các giáo hội trong lòng lịch sử) và khía cạnh *vô hình* (bất cứ ai có lòng thiện tâm trong bất cứ tôn giáo nào).

9. Công giáo La Mã và Tin Lành đồng ý về điểm trọng tâm ở đây, cụ thể là, chúng ta trở nên giáo hội do được kêu gọi đến với nhau qua Lời Chúa Kitô và Bí tích Thánh Thể, nhưng lại bất đồng khi đối diện với vấn đề này là giữa Lời Chúa và Minh Thánh Chúa, điều nào ưu tiên hơn. Trong tư tưởng Công giáo La Mã (gồm các giáo hội Anh giáo, Tân giáo, và Tin lành tiến bộ), Thánh Thể là lý do trọng tâm cho sự hội họp và Lời Chúa nuôi dưỡng Bí tích Thánh Thể. Trong thần học Tin lành cổ điển, trước hết và trên hết, Lời Chúa gọi chúng ta đến với nhau, mặc dầu đến một thời điểm, lúc nào cũng có Bí tích Thánh Thể.

10. Để có một ví dụ mạnh mẽ, xem các chương đầu của sách Tông Đồ Công Vụ, đặc biệt là Chương 2, (giọng văn có lẽ mộc mạc) khi thánh Luca mô tả cách thức ở thời kỳ đầu của giáo hội khi “mọi thứ đều là của chung.”

11. Gio-an 21:18

12. Tông Đồ Công Vụ 9: 16

13. Tông Đồ Công Vụ 9: 8

14. Sáng thế 7: 16.

15. Carlo Carretto, *Tôi đã tìm và đã thấy, I Sought and I Found* (London: Darton, Longmann, Todd, 1984) Đây là một diễn giải, đúng hơn là một tiệm cận thần thẳng với văn bản gốc, hơn là một biểu hiện chính xác.

16. Gio-an 1: 42

17. Shea, “Người chủ nhà không kỳ thị, *The Indiscriminate Host*,” trong *Các câu chuyện Đức tin, Stories of Faith*.

18. Gio-an 12: 1-8, và các văn bản song song.

19. John Powell, *Tình yêu không điều kiện, Unconditional Love* (Chicago: Argus Communications, 1976).

20. Như trên, trang 112-14.

21. Gióp 01: 21

## **Chương Bảy**

1. Gio-an 12: 24.

2. Ví dụ xem chú giải của Philip Rieff trong *Chiến thắng của Chữa lành, The Triumph of the Therapeutic* (New York: Torchbooks Harper, 1996) để có một phân tích tuyệt vời về vấn đề này.

3. Xem *Văn minh và các bất mãn của nó, Civilization and Its Discontents*, James Strackey dịch (New York: WW Norton, 1961).

4. Brian Moore, *Đam mê cô độc của Judith Hearne, The Lonely Passion of Judith Hearne* (Toronto: Little, Brown, 1964). Ngoài ra còn có hình ảnh sinh động chính yếu trong bộ phim cùng tựa đề, do Maggie Smith trong vai Judith Hearne, bộ phim chân thực với câu chuyện trong sách.

5. Chân thành mong Brian Moore thứ lỗi, đây không phải một trích dẫn trực tiếp, mà là một chú giải, mong muốn tóm tắt một điều thiết yếu.

6. Xem 1 Côrintô 12, đặc biệt câu 7, nói về (như bản dịch của New Jerusalem Bible) “các biểu hiện cụ thể của Thần khí.” Tuy nhiên, toàn chương 12 thực sự dạy thần học tổng thể về Thánh Thần trong Tân Ước.

7. Shea, *Các câu chuyện Đức Tin, Stories of Faith*.

8. 2 Sa-mu-en 12: 1-24.

9. Gio-an 12: 24.

10. Thăm phán 11: 29-40.

11. Xem Lu-ca 24: 13-35 để thấy mô tả của Thánh Lu-ca về cách chúng ta đi bên cạnh Thiên Chúa nhưng không nhận ra sự hiện hữu của Ngài (do cách chúng ta đã nhận thức về Ngài) và trong hoàn cảnh này, Đức Giêsu đã định hình lại cách suy tưởng của các môn đệ.

12. Abraham Heschel, *Đam mê Chân lý, A Passion for Truth* (New York: Farrar, Straus & Giroux, 1973).

13. Henri Nouwen, “*Tang tóc và Nhảy mừng*” (*On Mourning and Dancing*) trong tạp chí *The New Oxford Review*, tháng sáu 1992.

14. Lu-ca 15: 11-32

15. Miller, trong tác phẩm đã trích dẫn.

16. Gio-an 20: 11-18

17. Ronald Rolheiser, “Lời cầu nguyện Phục Sinh của Maria Madalena, Mary Magdala’s Easter Prayer,” trong *Lãng quên giữa đám huệ tây, Forgotten Among the Lilies*, trang 176.

## **Chương Tám**

1. Một bản dịch khá mơ hồ nhưng phổ biến của sách Micah 06: 08.

2. Vài cuốn sách đã từng giải thích khái niệm về công bằng xã hội cho Kitô hữu cách rõ ràng, chính xác, và thậm chí hơn so với một trong những tác phẩm đầu tay của Jim Wallis: Jim Wallis, *Lời gọi Hoán cải, Tái khám phá Tin mừng cho thời đại của chúng ta, The Call to Conversion, Recovering the Gospel for Our Times*, (San Francisco Harper và Row, 1981).

3. David R. Weiss, “Để người giàu lưu tâm” (Putting the Rich on Notice) Tạp chí *Người lưu trú, Sojourners*, tháng 1 - tháng 2 năm 1998, trang 34-35.

4. Mát-thêu 25: 31-46.

5. Như trên. Mát-thêu 25 nói rõ về điều này-cũng như vô số các văn bản khác mời gọi chúng ta quan tâm đặc biệt đến người nghèo, ví dụ như, Lu-ca 14: 12-14.

6. Ví dụ như xem Lu-ca 16: 19-31 (dụ ngôn người giàu và ông La-da-rô); Lu-ca 18: 18-27 (câu chuyện về người thanh niên giàu có và lời Chúa Giêsu buồn về việc người giàu khó vào thiên đàng), và Lu-ca 6: 20-26 (Tám Mối Phúc Thật).

7. Một số giáo phái Kitô giáo (ví dụ Công giáo La Mã) thậm chí còn áp dụng nguyên tắc này xa hơn nữa và đã dạy rằng khi người nào lâm vào túng quẫn cùng cực, họ có thể lấy của người giàu hay những người khác. (Ví dụ, *Vui mừng và hy vọng, Gaudium et Spes*, tài liệu công đồng Vatican II, số 69).

8. Elizabeth A. Johnson, *Đi tìm một Thiên Chúa sống động, The Search for the Living God*, Bài giảng của John M. Kelly năm 1994, tại Đại học thánh Michael, Toronto, ấn bản, trang 7. Bà Johnson nhìn thấy bốn sự phát triển trong thần học và linh đạo Kito hứa hẹn cho tương lai: a) thần học nền tảng đau khổ; b) thần học nữ quyền; c) đối thoại liên tôn; d) các cuộc đối thoại mới giữa khoa học và tôn giáo.

9. Bailie, trong tác phẩm đã dẫn, trang 89.

10. Jim Wallis là người sáng lập *Người lưu trú, Sojourners*, một cộng đồng Kitô hữu, một phong trào công lý và hòa bình Kitô, và một tạp chí quốc tế. Tạp chí đặt trụ sở tại Washington, DC, nhưng cộng đồng và phong trào công lý và hòa bình đã lan ra trên toàn thế giới.

Các nguyên tắc đề ra ở đây là một chú giải rút ra từ các trao đổi trong các buổi tĩnh tâm (“Kiến tạo hòa bình,”) mà ông đã đưa ra vào năm 1986. Những cuộc trao đổi này có thu đĩa, tài liệu có ở hội Người lưu trú: Sojourners, 2401 15th Street NW, Washington, DC 20009, USA.

11. Gil Bailie nêu ra rằng đây là mối liên kết: “Khi sự coi thường về mặt luân lý của một hình thức bạo lực khởi nguồn rõ rệt cho việc lặp lại bạo lực, thì chỉ có một kết luận được rút ra: Ý thức góm tởm bạo lực rõ ràng yếu hơn mãnh lực mê hoặc muốn làm giống như vậy gây ra. Xem Bailie, trong tác phẩm đã dẫn, trang 89.

12. Gio an 8: 3-11.

13. Đa-ni-en 13.

14. G.K. Chesterton, *Chính Thống giáo* (New York: Doubleday, 1959), trang 100.

15. Daniel Berrigan, trong một cuộc nói chuyện ở Đại học Notre Dame. Có sẵn trên đĩa qua Ave Maria Press, Notre Dame, South Bend, Ind. 46556-0428.

16. Jim Wallis kể, xem ghi chú 10, ở trên.

## **Chương Chín**



1. Bài viết của Ronald Rolheiser, “Cách trẻ con làm cha mẹ lớn lên, How Children Raise Their Parents” trong *Phóng viên Công Giáo phương Tây, Western Catholic Reporter*, ngày 27 Tháng Ba 1995.

2. Sáng thế 2: 18.

3. Để phát triển xa hơn về điểm này, tôi chân thành giới thiệu một bài viết của Sidney Callahan, “Các giai đoạn trong sự phát triển tình dục, Giai đoạn trưởng thành, Stages in Sexual Development, Adult Phases,” trong *Nghiên cứu ở Chicago, Chicago Studies*, tập 20, Mùa xuân năm 1981, trang 19-39.

4. Xuất hành 3: 1-6.

5. Albert Camus, trích dẫn của Olivier Todd, trong tác phẩm đã dẫn, trang. 157.

6. Để phát triển thêm về điều này xem Ronald Rolheiser, “Đam mê và Thuần khiết, Passion and Purity” trong *Nhận thức tương phản và vô hạn, Against and Infinite Horizon* (London: Hodder & Stoughton, 1995), trang 39ff.

7. Nouwen, *Làm mới mọi chuyện: Lời mời gọi vào đời sống thiêng liêng, Making All Things New: An Invitation to the Spiritual Life* (San Francisco: Harper & Row, 1981), trang 51-53.

8. Lu-ca 20:27-40.

9. Sidney Callahan, “Tình dục và lối sống độc thân trong đạo Công giáo, Sex and the Single Catholic” trong *Phê bình, Critic*, Tháng 2 năm 1968, trang 50-59. (Những điểm nhấn mạnh là của tôi.)

10. Xem “Từ cô đơn đến cô tịch,” trong Nouwen, *Vươn ra ngoài, Ba Tiến trình của đời sống thiêng liêng (Reaching Out, The Three Movements of the Spiritual Life)*. Điểm khởi đầu cho bất kỳ thần học tính dục nào là “sống một mình thì không tốt,” rằng hôn nhân và hợp nhất tình dục là tiêu chuẩn cho những gì Thiên Chúa hoạch định.

11. Anita Brookner, *Các tình trạng biến đổi, Altered States* (Toronto: Vintage Canada, Random House, 1996), trang 197. Đó là chủ đề rất mạnh trong các quyển sách đầu tay của cô, đặc biệt trong *Toát yếu cuộc sống, Brief Lives*.

12. Để thấy những suy nghĩ của Merton về điểm này, xem John Howard Griffin, *Theo đuổi hoan lạc: Thomas Merton, Những năm ẩn dật, 1965-1968, Follow the Ecstasy: Thomas Merton, The Hermitage Years, 1965—1968* (Fort Worth, Texas: JGH Editions / Latitudes Press, 1983).

## Chương Mười

1. Henri Nouwen, *Trò hề ở Roma: Suy gẫm về Cô tịch, Độc thân, Cầu nguyện và Chiêm niệm, Clowning in Rome: Reflections on Solitude, Celibacy, Prayer, and Contemplation*, (New York: Doubleday, 1979), trang 70-71.

2. 1 Các Vua 19: 1-8.

3. Henri Nouwen, *Chiêm ngưỡng nét đẹp của Chúa: Cầu nguyện với các biểu tượng, Behold the Beauty of the Lord: Praying with Icons* (Notre Dame, South Bend, Ind: Ave Maria Press, 1987), trang 11.

4. Được cho là của Karl Rahner, nhà thần học người Đức mất năm 1984.

5. Henri Nouwen, các chương đầu quyển sách *Tính mật thiết: Tiểu luận về Tâm lý Mục vụ, Intimacy: Essays in Pastoral Psychology* (San Francisco: Harper and Row, 1969).

6. Tông đồ công vụ 17: 28

7. Robert Moore là chuyên gia thuộc trường phái Jung, được cả thế giới biết đến như nhà phân tích, diễn thuyết và nhà văn. Đồng thời, ông cũng có uy tín trong các ngành học như giao thoa văn hóa, tôn giáo so sánh, và tâm linh nhân loại. Ông cũng là một trong những người gây dựng chính ngành tâm linh nam tính. Hiện ông đang làm việc ở Đại học Chicago.

Đối diện với chất vấn về sự cần thiết của lời cầu nguyện cho linh hồn, tôi khuyên các bạn đọc loạt sách về tiềm lực nguyên thể trong nhân cách con người (ví dụ, King, Warrior, Magician, Lover (với Douglas Gillette) (New York: Harper và Row, 1990), nhưng đặc biệt một loạt các cuộc nói chuyện với tựa đề: *Tâm lý học trường phái Jung và tâm linh nhân loại: Giải phóng khỏi cách thức sống bộ tộc trong đời sống tôn giáo, Jungian Psychology and Human Spirituality: Liberation from Tribalism in Religious Life*, có thể tìm thấy ở LIMBUS, PO Box 364, Vashon Island, WA 98070.

8. Nouwen, *Gracias! Một nhật báo Mỹ La-tinh, Gracias! A Latin American Journal* (San Francisco: Harper và Row, 1983), trang. 69. (Điểm nhấn mạnh là của tôi.)

9. 1 Thê-xa-lô-ni-ca 5:17.

10. Lu-ca 2: 51.
- 11 Lu-ca 22 : 39-46 và các văn bản song song
12. Lu-ca 24: 26.
13. Lu-ca 23: 34.
14. Một châm ngôn thách thức với ngôn ngữ của Chương trình Mười hai bước.
15. Ruth Burrows, *Hướng dẫn cho cầu nguyện thần bí, Guidelines for Mystical Prayer* (Danville, N.J.: Dimension Books, 1980).
16. Tin mừng theo thánh Mác-cô 3: 22-30
17. Gio-an 9: 1-40.
18. Mát-thêu 18: 20
- 19 William Stafford, “Một lễ nghi để đọc cho nhau, A Ritual to Read to Each Other” trong *Cửa Cửa hàng hài cốt tả tơi của tâm hồn, The Rag and Bone Shop of the Heart*, do Bly, Meade, và Hiliman hiệu đính, trang 233.
20. Julian thành Norwich, trong tác phẩm đã dẫn, trang 10.
21. Sáng Thế 1.
22. Mát-thêu 3: 13-17; Mác-cô 1: 9-11 và Lu-ca 3: 21-22.
- 23 Nouwen, *Người con hoang đang trở về, The Return of the Prodigal Son*.
- 24 Julian thành Norwich, trong tác phẩm đã dẫn trang 13